

THÍCH NHƯ ĐIỂN

KHÓA
TU HỌC PHẬT PHÁP
ÂU CHÂU KỲ IX

TỪ 31.07 ĐẾN 09.8.1997 TẠI PFAFFENHOFEN - ĐỨC QUỐC



TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC XUẤT BẢN 1997

THÍCH NHƯ ĐIỂN
THƯ VIỆN CHÙA VIÊN GIÁC
Karlsruher Strasse 6
30519 Hannover - GERMANY
Tel. 0511 - 879630-12 Fax 0511 - 8790963

KHÓA

TU HỌC PHẬT PHÁP

ÂU CHÂU KỲ IX

từ 31.07 đến 09.8.1997

tại Pfaffenhofen - Đức Quốc



- Viên Giác -

Mục Lục

- Lời vào sách	4-13
CHƯƠNG MỘT Sự hình thành của Giáo Hội Phật Giáo VNTN	14-35
CHƯƠNG HAI Bản nội quy của Giáo Hội PGVNTN Âu Châu và thành phần Ban Điều hành của Giáo Hội	36-102
CHƯƠNG BA Giải đáp những thắc mắc	103-167
CHƯƠNG BỐN Khóa Giáo Lý Âu Châu Kỳ 9 Kinh Hoa Nghiêm Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Phẩm Tịnh Hạnh thứ 11	168-294
LỜI KẾT	295-299
HÌNH ẢNH	300-344

LỜI VÀO SÁCH

Hôm nay là ngày 29 tháng 4 năm Đinh Sửu, nhằm ngày 4 tháng 6 năm 1997, sau khi trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, tọa thiền và kinh hành nhiều Phật nơi chánh điện, tôi trở lại thư phòng và bắt đầu viết quyển sách này vào lúc 7 giờ 15 sáng.

Trời hôm nay đẹp lắm, nhìn qua cửa sổ, thấy bầu trời thật xanh, ánh thái dương chiếu thẳng vào thư phòng, làm cho ánh sáng được tăng lên gấp bội. Tôi nhìn lên tờ lịch, thấy ngày này cũng rất tốt, nên rất thuận tiện cho việc thực hiện quyển sách thứ 23 này. Ngày xưa các cụ đồ nho, mỗi khi khai bút cũng thường hay lựa những giờ và ngày tốt vào đầu năm âm lịch, còn tôi không có lệ đó. Vì việc viết lách trở nên bình thường và đều đặn hàng ngày, hàng tháng. Tuy nhiên nếu có một công việc gì đó to lớn, ngoài tầm tay của mình, tôi vẫn thường hay xem lịch, để cầu tha lực của chư Phật và chư Bồ Tát gia hộ.

Mỗi ngày chỉ có 24 tiếng đồng hồ. Nếu ai biết tận dụng trong 24 giờ ấy, thì làm được không biết bao nhiêu việc. Nếu những người không có định hướng và mục đích, thì thời gian đối với họ không có ý nghĩa gì cả. Thời gian trôi qua nhanh lắm; mới trẻ đó, đã thấy già rồi. Mới ngày nào đó còn lanh lẹ trong mọi công việc; nhưng thời gian trôi qua sẽ làm cho người ta đi lùi dần vào dĩ vãng. Cho nên ngạn ngữ Anh mới có câu: *Thời gian*

và thủy triều không chờ đợi ai" là vậy. Cái gì đã trôi qua, không bao giờ lập lại y hệt giống như lần đầu nữa. Vì vậy tôi rất trân quý thời gian. Vì thời gian rất vô tình, không thương tiếc một ai cả. Nếu ta biết lợi dụng nó, thì việc của ta sẽ thành tựu. Vì sự già, sự chết không đợi chờ người nào hết cả.

Có một câu đố được nêu ra như sau:

Con vật gì mà sáng đi 4 chân, trưa đi 2 chân, chiều đi 3 chân và tối đi 8 chân?

Câu hỏi nghe hơi lạ; nhưng tựu chung lại chỉ có 2 điểm cần phải lưu tâm đến. Đó là thời gian: sáng, trưa, chiều và tối và đó là con vật chứ không phải sự vật. Nói gọn lại là con người trải qua các giai đoạn của cuộc đời. Vì sao vậy?

Buổi sáng được ví như thời gian đầu đời của đứa trẻ sơ sanh, lúc mới biết bò thì phải đi cả 2 tay và 2 chân, nên gọi là 4 chân. Đến khi lớn khôn thành đạt với cuộc đời, ta chỉ đi có 2 chân vào đời và dùng đầu óc để phán đoán sự việc, rồi lập nên công nghiệp với đời. Để một ngày nào đó, vào lúc hoàng hôn, ai rồi cũng phải già cả. Lúc ấy chẳng còn ai là bạn của mình nữa, chỉ còn có cây gậy mà thôi. Thế là ta đã bước ra khỏi cuộc đời này bằng 3 chân rồi đấy. Có nhiều người bảo, sanh con cho nhiều để sau này già cả nhờ vào nó; nhưng điều ấy là một sự lầm lẫn to lớn. Vì lúc nhỏ ta nhờ vào dòng sữa ngọt của mẹ; lúc về già ta chỉ nhờ cây gậy, chứ rất hiếm người nhờ được vào con. Vì con cái còn phải lo riêng cho gia đình của chúng nữa. Cũng có những người con hiếu thảo, lo cho cha mẹ lúc về già rất chu đáo; nhưng số này rất hiếm. Ngay cả thời đại hoàng kim, lúc nho gia được trọng vọng, Khổng Tử hiện thế mà chỉ có 24

gương hiếu hạnh và 72 người hiền trong đời để làm gương cho hậu thế noi theo mà thôi.

Rồi một ngày nào đó con người này phải ra đi. Lúc ấy không còn ai bên mình nữa. Chỉ còn 4 người khiêng quan tài mình ra nghĩa địa để chôn. Không phải đi 8 chân là gì.

"Con người là một cây sậy; nhưng cây sậy có lý tưởng".

Đó là câu nói của Pascal cũng có ý nghĩa lắm chứ. Hay con người là một sinh vật; nhưng sinh vật có lý trí. Vậy thì thể xác này nó có đáng giá là bao! cũng chẳng quan trọng gì cả. Điều cốt yếu là nơi tinh thần mà thôi. Thế mà đã có biết bao nhiêu người lo trau dồi thể xác cho sạch sẽ và thơm tho; nhưng mấy ai lo cho tâm mình được hướng thượng! Có chứ! nhưng rất hiếm.

Bởi vậy thời gian đối với tôi rất quý. Lúc nào cũng xử dụng đúng mức để làm một cái gì đó cho mình, cho Đời và cho Đạo. Có nhiều người không thích văn chương hay đạo đức, thì họ chẳng bao giờ nhìn đến sách vở của người khác. Vì họ bảo: tốn thì giờ; nhưng ngược lại họ có rất nhiều thì giờ cho những cuộc họp đêm; những canh bài, những trận cười vui thâu đêm suốt sáng.

Lễ Phật Đản năm nay, năm 2541 Đức Phật Đản Sanh, có vô số người về chùa tham dự từ ngày 23 đến 25 tháng 5 năm 1997 vừa qua. Có người nói gấp đôi năm trước. Có người dự đoán khoảng 6.000 người. Nếu quả vậy, đây là con số kỷ lục, từ xưa đến nay chưa từng có. Cả sân chùa rộng thênh thang mà cũng đầy người, dưới Hội trường, trên Chánh điện, nhà Đông, nhà Tây, nơi nào cũng người là người. Đây là một truyền thống rất tốt đẹp mà người Phật Tử nên cố giữ gìn, cho mình và cho cả

những thế hệ trong tương lai. Trong mấy ngàn người đó có thêm mấy trăm người Đức, người Thái, người Nhật, người Đài Loan và Hồng Kông. Kể ra cũng rất vui. Vì Phật ra đời không những chỉ cho người Á Châu không, mà cho cả thế giới và nhân loại nữa. Nên ngày Phật Đản và ngày Vu Lan đã quy tụ được nhiều người như vậy.

Ai chưa quen tổ chức, nhìn một công việc như thế, nào lo chỗ ăn chỗ nghỉ cho hàng ngàn người không phải là chuyện đơn thuần. Ai không quen với đám đông, sẽ dễ bị ngộp thở. Ai không quen với sự chịu đựng, sẽ dội ngay từ lúc ban đầu; nhưng những gì đã trở thành thói quen và dần dần đi vào nề nếp hay tập quán của mọi việc, thì chính việc ấy lại là việc bình thường. Cho nên trong luận Bảo Vương Tam Muội có dạy rằng: "*Nếu chấp nhận trở ngại thì sẽ trở nên thông suốt. Ngược lại chỉ cầu thông suốt, thường hay bị trở ngại*". Đúng là như vậy. Việc gì nó xảy ra, hãy để cho nó tự nhiên đến, rồi tự nhiên đi, tâm ta cố gắng đừng để cho nó dính mắc vào đó, mới là điều đáng nói. Điều ấy không phải dễ làm; nhưng không phải là không có người làm được. Ví dụ như chúng ta đứng trước một công trình đồ sộ, có người sẽ than rằng: Với sức người làm sao có thể làm được việc đó! nhưng họ quên đi rằng, kết quả mà họ thấy được đó, đâu phải chỉ một ngày, mà mỗi ngày một chút, mới thành tựu như thế. Điều quan trọng ở đây là chúng ta có muốn bắt đầu hay không? Chúng ta có muốn xắn tay áo bắt tay vào việc hay không? Đó mới là điều đáng nói. Còn nhìn sự việc để phê bình, mà không chịu hạ thủ công phu thì mục đích sẽ không bao giờ tới được.

Việc tổ chức có được thành tựu như thế là nhờ vào mọi người đã hết lòng lo cho việc chung và cũng nhờ vào sự sửa đổi hàng

năm, nếu điều ấy không thích hợp với lòng người và sự việc. Những năm trước đây khi còn ở quê nhà, có lẽ đã bị ảnh hưởng của Sư phụ trao truyền lại trong việc tổ chức, khi ra hải ngoại, có cơ hội đi khắp nơi, nên học hỏi được rất nhiều điều hay, điều tốt; nên mới đem về áp dụng cho chùa Viên Giác tại đây. Mỗi người sinh ra trong đời này đều có một nhân duyên cả. Kẻ giỏi toán, người giỏi văn chương, triết học hay khoa học. Kẻ thì giỏi về ngoại giao, ngôn ngữ, tổ chức. Người thích đắm mình vào sách vở nghiên cứu v.v... Ở mỗi người như thế chúng ta sẽ học được ít nhiều cái hay, cái đẹp của họ đem về làm của mình. Đó là một sự tổng hợp. Còn cái dở, cái xấu thì hãy bỏ đi; nhưng thông thường con người hay thấy cái dở, cái xấu của người khác dễ hơn thấy cái tốt của họ. Hóa ra như thế chẳng khác nào chúng ta chỉ thu thập cái xấu của người, rồi tâm ta cũng sẽ ẩn tàng những sự xấu mà thôi, rồi cái xấu ấy sẽ tiếp tục phát triển mãi. Điều ấy chẳng lợi ích gì, mà chúng ta phải làm ngược lại như thế mới đúng.

Tôi đã tham gia nhiều hội nghị Phật Giáo trên thế giới như tại Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Đại Hàn, Mỹ quốc v.v... cả người Việt lẫn người địa phương tổ chức, nên cũng đã học hỏi được khá nhiều kinh nghiệm. Dĩ nhiên phương tiện tài chánh và nhân sự của chúng ta không bằng những nước đang phát triển và giàu lòng tin như Đài Loan tại Á Châu; nhưng cũng có những điều ta có thể làm được trong điều kiện có thể của mình. Tổ chức là hình thức bề ngoài để đi vào nội dung của cuộc họp, hay nội dung của sự việc mà người tổ chức muốn giới thiệu đến mọi người. Nên cả hình thức lẫn nội dung đều rất quan trọng.

Từ năm 1984 chùa Viên Giác đã tổ chức an cư kiết hạ từ Rằm tháng Tư sau lễ Phật Đản đến Rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan,

mỗi năm 3 tháng như thế. Mục đích để giữ lại truyền thống xa xưa khi Phật còn tại thế, để huân tu chánh niệm và tạo cho người Tăng sĩ có một đời sống nội tâm vững vàng hơn. Ngoài ra, đây cũng là cơ hội để Phật Tử tại gia có cơ duyên đến chùa Thọ Bát Quan Trai Giới. Như đó, chùa Viên Giác đã tổ chức nhiều năm liên tục khóa Giáo Lý căn bản cho Phật Tử trong vòng 10 ngày. Trong thời gian này có nhiều người về chùa tu học, không khí trang nghiêm và thanh tịnh của chùa, đã làm cho nhiều người mến cảnh thiên môn; nên sau đó cũng có một số người phát tâm xuất gia học đạo.

Trong khi đó chùa Khánh Anh tại Pháp cũng tổ chức những khóa Giáo Lý tương tự như vậy và học viên khắp Âu Châu về học cũng như tu. Sau một thời gian nghiên cứu, một số quý Thầy trong Giáo Hội Âu Châu đề nghị là nên lấy khóa giáo lý tổ chức tại chùa Khánh Anh đổi thành khóa Giáo Lý Âu Châu và mỗi năm tổ chức tại một nước khác nhau. Mỗi lần tổ chức như thế có 2 hoặc 3 trình độ khác nhau được lồng vào đó và giảng sư là quý Thầy trong Giáo Hội, hoặc mời thêm quý vị giảng sư từ các châu khác đến. Sau 5 khóa học do chùa Khánh Anh tổ chức, bắt đầu trở lại bằng khóa **Tu Học Phật Pháp Âu Châu** kỳ 1, rồi kỳ 2 và năm nay là kỳ 3 được tổ chức tại nước Đức. Sau 9 năm tổ chức tại nhiều nước khác nhau như Thụy Sĩ, Pháp, Đức, Đan Mạch, Hòa Lan, Bỉ, bây giờ Giáo Hội Âu Châu đã có một lực lượng giảng sư rất hùng hậu và đặc biệt là lòng tin của người Phật Tử vào giáo lý của Đức Phật rất sâu sắc và thuần thành. Trong mỗi khóa học như thế quy tụ từ 300 đến 500 học viên và được chia ra làm 4 lớp.

Lớp 1 dành cho chúng xuất gia;

Lớp 2 dành cho các em Oanh Vũ;

Lớp 3 dành cho người mới vào đạo, chưa hiểu rành rẽ giáo lý; và

Lớp 4 là lớp của những người chuyên nghiên cứu sâu vào kinh điển của Phật Giáo.

Mỗi năm như vậy quý Thầy hướng dẫn một bộ kinh khác nhau, nên học viên không bắt buộc phải tham gia liên tục. Nếu học viên không có thì giờ, có thể tham gia bất cứ lúc nào cũng được, mà bài vở và kiến thức không phải là điều chướng ngại cho sự học.

Sau khi Giáo Hội Âu Châu đã quyết định chung như vậy, nên những khóa Giáo lý Căn bản tại các địa phương cũng dần dần nhập chung vào với khóa Giáo lý Âu Châu, chỉ trừ một vài địa phương xa như Na Uy, cứ theo truyền thống, mỗi năm đều tổ chức khóa Giáo lý mùa Đông, trong mùa lễ Giáng Sinh, thì không thay đổi và quý Thầy trong Giáo Hội cũng về đây để giảng dạy.

Nhưng Phật Giáo càng ngày càng phát triển và nhu cầu học hỏi mỗi ngày mỗi nhiều, nên bắt đầu từ năm 1997 trở đi, những khóa giáo lý lại được phân định như sau:

Mùa lễ Phục Sinh, 4 ngày dành riêng cho Gia Đình Phật Tử Đức Quốc, học tại chùa Viên Giác.

Mùa lễ Thăng Thiên được tổ chức mỗi năm tại Đức và sẽ thỉnh quý Thầy trong Giáo Hội Âu Châu về giảng dạy.

Khóa này mỗi năm sẽ thay đổi đến một địa phương có Chi Hội Phật Tử tại xứ Đức. Còn khóa Giáo Lý Âu Châu vẫn giữ nguyên, có nghĩa là vào mỗi mùa Hè, các học viên đều có thể

tham gia với học viên Âu Châu. Đây là một điểm chung có được sau khi làm Phật sự tại Âu Châu này hơn 20 năm qua. Dĩ nhiên từ đây đến tương lai xa, 10 hay 20 năm nữa, sẽ có nhiều thay đổi để phù hợp với chương trình cũng như hoàn cảnh của mỗi thời đại. Đó là điều cần phải lưu tâm và không thành viên nào trong Giáo Hội mà lại không tán đồng về việc này. Vì tổ chức có kiện toàn, mới có phát huy và sáng tạo. Nếu không, tổ chức chỉ còn là vấn đề hình thức, trong khi đó nội dung lại không theo kịp sự phát triển ở bên ngoài. Quả đây là điều rất đáng trách.

Năm nay mặc dù không được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức để in quyển sách này; nhưng tôi vẫn cố gắng để viết cho xong tác phẩm thứ 23 trong mùa An Cư Kiết Hạ năm nay và nhằm ghi lại cách tổ chức, sắp đặt, hình thành của Giáo Hội cũng như khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 và đây cũng là cơ hội để trả lời thêm một số câu hỏi căn bản về giáo lý cho các học viên đã tham dự các khóa trước, nhằm để phổ biến rộng rãi đến với những người không có cơ hội đi tham dự các khóa giáo lý cũng có được một cái nhìn tổng quát về việc tu cũng như việc học tại Âu Châu này.

Một số sách của tôi viết đã được chính mình, hay một số quý anh em Phật Tử đã dịch ra Đức ngữ đã và đang được một số Đại Học tại Đức và Áo sử dụng cho các Sinh Viên học về Tôn Giáo học dùng làm tài liệu khi nghiên cứu về Phật Giáo Việt Nam. Vì vậy, nếu thời gian cho phép, tác phẩm này tôi cũng sẽ cho dịch ra Đức ngữ để phổ biến trong giới người Đức. Bằng ngược lại, nếu sách dày quá, chỉ cho ấn hành phần Việt ngữ mà thôi. Nếu sau này có cơ hội sẽ dịch sang tiếng Đức.

Xin cảm ơn tất cả mọi ân nghĩa có được trong cuộc sống, như chỗ ở, cơm ăn, áo mặc, thuốc thang, sách vở v.v... để tôi có cơ hội mà trang trải trong lòng mình lên giấy trắng mực đen, đem sở học nông cạn của mình mà bày ra cho mọi người thấy, không phải để khoe khoan mà thực hiện tâm vị tha cũng như lòng từ bi đối với người khác cũng như muôn loài, chứ không mong một ý nghĩa nào khác. Ví như con tằm phá nhả tơ, dầu cho tơ ấy xấu hay đẹp, cũng chỉ xin làm bốn phận của mình mà thôi. Tôi không là văn sĩ; nhưng những điều hiểu biết không muốn giữ cho riêng mình, nên sẽ gởi gắm tâm sự, tấm lòng của mình vào đây và nhằm giới thiệu đến với mọi người những công việc đã cũng như đương và sẽ xảy ra trong cuộc sống của người Phật Tử tại xứ này.

Ơn cha, nghĩa mẹ, công Thầy dạy dỗ vốn là những ơn nặng khó quên. Thiết nghĩ đây cũng là một sự đáp đền trong muôn một, đối với bậc sanh thành và Thầy Tổ. Ơn xã hội, quốc gia, đàn na thí chủ cũng là những ơn mà mình không thể quên được, nên phải cố gắng làm một cái gì đó để đáp đền. Vì thế, nếu tác phẩm này có được lợi ích nào xin hồi hướng đến mọi người và mọi loài được cộng hưởng với thành quả đó.

Cũng xin hồi hướng phước báu này đến những người cận sự, dầu gần cũng như xa đã vì tôi, vì chùa, vì Đạo mà quý vị đã san sẻ, chia xẻ, giúp đỡ về mọi phương diện để tác phẩm này được hình thành như: đọc bài, đánh máy, trang trí, in, ấn, dịch thuật v.v... quả là một công việc cần rất nhiều hơn sự và thời gian. Vì vậy xin chân thành đa tạ tất cả.

Lời cuối cho các đệ tử xuất gia cũng như tại gia, ở đây cũng như một chốn nào trên trái đất này, quý vị đã vì tôi mà phát tâm học đạo, quy y, thọ giới, thì phước báu này cũng xin hồi hướng

lên Tam Bảo chứng minh và gia hộ cho quý vị được sở cầu như nguyện.

Nếu trong tác phẩm này có những điều nào còn khiếm khuyết, kính mong các bậc tôn túc chỉ bảo cho. Xin vô vàn cảm tạ.

*Viên Giác Tự, mùa An Cư Kiết Hạ năm Đinh Sửu, 1997, tại
thủ phòng chùa Viên Giác.*

Tác giả cần chí - **Thích Như Điển**

CHƯƠNG MỘT

SỰ HÌNH THÀNH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU.

Danh từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được ra đời tại Việt Nam năm 1964, sau khi cuộc Cách Mạng ngày 1 tháng 11 năm 1963 thành công. Quân đội đã đứng lên lật đổ chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm và san bằng mọi bất công giữa các tôn giáo lúc bấy giờ. Ngày đó là ngày mà những người Phật Tử nói riêng hay người Việt Nam nói chung đều vui mừng hớn hở, mở rộng tấm lòng để đón chào những vận hội mới cũng như cố gắng đóng góp phần mình vào sự chuyển hóa của dân tộc.

Khi tranh đấu với chính quyền Ngô Đình Diệm, Phật Giáo Việt Nam đã vận động các giáo phái khác của Giáo Hội hiện có mặt tại Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ để chống lại sự kỳ thị tôn giáo của gia đình họ Ngô. Sau khi cách mạng thành công, các giáo phái này đã ngồi lại với nhau tại chùa Xá Lợi và thành lập cũng như soạn thảo bản Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Những đoàn thể ấy gồm các vị đại diện như sau:

- Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết,

Thượng Thủ Hội Chủ.

- Hòa Thượng Thích Tâm Châu,

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.

- Hòa Thượng Thích Tâm Giác,

Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

- Hòa Thượng Thích Minh Trục,

Pháp Chủ Thiền Định Đạo Tràng.

- Hòa Thượng Thích Pháp Tri,

Giáo Hội Nguyên Thủy Việt Nam.

- Lục Cả Lâm Em,

Tăng Trưởng Theraveda.

- Thượng Tọa Thanh Thái,

Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại Miền Nam.

- Hòa Thượng Thích Huyền Quang,

Giáo Hội Tăng Già Trung Phần.

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa,

Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

- Ông Mai Thọ Truyền,

Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt.

- Ông Nguyễn Văn Hiếu,

Hội Trưởng Hội Phật Giáo Nguyên Thủy.

- Ông Sơn Thái Nguyên,

Phật Tử Theravada.

- Hòa Thượng Thích Trí Quang,

Hội Trưởng Hội Phật Giáo Trung Phần.

- Ông Vũ Bảo Vinh,

Hội Trưởng Hội Việt Nam Phật Giáo.

(Phật Giáo Việt Nam 1963 - trang 182 và 183)

Nhìn chung thành phần cốt cán của tổ chức gồm có 2 Giáo Hội chính. Đó là Giáo Hội Tăng Già Bắc, Trung, Nam và Giáo Hội Nguyên Thủy cùng một số Hội Phật Giáo khác. Chữ **Thống Nhất** ở đây có nghĩa là thống nhất trong việc đấu tranh, ý chí; thống nhất Nam-Trung-Bắc về lãnh vực các giáo phái đã vì sự tồn vong của Đạo Pháp mà đã ngồi lại bên nhau để tranh đấu cho đến ngày được thành công viên mãn, mang chân lý trở về với bản thể uyên nguyên của nó.

Đến năm 1964 khi ông Nguyễn Khánh làm Thủ Tướng chính phủ thì bản Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được ra đời.

Từ năm 1964 đến năm 1975, chỉ có 11 năm trời; nhưng Phật Giáo tại Miền Nam đã xây dựng được rất nhiều cơ sở như: Viện Đại Học Vạn Hạnh (1964), Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội và rất nhiều trường Trung, Tiểu học Bồ Đề có mặt khắp Trung, Nam. Nơi nào cũng có trường học, bệnh xá của Phật Giáo và người Tăng sĩ hiện diện khắp nơi ở nhân gian dưới nhiều hình thức khác nhau như: dạy học, làm văn hóa, dạy sinh ngữ, văn chương, thuyết pháp, tổ chức, tiếp dẫn, hộ niệm, cố

vấn v.v... và v.v... Trong thời gian này và trước đó Giáo Hội cũng đã đào tạo được những bậc chân tu thực học, có bằng cấp cao để phụ giúp Giáo Hội trong công việc hoằng pháp cũng như giáo dục tại quốc nội. Trong thời ấy Giáo Hội đã gửi chư Tăng, Ni ra ngoại quốc du học và sau đó có một số vị trở về phục vụ cho Giáo Hội. Một số các vị khác bị kẹt tại ngoại quốc vào thời điểm 1975 chưa xong học vị của mình, cho nên đã tiếp tục ở lại ngoại quốc và hoạt động Phật sự cho đến ngày nay.

Thời gian sau năm 1963 của Phật Giáo Việt Nam cũng tương tự như thời gian 1868 của Nhật Bản, khi mà ông vua Minh Trị lên cầm quyền bính muốn phế Phật và tôn Thần lên địa vị độc tôn của quốc gia và Phật Giáo Nhật Bản đã nhân cơ hội ấy, họ đã đưa người ra ngoại quốc du học và sau đó về lại Nhật Bản để xây dựng Giáo Hội, nhờ thế mà ngày nay Giáo Hội Phật Giáo Nhật Bản có hơn 50 cơ sở Đại Học và vô số các trường Trung Học cũng như các cơ sở từ thiện khác. Nhiều khi sự biến đổi, có lúc trở thành tốt, mà cũng có lúc đổi thành xấu, nếu như chính mình không nắm bắt được sự thay đổi của thời đại.

Từ năm 1963 đến 1975 quả là một thời gian quá ngắn so với một lịch sử dài gần 2000 năm với sự góp mặt của Phật Giáo; nhưng trong thời gian này đã xảy ra không biết bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu sự việc mà mỗi khi muốn nhắc lại, chắc phải tham khảo hàng trăm đến hàng ngàn quyển sách mới đầy đủ được. Dân tộc Việt Nam vốn dẻo dai chịu đựng nhiều nỗi khổ đau trong quá khứ. Nào bị người Trung Hoa đô hộ, nào bị Chiêm Thành đánh phá ở phương Nam, rồi người Pháp đến. Sau khi họ đi, Nhật lại vào, rồi Nga, rồi Mỹ, rồi còn gì nữa thì chưa biết; nhưng so ra với một hình hài mảnh mai như vóc dáng của một người mẹ gầy yếu, nước Việt Nam đã cưu mang quá

nhiều tâm sự và trăm nỗi đoạn trường. Vả chẳng đó là nghiệp dĩ mà dân tộc Việt Nam, Đạo Pháp Việt Nam và Đất Nước Việt Nam phải chịu đựng như thế để trả nghiệp. Mỗi một con người sanh ra nơi một đất nước, chịu cực khổ chung với dân tộc đó, hay hưởng phú quý vinh hoa hạnh phúc với mọi người cũng đều có nguyên nhân của nó cả. Bởi vậy cụ Nguyễn Du mới nói rằng:

" ...

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách bởi trời gần trời xa

Thiện căn vốn tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài ..."

Quả thật không sai chút nào cả. Đâu có ai tự ý mình đi tìm một nơi khổ sở để bước vào đâu; chẳng qua là nghiệp. Nhưng đã sinh ra làm người Việt Nam thì cái nghiệp chịu đựng có lẽ khá nhiều so với các dân tộc khác trên thế giới này chẳng?

Phật Giáo Việt Nam gắn liền với vận mệnh của Dân Tộc Việt Nam như thế, nên Phật Giáo đã dấn thân vào mọi lãnh vực để tranh đấu cho nguyện vọng của người dân, mà trong ấy đại đa số là Phật Tử. Rồi những cuộc tranh đấu năm 1966 và những cuộc tranh đấu tiếp theo nữa đã làm cho Phật Giáo trưởng thành; nhưng cũng chính vì các giai đoạn đấu tranh này, mà tiềm năng phát triển của Phật Giáo cũng bị ảnh hưởng không ít. Phật Giáo đã đi vào đời để hóa giải sự khổ đau của nhân thế; nhưng chính những năm tháng này chiến tranh đã leo thang, bom đạn của Nga, của Tàu, của Mỹ đã dội nát khắp quê hương Việt Nam làm đau lòng mẹ. Vì thế, đâu có đứa con nào được an

vui, khi thấy thân của mẹ mình bị giày xéo bởi ngoại bang dẫu. Vì lẽ ấy những phong trào vận động cho Hòa Bình của Việt Nam cũng đã được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hưởng ứng, bằng cách cử quý Thầy đi tham dự các Hội Nghị Phật Giáo trên thế giới, hay cử một số quý Thầy sau khi du học ở ngoại quốc, nên ở lại tại các nước có đông người Việt để vận động thế giới ủng hộ Việt Nam, nhất là tiếng nói của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, mà đại diện của Giáo Hội lúc bấy giờ là Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh, có cơ sở đặt tại Pháp.

Rồi năm 1973 hòa đàm Paris được chấm dứt với sự ký kết của 4 bên: Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Nhưng cả 2 bên đều không tôn trọng những gì đã ký kết để rồi đi đến ngày 30.4.1975 Miền Nam Việt Nam đã rơi vào tay của người Cộng Sản.

Từ năm 1954 đến năm 1975, trong hơn 20 năm ấy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã gửi quý Thầy, quý Cô ra ngoại quốc du học rất đông, nhiều nhất có lẽ là Nhật Bản và Ấn Độ. Những vị đến Nhật đầu tiên có cố Hòa Thượng Thích Tâm Giác, cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân và Thượng Tọa Thích Quảng Minh. Riêng ở Pháp lúc bấy giờ chỉ có kiều bào đông đảo, còn chư Tăng rất hiếm hoi. Ngoài Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh ra, có Hòa Thượng Thích Chơn Thường và năm 1973 sau khi xong chương trình Cao học Phật Giáo tại Đại Học Riso Tokyo, Nhật Bản, qua Giáo lệnh của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, nên Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã qua Paris, Pháp quốc, để hợp tác với Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh.

Ở tại Nhật, Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã làm Chi Bộ Trưởng trong nhiều nhiệm kỳ liên tục và sau khi Thượng Tọa đi Pháp thì chức vụ này được trao lại cho Thượng Tọa Thích Chơn

Thành. Lúc tôi đến Nhật năm 1972, thì Chi Bộ đã được thành lập mấy năm trước đó. Thời điểm 1972 trở đi có một số anh em Sinh viên Phật Tử muốn thành lập Hội Sinh Viên Phật Tử nên tôi được Chi Bộ đề cử lo cho họ về vấn đề tinh thần cũng như sinh hoạt của Hội Sinh Viên Phật Tử này.

Trong Chi Bộ lúc bấy giờ có 3 khuynh hướng khác nhau, đó là:

Khuynh hướng của Giáo Hội Phật Giáo Ấn Quang. Khối này chiếm đa số.

Nhóm thứ hai thuộc khuynh hướng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Việt Nam Quốc Tự. Danh từ này có từ năm 1966, khi mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước bị phân ly. Một bên rút về chùa Ấn Quang làm trụ sở chính, ở đường Sư Vạn Hạnh, Chợ Lớn, và một bên rút về Việt Nam Quốc Tự ở đường Trần Quốc Toản lúc bấy giờ. Từ đó trở đi nội tình của Phật Giáo Việt Nam có phần lung củng hơn những năm trước đó được thống nhất vào thời điểm của 1963 và 1964 cũng như 1965. Vì lẽ ấy mà tại ngoại quốc cũng có nhiều khuynh hướng khác nhau, và

Khuynh hướng thứ 3 có ý chấp nhận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam như là một lực lượng chủ chốt từ Miền Nam sinh ra để chống lại chính quyền quân nhân, của ông Nguyễn Văn Thiệu lúc bấy giờ; nhưng sau này ai cũng đã ngã ngựa ra và biết rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam chỉ là công cụ của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã gài người vào, nhất là sau ngày thống nhất 1976 vai trò của Mặt Trận này bị lu mờ thì bộ mặt thật của họ đã lộ nguyên hình. Do vậy một số

quý Thầy, Cô có khuynh hướng này sau năm 1975 họ có hai lối thoát:

- Lối thứ nhất, muốn o bế chính quyền cộng sản để được tồn tại và phát triển, và

- Lối thoát thứ hai, đối với những người có nhận thức đúng đắn thì trở về lại với tình tự dân tộc, không chấp nhận đường lối của người cộng sản chủ trương và họ chống đối chỉ có tính cách thụ động.

Nêu lên 3 khuynh hướng như thế để thấy rằng cái khó khăn của người ở ngoại quốc lúc bấy giờ cũng không khác cái khó khăn ở trong nước lúc ấy là mấy. Ở những điều kiện như thế, ở những hoàn cảnh như thế, Thượng Tọa Thích Minh Tâm vẫn được bầu làm Chi Bộ Trưởng những năm Thầy ở Nhật từ 1968 đến 1973. Đó không phải là điều tài giỏi, mà là một con người có phương pháp lãnh đạo. Đến khi Thượng Tọa Chơn Thành làm Chi Bộ Trưởng thì 3 khuynh hướng này được phân chia rõ rệt, nhất là thời điểm 30.4.1975.

Tôi đã hân hạnh tham gia, góp mặt và chia sẻ những khó khăn đó từ năm 1972 đến 1977 trong thời gian ở Nhật, vì thế năm 1977 khi tôi sang Âu Châu, lúc bấy giờ chỉ có ý định sang Đức một thời gian rồi trở lại Nhật; nhưng nhờ có sự liên hệ với Thượng Tọa Thích Minh Tâm, nên tôi đã sang Paris nhiều lần từ năm 1977 đến 1980 để thỉnh ý Thầy trong nhiều công việc Phật sự khác nhau, nhằm phát triển Phật Giáo tại xứ Đức này.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày Miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, ngày đó tôi đang học năm thứ 2 ngành giáo dục tại Đại Học Teikyo (Đế Kinh) ở Tokyo, Nhật Bản, không biết phải làm gì khi nghe Sài Gòn bị thất thủ, nên tất cả các

Sinh viên Việt Nam du học tại Nhật lúc bấy giờ phải chạy lên Sứ Quán Việt Nam để thăm hỏi và gia hạn Passport. Cũng vì được gia hạn thêm 5 năm, cho đến ngày 30.4 năm 1980 mà với giấy tờ này, tôi đã được vào nước Đức ngày 22 tháng 4 năm 1977. Ngày ấy có không biết bao nhiêu tâm trạng được phơi bày. Kể nằm vùng xưa nay thì hớn hỏ, vui tươi, vì đã thành công như ý. Còn người tranh đấu cho tự do thì tiu nghỉu, buồn rầu. Cả một tương lai của thanh niên sinh viên lúc bấy giờ không biết hướng về đâu. Nếu bỏ lối sang hàng để theo chủ nghĩa mới, chẳng khác nào những kẻ đón gió trở cò. Nếu tiếp tục tranh đấu thì tranh đấu như thế nào đây? Còn ở lại Nhật có gặp khó khăn gì không? khi mà quyền lợi của người Nhật không đặt sự tồn vong với số người thấp cổ bé miệng như chúng tôi lúc bấy giờ nữa. Vì bài học Đông Du của cụ Phan Bội Châu hồi đầu thế kỷ thứ 20 này đã quá rõ rồi. Nhưng chẳng biết làm gì hơn là chờ đợi. Thế rồi cái gì đến phải đến. Sài Gòn mất, hay nói đúng hơn là cả Miền Nam Việt Nam đã ngập tràn trong lửa hận thù, chiến tranh, vui với men say của chiến thắng với thuốc súng, hòa lẫn với nhau, làm thành một ngày 30.4.1975 như cơn chuyển bụng của một sản phụ trong thời kỳ thai nhi chào đời nhưng rất khó sinh. Ngày ấy có lắm người vui, nhưng cũng đã có lắm kẻ buồn. Người chiến thắng thì huênh hoang tự đắc. Kẻ thua trận như bầy chim kên kên bị bỏ đói lâu ngày, phải lăm lăm đi kiếm ăn. Có kẻ hên, được đến bến bờ tự do một cách an lành, người xấu số đã làm mồi cho cá mập hay thú dữ rừng thiêng nơi sơn lâm chướng khí. Có không biết bao nhiêu người đã chết và cũng không thiếu những người đã sinh ra từ ấy đến nay; nhưng những hòn oan ức đó chắc chắn chưa có được một đại trai đàn để chiêu mộ các vong linh ấy về nơi Phật quốc.

Trong số người chạy loạn ấy cũng có một số chư Tăng của Giáo Hội, đã ra đi trước hoặc trong thời điểm 30.4.1975. Có nhiều vị cố ở lại nhà để giữ giềng mối của Đạo; nhưng kết cuộc cũng bị tù đày như cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh hay Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ và còn không biết bao nhiêu Tăng, Ni, Phật Tử khác nữa; nhưng tất cả đều vì vận nước nổi trôi, đâu có ai có thể đổ thừa cho ai là mình có toàn quyền làm cho dân giàu nước mạnh hay mất nước, mà trách nhiệm ấy phải quy vào tất cả mọi người chứ không phải chỉ riêng cho người nào cả.

Thời điểm 1975 tại Pháp đã có sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Hòa Thượng Thích Huyền Vi và Hòa Thượng Thích Thiên Định. Sau đó Hòa Thượng Thích Minh Lễ và Thượng Tọa Thích Phước Toàn từ Nhật Bản sang; nên số chư Tăng vào thời điểm 1975 lúc bấy giờ tại Pháp có lẽ đông hơn bất cứ nơi đâu trên thế giới. Những ngày đầu tiên các Ngài ở trên đất Pháp, chắc các Ngài cũng mong muốn làm một cái gì đó, sau một thời gian ngơi nghỉ để cho tâm hồn được thư thả, nhất là những ngày sau cùng của giai đoạn 30.4.1975 cũng đã làm cho quý Ngài không yên ổn chút nào. Tâm sự ấy có lẽ cũng như tâm trạng của chúng tôi đang ở ngoại quốc và đã chứng kiến ngày 30.4 năm ấy.

Thời gian chờ đợi trôi qua, các Ngài lại bắt tay vào việc; nhưng nhân sự bấy giờ không còn là nhân sự như trong nước nữa và luật pháp bấy giờ không còn là luật pháp của quê hương mình vào thời điểm 1975 nữa. Và ở đây tất cả đều bị lệ thuộc vào ngôn ngữ, tập quán, tại mỗi địa phương, mỗi nước mà người Việt Nam đến cư ngụ.

Lúc đầu quý Ngài chắc cũng muốn làm một cái gì đó cho Giáo Hội trong nước; nhưng khi đến Pháp hoặc các nước trên thế giới đều quá mới mẻ, xa lạ với phong tục tập quán nơi xứ mình và đặc biệt là lòng người chưa trở về một mối. Tại Pháp mặc dầu có rất đông người Việt thuở bấy giờ, đa số họ ra đi hồi còn chiến tranh Việt-Pháp, hoặc thời ông Diệm làm Tổng Thống. Một số đã trải qua 2 hay 3 đời con cháu sinh trưởng ra ở xứ này, nên đã bị lai Tây. Hoặc giả những người đi du học thời ông Diệm thì họ hay chơi với những người cùng hoàn cảnh và địa vị. Riêng trong thời ông Thiệu làm Tổng Thống cho đến cuối năm 1973, 1974 mới cho Sinh viên sang Pháp du học; nên số này cũng không nhiều, vả lại còn quá trẻ và họ phải lo chuyện học hành tại các Đại Học. Số người có tín ngưỡng cao và nhiệt thành với đạo, đa số là những người tuổi từ trung niên đến lão niên, mà ở Pháp lúc bấy giờ chưa nhận người tỵ nạn chính thức từ các đảo qua, nên đây cũng là một vấn đề nan giải lúc ban đầu. Có một số kiều bào sống lâu tại Pháp cũng có nhiều cơ sở kinh doanh, mà đa số là nhà hàng, cũng hỗ trợ một số quý Thầy và quý Chùa hay Niệm Phật Đường ở Pháp trong giai đoạn từ 1974 đến sau này; nhưng họ cũng không có nhiều thì giờ để đến học hỏi giáo lý, mà chỉ giúp cho quý Thầy có một ít phương tiện về vật chất trong những sinh hoạt hằng ngày mà thôi.

Năm 1973 khi tôi vào học năm thứ nhất phân khoa giáo dục tại Đại Học Teikyo, Đông Kinh, Nhật Bản, cũng là lúc mà Thượng Tọa Thích Minh Tâm rời Nhật để qua Pháp, làm việc chung với Thầy Thích Nhất Hạnh. Tôi nhớ ngày hôm tiễn biệt Thầy đi, tôi đã không có mặt, chỉ điện thoại từ nhà gare xe lửa Hachioji để cảm ơn Thầy đã cứu mang giúp đỡ tôi cho vấn đề

cố vấn và giới thiệu trong những năm qua về sự học hành cũng như tài chánh và giới thiệu với Thiền sư Ômori, để tôi có giấy tờ chính thức được ở lại Nhật, mặc dầu đã được Thầy Như Tạng, bạn đạo của Thầy Thích Bảo Lạc, lúc bấy giờ đang học về Chính Trị học tại Đại Học Meiji (Minh Trị) ở Đông Kinh lo lắng giúp đỡ cho tôi. Bây giờ Thầy Như Tạng là Tiến Sĩ và qua bao nhiêu sự đổi thay của thời cuộc, tôi đã gặp Thầy ở Úc trong những năm tháng gần đây và ân nghĩa lúc ban đầu Thầy ấy đã giúp tôi, không bao giờ tôi dám quên cả. Năm 1971 tôi có nhận được một bức thư của Thầy viết từ Đông Kinh, hướng dẫn tổng quát về những gì cần phải làm ở Việt Nam trước khi sang Nhật và bức thư ấy bây giờ tôi vẫn còn giữ. Năm nay 1997 tôi có mời Thầy sang dạy cho Chúng Lý tại Chùa Viên Giác từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 15 tháng 8 về Duy Thức Học Phật Giáo. Mặc dầu bây giờ Thầy không còn mặc áo nâu sồng nữa; nhưng tôi vẫn gọi Thầy và trân quý như những ngày đầu khi mới đến Đông Kinh. Nơi xa lạ ấy, cả một biển người với tóc đen, da vàng nhưng văn minh hơn Việt Nam. Ngày ấy, vào lúc 18 giờ chiều 22 tháng 2 năm 1972, tôi không bao giờ quên một may mắn trong tâm tưởng của mình. Tôi cố ý cho Thầy ấy biết mình, nên đã đội lên đầu một chiếc nón lá của quê hương và đi Sandal của miền nhiệt đới; nhưng đến đó vào lúc Đông sang nên cái lạnh buốt giá của gió đông thổi lùa qua cánh cửa của phi trường đã làm tôi đội ngược lại. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi, trong khi vừa để mắt vào hành lý của mình đang dần xoay trên thang máy ở trước mặt; nhưng cũng chẳng thấy ai ra đón mình. Trong đầu cứ lo nghĩ vẫn vơ. Mãi một hồi sau, có một người thanh niên vận âu phục, đầu để tóc dài và trò tới trước tôi, xưng là Như Tạng. Tôi vừa mừng rỡ, vừa ngỡ ngàng. Mừng vì nơi xa lạ này mình đã có người quen, mặc dầu trước đó chưa có lần

nào gặp gỡ, chỉ qua sự giới thiệu của Thầy Bảo Lạc. Trước đó, Thầy Như Tạng cũng ra đi du học từ Phật Học Viện Huệ Nghiêm -An Dưỡng Địa-, Chợ Lớn. Tôi chỉ là thế hệ đàn em, nên chỉ làm bổn phận của người đi sau và hay chấp hành những gì đã có sẵn. Vì vậy đôi khi tôi vẫn thường hay nói với đệ tử của tôi rằng: Tôi giống như con trâu đi cày, họ biểu đi thì mình đi, biểu dừng thì dừng, cho nghỉ ngơi thì mình nằm nghỉ, la thì mình nghe, khen thì mình cũng trong tư thế như vậy. Và quan niệm này tôi vẫn áp dụng cho đến ngày hôm nay; nhưng ơn nghĩa đối với tôi là một điều không bao giờ quên được, dầu cho người ấy đã giúp tôi bất cứ một việc nhỏ gì cho đời mình. Tôi không chối từ ân nghĩa và mang nó vào vai, công nó lên lưng đi dạo khắp trần gian này, nhất là đối với những người đã cho mình một hướng đi và giúp mình có một cái nhìn thực tế trong cuộc đời.

Đến Nhật quá bờ ngõ trong mọi phong tục tập quán lúc ban đầu; nhưng rồi cũng quen dần đi. Cho hay ở đời cái gì cũng thế. "*Vạn sự khởi đầu nan*" câu nói ấy chẳng sai chút nào và áp dụng vào thời điểm nào cũng đúng cả. Ở đâu quen biết, nơi đó chính là quê hương, là cuộc sống của mình; nhưng những nơi xa lạ, ta đều cho rằng chỗ tạm trú hay quê hương thứ hai, chứ không phải là cố hương hay nơi chôn nhau cắt rún của mình là vậy. Từ "quê hương" này nó mang đầy đủ ý nghĩa của nó. Chính nó đã nói lên được tất cả những gì mà một người xa quê cần phải có.

Trong thời gian này tôi được giới thiệu với quý Thầy trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật. Lúc ấy có Thầy Minh Tâm (nay ở Pháp), Thầy Chơn Thành, Thầy Nguyễn Đạt, Thầy Chơn Minh (nay ở Mỹ), Thầy Như

Tạng (nay ở Úc), Thầy Minh Tuyên, Thầy Giác Thiện (nay ở Nhật) và một số quý Thầy khác đến sau này, như Thầy Minh Tuấn (nay ở Mỹ), Thầy Bảo Lạc và Thầy An Thiên (nay ở Úc). Khi tôi đến, lúc bấy giờ cũng đã có Thầy Trí Quảng, Thầy Minh Lễ và đến năm 1975 thì có Thầy Phước Toàn từ Việt Nam sang; nhưng quý Thầy này không tham gia trực tiếp vào Chi Bộ Phật Giáo tại Nhật. Trước chúng tôi còn có các Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Hòa Thượng Thích Tâm Giác, Thượng Tọa Quảng Minh, Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa Thượng Thích Thiện Định, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, hoặc giả có một số quý vị ở xa Tokyo như Thượng Tọa Thích Trí Hiền, Thầy Trí Đức (hai vị này hiện ở Mỹ), và sau này tại Nhật có thêm một số quý Thầy sang với diện tỵ nạn như Thầy Chơn Lễ, hay sang du học như Thầy Trí Dũng và một số quý Thầy đệ tử của Thầy Minh Phát, do Giáo hội Nhà nước gởi đi. Kể theo chiều dài lịch sử thì có nhiều biến thiên đó; nhưng nhìn về chiều hướng phát triển thì cũng chỉ cho mục đích của Phật Giáo mà thôi. Tuy rằng có nhiều khuynh hướng khác nhau trong khi làm việc và hoạt động. Tuy nhiên nếu vị Tăng sĩ nào đó còn có nghĩa tình với Giáo Hội và bổn phận của một giai đoạn mà mình sinh ra và lớn lên đón nhận, thì dĩ nhiên phải có bổn phận để đền ơn trả nghĩa như 4 ơn nặng trong cuộc đời mà mình đã cưu mang thôi. Cho hay "*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*". Đó là một điều tất nhiên phải vậy; nhưng cũng có những bậc Thầy rất cương nghị, quyết không chịu thuận theo chiều dài hay sự vo tròn bởi hoàn cảnh ấy và đã đứng thẳng, đi ngay vào cuộc đời để tế thế an bang, lại cũng là một việc khác, để dành cho những người có bản lĩnh và hậu thế noi gương.

Từ năm 1954 đến nay, Tăng sĩ Việt Nam đến Nhật độ 50 người, đa số đều đi du học và vị nào cũng có bằng cấp tối thiểu là Cử Nhân và cao nhất là học vị Tiến Sĩ. Kể ra như thế cũng đã an ủi được phần nào cho Giáo Hội tại quê hương. Đa số ra đi, hoặc trở về nước, hay ngay cả khi còn ở ngoại quốc cũng đã làm xong bổn phận của mình, để đền ơn Tam Bảo đầu dưới bất cứ hình thức nào đó. Vì những ơn sâu nghĩa trọng ấy, đã mang danh là một Tăng sĩ thì không được phép quên. Tôi cũng nằm trong trường hợp ấy; nên cho đến nay vẫn còn gắn bó với Giáo Hội và mọi người, mặc cho sinh hoạt tại ngoại quốc ngày nay có rất nhiều đổi thay, không như tại quê hương đất nước của mình trong thời gian trước.

Năm 1968 từ quê hương Việt Nam quý Ngài trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã gửi ra ngoại quốc 3 tượng Phật, có ý chuẩn bị cho những công trình xây dựng chùa chiền của Phật Giáo Việt Nam tại ngoại quốc. Một tượng được gửi sang Ấn Độ, nay được tôn thờ tại chùa Việt Nam ở Bồ Đề Đạo Tràng; một tượng khác được gửi sang Pháp và nay đang thờ tại chùa Khánh Anh (Bagneux) và tượng thứ 3 được gửi sang Nhật, lúc bấy giờ thờ ở chùa Joenji (Thường Viên Tự) tại Tokyo. Năm 1980 tôi về lại Nhật và xin quý Thầy trong Chi Bộ cho thỉnh tượng này qua Đức và hiện tại tượng này đang thờ tại chùa Viên Giác, Hannover.

Sau năm 1989 Việt Nam và ngoại quốc được giao lưu, nên những Pháp Bảo trang trí và nhiều tượng Phật đã được gửi từ Việt Nam ra ngoại quốc, để trang nghiêm thêm các chánh điện mới tạo thành, trông càng ra vẻ Á Đông hơn; nhưng nhắc lại như thế để thấy tính cách lịch sử của từng giai đoạn, để người sau khi dở tìm lại những trang sách của người đi trước, có cơ

hội tra cứu và thẩm định lại, có lẽ sẽ được rõ ràng minh bạch hơn.

Năm 1974 tôi được biết là Niệm Phật Đường Khánh Anh được thành lập tại Acceuil, Pháp, do Thầy Thích Minh Tâm trụ trì. Năm 1977 khi tôi sang Pháp thăm, được nghe Bác Nhị, một kiều bào ở Pháp lâu năm lúc bấy giờ, kể rằng: Ngày an vị Phật, chùa không có một cái bàn hay cái ghế đồ gỗ ngồi. Bàn thờ Phật là một cái bàn cũ của nhà hàng, dùng để thái thịt trước khi nấu. Quả điều ấy cũng có chút ít không thanh tịnh thật; nhưng phương tiện của một người con Phật, lúc mới ra làm việc đạo như thế đó, có lẽ Phật cũng đã rất ngậm ngùi; nhưng Phật có lẽ cũng không buồn cho thân phận của những người Việt Nam, mà Phật luôn gần gũi chia sẻ những khổ đau của dân Việt. Vật xấu; nhưng tâm thanh tịnh thì vật kia có thể biến đổi thành tốt. Nhưng nếu vật tốt mà tâm không thanh tịnh thì vật kia cũng trở thành vật xấu như thường. Ví dụ như trong kinh Tú Thập Nhị Chương có đoạn nói rằng: Kẻ ác hại người hiền chẳng khác nào tung bụi ngược gió. Bụi không hại được người, mà lại hại chính mình. Hay một lời dạy khác của Đức Phật, như: Nếu đem tâm chánh mà làm việc tà, thì việc tà kia cũng thành việc chánh; còn nếu đem tâm tà mà làm việc chánh thì việc chánh kia cũng trở thành tà. Chẳng hay muôn sự tại tâm là vậy. Tâm làm chủ, tâm dẫn đầu các pháp. Lời dạy ấy không sai mảy may nào, dầu cho thời gian và năm tháng có trôi vào trong dĩ vãng hay sẽ đến trong tương lai, muôn đời vẫn như một.

Khi nghe như vậy lòng tôi không vui cũng chẳng buồn vì thân phận của những người Việt Nam xa xứ thuở bấy giờ nó cũng giống như thế thôi. Câu chuyện ấy đã 20 năm trôi qua mà Bác Nhị đã nói với tôi dưới gốc cây Anh Đào sau vườn chùa

Khánh Anh tại Bagneux ngày nay vẫn còn đó; nhưng mãi những năm sau này Bác đi đâu, hay đã trở thành người của thiên cổ, tôi không còn có cơ duyên gặp lại nữa. Bởi vậy chú Tô có dạy rằng:

"Sởn trung tự hữu thiên niên thọ

Thế thượng nan lưu bá tuế nhơn"

Nghĩa là:

Trong núi kia có cây sống đến ngàn năm

Nhưng đời người mấy ai được trăm tuổi"

Câu văn tuy ngắn ngủi; nhưng người xưa đã chỉ cho ta một triết lý của sự sống, đi thẳng vào tâm hồn. Cỏ cây vẫn còn xanh màu với tháng năm qua xuân, hạ, thu, đông; nhưng lòng người và sự cấu thành tử đại của nó, không bền chắc với thời gian là mấy. Đúng là cuộc đời vô thường thật. Có đó rồi mất đó. Tất cả các pháp hữu vi đều như sương sa, điện chớp, hoa đốm trong hư không là vậy.

Từ năm 1973 đến 1977 sau khi Thầy Minh Tâm sang Pháp, tôi vẫn liên lạc đều và đến năm 1977 khi tôi sang Đức, sau đó liên lạc liền với Thầy ấy, nên sự liên hệ ấy không bị gián đoạn và mãi cho đến bây giờ, sau hơn 20 năm làm việc chung cho Giáo Hội tôi vẫn coi Thầy ấy như bậc đàn anh khả kính, đôi khi cũng xem như vị Thầy của mình. Vì tôi quý trọng nhân nghĩa và những hy sinh của Thầy ấy cho việc chung. Dĩ nhiên con người, ai cũng có lầm lỗi; nhưng sự lầm lỗi ấy mỗi người tự sửa chữa lấy mình. Còn ta là người đối diện, nên nhìn và cũng chỉ nên nhìn phần tốt đẹp của họ mà thôi, để tâm ta được tự tại và nếu mọi người cũng chỉ tập trung nhìn những cái đẹp cái hay

của mọi người, thì chắc rằng xã hội này sẽ không có chiến tranh và thù hận, khổ đau ngày càng vơi đi rất nhiều.

Thời gian từ năm 1975 đến 1980 các chùa Linh Sơn, Quan Âm, Tịnh Tâm, Khánh Anh đã được thành lập tại Paris; chùa Pháp Hoa tại Marseille cũng được xây dựng trong thời gian đó; nhưng tôi vốn có liên lạc với Thượng Tọa Minh Tâm từ khi còn ở Nhật, nên tôi chỉ xin nói về chùa Khánh Anh và sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, mà không dám nói về các chùa khác nhiều. Vì lẽ những sử liệu tôi không rõ mấy. Trước đây, năm 1982 tôi có cho xuất bản quyển "**Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Trước và Sau năm 1975**"; nhưng thuở bấy giờ sử liệu chưa có; nên chỉ tóm lược đơn giản về lịch sử một số ngôi chùa tại ngoại quốc lúc bấy giờ và tiểu sử của một số quý Ngài hiện đang hoằng pháp đó đây tại ngoại quốc. Đến nay đã hơn 15 năm rồi, chùa chiền và Tăng sĩ đã tăng lên rất nhiều, có lẽ những năm sau này khi có thì giờ, tôi sẽ viết thêm một cuốn khác nữa, để bổ sung cho cuốn sách vừa rồi.

Năm 1977 chùa Khánh Anh chính thức dời về số 14 đường Henri Barbusse ở Bagneux. Lúc bấy giờ nơi đây chỉ có một ngôi nhà nhỏ xinh xắn. Bên trên dùng để thờ Phật, nay là phòng Computer và phòng tiếp khách. Bên cạnh là phòng Thầy trụ trì và dưới tầng hầm được sửa lại để làm phòng ăn, ấn loát, nhà tắm và nhà bếp. Thuở ban đầu cũng chỉ có thể thôi và Gia Đình Phật Tử Khánh Anh cũng được khai sinh ra từ đạo ấy. Năm nay kỷ niệm 20 năm, các anh chị em có mặt lúc bấy giờ đa số là những du học sinh Việt Nam từ Nhật sang đây năm 1975 và hiện tại họ vẫn còn sinh hoạt với chùa Khánh Anh. Các anh chị em này muốn mời tôi, ngoài sự hiện diện của Thầy Minh Tâm,

để kể cho họ nghe cũng như gặp lại những khuôn mặt ngày xưa, nhân kỷ niệm 20 năm, mà bây giờ có nhiều người sắp có dâu, rể và cũng chính họ, Thầy Minh Tâm và tôi đã cử hành lễ cưới cho họ tại ngôi chùa cũ này. Năm nay (1997) chùa Khánh Anh đang bắt đầu xây một ngôi chùa đồ sộ khác, cách Paris 30 cây số và có lẽ cũng trong 10 năm nữa mới xong; nhưng ngôi chùa ở Acceuil và ở Bagneux này vẫn là những nền tảng căn bản của Phật Tử tại đây nói riêng cũng như tại Âu Châu nói chung vậy.

Hồi đó quý Thầy tại Pháp cũng ít, nên mỗi lần Thầy Minh Tâm đi đâu, Thầy ấy thường hay nhờ tôi qua trông chùa cũng như giúp cho các nghi lễ, ma chay, cưới hỏi v.v... do vậy mà tôi đã quen với hầu hết quý Phật Tử của chùa Khánh Anh là vậy. Lúc ban đầu tôi có hướng dẫn cho họ về nghi lễ, giáo lý, thơ văn v.v... trong đó có những người như : Trung, Lộc, Lý, Vinh, Châu, Chũ, Thủy, Phượng, Lộc, Bà Điều, Bà Tú, Bà Kim, Bà Hiệp, Bà Grimaldhi v.v... và sau này các chú Phật Tử như: Tâm, Quân, Quý, Hà, Dung v.v... họ đã có cơ duyên gặp tôi từ thuở ban đầu và chính họ sau này đã xuất gia với Thầy Minh Tâm có Pháp danh là Quảng Đạo, Minh Phú, Chúc Nhuận, Diệu Trạng. Những người ấy bây giờ vẫn còn ở đây và đang phụ lục với Thầy Minh Tâm ở nhiều nơi tại nước Pháp.

Sau này khi Thầy Tuệ Minh, Thầy Minh Hạnh, Thầy Tánh Thiệt, Thầy Nhất Chơn và Thầy Thiện Huệ đến ở chùa Khánh Anh và phụ giúp trực tiếp cho Thầy Minh Tâm vào đầu thập niên 80 thì tôi lại lui về Đức để làm nhiệm vụ của mình, lo cho Phật Tử tại đây. Tuy nhiên những lễ lộc lớn như Phật Đản, Vu Lan hay những lễ hội gì đặc biệt tôi đều có mặt để giữ sự liên hệ đã có từ mấy chục năm nay là vậy.

Vào ngày 19 tháng 2 âm lịch năm 1979, nhân lễ vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa Khánh Anh đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây chánh điện bên cạnh ngôi nhà xưa, nay đang thờ Phật. Chánh điện không lớn lắm; nhưng lúc bấy giờ so với số tiền có được cũng như nhân sự, quả là một thành công và một sự cố gắng vượt bậc của Thầy ấy. Để rồi năm nay xây ngôi chùa Khánh Anh mới lớn gấp 10 lần, sau hơn 20 năm hoạt động tại Pháp cũng là điều hiển nhiên mà thôi.

Âu Châu lúc bấy giờ chỉ có Pháp là nơi có cơ sở Phật Giáo đầu tiên, do đó các nước ngoài Âu Châu đều trông về Pháp. Vì nơi đây cũng có nhiều bậc tôn túc trong Giáo Hội cũ tại quê nhà đang trú ngụ và hành Phật sự tại đây như:

Hòa Thượng Thích Tâm Châu, sau đó đã sang Canada trụ trì chùa Liên Hoa và hiện tại Ngài là Thượng Thủ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới, trụ trì Tổ Đình chùa Từ Quang ở Montréal.

Hòa Thượng Tăng Thống Thích Huyền Vi đã lãnh đạo toàn thể hệ thống các chùa viện thuộc Linh Sơn tự viện tại Paris, khắp nơi trên thế giới độ 50 chùa và 100 Tăng Ni. Đây là một Tổ Chức có tính cách quy mô trên bình diện thế giới của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại ngày nay.

Hòa Thượng Thích Thiên Định và Hòa Thượng Thích Minh Lễ hoạt động khá nổi bật với Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới cũng như Hội Phật Giáo Tăng Già Thế Giới và không có nhiều chi nhánh như Hòa Thượng Thích Huyền Vi.

Từ Đức, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Hòa Lan, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển, Áo v.v... đa số các nước này đều hướng về chùa Khánh Anh; nên vô hình chung hình ảnh của Thượng Tọa Minh

Tâm là người lãnh đạo tinh thần của các Hội Phật Giáo tại các xứ trên ngay từ buổi ban sơ vào những năm 1978 cho đến ngày nay. Sau đó một số nước tại Âu Châu đều có quý Thầy đến cư ngụ và trực tiếp điều hành các Phật sự tại các địa phương; nhưng cũng vì ƠN NGHĨA lúc ban đầu nên dưới nhiều hình thức khác nhau các Hội Phật Giáo tại các nước này vẫn liên hệ với chùa Khánh Anh và Thượng Tọa Thích Minh Tâm để xin cố vấn và chỉ thị. Ví dụ các ngày lễ Vu Lan hay Phật Đản lịch trình của chùa Khánh Anh được phân phối cho cả Âu Châu và nơi nào chưa có Thầy như Bỉ và Áo thì phải được đặc biệt quan tâm đến. Ở vào thời điểm những năm 1979, 80, 81, 82 v.v... Thượng Tọa Minh Tâm và tôi có mặt thường xuyên tại các nước Âu Châu nhằm cố vấn trong vấn đề lập Hội, chỉ thị cho họ phương pháp làm Niệm Phật Đường để rồi sau này tiến tới các việc xây chùa như Na Uy hoặc Đức hay mua cơ sở hoặc nhà để biến thành chùa như ở Hòa Lan, Bỉ v.v...

Sau này khi Thượng Tọa Tánh Thiệt, Thượng Tọa Nhất Chơn và Thượng Tọa Thiện Huệ qua Pháp và trú tại chùa Khánh Anh thì phương diện hoàng pháp lại rộng hơn và Thượng Tọa Minh Tâm lại đỡ phải đi lại nhiều như xưa. Khi Thượng Tọa Tánh Thiệt về chùa Thiện Minh làm trụ trì và lãnh đạo tinh thần của Hội Phật Giáo tại Lyon từ năm 1980 thì chùa Khánh Anh lại bớt đi nhân sự; nhưng bù lại mặt nổi của chùa Khánh Anh lại rộng lớn hơn và mặc dầu ở Lyon; nhưng Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt cũng đã đóng góp rất tích cực trong mọi công việc Phật sự của Giáo Hội được đề ra.

Từ năm 1978 đến năm 1990, gần 12 năm trời, các địa phương tại Âu Châu đã bước đi từng nhịp một, đập đều với sự

phát triển của Phật Giáo các nơi; nên quý Thầy đã ngồi lại với nhau và cố gắng thành lập một Giáo Hội lấy tên là :

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

để hỗ trợ công việc đấu tranh của Giáo Hội bên nhà do Hòa Thượng Thích Huyền Quang lãnh đạo và đây cũng là một ngôi nhà chung, dành cho những Thầy và những Tổ Chức có cùng một đường hướng hoạt động như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà được thành lập từ năm 1964 và truyền thống ấy vẫn còn tồn tại mãi cho đến ngày nay tại ngoại quốc.

Có một số tổ chức ngày nay tại ngoại quốc không đứng vào trong hàng ngũ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vì lý do địa phương cũng như luật lệ hiện hành sở tại; nhưng không có nghĩa là đối nghịch lại với Giáo Hội truyền thống này. Trên đây là những nguyên nhân xa để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu và Giáo Hội đã được thành hình.

CHƯƠNG II

Bản Nội Quy của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và thành phần điều hành của Giáo Hội

Bất cứ một việc gì trước khi đạt đến kết quả cũng phải cần thời gian, kinh nghiệm và sự làm việc. Bản Nội Quy sắp trình bày ở những trang kế tiếp là kết quả của nhiều phiên họp tại Đức, Pháp và Hòa Lan để cuối cùng ngày 27 tháng 12 năm 1990 Giáo Hội đã họp tại Kongsvinger, Na Uy, và Bản Nội Quy được ra đời.

Đây là một tổ chức quy tụ cả Tăng sĩ lẫn Cư sĩ đang hoạt động tại Âu Châu và kế thừa truyền thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà. Để thành lập được Giáo Hội này, chư Tăng, Ni cũng như Phật Tử đã trải qua bao nhiêu kinh nghiệm hoạt động và thực hiện nhiều công tác Phật sự khác nhau tại các địa phương và đây chỉ là thành quả sơ khởi lúc ban đầu và cũng là giềng mối của Giáo Hội tại Âu Châu.

Bản Nội Quy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

CHƯƠNG MỘT : Danh Hiệu, Mục Đích, Tôn Chỉ.

* Điều 1: Danh Hiệu:

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU

Viết Tắt: GHPGVNTN ÂU CHÂU

Anh ngữ: Vietnamese Buddhist Congregation in Europe.

Giáo Kỳ: Cờ Phật Giáo Thế Giới (5 màu)

Giáo Huy: Bánh xe Pháp Luân (8 cảm)

Giáo Ca: Bài Ca Phật Giáo Việt Nam (*của Lê Cao Phan*)

* Điều 2: Mục đích: Bảo tồn và phát huy Đạo Pháp đi đôi với văn hóa dân tộc Việt Nam cho toàn thể Phật Tử Việt Nam, xuất gia cũng như tại gia, hiện đang sống trong vùng Âu Châu.

* Điều 3: Tôn chỉ: Hoàng dương Chánh Pháp để phụng sự nhân loại và dân tộc.

CHƯƠNG HAI : Tổ Chức

* Điều 4: Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức theo hệ thống Trung Ương và Địa Phương.

* Điều 5: Tại Trung Ương có Ban Chứng Minh và Ban Điều Hành.

* Điều 6: Tại mỗi nước là một Giáo Hội Địa Phương, thành viên của Giáo Hội PGVNTN Âu Châu.

CHƯƠNG BA : **Ban Điều Hành**

* Điều 7: Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu gồm có: Trưởng Ban, Tổng Thư Ký, Thủ Quỹ và các Ủy Viên đặc trách: Ủy Viên Hoàng Pháp, Ủy Viên Tăng Sự, Ủy Viên Thanh Niên, Ủy Viên Giáo Dục, Ủy Viên Cư Sĩ, Ủy Viên Nghi Lễ và Ủy Viên Xã Hội.

* Điều 8: Ban Điều Hành được đề cử và bầu ra trong hàng ngũ chư Tăng Ni hiện đang sinh hoạt Phật sự tại Âu Châu, trong một phiên họp khoáng đại của GHPGVNTN Âu Châu.

* Điều 9: Nhiệm kỳ của Ban Điều Hành là 3 năm.

* Điều 10: Trưởng Ban và Tổng Thư Ký có trách nhiệm điều động tổng quát để thực hiện những kế hoạch Phật sự đã được Đại Hội chấp thuận thông qua.

* Điều 11: Các Ủy viên trong Ban Điều Hành có trách nhiệm soạn thảo và thực hiện kế hoạch của mình đưa ra, sau khi được chấp thuận thông qua trong Hội nghị của Ban Điều Hành.

* Điều 12: Các Ủy Viên có thể tùy theo nhu cầu Phật sự mà tổ chức thành văn phòng Ủy Viên để soạn thảo và thực hiện kế hoạch phân hành chuyên môn của mình.

* Điều 13: Văn phòng của Ban Điều Hành và các Ủy Viên có thể thay đổi trụ sở trong các xứ Âu Châu, tùy theo các chức vụ Trưởng Ban, Tổng Thư Ký và các Ủy Viên được bầu lại trong

nhiệm kỳ mới: Trong trường hợp có thể thay đổi bất thường cần phải có quyết định của Ban Điều Hành.

* Điều 14: Trong trường hợp quý vị trong Ban Điều Hành viên tịch hay từ chức, hội nghị bất thường sẽ được triệu tập để cứu xét và bổ sung chức vụ cho đến khi mãn nhiệm kỳ.

CHƯƠNG BỐN

Ban Chứng Minh

* Điều 15: Sau khi có sự hợp ý chung . Ban Điều Hành sẽ đại diện GHPGVNTN Âu Châu cung thỉnh vị Tôn Túc Việt Nam tại Âu Châu vào ngôi vị của Ban Chứng Minh.

* Điều 16: Ban Chứng Minh được cung thỉnh để chứng minh các Đại Lễ, Đại Giới Đàn và Cố vấn cho Ban Điều Hành về những Phật sự trọng đại trong vùng Âu Châu.

CHƯƠNG NĂM :

Giáo Hội Địa Phương

* Điều 17: Tổ chức Phật Giáo Việt Nam ở mỗi nước Âu Châu, sau khi chấp thuận bản Nội Quy này đều là thành viên của GHPGVNTN Âu Châu.

* Điều 18: Vì hoàn cảnh cá biệt của mỗi nước Âu Châu, mà hệ thống tổ chức Phật Giáo Việt Nam ở mỗi nước không giống nhau. Tuy nhiên, những chương trình Phật sự quan trọng tổng quát đã được thông qua cần nên áp dụng cho thống nhất.

* Điều 19: Danh xưng chung được dùng trên đầu thư là: GHPGVNTN Âu Châu. Phía dưới tùy theo mỗi nước mà có thể ghi thêm Hội, Giáo Hội hay Chùa...

* Điều 20: Các vị Ủy Viên đặc trách có thể dùng tiêu đề chung là GHPGVNTN Âu Châu, dưới là Ủy Viên đặc trách (Ví dụ: Ủy Viên Thanh Niên, Ủy Viên Hoàng Pháp...).

* Điều 21: Khuôn dấu, vành ngoài nên đề câu GHPGVNTN Âu Châu.

CHƯƠNG SÁU : **Tài Chánh Sinh Hoạt**

* Điều 22: Tài chánh sinh hoạt của GHPGVNTN Âu Châu là do các Giáo Hội Địa Phương đóng góp.

CHƯƠNG BẢY : **Đại Hội**

* Điều 23: Mỗi Ba Năm một kỳ Đại Hội Khoáng Đại để bầu lại Ban Chấp Hành và quyết định những Phật sự quan trọng tổng quát cho toàn Âu Châu.

* Điều 24: Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu Phật sự cấp thiết, mà có thể có những phiên họp bất thường mỗi năm mỗi lần hay nhiều

hơn.

* Điều 25: Đại Hội Khoáng Đại hay Bất Thường đều do Trưởng Ban Điều Hành hay Tổng Thư Ký triệu tập. Nếu hội nghị để bàn về vấn đề chuyên môn có thể do Ủy Viên đặc trách triệu tập với sự đồng ý của Ban Điều Hành.

CHƯƠNG TÁM : **Hội Đồng Giám Luật**

* Điều 26: Để kiểm điểm và sách tấn trong việc tu học của Tăng Ni, một Hội Đồng Giám Luật sẽ được triệu tập định kỳ hay bất thường để cứu xét mỗi khi có trường hợp cần thiết.

* Điều 27: Thành phần của Hội Đồng Giám Luật gồm toàn thể Tăng Ni trong Ban Điều Hành.

* Điều 28: Quyết định của Hội Đồng Giám Luật tùy theo trường hợp, hoặc có tánh cách khuyến cáo, hoặc có tánh cách chung quyết.

CHƯƠNG CHÍN : **Liên Hệ Quốc Tế**

* Điều 29: Để có liên hệ ngoại giao và minh định lập trường giữa GHPGVNTN Âu Châu với các tổ chức Phật Giáo hoặc các tôn giáo khác, một Ủy Ban Đối Ngoại được thành lập để nghiên

cứu các vấn đề liên hệ quốc tế.

* Điều 30: Ủy Ban Đối Ngoại sau khi nghiên cứu sẽ đưa ra đề án trong các phiên họp của Ban Điều Hành để lấy quyết định chung.

CHƯƠNG MƯỜI : **Các Điều Khoản Đặc Biệt**

* Điều 31: Sau khi chấp thuận bản Nội Quy này, các vị Ủy Viên đặc trách sẽ soạn thảo ra kế hoạch hoạt động của phần hành mình để thực hiện trong ba năm. Bản Kế Hoạch này sẽ đưa ra thảo luận trong một phiên họp bất thường của Ban Điều Hành.

* Điều 32: Trong khi chờ đợi một kế hoạch mới, các Phật sự đã được áp dụng từ bấy lâu nay vẫn còn hiệu lực.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT : **Sửa Đổi Nội Quy**

* Điều 33: Các điều khoản trong bản Nội Quy này có thể được sửa đổi hay hủy bỏ trong một phiên họp khoáng đại với sự chấp thuận của đa số thành viên Ban Điều Hành.

Bản Nội Quy đầu tiên của GHPGVNTN Âu Châu gồm mười một (11) chương và ba mươi ba (33) điều đã được chư Tăng thảo luận và chấp thuận thông qua nhân kỳ khóa học Phật Pháp

mùa đông 1990 tại Na Uy.

Kongsvinger, ngày 27 tháng 12 năm 1990

Chứng minh: Hòa Thượng Thích Thiên Định
(Chùa Pháp Hoa - Marseille - Pháp quốc)

Trưởng Ban Điều Hành: Thượng Tọa Thích Minh Tâm
(Chùa Khánh Anh - Bagneux, Pháp quốc)

Tổng Thư Ký: Thượng Tọa Thích Như Điển
(Chùa Viên Giác - Hannover, Đức quốc)

Thủ Quỹ: Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm
(Chùa Bảo Quang - Hamburg, Đức quốc)

Ủy Viên Tăng Sự: Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt
(Chùa Thiện Minh - Lyon, Pháp quốc)

Ủy Viên Hoàng Pháp:
Đại Đức Thích Nhứt Chơn, Đại Đức Thích Thiện Huệ
(Chùa Khánh Anh, Bagneux, Pháp quốc)

Ủy Viên Giáo Dục: Thượng Tọa Thích Như Điển
(Chùa Viên Giác - Hannover, Đức quốc)

Ủy Viên Thanh Niên Phật Tử: Đại Đức Thích Trí Minh
(Chùa Khuông Việt - Oslo, Na Uy)

Ủy Viên Cư Sĩ: Đại Đức Thích Quảng Bình

(Chùa Quảng Hương - Aarhus, Đan Mạch)

Ủy Viên Nghi Lễ: Đại Đức Thích Quán Không
(Chùa Khuông Việt - Oslo, Na Uy)

Ủy Viên Từ Thiện Xã Hội: Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân
(Niệm Phật Đường Quán Thế Âm - Aachen, Đức quốc)

Phụ Tá Ủy Viên Tăng Sự: Đại Đức Thích Minh Giác
(Niệm Phật Đường Niệm Phật - Hoorn, Hòa Lan)

Phụ Tá Ủy Viên Nghi Lễ:
Đại Đức Thích Quảng Hiền
(Niệm Phật Đường Trí Thủ - Bern, Thụy Sĩ)
Đại Đức Thích Quảng Nhiên
(Chùa Thọ Quang - Malmo, Thụy Điển)

Phụ Tá Ủy Viên Cư Sĩ: Đại Đức Thích Nguyên Hội
(Chùa Viên Giác - Hannover, Đức quốc)

Theo tinh thần của bản Nội Quy này, có một số điểm sẽ bàn kỹ sau đây. Ngoài ra nhiệm kỳ đầu này đã có một số nhân sự đã được thay đổi trong nhiệm kỳ 2 được tổ chức tại chùa Viên Giác vào 3 năm sau đó.

Mục đích của Giáo Hội là bảo tồn và phát huy Đạo Pháp đi đôi với văn hóa dân tộc Việt Nam cho toàn thể Phật Tử Việt Nam, xuất gia cũng như tại gia, hiện đang sống trong vùng Âu Châu.

Xem qua mục đích như vậy, chúng ta cũng đã rõ về vai trò của Giáo Hội muốn đạt đến có hai điều chính là bảo tồn và phát huy Đạo Pháp cho giới xuất gia cũng như tại gia.

Nhưng tại sao phải bảo tồn?

Vì những giá trị ấy đã hoặc đang bị mất, xoi mòn, xâm thực tại quê hương Việt Nam, nơi chúng ta đã sinh ra và lớn lên tại đó; nhưng vì tình thế nhiều nhương, nên phải ra đi tìm sự tự do cho bản thân và sau đó có bổn phận phải bảo vệ cho gìn giữ mỗi của Đạo để không bị mai một bởi thời gian và năm tháng trong khi lưu lạc tại xứ người.

Khi còn ở trong nước, có nhiều người muốn ra nước ngoài để học cho được cái hay cái đẹp, và cố tình quên đi, cái gì mình đã thu thập học hỏi được nơi đã sinh trưởng ra mình; nhưng điều ấy nhiều người đã lầm. Vì có ra đi rồi mới thấy, chính nơi quê hương mình có nhiều điều hay đẹp hơn tại xứ người, và từ đó ta có thể đứng thẳng, hãnh diện là một người Việt Nam chứ không nhất thiết cái gì cũng phải theo ngoại quốc mới hợp thời, hợp lúc. Ngược lại Phật Giáo đã có mặt và góp phần vào công việc xây dựng quê hương đất nước gần 2000 năm lịch sử; nên vai trò của Phật Giáo đối với Dân Tộc và Đạo Pháp dẫu cho ở trong hay ngoài nước vẫn là điều cần bảo tồn tinh hoa đó. Ở đây, sự kiện năm 1975 chẳng khác nào sự kiện của đầu thế kỷ thứ 15, khi nhà Minh bên Trung Quốc qua đô hộ Việt Nam và đem hết kinh sách của Phật Giáo Việt Nam về Kim Lăng đốt. Hành động của chiến thắng, của kẻ xâm lăng đã dẫm lên sự hiện hữu

của Phật Giáo. Phật Giáo đau với niềm đau chung của dân tộc và chịu khổ chung với dân tộc bởi nạn đàn áp hay ngoại xâm, đã chiếm lấy quê hương mình. Chính những thời điểm này là thời điểm cần bảo tồn hơn cả.

Vậy chúng ta phải bảo tồn cái gì ?

Đó là tinh hoa văn hóa của Phật Giáo và của Dân Tộc. Hai nền văn hóa này không thể tách rời ra được, mà cái này luôn luôn hỗ trợ cho cái kia để thành tựu hay để chịu chung số phận với đất nước, khi thịnh cũng như khi suy.

Có nhiều người ngoại quốc khi gặp người Việt Nam tại nước ngoài hỏi sao không nói tiếng nơi mình ở mà phải nói tiếng Việt Nam?

Tôi hay trả lời rằng: Quý vị hiểu không đúng ý nghĩa của chữ hội nhập (Intergration) và chữ đồng hóa (Assimilisation) rồi. Chữ hội nhập có nghĩa là người tỵ nạn hay di dân phải hội nhập vào đời sống tại nơi mình cư ngụ vào bất cứ lãnh vực nào. Ví dụ như văn hóa, phong tục, ngôn ngữ v.v... Tuy nhiên sự hội nhập ấy không có nghĩa là bắt họ phải bị đồng hóa với người địa phương. Vì nếu bị đồng hóa thì không còn gọi là hội nhập nữa. Chỉ có chủ nghĩa thực dân mới áp dụng sự đồng hóa, chứ chủ nghĩa tự do bao giờ cũng khuyến khích sự hội nhập vào xã hội đó và phải giữ sắc thái riêng của dân tộc mình qua tôn giáo, ngôn ngữ và phong tục tập quán v.v...

Tôi đưa ra nhiều ví dụ cho họ thấy rằng khi người Đức di dân qua Úc, Canada hay Mỹ trước hoặc sau đệ nhị thế chiến, họ đã lập nên những làng có tên Hannover, Düsseldorf, Mainz v.v... những địa danh này ngày nay vẫn còn đó. Những trường học, nhà thờ và các làng trồng nho theo kiểu Đức v.v... Như vậy để làm gì? Nếu không phải để bảo tồn nền văn hóa của dân tộc mình. Nền văn hóa mẹ đẻ rất quan trọng, vì nếu không còn liên hệ với nền văn hóa này, xem như kẻ đó đã mất gốc. Những người có đi nhiều và hiểu biết nhiều thì không còn cái nhìn cục bộ nữa; nhưng việc giải thích rất cần thiết. Vì không phải ai cũng có thể hiểu điều đó một cách dễ dàng, khi mình không có cơ hội để tìm tòi và học hỏi thêm.

Sau khi làm nhiệm vụ bảo tồn rồi thì phải phát huy nền văn hóa ấy cho chính những thế hệ đi sau của mình và phải khế hợp với nhu cầu của quần chúng tại địa phương, nơi mình đang sinh sống. Thế hệ đầu có thể ông bà, cha mẹ, con cháu còn có liên hệ chặt chẽ với quê hương, nơi đã sinh ra mình; nhưng đến thế hệ thứ 3, thứ 4 trở đi không còn nguyên vẹn hình hài như trước nữa. Vì lẽ thời gian và hoàn cảnh đã làm cho con người phải xa dần với hiện tại và tiến tới tương lai để nhận bắt những gì mà xã hội cần đến. Vì vậy phần phát huy ấy phải uyển chuyển sao cho hợp với ngôn ngữ, phong tục của mình với nơi ở tại. Đồng thời nhắc nhở cho những thế hệ đi sau là mình vẫn còn có nền văn hóa riêng chứ không phải đã bị diệt chủng. Để rồi từ đó người ngoại quốc nhìn vào thấy có nhiều cái hay, cái đẹp và họ sẽ sẵn sàng theo mình để học hỏi nền văn hóa đó. Đây là một điều rất quý mà ngày nay Phật Giáo Việt Nam tại ngoại quốc đang có

được. Người ngoại quốc đến với Phật Giáo Việt Nam không phải vì tò mò, hiếu kỳ; nhưng họ đến với tâm hồn thánh thiện của họ. Mục đích học hỏi giáo lý giải thoát ấy qua các môn phái Thiền, Tịnh Độ hay Mật Giáo. Ở Phật Giáo Việt Nam có cả 3; nhưng phải thành thật mà nói, chúng ta không có lợi thế bằng Phật Giáo Tây Tạng, họ có một vị lãnh đạo tinh thần sáng giá trên thế giới cả Đạo lẫn Đời. Đó là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Hơn thế nữa, họ đã có mặt tại ngoại quốc từ năm 1959 đến nay, còn Phật Giáo Việt Nam mới có mặt sau 1975; nên xét về thời gian cũng là một điều hệ trọng nữa. Tuy trong hiện tại Phật Giáo Việt Nam chưa phát triển gì nhiều trong các tầng lớp của người địa phương; nhưng không phải là không có. Những khóa Thiền, Tu Bát Quan Trai; các buổi giảng định kỳ hoặc khóa tu cuối tuần, hay các buổi lễ quy y Tam Bảo đều có sự hiện diện của người Đức và người Âu Châu. Đây là những bước cố gắng sơ khởi để mang Đạo vào Đời trên tinh thần phát huy văn hóa của Dân Tộc cũng như Đạo Pháp cho người Việt cũng như người địa phương.

Sau khi điếm qua Mục Đích của Tổ Chức, chúng ta lần hồi tìm hiểu thêm về tôn chỉ của tổ chức này. Như trên chúng ta thấy. Tôn chỉ là hoàng dương chánh pháp để phụng sự nhân loại và dân tộc. Tôn chỉ cũng có thể hiểu là chủ trương của Giáo Hội. Chủ trương ấy là mang Đạo vào Đời nhằm tịnh hóa thân tâm và cốt đưa con người vào nơi cao thượng hơn. Cuộc sống của thế gian này vốn triền phược, khổ đau; nên giáo lý của Đạo Phật chính là một chất liệu dưỡng sinh để làm cho tâm hồn của mọi người hiểu sâu, rõ ràng ý nghĩa của việc tu học và sự giải thoát

cho chính mình.

Công việc hoàng pháp là công việc của chư Tăng. Công việc hộ trì Tam Bảo là công việc của Phật Tử tại gia. Đó là bốn phận mà Đức Phật đã chế ra cho cả hai giới đều có một mục đích để phụng sự và tu học. Phục vụ cho chúng sanh chính là sự cúng dường một cách xứng đáng nhất lên chư Phật. Vì lẽ ấy, sự hoàng dương chánh pháp cũng là một sự phục vụ đặc lực cho dân tộc cũng như nhân loại vậy.

Trên đây là phần cốt yếu của bản Nội Quy. Còn những điều khoản sau đó chỉ có tính cách hành chánh mà thôi. Hành chánh có nghĩa là thời gian, nhiệm vụ, cách tổ chức, Đại Hội v.v... mà một tổ chức nào, dầu lớn dầu nhỏ vẫn bắt buộc phải có để căn cứ theo đó mà thi hành. Vì lẽ ấy nên không đi vào chi tiết mà tôi sẽ điếm qua một số điếm chính về quý vị trong Ban Chứng Minh cũng như Ban Điều Hành để chúng ta có được một cái nhìn cụ thể hơn.

Trong Chương Bốn, phần Ban Chứng Minh có ghi nơi Điều 15, rằng: Sau khi có sự hợp ý chung, Ban Điều Hành sẽ đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cung thỉnh chư vị Tôn Túc Việt Nam tại Âu Châu vào ngôi vị của Ban Chứng Minh.

Ngày xưa tại Việt Nam khi thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất năm 1964 có thành lập 2 Viện. Đó là:

Viện Tăng Thống, và Viện Hóa Đạo.

Viện Tăng Thống do Hội Đồng Trưởng Lão điều khiển và Viện Hóa Đạo do vị Viện Trưởng điều khiển và do Đại Diện các Miền qua Đại Hội bầu lên. Trong Viện Tăng Thống chỉ quy tụ toàn là những bậc Trưởng Lão Hòa Thượng, tuổi Đồi ít nhất 60 và tuổi Đạo ít nhất 40 hạ lạc. Vị Tăng Thống được suy tôn do Hội Đồng Trưởng Lão cung thỉnh và nhiệm kỳ vĩnh viễn, cho đến khi vị Tăng Thống ấy viên tịch. Nhiệm kỳ đầu tiên do Hòa Thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết và nhiệm kỳ thứ hai do Hòa Thượng Thích Giác Nhiên đảm nhiệm. Thật ra ngôi vị Tăng Thống đã có từ khi triều Đinh ra đời. Năm 981 Đinh Tiên Hoàng đã phong cho Khuông Việt Thái Sư làm chức Tăng Thống và chức này khi đến triều Lý và Trần đã đổi ra chức Quốc Sư, đến đầu thế kỷ thứ 20 mới dùng trở lại.

Còn Viện Hóa Đạo gồm có một vị Viện Trưởng và Phó Viện Trưởng cùng nhiều Tổng Vụ khác nhau. Vị Viện Trưởng giống như vị Thủ Tướng của một nước. Vị Viện Trưởng có quyền quyết định mọi việc của Giáo Hội sau khi đã trao đổi ý kiến với các thành viên trong Viện Hóa Đạo, và sự chuẩn y của các bậc Tôn Túc Trưởng Lão trong Viện Tăng Thống. Ngôi vị Viện Trưởng Viện Hóa Đạo phải là một Tăng sĩ; nhưng những vị Phó Viện Trưởng có thể là những Cư sĩ và cứ mỗi 4 năm được bầu lại một lần.

Từ năm 1964 đến năm 1981 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã trải qua các đời Viện Trưởng và Quyền Viện

Trường Viện Hóa Đạo lần lượt kể tục như sau:

Hòa Thượng Thích Tâm Châu,
 Hòa Thượng Thích Thiện Hoa,
 Hòa Thượng Thích Thiện Minh,
 Hòa Thượng Thích Trí Thủ, và
 Hòa Thượng Thích Huyền Quang.

Năm 1981 nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã giải thể Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và lập nên Giáo Hội quốc doanh, dưới sự điều động của Ban Tôn Giáo chính phủ. Vì thế chư Tăng và Phật Tử trong Giáo Hội cũ đã không nhiệt tình cộng tác với Giáo Hội mới này.

Ở trong nước, Giáo Hội mới này nhờ nhà nước đánh bóng nên họ có thể đứng nơi công quyền và các cơ quan ngôn luận; nhưng họ không có chỗ đứng trong lòng dân tộc và Phật Tử hiểu đạo và hiểu sâu bản chất của chế độ hiện hành.

Ở ngoại quốc thì ngược lại, trên 5 châu lục này hơn 400 chùa và 500 Tăng sĩ hiện có mặt và hành đạo khắp nơi; nhưng chỉ có một hay hai chùa có cảm tình hoặc gián tiếp làm cánh tay nối dài cho Ban Tôn Giáo ở Việt Nam để tuyên truyền tại ngoại quốc; nhưng ai cũng đã hiểu rõ bộ mặt thật của người Cộng Sản và Giáo Hội mới này, nên không có ai cộng tác cả. Vì 99,99% của gần 2 triệu người ở ngoại quốc là những người tỵ nạn cộng sản nên họ không để cho người cộng sản lợi dụng nữa. Chỉ trừ một số ít ở lâu năm tại Pháp hay một số sinh viên cũng như kiều bào ra đi trước 1975 có cảm tình nên theo họ. Hoặc giả

cũng có một số vì muốn hưởng lợi cá nhân, hoặc vì nhu cầu về thăm quê hương đất nước chẳng hạn; nên đã nổi vòng tay lớn với họ; nhưng chắc hẳn một điều, đây chỉ là phương tiện sinh sống của họ, chứ không phải mục đích giải thoát của người Phật Tử.

Ở ngoại quốc nơi những xứ tự do về mọi mặt, nhất là tự do về vấn đề tôn giáo, không ai có quyền bắt mình theo một tôn giáo nào, nếu mình không thích, mà quyền tự do tín ngưỡng là một trong những quyền thiêng liêng nhất, chính trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được ra đời năm 1948 tại Wien, các quốc gia tự do đã long trọng tuyên bố như thế. Vì vậy người cộng sản không thành công tại ngoại quốc bao nhiêu, mà chính họ cũng phải hiểu rằng: cái gì của César phải trả về cho César là vậy. Việc này người cộng sản Trung Quốc đang làm và các chính quyền Đông Âu cũng đã đương và sẽ làm, nhất là sau khi các chế độ cộng sản tại Đông Âu sụp đổ từ năm 1989 trở lại đây.

Ban Chứng Minh như chúng ta thấy đó, điều kiện cần và đủ phải là những bậc Trưởng Lão trên 60 tuổi đời và 40 hạ lạc. Điều này cũng phải tương đương với thành phần như chư vị trong Viện Tăng Thống tại quê nhà. Thành phần này là thành phần gạo cội của Giáo Hội; nhưng tại Âu Châu lúc bấy giờ chỉ có Pháp là địa phương có nhiều vị Tôn Túc cao tuổi nhất, nên Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành của Giáo Hội và Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Đặc ủy Tăng Sự đã đi đến từng chùa tại Pháp, nơi chư Tôn Túc trụ trì để cung thỉnh

vào Ban Chứng Minh như Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Hòa Thượng Thích Trung Quán, Hòa Thượng Thích Chơn Thường; nhưng cuối cùng thì chỉ có Hòa Thượng Thích Thiên Định nhận lời ở trong Ban Chứng Minh, còn quý vị Tôn Túc khác thì từ chối vì lý do này hay lý do khác. Ví dụ như tuổi già, sức yếu, bệnh duyên, Phật sự đa đoan; nên đã không tham dự vào Ban Chứng Minh. Ngoài những vị Tôn Túc bên trên ra tại Pháp còn có Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Minh Lễ và Hòa Thượng Thích Thiện Châu nữa; nhưng mỗi vị ở một khuynh hướng khác nhau, nên khó mà cung thỉnh vào Ban Chứng Minh được. Mặc dầu trước đây tại quê nhà quý Ngài cũng đã góp phần rất đặc lực vào công việc của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Hòa Thượng Thích Thiên Định là vị Tôn Túc khả kính đã có mặt từ đầu trong Ban Chứng Minh. Trước đây tại Việt Nam Ngài đã là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết, Tài Chánh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Nếu nói như danh từ thường dùng ở ngoài đời, cương vị này tương đương với Bộ Trưởng Bộ Kiến Thiết và Tài Chánh vậy. Sau khi đi du học tại Nhật về, Ngài đã dạy tại Đại Học Sài Gòn và Đại Học Cần Thơ, đến năm 1975 Ngài sang Pháp và năm 1976 Ngài khai sơn chùa Pháp Hoa tại Marseille và trụ trì từ đó cho đến nay. Ngoài ra Ngài cũng là Phó Chủ Tịch Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới, trụ sở đặt tại Bangkok, Thái Lan, và cũng là vị Phó Chủ Tịch của Hội Phật Giáo Tăng Già Thế Giới, trụ sở đặt tại Đài Loan.

Cái học và bằng cấp tuy nó không làm nên con người thật của mình. Tuy nhiên, một người tu nếu có bằng cấp, sẽ hỗ trợ đắc lực trong công việc Phật sự và hoàng dương chánh pháp của mình tại Việt Nam cũng như Hải Ngoại. Ngày nay tôi muốn viết hết lại tiểu sử cũng như lai lịch của quý Ngài một cách cặn kẽ; nhưng vì lẽ "sắc tức thị không" theo tinh thần của Bát Nhã, nên quý Ngài đã khéo khiêm cung không trả lời trực tiếp cho những việc phỏng vấn qua giấy tờ hoặc trực tiếp gặp quý Ngài. Do đó, nếu có gì thiếu sót hay sơ hở, kính mong quý Ngài mở lòng từ mà tế độ cho kẻ hậu học này. Ngay cả Thiền Sư Vạn Hạnh và Khuông Việt thuở xa xưa cách đây gần 1.000 năm về trước, đã là Thầy của Vua và cả nước, mà lai lịch và hành trạng của quý Ngài cũng đâu có để lại cho Đời nhiều qua những việc ghi chú rõ ràng, mà chỉ còn lại một số bài kệ có tính cách tiêu biểu về Vô Thường, Khổ, Không và Vô Ngã mà thôi. Vì lẽ ấy đời sau này; những người theo dõi dấu vết của người xưa thật khó lần dò. Ngày xưa cái học theo khoa cử khác. Bây giờ cái học cũng khoa bằng nhưng lại khác. Cái học ở mỗi nước đã khác, mà ở mỗi thời mỗi lúc lại khác hơn nữa. Ví dụ thời Bắc thuộc chúng ta học và thi giống như bên Trung Hoa. Thời Pháp thuộc sự học hành và thi cử giống như bên Pháp. Đến thời Nhật và thời Mỹ cũng vậy.

Tiện đây, tôi xin đề cập đến một số nơi trên thế giới và cũng như chương trình Phật học tại quê nhà, cùng một vài nước có chương trình Đại Học Phật Giáo để mọi người làm quen với cái học của người xưa và từ đó có thể đem so sánh với ngày nay,

nhằm để hiểu biết thêm về mọi phương diện.

Chương trình giáo dục của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1954 đến 1975 tại Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ được chia ra 3 cấp như sau là: Tiểu Học, Trung Học và Đại Học.

Về Tiểu Học chia ra 2 giai đoạn gồm 6 năm. Năm đầu tiên gọi là Mẫu giáo, năm sau gọi là lớp năm, sau đó lên lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất. Sau khi học Mẫu giáo đến giai đoạn hai mới vào Tiểu Học chính thức.

Sau khi đậu Tiểu Học rồi, các học sinh sẽ đi thi vào trường công lập để học Trung Học, hoặc ghi danh để học trường tư. Trường Trung Học tại Việt Nam thời ấy chia ra 2 cấp là Trung Học Đệ Nhất Cấp 4 năm và Trung Học Đệ Nhị Cấp 3 năm. Trong bốn năm đầu của Trung Học Đệ Nhất Cấp gọi là Đệ Thất, Đệ Lục, Đệ Ngũ và Đệ Tứ. Trong thời gian này chưa chia ban ngành, mà học sinh có thể chọn Anh hoặc Pháp văn để làm sinh ngữ chính. Giai đoạn 2 gồm 3 năm ở bậc Đệ Nhị Cấp, tức Đệ Tam, Đệ Nhị và Đệ Nhất. Khi lên đến Đệ Tam, học sinh có thể chọn Ban để học. Ví dụ như Ban A chuyên về Vạn Vật Học, Lý Hóa; Ban B chuyên về Toán và Lý Hóa; Ban C chuyên về sinh ngữ, Văn Chương. Trong 3 năm này học sinh bắt buộc phải chọn thêm một sinh ngữ thứ hai nữa như Anh hoặc Pháp văn. Nếu Trung Học Đệ Nhất Cấp chọn Anh văn làm sinh ngữ chính, khi lên Trung Học Đệ Nhị Cấp phải lấy Pháp văn làm sinh ngữ thứ hai. Trung Học Đệ Nhị Cấp có hai kỳ thi quan trọng. Đó là Tú Tài I và Tú Tài II. Tú Tài I thi một lần và Tú Tài II thi 2 lần, nếu lần đầu bị rớt. Đây là hai kỳ thi quan trọng

mà một học sinh cần phải vượt qua. Nếu không đậu sẽ dễ dàng bị đi lính, theo lệnh động viên của chính phủ.

Nếu đậu có thể ghi danh vào các Đại Học như: Luật Khoa, Văn Khoa, Y Khoa v.v... Sau khi đậu Tú Tài II xong, tôi đi học tại Nhật, nên không rành hệ thống giáo dục Đại Học tại Việt Nam mấy, nên những điều ghi chú sau đây về Đại Học ở Việt Nam tôi chỉ nghiên cứu theo sách vở và nghĩ rằng hệ thống giáo dục tại Nhật và tại Việt Nam lúc bấy giờ đều rập khuôn theo hệ thống của Mỹ; nên cũng có thể nói rằng giống nhau.

Hệ Đại Học ở Việt Nam cũng chia ra làm 2 thời kỳ. Thời kỳ 4 năm đầu để ra Cử Nhân và thời kỳ những năm sau gọi là hậu Đại Học gồm 5 năm. 2 năm cho bậc Cao Học và 3 năm cho bậc Tiến Sĩ. Một người học 4 năm ở Đại Học gọi là Sinh Viên, còn những năm sau hậu Đại Học gọi là nghiên cứu sinh và trình những luận án của Cao Học cũng như Tiến Sĩ, chú không cần đến trường thường xuyên như thời gian còn học ở Đại Học nữa. Riêng ngành Y Khoa Bác Sĩ lâu hơn 7 năm và Nha Khoa cũng như Dược Khoa lâu hơn 5 năm.

Như vậy từ khi đi học cho đến khi ra trường ở bằng cấp cao nhất tại Việt Nam là 21 đến 22 năm, gồm Tiểu và Trung Học từ 12 đến 13 năm (nếu kể luôn lớp Mẫu giáo), Đại Học cũng như hậu Đại Học 9 năm (tùy theo ngành). Một người 6 tuổi bắt đầu đi học, sớm lắm cũng 28, 29 tuổi mới ra Tiến Sĩ tại Việt Nam.

Từ năm 1964 đến 1975 tại Sài Gòn có Viện Đại Học Vạn Hạnh có dạy Phân khoa Phật Học cho Tăng sĩ cũng như những Cư sĩ muốn nghiên cứu về Phật Giáo. Không biết trong 11 năm ấy đã

có vị nào ra Tiến Sĩ Phật Học hay Tiến Sĩ các Phân khoa khác tại Đại Học này chưa, chứ ở các Đại Học Văn Khoa và Khoa Học thì chắc chắn đã có rồi.

Tại Việt Nam thuở bấy giờ số người đi học Đại Học rất ít so với số nhân khẩu. Vì lẽ phải cần có trình độ và tài chánh mới theo suốt được một khóa trình như vậy. Và lại các Đại Học cũng quá ít, chỉ tập trung vào những nơi như Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Lạt, Đà Nẵng, Huế mà thôi. Cả nước trước năm 1975 chừng 30 Đại Học là cùng, mà Phật Giáo chỉ có một. Riêng các trường Trung Học và Tiểu Học Bồ Đề thì Phật Giáo hầu như ở mỗi quận, mỗi tỉnh đều có. Có thể lên vài trăm trường tại Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Trường học đã ít mà người đi học càng ít hơn, do đó số chư Tăng và chư Ni đi học ở Đại Học và có bằng cấp ở Đại Học lúc bấy giờ cũng rất hiếm.

Riêng tại Việt Nam hệ thống giáo dục của Phật Giáo cho chư Tăng Ni tại các Phật Học Viện cũng chia ra làm 3 giai đoạn như trường ở ngoài đời. Đó là Sơ Đẳng, Trung Đẳng và Cao Đẳng. Sơ Đẳng giống như Tiểu Học, Trung Đẳng giống như Trung Học và Cao Đẳng giống như chương trình Đại Học. Ngoài Đại Học Văn Hạnh ra, các Phật Học Viện của Phật Giáo Việt Nam thuở bấy giờ chưa có chương trình hậu Đại Học để trình luận án Cao Học hoặc Tiến Sĩ Phật Học. Ngay cả Phật Học Viện Báo Quốc ở Huế, Hải Đức ở Nha Trang, Nguyên Thiều ở Bình Định, Huệ Nghiêm và Già Lam ở Sài Gòn cũng chỉ dạy xong chương trình Đại Học Phật Giáo cho chư Tăng mà thôi. Bên Ni tôi không rành lắm, nghe nói tại Huế và Sài Gòn cũng có chương

trình đào tạo tương tự như bên Tăng vậy. Nhưng những vị Ni Sư nổi tiếng có học như Ni Sư Trí Hải chẳng hạn, là những vị tốt nghiệp tại ngoại quốc chứ không phải tại Việt Nam.

Riêng tại Nhật, nền giáo dục của Phật Giáo cũng như của chính phủ có đôi phần khác với Việt Nam chúng ta thuở bấy giờ và ngay cả bây giờ nữa. Ví dụ Tiểu Học họ bắt đầu bằng Ấu Trĩ Viên giống như Mẫu Giáo tại nước ta và 5 năm Tiểu Học. Kể như 6 năm và lên Trung Học Đệ Nhất Cấp chỉ có 3 năm thay vì 4 năm như ở nước ta và Trung Học Đệ Nhị Cấp cũng 3 năm. Cộng chung lại thành 12 năm từ Tiểu Học lên Trung Học. Đặc biệt tại Nhật không có thi Tú Tài I, mà ngay cả Tú Tài II cũng không thi. Nghĩa là học sinh học đủ điểm thì ra trường và người nào giỏi sẽ thi tiếp tục vào các Đại Học nổi tiếng để học chương trình tại Đại Học. Ở Nhật đặc biệt là thi vào trường rất khó; nhưng khi ra trường rất dễ, chỉ cần đủ điểm là được. Giữa những học kỳ của Đại Học vẫn thi cử liên miên; nhưng đây là kết quả để đến năm thứ 4 chuẩn bị trình luận án ra trường ở cấp bậc Cử Nhân. Sau đó thi vào Cao Học, chương trình học này gọi là Tu Sĩ khóa trình. Chữ Tu Sĩ này viết giống như nghĩa Tu Sĩ của Phật Giáo; nhưng thật ra không phải vậy. Chữ Tu Sĩ này có nghĩa là người nghiên tu về khóa trình Cao Học, mà Việt Nam dịch là hậu Đại Học. Nếu tốt nghiệp bằng cấp Cao Học có nơi dịch là Thạc Sĩ như ở Đài Loan, Cao Học như ở Nhật, hoặc dịch là Phó Tiến Sĩ như ở Nga hoặc gần như Tiến Sĩ đệ tam cấp ở Pháp. Sau khi đậu Cao Học, nghiên cứu sinh thi vào Đại Học Viện hậu kỳ, có nghĩa là 3 năm sau cùng của cấp bậc Tiến Sĩ. Tại Nhật từ năm 1972 đến 1977 khi tôi theo học Đại Học và

Cao Học tại đây họ có khoảng 1.000 Đại Học cho 100 triệu dân. Lúc bấy giờ có 50 Đại Học Phật Giáo. Bây giờ sau 20 năm, có lẽ cũng có hàng trăm Đại Học của Phật Giáo cũng nên. Trình độ học vấn của Tu sĩ Nhật rất cao. Ví dụ một vị Sư muốn ra trụ trì một ngôi chùa, ít nhất phải có bằng cấp Đại Học Phật Giáo của Tông mình đang theo học. Ví dụ Thiên Tông thì có Đại Học Komazawa, Tịnh Độ Tông có Đại Học Taisho, Pháp Hoa Tông có Đại Học Risso tại Tokyo v.v... ngoài ra khắp nơi trên nước Nhật đều có Đại Học Phật Giáo và học trình cũng như bằng cấp được cấp tương đương với các Đại Học công lập của chính phủ vậy.

Ngoài Đại Học dài hạn ra, ở Nhật còn có Đại Học ngắn hạn 2 năm, gọi là đoản kỳ Đại Học. Đại Học này giống như các trường Fachhochschule tại Đức; nhưng tại Đức phải 3 năm chứ không phải 2 năm như ở Nhật.

Ở các Đại Bản Sơn tương đương với Phật Học Viện Việt Nam cũng có dạy chương trình cho Tăng sĩ; nhưng bằng cấp ở đây chỉ lưu hành trong nội bộ của Tông phái mình, chứ không chính thức được công nhận như những Tăng sĩ đi học tại Đại Học Phật Giáo. Ngày nay tại Nhật Bản có hàng trăm vị Tiến sĩ Phật Giáo; nhưng so với Việt Nam mới chỉ có 30 - 40 vị là cùng. Đa số các vị này lại tốt nghiệp tại ngoại quốc chứ không phải tại Việt Nam.

Khi sang Đức, nền giáo dục lại khác, không giống Mỹ mà cũng không giống Pháp. Nhưng tựu chung các học trình cũng chia ra

làm 3 giai đoạn cho Tiểu Học, Trung Học và Đại Học.

Năm đầu gọi là Kindergarten, sau đó có lớp chuẩn bị vào Tiểu Học và học sau đó 5 năm. Vị chi là 6 năm ở Tiểu Học và 7 năm tại Trung Học. Những ai học kém bị chia lớp ngay từ sau lớp 10, tương đương với Đệ Tam tại Việt Nam. Trung Học ở Đức dành cho người kém khả năng gọi là Sonderschule, sau đó theo học nghề gọi là Berufsschule, hoặc Hauptschule. Những ai học giỏi sẽ được chuyển qua Gymnasiumschole, nghĩa là Trung Học Đệ Nhị Cấp giống như tại Việt Nam. Những người học Hauptschule có thể chuyển qua Gymnasiumschole để đi học tiếp qua Đại Học; nhưng những người học trường dạy nghề thì không được. Vì vậy một học sinh ở Đức, nếu muốn đi học Đại Học phải có số điểm cần đủ và tốt từ lớp 10 mới có hy vọng bước vào những bước tương lai ở Đại Học đầy hoa gắm nhưng cũng đầy thử thách cho mình vào những năm tháng còn lại. Ở Đức vào học Đại Học rất dễ; nhưng ra trường rất khó. Điều này ngược lại ở Nhật và ở Mỹ.

Chương trình Đại Học của Đức 5 năm thay vì 4 năm; nhưng cũng có lắm người học đến 7, 8 năm mà vẫn không ra trường. Vì chế độ giáo dục ở Đức quá ưu đãi. Học đã không bị đóng học phí như ở Nhật hay Mỹ, mà những Sinh viên không đủ khả năng tài chánh đều có thể nhận học bổng từ chính quyền để học cho đến khi thành tài, sau đó đi làm trả lại cho chính phủ mỗi tháng một ít. Ngược lại ở Nhật, sinh viên phải tự đóng học phí. Nếu lỡ bị ở lại một học kỳ, đào đâu ra tiền để đóng học phí. Do vậy học trong Đại Học tại Nhật hay Mỹ ngay cả Việt Nam có

thể nói rằng Sinh viên chăm học hơn ở Đức hoặc các nước ở Âu Châu. Vì tại Đức và Âu Châu quá dễ dãi như vậy nên số sinh viên ra trường ít hơn và đã có nhiều người bỏ học giữa chừng. Sau khi tốt nghiệp 3 năm tại Fachhochschule, trước đây gọi là Cán sự Kỹ sư; nhưng sau năm 1980 trường này được công nhận như là Cử Nhân của các nước khác. Còn ai tốt nghiệp Diplome xem tương đương như Cao Học các nước khác. Nếu tốt nghiệp Magister cũng như vậy. Tùy theo ngành. Vì ở Đức các ngành như Tôn Giáo học, giáo dục học không có Cử Nhân mà chỉ có Magister mà thôi. Vì lẽ cũ như vậy nên sau Cử Nhân hoặc Magister là Sinh viên ghi danh vào học cấp bậc Tiến Sĩ chứ không có 2 năm Cao Học như Nhật hoặc Mỹ. Tuy nhiên cộng lại 13 năm Tiểu và Trung Học với 8 năm của Cử Nhân và Tiến Sĩ cũng lên đến 21 năm như ở các nước tại Á Châu rồi. Một điều cũng hơi buồn cười là Sinh viên học xong chương trình Đại Học ở Châu này qua Châu khác không được công nhận tương đương, mà thường phải thấp hơn một, hai học kỳ. Ví dụ bằng Cử Nhân giáo dục tại Nhật khi qua Đức chỉ công nhận là Vordiplome, chứ không bằng và ngược lại khi học ở Đức xong, qua học tại Nhật cũng sẽ bị xét tương đương như vậy. Không biết đây là tự ái quốc gia, hay vì các Đại Học này cần các Sinh viên phải hiểu thêm sinh ngữ cho chắc chắn, để còn bước đi những bước dài trong tương lai nữa cũng không chừng. Tại Đức hay Âu Châu những nghiên cứu sinh có nhiều cơ hội để học tập và tìm tòi tài liệu để viết luận án ra trường và thời gian ở đây không quan trọng, miễn là có chí là đủ. Vấn đề tiền bạc đã có người lo. Trong khi đó những Sinh viên tại Á Châu khi đi du học ở ngoại quốc bị thiệt thòi hơn các Sinh viên ở tại nhiều.

Nhất là làm quen với vấn đề ngôn ngữ tại địa phương không phải là vấn đề đơn thuần.

Ở Ấn Độ, chương trình Đại Học cũng có khác với các nơi trên thế giới. Nghĩa là sau khi thi Cao Học xong, nếu nghiên cứu sinh đủ điểm thì sẽ vào học ngay tại cấp bậc Tiến Sĩ; nếu không đủ điểm phải học thêm một năm nữa gọi là Mphil, sau đó mới tham dự vào được chương trình cuối này.

So ra cái học của ngày nay và ngày xưa khó hơn cũng như khác nhau rất nhiều. Ví dụ thời Hán học còn thanh hành ở Việt Nam, một người đi thi có thể đậu Tú Tài đến mấy lần liên tục mà không đậu Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ; nhưng cũng có người đậu cả 3 khoa cùng một lúc và đỗ đầu như cụ Nguyễn Khuyến chẳng hạn. Nên người đời gọi là Tam Nguyên Yên Đổ. Túc 3 khóa Hương, Hội, Đình đều đỗ đầu và có thể cùng một lúc, chứ không phải tốn công học mấy chục năm, như bây giờ mới ra Cử Nhân, Tiến Sĩ. Xét cho cùng từ ngày xưa cho đến ngày nay, đâu cho chế độ quân chủ hay dân chủ cũng đều chọn người tài ra giúp nước. Vì vậy sự học là một nấc thang mà ai muốn bước lên đài danh vọng cũng cần phải trải qua cả. Tuy nhiên cũng có một số người bước đến địa vị vinh quang như bao kẻ khác mà không cần tiến thân bằng con đường học vấn chỉ có hai cách như sau: Đó là quá giỏi như Thầy Tuệ Sĩ, Giáo sư Phạm Công Thiện, hay quá dỏ mà chuyên quyền như những người cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam trong hiện tại. So ra với một dân số 70 triệu, có không biết bao nhiêu người đỗ Cử Nhân, Cao Học, Tiến Sĩ, mà những ông trong Bộ Chính Trị, trong Đảng và trong Quốc Hội của Cộng Sản Việt Nam không biết có bao

nhiều người được có bằng cấp Tiểu Học? bao nhiêu người đậu Tú Tài? bao nhiêu người đậu Cử Nhân? Cao Học? Tiến Sĩ? Nếu học giỏi, họ đã đưa đất nước tiến bộ như các nước khác tại Á Châu rồi. Ở đây họ chỉ nhân danh quyền lực để mưu bá đồ vương, nên quê hương đất nước ngày nay mới ra như vậy đó. Trách nhiệm này họ phải gánh chịu với lịch sử trong tương lai. Một người tu mà có học được gọi là một Tăng sĩ thuộc hàng trí thức. Một người tu mà có tu được gọi là Tăng sĩ có đạo đức gương mẫu. Giữa Trí Thức và Đạo Đức, có lẽ người tu chọn Đạo Đức trước. Vì ở đời có rất nhiều người Trí Thức mà phần Đạo Đức thì thiếu thốn. Nếu có người tu nào đó chỉ chọn có Trí Thức mà quên đi Đạo Đức, đó là vấn đề sai lầm; nhưng nếu một người tu có cả hai vừa Trí Thức vừa Đạo Đức quả là điều đáng quý, đáng trọng biết chừng nào. Trong một tổ chức của Giáo Hội có được nhiều người tài giỏi, quả dân chúng và Phật Tử thật có phước duyên, được nhờ cậy vào đó để phát triển lòng tin cũng giống như một quốc gia có người lãnh đạo giỏi, thì sớm muộn gì quốc gia ấy cũng sẽ phú cường thịnh vượng.

Mỗi một quốc gia theo Phật Giáo trên thế giới đều có sự ấn định về cấp bậc trong Giáo Hội khác nhau. Ở đây tôi chỉ xin đơn cử trường hợp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để mọi độc giả có thể khái quát về chư Tăng và chư Ni trong Giáo Hội. Thật ra thời Phật còn tại thế không chia ra như vậy; nhưng đời này vì phương tiện nên mỗi giai đoạn lịch sử và mỗi quốc gia có sự phân chia như thế để khế hợp với trình độ của mọi người. Thời Đức Phật, Ngài có chia ra hai Chúng rồ

rệt. Đó là Chúng xuất gia và Chúng tại gia.

Trong Chúng xuất gia có 5 Chúng. Đó là: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di và Sa Di Ni.

Chúng tại gia chia ra hai Chúng. Đó là: Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Nhiều khi Đức Phật cũng nói đệ tử của ta có 4 Chúng. Như vậy phải hiểu là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Nhiều khi nói 5 Chúng, phải hiểu thêm trong ấy có Thức Xoa Ma Na nữa.

Cấp bậc chắc chắn là không có trong Giáo Hội của Đức Phật rồi. Tất cả các vị xuất gia đều được gọi là Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni. Từ 4 vị trở lên được gọi là một đoàn th những người mới vào chùa tu gọi là Tiểu, sau đó lên Sư Chú (Sa Di), rồi Sư Bác, Sư Thầy (Đại Đức), Sư Ông (Thượng Tọa), Sư Cụ (Hòa Thượng) và cuối cùng là Sư Tổ.

Khi vào miền Trung chỉ gọi bằng Chú khi mới tu và sau khi thọ giới Tỳ Kheo đến suốt đời được gọi bằng Thầy và Cô. Chỉ những bậc nào được tôn kính lắm thì được gọi bằng Ôn. Chử Thầy và Cô tuy nó đơn giản; nhưng rất thân mật. Sau này chia ra cấp bậc, thứ lớp cũng hay hay; nhưng cách xưng hô cũng là một sự khó khăn cho Phật Tử và ngay cả chư Tăng cũng thế.

Khi vào miền Nam, các Chú Tiểu mới xuất gia và thọ Sa Di, được gọi là Huynh, sau đó thọ Tỳ Kheo gọi bằng Thầy và nếu trong các trường hạ quý vị Tôn Túc này chứng minh các Đại Giới Đàn với chức vị Giáo Thọ hay Yết Ma thì thường hay gọi Thầy Giáo hay Thầy Yết và sau đó là Hòa Thượng. Cách gọi này cũng giống như ở miền Trung thuở còn vua chúa, khi nhà vua ban cho chùa nào Sắc Tứ và cấp Độ Diệp cho vị Tăng ấy, thường hay gọi là Thầy Tăng Cang. Chức này lớn lắm giống như một công hàm của chính phủ phong tặng cho những vị chân tu, thực học và có khả năng hoằng pháp lợi sanh cũng như ảnh hưởng trong quần chúng.

Bên Nam Tông thì căn cứ vào tuổi hạ. Nghĩa là sau khi thọ Tỳ Kheo, vị nào có tuổi hạ nhiều hơn thì vị ấy ngồi trên và vị nào thọ giới sau thì ngồi sau, dầu cho tuổi đời của vị ấy có lớn bao nhiêu đi chăng nữa, nếu thọ giới sau thì phải ngồi sau.

Trong khi đó bên Đại Thừa, việc này hay phương tiện. Tuy cũng kể về tuổi hạ; nhưng nhiều khi chức vị trong Giáo Hội cao cũng có thể ngồi trên các bậc Tôn Túc khác cũng có. Điều này có lẽ cũng hợp với luật bên Đại Thừa, là: Sa Di *thuyết*, Sa Môn *thính*. Nghĩa là đôi khi người cấp dưới có thể thuyết pháp và bậc Sa Môn cao hơn cũng có thể nghe được.

Khi Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời năm 1964 đã quy định rằng: Sau khi thọ Tỳ Kheo (tuổi đời phải đủ 20) được gọi bằng Thầy. Sau đó an cư kiết hạ nhiều năm, có thể gọi là Đại Đức. Nếu an cư đủ 20 năm liên

tiếp, sau đó được tấn phong lên hàng Thượng Tọa. Một bậc Thượng Tọa tuổi đời ít nhất phải 40 và sau 20 năm thọ giới Tỳ Kheo. Sau khi được tấn phong lên hàng Thượng Tọa phải an cư 20 năm liên tiếp nữa, sẽ được tấn phong lên ngôi vị Hòa Thượng. Nghĩa là tuổi đời ít nhất phải 60, và tuổi đạo, sau khi thọ Tỳ Kheo phải 40 năm an cư liên tục. Sau đó từ 70 tuổi trở lên và có 50 tuổi hạ được cung thỉnh vào hàng Trưởng Lão hoặc có nơi cũng gọi là Đại Lão Hòa Thượng.

Các danh từ này nếu dịch tiếng Anh, được viết như sau:

Novice (Chú Tiểu)

Reverend (Đại Đức)

Venerable (Thượng Tọa)

The Most Venerable (Hòa Thượng)

Tiếng Đức được viết như sau:

Novize (Chú Tiểu)

Reverend (Đại Đức)

Ehrwürdiger (Thượng Tọa)

Hochehrwürdiger (Hòa Thượng)

Thật ra chữ Reverend, Venerable hay Ehrwürdiger nó chỉ có nghĩa là những bậc đáng tôn kính; nhưng chia ra như vậy cho dễ gọi, chú ý nghĩa chung nhằm để chỉ cho những bậc xuất gia và Tu sĩ của Đạo Phật và ngay cả một số Đạo khác cũng hay dùng đến nữa.

Hòa Thượng được định nghĩa trong sách vở là lục sanh; tức bậc Thầy tối cao để cho Tăng chúng nương vào mà sanh tín tâm để

cầu đạo giải thoát. Trong một Giới Đàn, ngôi vị Đàn Đầu Hòa Thượng là ngôi vị tối cao: Sau đó đến hai vị A Xà Lê gồm Yết Ma và Giáo Thọ; tức những vị Thầy cận kề chỉ bày, dạy dỗ cho người xuất gia và tiếp đó là 7 vị Tôn Chứng Sư. Đây gọi là Giới Đàn gồm Tam sư Thất chứng. Ngoài ra còn có vị tuyên luật sư, cũng như dẫn thỉnh và điển lễ sư nữa, để chỉ bày cũng như hướng dẫn cho các giới tử khi thọ giới thực hành những lễ nghi đúng cách mà một Giới Đàn Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni, hoặc Sa Di hay Sa Di Ni.

Bên Ni Bộ Bắc Tông cũng được phân chia các khoản giống như bên Tăng. Nghĩa là: Sư Cô tương đương với Đại Đức, Ni Sư tương đương với Thượng Tọa, Sư Bà tương đương với Hòa Thượng bên Tăng. Bên Ni còn thêm giới Thức Xoa Ma Na ở giữa Sa Di Ni và Tỳ Kheo Ni được gọi là Nữ Học Giới.

Trong Ban Chứng Minh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu mới một mình Hòa Thượng Thích Thiên Định, Viện chủ chùa Pháp Hoa tại Marseille đã đồng ý và cho đến nay Hòa Thượng vẫn là một bậc Tôn Túc mà trong Giáo Hội vẫn cậy nhờ cũng như nương tựa.

Trưởng Ban Điều Hành của Giáo Hội là Thượng Tọa Thích Minh Tâm, như phân trên đã trình bày, Thượng Tọa là một người rất được lòng mọi khuynh hướng ngay cả thời gian ở Nhật, nên đã được chư Tăng và Phật Tử bầu vào chức vụ này. Thượng Tọa đã xa quê từ năm 1968 để sang Nhật du học, trước khi đi, Thượng Tọa cũng đã là Hiệu Trưởng của một trường Bồ

Đề tại Nam Trung Phần và từ 1968 đến 1973 Thầy đã học Cao Học Phật Giáo tại Đại Học Risso, Tokyo, Nhật Bản.

Năm 1973 theo lệnh của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, nhất là sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, Thượng Tọa qua Pháp làm việc chung với Hòa Thượng Nhất Hạnh; sau đó Hòa Thượng Nhất Hạnh không về Việt Nam được, nên năm 1974 Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã ra lập Niệm Phật Đường Khánh Anh từ năm 1974 tại Accueil như đã trình bày.

Thầy là một người rất ôn hòa và chịu khổ chịu cực ở bất cứ giai đoạn nào trong cuộc đời của mình, khi ở Nhật cũng như ở Âu Châu. Biết hy sinh cho việc chung, trong đó có việc đùm bọc cho anh em khi khó khăn và chịu chia sẻ trách nhiệm nếu cần, mọi việc như thế đều không thiếu hình bóng của Thầy. Ví dụ việc tranh đấu của Giáo Hội chẳng hạn từ 1975 đến nay (1997), 22 năm trời đã trôi qua, không có ngày 30 tháng 4 nào của mỗi năm, ngày đau thương của Dân Tộc, hay ngày 10 tháng 12, ngày Quốc Tế Nhân Quyền tại Pháp hay tại Âu Châu; ngày đẹp trời hay giá buốt, bất cứ ở đâu Thầy cũng đều hiện diện để tham gia, đọc diễn văn và chia sẻ những nỗi khổ đau của dân tộc và đồng bào. Đây là một hình ảnh đẹp, rất kiên trì, mà trong cuộc tranh đấu nào cũng phải cần có những con người như thế.

Hầu như sự thành lập hay tổ chức cho mọi cơ cấu chùa chiền, cách điều khiển của những Chùa, Niệm Phật Đường thuộc Giáo Hội Âu Châu đều có sự đóng góp ý kiến thiết thực của Thầy. Ví dụ vấn đề Hội Thiện trong việc xây chùa chẳng hạn. Ngay cả Chùa Viên Giác tại đây ngày hôm nay được thành hình như thế,

tôi cũng đã học hỏi được những điều hay, đẹp từ Thượng Tọa Thích Minh Tâm rất nhiều. Mới đầu tôi không hiểu nghĩa của Hội Thiện là gì; nhưng sau đó mới biết là việc đi mượn tiền của Phật Tử nhưng không có lời. Ở Việt Nam không có vấn đề này. Vì những chùa chiền tại Việt Nam được xây dựng qua sự phát tâm cúng dường của quý Phật Tử. Tiền có đến đâu, xây đến đó và cuối cùng rồi cũng xong; nhưng ở ngoại quốc thì không được. Khi mua nhà hay xây chùa số tiền phải ứng đủ khi trao chìa khóa cho mình, mà muốn có đủ tiền trong một thời gian nhất định nào đó, chỉ có 2 cách mà thôi. Cách thứ nhất là đi vay ngân hàng; nhưng cách này thì tiền lãi nhiều lắm. Ví dụ vay 100.000 Đức Mã, sau 15 năm số tiền phải trả cả vốn lẫn lời cho ngân hàng là 200.000 Đức Mã, nghĩa là gấp đôi. Nhưng cũng có nhiều ngân hàng không muốn cho một tổ chức tôn giáo vay, nhất là việc vay để xây chùa. Trường hợp này tôi đã có kinh nghiệm. Nếu quý vị nào muốn biết thêm, xin đọc quyển "Chùa VIÊN GIÁC" xuất bản năm 1994 để hiểu rõ. Chỉ có Hội Thiện là tương đối ổn thỏa. Nghĩa là quý Phật Tử cho chùa vay một số tiền, mà có nhiều người như vậy, thì số tiền cũng gần bằng số tiền của ngân hàng cho vay; nhưng hầu như không có điều kiện gì cả. Sau đó Chùa rút thăm hoàn lại số tiền Hội Thiện ấy trong mỗi tháng mấy cổ phần. Nếu giả sử trong tháng ấy không hoàn trả được, Thầy Trụ Trì hay Ban Trị Sự cũng có thể viết thư cho Phật Tử được nhận phần Hội Thiện ấy, gia hạn thêm một thời gian nữa, khi nào có tiền sẽ trả. Sẽ không có vấn đề gì xảy ra. Nếu trường hợp ngân hàng, trong 3 tháng liên tục không trả được, có thể bị xiết nhà hoặc xiết chùa. Và lại tiền lời phải đóng cho ngân hàng, cũng là tiền của Phật Tử góp vào, chứ chùa làm

gì có lợi mà có thể đóng được. Vì vậy nếu Phật Tử hiểu được vấn đề này thật quý hóa biết bao. Ngoài việc cúng dường ra, Phật Tử còn cho mượn nữa thì chắc chắn việc sẽ thành tựu. Cách làm này chắc các ngân hàng cũng không vui mấy; nhưng ngân hàng thì cần sự an toàn trong việc trả nợ, còn chúng ta thì không có phương tiện. Và lại đây là việc công ích từ thiện chứ không phải là việc lợi lạc cho cá nhân; nên có lẽ cũng không sai luật định tại Âu Châu này mấy.

Tất cả những kế hoạch ấy, cá nhân tôi đều học từ Thượng Tọa Thích Minh Tâm và nhiều chùa, nhiều Hội tại Âu Châu này cũng vậy. Tôi không biết Thầy ấy học từ ai, chưa nghe Thầy nói; nhưng thành quả này tại Âu Châu, nếu không có Thượng Tọa Thích Minh Tâm chỉ vẽ thì các chùa tại đây không có lối thoát. Nay tuổi đời Thầy đã hơn 60, một loại tuổi thọ của thế gian; nhưng Thầy cũng phải còn cáng đáng nhiều trọng trách của Giáo Hội và nhất là ngôi chùa Khánh Anh đang xây dựng, to lớn nhất nhì tại Âu Châu, trong giai đoạn này và 5 hay 10 năm nữa mới hoàn thành. Đó không phải là một vấn đề đơn thuần, mà cần phải có nhiều nghị lực và nhiều sự đóng góp, trợ duyên đến từ mọi nơi.

Từ năm 1990 đến nay (1997) tôi cũng vẫn giữ nhiệm vụ Tổng Thư Ký của Giáo Hội Âu Châu. Ngoài ra tôi cũng là thành viên của Thanh Niên Tăng Ni trong Hội Đồng Tăng Già Thế Giới nữa. Quý vị đọc tiểu sử của tôi trong quyển Chùa VIÊN GIÁC rồi, thiết tưởng ở đây không nhắc lại lần nữa. Vì nó cũng chỉ tầm thường như bao sự tầm thường khác của thế gian thôi.

Nghĩa là tôi vẫn là một con người, như bao con người khác, có giận, hờn, buồn, vui v.v... nhưng nhịp độ nhiều hay ít, hay nói khác đi là tùy theo độ làm chủ của mình đến đâu mà thôi. Tôi không có tài; nhưng vì quý Thầy và quý Phật Tử thương, mến, kính trọng, phục v.v... nên mới tin tưởng mà giao phó trách nhiệm ấy thôi, chứ tôi là kẻ xuất thân từ chỗ quê mùa của xứ Quảng, nếu không có được con đường tiến thân qua sự xuất gia học đạo thì ngày nay tôi cũng chỉ là một người nông dân chân lấm tay bùn như bao nhiêu người khác ở tại quê hương đấy thôi. Ngày nay nghĩ lại mình đã được gì, thì đây là kết quả.

Về học lực, không hơn người và cũng không thua người. Nghĩa là không tệ lắm mà cũng không giỏi lắm. Người ta nói mình hiểu và nghe được và ngược lại khi mình nói người khác cũng hiểu được và nghe được.

Về Phật học, không cao siêu mà cũng không đến nỗi tệ. Nghĩa là giáo điển không hoàn toàn thông suốt; nhưng cũng không có nghĩa là bị bí lối khi phải luận bàn.

Về văn chương, thơ phú, không hay cũng không dở. Viết văn không phải là một cái nghề; nhưng nếu cần viết thì mọi đề tài có thể viết được. Tuy viết không hay; nhưng thường hay thích viết. Viết cho mình, viết cho đời và viết cho những gì cần viết. Văn của tôi rất bình dị, nghĩ như thế nào thì viết như thế ấy. Tâm hồn mình sao thì diễn tả nguyên vẹn như vậy, không hoa hòe. Đôi lúc cũng có chút tiểu thuyết hóa; nhưng đó cũng là 2

mặt trái phải của cuộc đời.

Về ứng phó, đạo tràng hay nói đúng hơn là nghi lễ, không giỏi cũng không dở. Nghĩa là những nghi lễ của Thiên Môn đều có thể tham gia được. Tụng kinh không hay như một số quý Thầy khác; nhưng lúc nào cũng muốn cầu tiến học hỏi và sửa mình.

Về ngoại giao cũng vậy, không dở cũng không giỏi. Nhờ biết nhiều ngoại ngữ nên rất thông thả trong việc tiếp chuyện với khách, hay tham dự nhiều lễ hội khác nhau. Đây không phải là sự thành công về năng khiếu, mà là kết quả của sự miệt mài trong quá khứ và điều đặc biệt là thích học ngoại ngữ. Ngay cả bây giờ cũng vẫn còn học nhiều loại ngoại ngữ khác nhau.

Về tổ chức, đã đi học hỏi nhiều nơi và ngay cả từ Sư phụ của mình tại quê hương; nên tôi đã biến chế thành của chùa Viên Giác tại xứ này. Vì vậy, với tôi, cái gì cũng không hoàn hảo, mà cái gì cũng không chịu bó tay. Tôi có thể nói chuyện với Tổng Thống ở Đài Loan, Thủ Tướng Singapore, hay ở Đức và các xứ khác; nhưng đồng thời tôi cũng có thể đi lau nhà và lau cầu tiêu bất cứ nơi đâu cần đến mình. Tôi không giỏi; nhưng có thể dùng được ở một số phương diện vừa kể trên, nên mới xây dựng thành tựu được ngôi chùa Viên Giác như thế và mọi người đến với tôi, với chùa, có lẽ ở nhiều phương diện khác nhau, chứ không phải chỉ có một.

Nay thì tuổi đã gần 50 rồi. Thời gian trôi nhanh quá, đã làm được rất nhiều việc; nhưng thật ra cũng chưa làm được gì cả. Vì trước mình đã có người làm rồi. Nay đang có người làm như thế

và tương lai cũng sẽ có nhiều người làm như vậy. Nên cuộc đời của tôi thường quán 2 chữ "như thị" để làm hành trang trong cuộc sống hằng ngày. Có rất nhiều người thương, mến, kính trọng, phục tôi; nhưng đồng lúc ấy cũng có nghĩa là có những người không thương mình, không mến mình, không phục mình và ngay cả việc không kính trọng mình nữa. Tất cả chỉ là "như thị"; nghĩa là như thế đấy. Tôi tập hiểu Đời và Đạo như vậy để được an tâm hơn; còn thị phi nhơn ngã, bỉ thử v.v... thì ở thế gian này đâu có ai thiếu, ai cũng dư thừa muốn đem san sẻ cho kẻ khác. Trong khi đó thì tình thương và trí tuệ, phước đức thiếu thốn một cách rất trầm trọng mà rất hiếm người đi kiếm tìm. Và chẳng cái bả công danh, mùi phú quý nó làm cho con người không có lối thoát? Là một người tu, chắc chắn ta phải học hai chữ "Vô Thường" thật thuộc lòng để mọi sự việc xảy ra trong cuộc đời này phải ý thức một cách triệt để vậy.

Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Viện chủ chùa Thiện Minh tại Lyon, Pháp, là Ủy Viên Tăng Sự, một Ủy Viên rất quan trọng trong Giáo Hội từ ngàn xưa và ngay cả ngày nay. Nếu một Giáo Hội mà chư Tăng, Ni không sống theo giới luật và phép lục hòa thì Giáo Đoàn đó sẽ bị tan vỡ. Một tôn giáo trải qua hơn 2.500 năm lịch sử tuy có thăng trầm đó; nhưng bản thể của Tăng Già bao giờ cũng phải thanh tịnh mới vượt qua được những khó khăn trở ngại. Nếu trong đoàn thể Tăng Già ấy có kẻ này làm sai, kẻ kia không phải là do nghiệp lực của mỗi người, phải tự sám hối ăn năn. Còn Tăng Già phải hiểu cho đủ nghĩa là một đoàn thể hòa hợp. Nếu không có tổ chức và chư Tăng Ni không tôn trọng giới luật thì chắc chắn Giáo Hội đó không tồn tại, mà

các bộ luật Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bồ Tát Giới, Sa Di, Sa Di Ni, Thúc Xoa Ma Na hay ngay cả Tỳ Ni, Oai Nghi và Quy Sơn Cảnh Sách là những Hiến Pháp của Phật Giáo đã quy định một cách rõ ràng để biết điều nào đúng, điều nào sai, mà áp dụng vào trong cuộc sống hằng ngày. Cũng có lắm điều ngày nay không còn thích hợp nữa trong các việc ăn, uống, ở, mặc, thuốc thang v.v... nhưng tựu chung chỉ nằm trong 4 Oai Nghi của người tu là Đi, Đứng, Nằm và Ngồi mà thôi. Vì lẽ ấy nên nhiệm vụ của Tăng Sự cần phải theo dõi, giúp đỡ Tăng Ni trong Giáo Hội khi gặp khó khăn hay tổ chức những khóa tu học và đàn giới cho Tăng Ni để thăng tiến trong cuộc sống mưu cầu giải thoát của mình.

Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt đến Pháp năm 1980, ban đầu ở chùa Khánh Anh và sau đó Thượng Tọa Thích Minh Tâm đề nghị Thầy về lo cho chùa Thiện Minh ở Lyon. Chùa này trước đây do Hội Phật Giáo tại vùng này thành lập; nên khi Thầy về mọi cơ cấu văn bản cũng đã có người đảm nhiệm; nhưng đến khi xây chùa Thiện Minh thực thụ như ngày hôm nay, kể từ năm 1984 đến nay, Thượng Tọa vừa là Hội Trưởng, trụ trì và kiêm nhiệm mọi việc điều hành của Hội.

Cách thành lập Hội và chùa ở Việt Nam khác và ở ngoại quốc cũng khác. Ở Việt Nam cũng có chùa Tổ Đình, chùa Tỉnh Hội hay Quận Hội. Đồng thời cũng có nhiều chùa do tư nhân tạo lập nên; nhưng vì Việt Nam là một xứ theo Phật Giáo đã lâu đời; nên có nhiều điều kiện tương đối dễ dãi, không rắc rối như ở ngoại quốc này. Vì vậy có một số Thầy khi bên đảo mới qua ty

nạn, lúc còn chân ướt chân ráo, nếu không có người hướng dẫn thì dễ bị xuống tinh thần khi ra làm việc chung với Hội tại đây; nhất là khi mà họ thấy công sức của họ đã đóng góp vào đó quá nhiều. Người Phật Tử đầu hiệu đạo đi chẳng nữa; nhưng ở đây luật pháp cho phép họ như thế, nên sự tương nhượng giữa chư Tăng và Phật Tử không thể có được, nếu Thầy ấy không nhiếp phục họ bằng con đường Đạo Đức hay phương diện nào khác, chắc chắn rằng vị Thầy ấy thất bại. Nhưng ở đây thì ngược lại, Thầy Tánh Thiệt đã thành công trong vấn đề cảm hóa và chinh phục mọi người Phật Tử và cuối cùng việc chùa Thầy đã lo trọn vẹn. Còn Phật Tử chỉ giữ vai trò phụ mà thôi. Như vậy phải là một Thầy có bản lãnh và khả năng mới có thể làm được việc ấy. Mà thật thế, từ hai bàn tay trắng cách đây 13 năm, hiện nay Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt đã tạo dựng được một ngôi chùa Thiện Minh trị giá khoảng 10 triệu tiền Pháp, tương đương 3 triệu Đức Mã; nhưng đặc biệt ở đây là chùa Thầy không mắc nợ ngân hàng, chỉ mắc nợ một ít Phật Tử; nhưng số tiền ấy không đáng kể. Ở đây phải đặt một câu hỏi mới là: Từ đâu và do đâu có được thành quả ấy? Nếu không phải do nhân duyên, do đức độ và do khả năng lèo lái của Thầy! Mà ở ngoại quốc ngày nay không phải chỉ có một Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt như thế, mà có rất nhiều Thầy, nhiều Cô đã vì sự phát triển của Đạo Pháp và sự tồn tại của Dân Tộc Việt Nam ở xứ người mà đã hành xử như thế. Hành xử việc cũng không vì mình, mà vì người, vì việc chung, cho nên chư Phật, chư Bồ Tát và chư Long Thần hộ pháp đã hỗ trợ Thầy như vậy. Dĩ nhiên đây là thành quả của Phật Tử tại Lyon nói riêng và tại khắp nơi trên thế giới nói chung; nhưng nếu không có những vị Tăng sĩ như

thế, chắc chắn Phật Giáo Việt Nam sẽ không được phát triển một cách rộng rãi cả chiều sâu của Đạo Pháp, lẫn chiều dài của lịch sử vậy.

Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, tán, tụng rất hay, đầy đủ thiền lực; nên đây cũng có thể là một yếu tố quan trọng để thành công trong việc Phật sự của Thầy. Chữ viết của Thầy tuy không đẹp mấy; nhưng Nho học và Hán học ngày nay mà còn được những người như Thầy, quả là điều quý hóa vô cùng. Thầy rất bình dân, xuề xòa và rất hăng say trong mọi công việc lao động cũng như xây cất chùa chiền, mà điều này nơi tôi là một sự khiếm khuyết. Tôi có thể viết bao nhiêu trang giấy trong cùng một lúc; nhưng rất khó có thể nâng một vật nặng 50 kg. Tôi không là một công tử trong chùa chiền; nhưng vốn dĩ từ nhỏ đến lớn chỉ quen với cây viết, nên tôi đã không được như Thầy. Đây cũng là cách thành công của Thầy trong khi xây dựng ngôi chùa Thiện Minh tại Lyon vậy.

Bây giờ, có ai đó là khách thập phương đi ngang qua vùng Lyon, ghé thăm chùa, thấy phong cảnh đẹp đẽ, nguy nga tráng lệ của ngôi chùa, chắc chắn phải nhớ nghĩ đến Thầy, là người đã bỏ biết bao nhiêu tâm lực và sức lực để kiến tạo nên ngôi chùa ấy. Rồi 100 hay mấy trăm năm sau nữa, có ai đó sẽ đi qua, hay biết đâu trong kiếp luân hồi sinh tử, Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt sẽ vì lời nguyện mà về đây để hóa độ chúng sanh, thì những dấu chân mòn theo thời gian năm tháng của kiếp nhân sinh, sẽ kéo lui Thầy về dĩ vãng để nhớ lại một đoạn đường mà mình đã bỏ xú ra đi để mang Đạo vào Đời và ngày

hôm nay mình vẫn còn có cơ duyên để trở lại, nhìn ngắm công trình xưa, để tô bồi thêm một giai đoạn của lịch sử tâm linh và chính những lúc ấy tâm Thầy sẽ chùng xuống, hiện lên nơi A Lợi Gia Thúc của mình không biết bao nhiêu là hình ảnh của quá khứ đã trôi qua, mà lúc ấy có lần Thầy đã là Ủy Viên Tăng Sự của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Viện chủ Ni Viện Bảo Quang, Hamburg, Đức Quốc, là Thủ Quỹ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Tôi biết Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm từ khi ở quê nhà. Nhà của Ni Sư và nhà của tôi ở cách xa chỉ một đường mương. Trong làng tôi hay nói đúng hơn là trong xã của tôi ở thuộc về miền đồng bằng trung châu của tỉnh Quảng Nam, nằm cạnh con sông Thu Bồn, bốn mùa mang phù sa đến cho đất đai tròng trọt, đồng thời cũng mang tai họa đến cho người dân tại đây, nhất là những trận lụt kinh thiên động địa vào năm 1964 và 1966. Nhà cửa, trâu, bò, heo, gà và dĩ nhiên là cả hoa màu đều bị cuống trôi theo dòng nước. Mọi người đói và chết vô số kể. Dòng sông này là một trong những dòng sông chính của tỉnh Quảng Nam. Tuy quê hương xứ Quảng nghèo, mà đã sản sinh ra được nhiều người con của lịch sử như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ôn Ích Khiêm, Hoàng Diệu v.v... thời nào cũng có nhiều tướng tài và nhiều người khoa bảng, thi cử đỗ đạt ra làm quan. Nhưng có một điều cũng hơi lạ là người Quảng Nam càng xa quê bao nhiêu thì càng ăn nên làm ra, học hành đỗ đạt cao bấy nhiêu. Có lẽ cái hồn thiêng sông núi ấy đã hun đúc nên con

người của xứ Quảng Nam chẳng? Trong một tỉnh Quảng Nam chắc có ít nhất cũng không dưới 400 người đi tu, riêng xã Xuyên Mỹ, nơi mà tôi sinh ra đó đã có tới hơn 40 người đi xuất gia cầu đạo giải thoát. Từ năm 1957 đến nay đúng 40 năm, xã tôi đã có được những con người như thế; không phải vì thất tình hay công danh không thành đạt mà bỏ đi tu. Hầu hết những người đi xuất gia ở đây đều vì lý tưởng. Vì thế suốt hơn 40 năm với bao thử thách với gió sương và cạm bẫy của cuộc đời; nhưng hầu như những người tu này họ không nản chí. Họ đã có lòng tin thật vững chắc; nên từ ấy đến nay chỉ có một hay hai người hoàn tục, trở lại với cuộc sống thế trần. Cho hay cái hồn thiêng sông núi, địa lý và con người nó cũng giữ một vai trò quan trọng trong ý chí lập nên công danh sự nghiệp ở đời, hay gầy dựng sự nghiệp giải thoát của mỗi người tu chẳng?

Ni Sư Diệu Tâm ra đi từ nơi chốn ấy và sau những năm ở chùa Bảo Thắng tại Hội An từ năm 1957, sau đó ra chùa Bảo Quang tại Đà Nẵng tu học và làm việc trong Cô Nhi Viện Diệu Định cho đến năm 1975, sau đó cũng có ra vô Sài Gòn và năm 1984 Ni Sư đã sang Đức với lý do có người em ruột đã du học tại đây. Đó là Phật Tử Thị Minh Văn Công Trâm. Trâm là bạn cũ học cùng trường Tiểu học với tôi và ngày hôm nay tôi có mặt tại Đức phần lớn là nhờ Trâm ở thuở ban đầu. Nếu không có Trâm lo lắng giấy tờ từ Nhật sang Đức từ năm 1977 thì đời tôi lại có nhiều khúc quanh khác nữa.

Trâm bây giờ là Bác sĩ và đã quy y với tôi từ những năm tôi mới đến Đức, nên mới có pháp danh bắt đầu từ chữ THỊ. Còn

vợ Trâm, Thị Vân Hồ Thy Kiều quy y với Thượng Tọa Thích Như Vạn, cũng là người tôi đã giới thiệu cho Trâm và Kiều từ Nhật đến Đức từ năm 1980. Ngoài ra Nguyên Đạo Văn Công Tuấn là một Phật Tử thuần thành, em ruột của Ni Sư cũng đã giúp Ni Sư rất nhiều trong việc điều hành công việc Hội và Chùa trong giai đoạn lúc ban đầu. Sau đó thành hôn với Thị Chấn La Phấn cũng là đệ tử tại gia của tôi. Như vậy một gia đình sùng đạo từ quê hương, qua đây cũng gặp toàn là những thuận duyên cho việc thực hành giáo lý thậm thâm vi diệu của Đức Phật. Quả là phúc báu vô ngần.

Thị Minh Văn Công Trâm trong những ngày đầu cũng đã hỗ trợ tôi rất nhiều với Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đã tổ chức thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử tại Đức từ năm 1978 và sau đó đổi thành Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức Quốc. Riêng Niệm Phật Đường Viên Giác là tiền thân của Chùa Viên Giác trong hiện tại cũng đã được quý anh chị em Sinh Viên Phật Tử hỗ trợ tôi một cách nhiệt thành, nên mới tồn tại cho đến ngày hôm nay. Ôn nghĩa ấy trong đời, tôi sẽ không bao giờ quên cả. "Người làm ơn nên quên và kẻ chịu ơn nên nhớ". Đó là câu tục ngữ của người xưa và câu này có lẽ vẫn mãi còn giá trị với con người cũng như muôn vật.

Có một điều cũng phải cảm ơn Ni Sư Diệu Tâm; nếu năm 1984 Ni Sư không qua Đức, thì tôi không có cơ hội để có mối liên lạc trở lại với quê hương và Thầy Tổ cũng như bạn Đời, bạn Đạo đã xa cách trước năm 1975 và những năm 1975 đến 1980 là những năm tại Việt Nam kinh tế khó khăn, lòng người ly tán.

Cũng vì thân tình với quê hương, với bạn bè đó mà sự liên hệ ấy tôi vẫn giữ cho đến ngày hôm nay. Bao nhiêu thăng trầm, thay đổi của cuộc đời, nó chỉ là những vấn đề thử thách cho tâm thức của mình mà thôi.

Chùa Bảo Quang hay Ni Viện Bảo Quang tại Hamburg đã được thành lập trong những đầu năm thập niên 90, trong khi chùa Viên Giác tại Hannover đang xây dựng; nên thuở ấy tôi đã không đóng góp được một vài công việc trực tiếp nào; nhưng hy vọng trong tương lai, nếu Ni Bộ tại Đức phát triển nhiều hơn, chắc chắn tôi sẽ không thiếu sự đóng góp của mình vào đó.

Về Ủy Viên Hoàng Pháp nhiệm kỳ đầu do Đại Đức Thích Nhất Chơn và Đại Đức Thích Thiện Huệ đảm nhiệm. Bây giờ cả hai Thầy đã lên Thượng Tọa và là hai vị giảng sư rất nổi tiếng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Thượng Tọa Thích Nhất Chơn bây giờ là Ủy Viên Giáo Dục và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ là Ủy Viên Hoàng Pháp. Cả hai Thầy trước đây theo diện đoàn tụ gia đình đã sang Pháp, định cư tại Marseille, đã có lần ở chùa Pháp Hoa với Hòa Thượng Thích Thiên Định. Sau đó đổi lên Paris và trú ngụ tại chùa Khánh Anh từ hơn 10 năm nay.

Hai Thầy là hai anh em ruột, giống như tôi với Thầy Bảo Lạc; nhưng thân tình hơn, cùng ở một chùa, ở chung trong một phòng và ý kiến thì hay trao đổi với nhau, mỗi khi một trong

hai người cần đến.

Gia đình của hai Thầy là gia đình học thức, ông cụ thân sinh của hai Thầy có tên là Nguyễn Văn Tạo, là Tác giả của hai bộ Anh-Việt và Việt-Anh tự điển rất nổi tiếng trong giới học giả của Việt Nam. Ngoài ra hai Thầy cũng có một người anh đang dạy tại Đại Học Havard, Mỹ; thông thạo tiếng Sanscrit và tác giả của bộ Thiên Đạo Tu Tập có pháp danh là Nguyên Hạnh. Sinh ra trong một gia đình như thế ắt hẳn được ảnh hưởng rất nhiều về cách giáo dục con cái của mẹ cha và anh chị; nên khi lớn lên, học ở Đại Học Vạn Hạnh và đi xuất gia, đó là những môi trường khiến quý Thầy có nhiều điều kiện nghiên cứu sâu hơn về giáo lý Đại Thừa, đặc biệt về Tánh Không và Tịnh Độ.

Nếu ai đó nghe được Thượng Tọa Thích Thiện Huệ giảng pháp một lần, không thể nào không muốn nghe thêm lần thứ hai nữa. Thầy giảng rất lưu loát, hoạt bát. Có lối nói chinh phục người nghe, nhất là khi Thầy giảng về Phát Bồ Đề Tâm, làm cho người nghe lắng đọng tâm tư của mình để trở về với nội tâm sâu thẳm, vốn hằng thanh tịnh ấy. Thầy đặc biệt có trí nhớ rất dai và thuộc nhiều tình tiết cũng như nhân vật trong các truyện Tàu. Do vậy khả năng chọn lọc cho vào tâm thức của Thầy về các mẫu chuyện của Phật Giáo, đối với Thầy Thiện Huệ không khó mấy.

Thượng Tọa Thích Nhất Chơn, bào huynh của Thầy Thiện Huệ, là người điềm tĩnh và hay đi vào trong sâu thẳm của triết học Tánh Không, Bát Nhã, Bất Nhị; nên nhiều lúc nghe không hiểu gì cả; nhưng nếu ai đó đã có duyên nghe Thầy Nhất Chơn giảng

rồi thì không thể nào quên được. Họ thường hay nói rằng: Thầy Nhất Chơn giảng rất hay, tuyệt diệu; nhưng nhiều khi cũng "bốc khói". Danh từ ấy dùng để chỉ trạng thái khó khăn khi liễu ngộ được tính không, quá đúng. Vì vậy khi nghe Thầy Thiện Huệ giảng thì cũng nên nghe Thầy Nhất Chơn giảng để trí óc được quân bình.

Bây giờ hai Thầy tuổi đời trên 45 và dưới 50; còn khả năng và sức lực rất nhiều để phục vụ cho Giáo Hội và lý tưởng hoàng pháp đó. Do vậy nơi đâu có sự hiện diện của quý Thầy là nơi ấy có nhiều học viên, giới tử tới tham cầu học đạo.

Hai Thầy và tôi đã có cơ duyên làm việc đạo tại Âu Châu cũng như Canada trong hơn 10 năm nay: nên cũng đã hiểu biết nhau rất nhiều và mong rằng những năm tháng còn lại của cuộc đời, quý Thầy có cơ hội đóng góp phần mình vào công việc hoàng pháp để việc giáo hóa chúng sanh tại Châu Âu này được lợi lạc nhiều hơn.

Ủy Viên Thanh Niên Phật Tử lúc bấy giờ là Đại Đức Thích Trí Minh. Bây giờ Thầy đã được Giáo Hội tấn phong lên hàng Thượng Tọa, Thầy đang trụ trì chùa Khuông Việt tại Oslo và là Hội Trưởng Hội Phật Giáo tại Na Uy. Thầy lớn hơn tôi độ 3 tuổi; nhưng tâm hồn Thầy rất trẻ trung, vui vẻ, lúc nào cũng hoạt bát, nói chuyện không ngừng và thích hợp cho mọi lứa tuổi từ già đến trẻ. Đề tài của Thầy tuy không sâu sắc như Thầy Nhất Chơn; nhưng đã làm cho nhiều người cười vỡ bụng trong những mẩu chuyện khôi hài của chốn Thiền Môn. Tôi vẫn

thường hay nói với Thầy rằng: Thầy nên biên thành một quyển sách, lấy tên là "Giai thoại Thiền Môn" thì hay biết mấy. Thầy cười và bảo rằng: Nói thì dễ cười, chú viết thành văn để đọc thì khó cười lắm. Có lẽ điều ấy đúng.

Từ những đặc điểm đặc biệt ấy, Thầy được Giáo Hội cử vào chức vụ Ủy Viên Thanh Niên và Gia Đình Phật Tử quả là điều xứng đáng vô cùng. Ngoài khả năng kể chuyện, thuyết pháp ra, Thầy còn có một âm điệu tán, tụng, rất du dương trầm bổng, khiến ai nghe qua cũng muốn phát tâm cầu đạo giải thoát. Ngày xưa và ngay cả ngày nay cũng vậy, ngôn ngữ được thể hiện qua thơ văn vẫn dễ đi vào lòng người hơn. Ở đây là những bài kinh, bài kệ của Phật Giáo cũng thuộc dạng thơ văn, nên khi tán, tụng, có âm điệu du dương trầm bổng, dễ cảm hóa con người lúc vui cũng như lúc buồn.

Ủy Viên Cư Sĩ do Đại Đức Thích Quảng Bình đảm nhiệm từ ngày ấy cho đến nay và hiện tại Thầy đã được Giáo Hội tấn phong lên hàng Thượng Tọa, lo lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo tại Đan Mạch.

Trong thời gian qua, Thầy cũng đã bỏ rất nhiều công sức vào cho các Phật sự tại các địa phương ở Đan Mạch cũng như của Giáo Hội Trung Ương Âu Châu, nhưng Phật sự tại Đan Mạch sau hơn 10 năm làm việc, Thầy cũng không phải chỉ gặp toàn thuận duyên không, mà đôi khi nghịch cảnh cũng làm Thầy nản lòng.

Thầy thuyết pháp và tụng kinh không hay như nhiều Thầy khác; nhưng Hán văn rất lão luyện. Vì lúc nhỏ có tu học tại các Phật Học Viện ở miền Trung và chính vì vậy, môi trường dạy các Phật Học Viện rất thích hợp với Thầy. Từ năm 1996 và năm nay 1997 suốt hai mùa an cư này, Thầy đã về chùa Viên Giác tại Hannover, cùng tu học và cùng giảng kinh, luật, luận bằng chữ Hán cho quý Cô quý Chú xuất gia, cũng như những Phật Tử tại gia đang hướng về con đường giải thoát.

Mơ ước của Thầy là muốn tại Âu Châu có một Phật Học Viện để đào tạo Tăng tài. Chính vì thế năm 1995 khi có phiên họp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại chùa Viên Giác, Hannover, đa số chư Tăng Ni đều đồng ý biến nơi đây thành một Phật Học Viện và cá nhân tôi cũng rất tán thành về ý kiến ấy.

Về lãnh vực Cư sĩ Thầy ít thành công hơn lãnh vực Tăng sĩ, lo cho Tăng sĩ tu học. Vì vậy ở lãnh vực này chắc Thầy cần thêm những người phụ tá đắc lực hơn.

Về Ủy Viên Nghi Lễ, Đại Đức Thích Quán Không đảm nhiệm. Thầy được Giáo Hội truy phong lên Thượng Tọa nhân lúc Thầy viên tịch vào cuối năm 1995 tại Na Uy lúc tuổi đời mới 42. Quả thật cuộc đời là vô thường, ai hiểu được sự sống chết ra sao? Có đó rồi mất đó. Những gì Đức Phật đã dạy cách đây mấy ngàn năm về trước và những gì đã xảy ra trong quá khứ, dẫn đến hiện tại hay vị lai chắc chắn sẽ không thay đổi một mảy may nào. Vì

bản chất của cuộc đời là biến đổi.

Thầy là một người có giọng xướng và tán tụng rất hay, có thể nói là hay nhất tại Âu Châu lúc bấy giờ. Thầy đã ngồi đàn chần tế tại Âu Châu 3 lần, trong cương vị là Sám Chủ. Lần thứ nhất, nhân lễ Khánh Thành và Đại Giới Đàn Liễu Quán tổ chức tại chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp, năm 1990. Lần thứ hai, Thầy ngồi đàn chần tế và vớt vong nhân lễ Khánh Thành chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc, năm 1991 và Lần thứ ba, nhân lễ An vị Phật chùa Khuông Việt vào năm 1994.

Thầy Trí Minh có công gây dựng Hội, thì Thầy Quán Không có công tô bồi, xây đắp cho ngôi chùa Khuông Việt tại Na Uy. Từ một ngôi nhà bình thường, nay Phật Giáo tại Na Uy có một ngôi chùa rất đẹp, trị giá chừng 10 triệu Krone, tương đương với 2 triệu Đức Mã. Ở tận miền Bắc Âu Châu, nơi đây xứ lạnh, băng giá quanh năm; nhưng tình người con Phật rất nồng thắm. Biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt và khó khăn, ngôi chùa Khuông Việt mới thành tựu như ngày hôm nay. Nghe đâu Thầy bị bệnh xơ gan đến thời kỳ bất trị, rồi đi vào cõi vĩnh hằng trong một chiều đông tuyết giá cũng chỉ vì bao nhiêu tâm lực, sức lực và nguyện lực, Thầy đã dành hết cho ngôi chùa, nên mới ra nông nổi ấy. Nhưng đó là nghiệp hay duyên, là tình cờ hay hữu ý cũng chỉ vì vạn pháp do nhân duyên sanh thì vạn pháp cũng phải do nhân duyên diệt mà thôi. Thời gian có xuân, hạ, thu, đông, thì con người cũng phải có sanh, già, bệnh, chết. Đó là một định luật, có ai chối cãi được đâu. Điều đáng nói là mình có làm được gì trong lúc sống không, để nhân thế, sau khi

mình đã ra đi, khi nhìn lại quá khứ, ít ra cũng thấy được rằng những kẻ đi trước không phải là những kẻ thờ ơ lãnh đạm với cuộc đời, với nền đạo, mà là những người đã hết mình vì Đời vị Đạo xả thân, để ngày ra đi không còn gì ân hận nữa.

Hôm quan tài Thầy được quàng tại chùa Khuông Việt, mặc dầu lúc đó chùa chưa xong trọn vẹn, tôi nghĩ rằng có lẽ ước nguyện Thầy cũng chưa thành; nhưng biết đâu trong cái còn lại đó, để cho những người kế thừa đi sau có cơ hội để hoàn tất chương trình của người đi trước đã vạch ra. Ôi! đời là mộng ảo.

Vào tháng 9 năm 1995 Thầy và quý Thầy từ Na Uy qua tham dự phiên họp của Giáo Hội được tổ chức tại chùa Viên Giác, trông Thầy xanh xao, mệt mỏi và lo lắng nhiều. Một phần vì ngôi chùa quá nặng đã đè lên vai Thầy, một phần vì trách nhiệm của Giáo Hội đã giao phó và là Trưởng Tử của Như Lai, đó là bốn phận Thầy cần phải làm cho sanh chúng. Sau cuộc họp, Thầy có nhờ tôi cho Thầy mượn một ít tiền để trang trải cho thầy thợ của ngôi chùa đang xây. Tôi rất thông cảm và sau đó gởi Thầy 5.000 Đức Mã, số tiền ấy tuy không nhiều, độ chừng 20.000 Krone thôi; nhưng theo kinh nghiệm của tôi lúc làm chùa, thiếu tiền mua một bao xi-măng chỉ 8 Đức Mã cũng không có. Nếu lúc ấy có ai cho mượn hoặc cúng dường chừng vài chục đồng cũng thấy đỡ khổ tâm rồi. Ai có xây chùa rồi mới biết làm việc đạo tại ngoại quốc này nó chẳng đơn thuần một chút nào cả. Riêng tôi cũng đã đi khát thực trong khi làm chùa Viên Giác; nên rất thông cảm với Thầy và số tiền 5.000 Đức Mã ấy xin đóng góp một phần nhỏ cho công việc xây chùa

Khuông Việt của chùa Viên Giác và Phật Tử tại xứ Đức này; xin quý Thầy đi sau không cần phải hoàn lại số tiền ấy. Tiền bạc nó chỉ có giá trị là phương tiện của cuộc đời, chứ không là mục đích để làm cho đời được trong sáng, đôi khi ngược lại là đàng khác.

Mới đây tôi có đọc tập san "Đường Sáng" số 12 xuất bản vào Phật Đản 2541, từ chùa Cổ Lâm ở Seattle, Mỹ quốc, nơi Thượng Tọa Thích Nguyên An trụ trì, trong khi xây chùa cũng thiếu thốn mọi bề, nên Thầy và Tăng chúng đã xuống đường đi khát thực, để xin lòng vị tha bố thí của mọi người, về điểm tô cho ngôi chùa hoàn bị. Nhìn hình ảnh này đáng trân quý biết là dường bao. Không biết quý Phật Tử nghĩ sao, chứ tôi thì thấy đẹp đẽ vô ngần. Vì "đoạn trường ai có qua cầu mới hay" là thế đó. Ở đời hay ở đạo gì cũng vậy, không ai giỏi hơn ai cả. Để thành công một việc gì đó, ắt không hẳn chỉ do tài cán, mà còn do nhân duyên, nghiệp lực và hoàn cảnh chung quanh nữa. Tất cả chỉ là những thử thách đối với ý chí của người tu. Ai vượt qua được, kẻ ấy sẽ thành tựu đại nguyện. Ai không kham, chúng tỏ năng lực nội tại cần phải phát triển thêm.

Hôm nay viết cho Thầy Quán Không những lời này cũng chính là viết cho tôi và cho những người trong mai hậu khi làm một vấn đề gì không thể quên đi vấn đề ý chí và niềm tin được. Vì chính những việc này, sẽ quyết định mọi sự thành công hay thất bại trong cuộc đời.

Ủy Viên Từ Thiện Xã Hội lúc bấy giờ là Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân. Bây giờ là Ni Sư và đang trụ trì chùa Quan Thế Âm Ni Tự

tại Aachen, Đức quốc.

Ni Sư vốn xuất thân trong gia đình có đạo đức, có lòng thâm tín nơi Tam Bảo, nên hầu như cả gia đình đều đã quy y Tam Bảo và xuất gia, cả thầy khoảng 10 người. Đó là Thầy Thiện Tâm, Ni Sư Diệu Ân, Thầy Minh Phú, Thầy Từ Trí, Thầy Thiện Sơn, Ni Sư Diệu Hạnh, Cô Minh Loan, Cô Diệu Chương và vài Chú Tiểu nữa. Như vậy đây là một gia đình Phật Hóa Phổ, đã có mặt với Đời với Đạo từ quê hương và khi ra ngoại quốc cũng đã đóng góp cho sự thành trưởng của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Đức từ năm 1979 đến nay.

Năm 1979 đến 80 và 81, Thượng Tọa Thích Minh Phú, hiện trụ trì chùa Thiện Hòa có về ở chung với tôi tại Niệm Phật Đường Viên Giác và chùa Viên Giác cũ ở đường Eichelkamstr. trong hai năm và sau đó Ni Sư Diệu Ân cũng đã về chùa Viên Giác ở mấy tháng trong những năm đầu 80 khi mới dọn về ngôi chùa được sửa đổi từ một cơ sở hăng xưởng của ông Steinmann.

Thầy Minh Phú rất xuề xòa và vui vẻ; nên giới trẻ rất thích Thầy. Hiện tại Thầy trụ trì ngôi chùa Thiện Hòa tại Mönchengladbach, Ni Sư Diệu Ân có được cái khéo léo trong việc trần thiết cũng như cổ chay và đặc biệt là làm thơ rất hay, có tâm hồn cao thượng với sự giải thoát. Ni Sư có người em ruột là anh Mai Vi Phúc, học xong Đại Học tại Việt Nam, có viết văn và làm báo từ đó cho đến nay, tại Việt Nam cũng như Hải Ngoại.

Thầy Thiện Tâm thì điềm đạm ít nói; nhưng mỗi một việc làm gì Thầy cũng cân nhắc rất kỹ lưỡng và sự thành công phải nằm trong tay Thầy mới thực hiện. Những năm đầu Thầy hay sinh hoạt trong Chi Bộ; nhưng sau đó thì ẩn tu.

Thầy Từ Trí xuất thân từ Giáo sư Toán; nên những suy nghĩ rất chính xác, như tính xác xuất của một bài toán đại số vậy. Tánh tình Thầy rất hiền hòa và thích tự tu, tự độ và ít xuất hiện nơi đông người.

Riêng Thầy Thiện Sơn là một trong những Thầy trẻ, hiện du học tại Đài Loan có khả năng nói được nhiều ngôn ngữ rất lưu loát như Hoa, Anh và Đức ngữ, là một trong những mầm non của Tăng Sĩ tại xứ Đức này.

Ngoài Hạnh Tấn, Hạnh Nguyên, Hạnh Bảo và các Cô các Chú tại chùa Viên Giác ra. Tại Đức bây giờ và mai hậu phải cần những người như thế, nhằm tô bồi cho không gian này và Đạo Pháp tại xứ này càng ngày càng phát triển nhiều hơn; nên không thể thiếu những người tài giỏi như vậy trong tương lai.

Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh, trụ trì chùa Phật Bảo tại Barntrup, là em ruột của Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân cũng rất giỏi trong việc chữa bệnh, cho thuốc và làm các thức ăn chay thật tuyệt mỹ. Chùa Phật Bảo tuy nằm nơi hẻo lánh ở vùng quê; nhưng rất nhiều người đến thăm viếng. Vì lý do Ni Sư hay tế độ cho quần sanh trong lúc ngặt nghèo, bệnh tật, nên đó cũng là một điều rất dễ hiểu vậy.

Còn Cô Minh Loan và Cô Diệu Chương không còn tu nữa; nhưng trước đây quý Cô cũng đã đóng góp công sức chung cho Chi Bộ tại Đức này rất nhiều. Trong Giáo Hội Âu Châu, nhất là thành phần lãnh đạo, chỉ có tính cách tiêu biểu, nhưng thật sự ra Phật sự tại các địa phương rất quan trọng. Vì lẽ nếu không có địa phương, hoặc tại địa phương Phật sự không thông suốt thì tại Trung Ương cũng sẽ có vấn đề.

Ngoài ra cũng còn có nhiều vị tại Âu Châu, tuy không hoạt động trực tiếp trong Giáo Hội ở nhiệm kỳ đầu, như Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn, Đại Đức Thích Thông Trí, Đại Đức Thích Thanh Khánh, Đại Đức Thích Tâm Huệ, Đại Đức Thích Lệ Nguyên, Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Sư Cô Thích Nữ Minh Hiếu, Sư Cô Thích Nữ Tịnh Châu v.v... và còn độ chừng 30 vị mới xuất gia tu học nữa, không có điều kiện để giới thiệu hết vào đây. Vì lẽ chỉ giới thiệu những vị cốt cán trong Giáo Hội mà bên Nội Quy của Giáo Hội đã được thông qua vào năm 1990 tại Na Uy vừa qua.

Phụ Tá Ủy Viên Tăng Sự là Đại Đức Thích Minh Giác, Thầy là người sáng lập ra Niệm Phật Đường Niệm Phật tại Hoorn, Hòa Lan, và cũng là người khai sơn ra chùa Vạn Hạnh gần Amsterdam, nhưng Thầy không trụ trì tại đó, mà Đại Đức Thích Thông Trí trụ trì tại đây.

Hòa Lan là một xứ hiền hòa, nằm trên những con đê ngăn nước biển, nằm bên những ao hồ, sông lạch rất thơ mộng; nên cũng hợp với những tâm hồn hiền hòa của quý Thầy tại đây. Nếu

ngày xưa tôi được qua Hòa Lan, chắc chắn đây không phải là nơi dụng võ của mình. Vì khả năng của tôi phải cần làm nhiều việc cùng một lúc, phải là xứ Đức mới dung chứa tôi được. Nếu ở Hòa Lan sự vầy vùng của mình có thể làm cho sông nước, ao hồ ở đây không thích nghi chẳng? Và lại đây có thể nói rằng do Phật đã bỏ xứ vậy. Thuận đâu thì đi đó, chỉ định đúng người nào thì người đó phải vâng mệnh mà thi hành là vậy.

Ngôi chùa Vạn Hạnh ngày nay rất xinh xắn, khiến khách thập phương nếu ai đã có lần sang viếng, khi về nơi tạm dung của mình cũng không khỏi khen thắm, là quý Thầy nơi đây có một cái nhìn sâu thẳm về nội tâm, nên mới tìm mua được ngôi nhà như thế để làm chùa và cách sắp đặt ngoại cảnh của ngôi chùa trông rất hợp nhãn với cảnh trí của một Thiền Môn nơi ngoại quốc. Hy vọng rồi đây dưới sự điều động của quý Thầy tại Hòa Lan, trong ấy có Thầy Thanh Khánh nữa, sẽ làm cho Phật Giáo nơi đây ngày thêm phát triển và tùy theo bối cảnh của từng quốc gia mà Phật Giáo sẽ thích nghi với hoàn cảnh tại đó.

Phụ Tá Ủy Viên Nghi Lễ là Đại Đức Thích Quảng Hiền. Thầy đang ở Thụy Sĩ và trước đây trụ trì Niệm Phật Đường Trí Thủ ở thủ đô Bern; nhưng nay thì cơ ngơi không yên, nên Thầy không còn trụ trì tại đó. Tuy vẫn còn ở lại Thụy Sĩ để chăm lo việc đạo cho đồng bào Phật Tử tại đây.

Thụy Sĩ là một xứ rất hiền hòa và giàu có, nhất là lòng nhân đạo đối với con người. Do đó tôn giáo cũng hưởng được nhiều quy chế đặc biệt. Tuy nhiên trong giới Tăng sĩ cũng như Phật

Tử của chúng ta tại Thụy Sĩ chưa khai thác hết những nhu cầu của mình và những đối tượng mà chính phủ có thể giúp được trên phương diện tinh thần và lãnh vực văn hóa; nên đó cũng là một thiệt thòi lớn cho Giáo Hội của chúng ta tại địa phương này. Ví dụ tại Thụy Sĩ tín đồ các Tôn Giáo cũng phải đóng thuế cho chính phủ, rồi chính phủ lấy tiền thuế ấy một phần giúp cho các Tôn Giáo về các khoản trợ cấp từ thiện, xã hội chẳng hạn. Trong khi đó đồng bào Phật Tử của chúng ta ở Thụy Sĩ cũng đóng thuế cho chính phủ gần 20 năm rồi, và con số Phật Tử không dưới 5.000 người, họ dự định sẽ chi số tiền ấy ra cho Phật Giáo. Vì số tiền thuế ấy cũng do người Phật Tử Việt Nam đóng góp, bây giờ họ trả lại trên hình thức giúp đỡ cho mình; nhưng nếu mình không có một chương trình rõ rệt và không có nhân sự điều hành công việc, chắc chắn những dự án cũng khó thực hiện được. Khi mà chưa tạo lòng tin được nơi chính phủ thì khó mà có được những kết quả cụ thể. Mặc dầu bây giờ tại Thụy Sĩ đang có một ngân khoản như vậy và vẫn chờ đợi công việc chín muồi cũng như người có khả năng và nhất là vấn đề hội nhập cũng như sự đoàn kết của người Việt Nam mình tại Thụy Sĩ.

Thầy Quảng Hiền, trong cương vị Phụ Tá Ủy Viên Nghi Lễ, Thầy có giọng tụng và tán rất hay, đã chinh phục được nhiều người; nhưng phần vì Thầy mới đến Thụy Sĩ, điều đầu tiên phải lo học ngôn ngữ và làm quen với phong tục, tập quán tại đó; nên trong thời gian qua Phật sự tại Thụy Sĩ tuy có một vài hoạt động nổi bật; nhưng cũng chưa tương xứng với vị trí và vai trò của nước Thụy Sĩ nằm giữa trung tâm điểm của Âu Châu.

Trong suốt bao nhiêu năm trường ấy tại Thụy Sĩ có một ít Chùa và Niệm Phật Đường cũng như một vài cơ sở từ thiện hoạt động; nhưng tựu chung cũng chỉ trong phạm vi người Việt. Còn sự liên hệ giữa người Việt và người Thụy Sĩ thì có phần thiết sót. Hy vọng sẽ có một ngày, tại Thụy Sĩ, Phật Giáo sẽ đóng góp xứng đáng vai trò của mình nơi đây vậy.

Các nước Bắc Âu Châu như Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển và Đan Mạch cũng đã giúp đỡ rất nhiều cho các Hội Đoàn người Việt Nam, đặc biệt là Phật Giáo. Mặc dầu chính phủ không giúp trực tiếp những hoạt động của tôn giáo. Vì nếu giúp một tôn giáo này thì phải giúp các tôn giáo khác; nên chính phủ chỉ giúp những gì có tính cách văn hóa và từ thiện. Vì lẽ ấy các Chùa, Niệm Phật Đường tại các xứ này đã thừa hưởng được những lợi ích đó từ chính phủ mà tại Pháp hay Bỉ không có được. Ví dụ, thông thường ở những nơi khác khi gia nhập vào một tổ chức, hội viên đó phải đóng nguyệt liễm hoặc niên liễm cho tổ chức, thì tổ chức ấy mới có ngân quỹ mà điều hành. Ngược lại ở những nước Bắc Âu, chính phủ suy nghĩ khác và giúp các tổ chức ở đây một cách đặc lực. Vì họ nghĩ rằng vào hội là một trách nhiệm cao cả của mọi người dân đối với tổ chức; nên chính phủ căn cứ vào số hội viên của tổ chức có được mà chi viện tiền bạc cũng như phương tiện công cộng để cho tổ chức ấy hoạt động, thay vì hội viên phải đóng tiền như các nơi khác. Do vậy, nếu tổ chức nào có số hội viên đông đảo, thì tổ chức ấy sẽ được nhờ. Ví dụ chùa Khuông Việt và các Chi Hội tại Na Uy là một trong những ví dụ điển hình như thế. Tại Thụy Điển cũng đã và đang hưởng quy chế này. Tôi tin rằng Phần

Lan và Đan Mạch cũng vậy. Vì các nước Bắc Âu này có hệ thống hành chính giống nhau.

Riêng tại xứ Đức, qua bao nhiêu sách vở tôi đã viết, cũng đã giới thiệu ít nhiều về sự tài trợ của chính phủ Đức cho ngôi chùa Viên Giác từ năm 1980 đến nay, đã 17 năm rồi, mỗi năm trung bình chừng 150.000 Đức Mã. Tổng cộng trong 17 năm là 2.550.000 Đức Mã. Hơn hai triệu rưỡi Đức Mã, tức tương đương với 1 triệu rưỡi Mỹ kim. Con số này quá lớn, có lẽ trên thế giới chưa có nơi nào được điều này. Chúng ta thử nghĩ: Tại sao nước Đức giúp người tỵ nạn và Phật Giáo Việt Nam? Vì họ quan niệm rằng: Nếu một người không có tôn giáo, sẽ làm cho trật tự xã hội bị băng hoại; và giúp về những hoạt động văn hóa của Tôn Giáo đó cũng có nghĩa là giúp cho sự an ổn của một xã hội vậy. Nếu chính phủ Đức trực tiếp đứng ra lo lắng, số tiền kém gấp 10 lần, chi bằng họ trợ giúp cho một số tổ chức nào đó có bình diện liên bang, lo lắng cho đồng bào, số tiền kém không nhiều, mà họ cũng đỡ đi một gánh nặng trong việc tổ chức điều hành.

Tại Đức trước đây có nhiều cơ sở được chính quyền và các cơ quan từ thiện giúp đỡ tài chánh và vấn đề điều hành như: Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam tại Bonn, Trung Tâm Độc Lập tại Stuttgart và chùa Viên Giác. Các Trung Tâm trên đã hoàn thành trách nhiệm lo hội nhập cho đồng bào ở giai đoạn đầu; nên đã đóng cửa sau 10 năm hoạt động. Riêng chùa Viên Giác, nơi lo lắng cho hàng chục ngàn người tỵ nạn, Phật Tử cũng như không Phật Tử, mãi 17 năm sau vẫn còn nhận được sự trợ cấp từ chính

phủ Đức. Không biết sự trợ cấp này còn kéo dài được bao lâu. Vì lẽ nền kinh tế Đức bây giờ không còn phát triển như xưa nữa, vả lại thất nghiệp quá nhiều, cũng là một gánh nặng cho chính phủ. Do đó chúng ta không nên ỷ lại, mà phải cố tự lập; nhưng dầu sao, trách nhiệm của chúng ta phải làm là đền ơn trả nghĩa cho chính phủ đã cứu mang và giúp đỡ chúng ta, Phật Tử cũng như không Phật Tử suốt mấy chục năm qua và ơn nghĩa ấy xin nguyện đền như trong tứ hoàng thệ nguyện mà Phật Tử chúng ta vẫn thường trì tụng hằng ngày. Dĩ nhiên sự giúp đỡ ấy lệ thuộc vào khả năng làm việc và tinh thần làm việc của chúng ta phần lớn. Do đó mọi sự nỗ lực trong các công tác đã được vạch ra và được giao phó là điều mà chúng ta cần phải lưu tâm đến cũng như thực hiện.

Ở Úc, chính phủ cũng đã giúp nhiều chùa bằng hình thức đất đai, cho vay dài hạn; nhưng mỗi năm chỉ trả Một đô-la danh dự, như trường hợp Chùa Pháp Bảo tại Sydney, hoặc bán với giá rẻ như Chùa Phước Huệ Sydney và Chùa Pháp Hoa tại Adelaide. Ngoài ra chính phủ Úc còn tài trợ công ăn việc làm cho những người thất nghiệp bằng cách, đến các công trình xây dựng của các chùa để làm công nhân, thầy thợ và chính phủ bỏ tiền ra trả, chú chùa không phải trả. Một phần chính phủ giải quyết thất nghiệp bằng cách đó. Phần khác, đó cũng là hình thức giúp các chùa qua nghĩa cử từ thiện từ chính phủ. Ở những nước văn minh, tự do, chính phủ là bạn của dân và các cơ quan tôn giáo của nhà nước cũng có nhưng nhằm mục đích giúp tôn giáo phát triển, chú không phải kiểm soát và bóp chặt tôn giáo như ở Việt Nam, hay các xứ độc tài cộng sản khác khắp nơi trên thế giới.

Các xú độc tài cộng sản họ nghĩ rằng: Làm như thế là kiểm soát được tôn giáo; nhưng họ đã lầm. Vì tôn giáo là phần phát triển về tâm linh, chứ không phải phần vật chất nắm bắt được, do đó khó và không thể nào kiểm soát nổi. Có nhiều điều cũng nực cười. Họ không là Tu sĩ mà đi phong chức cho Tu sĩ. Điều ấy tự hỏi và tự trả lời cho mình được rồi. Ví dụ người không có bằng Tú Tài làm sao chấm thi Tú Tài được; nhưng họ vẫn cố gắng làm trong sự gượng ép và miễn cưỡng của những cơ quan điều hành của nhà nước. Điều này trái với luật tự nhiên. Vì không biết chuyên môn mà đi lãnh đạo chuyên môn, thì công việc ấy sẽ hỏng. Trong các xú tự do văn minh họ giỏi điều đó. Vì họ biết rằng chỉ có người nào giỏi trong lãnh vực của mình, mới có thể phát triển và cạnh tranh được. Vì vậy nếu người Cộng Sản Việt Nam muốn làm cho đất nước Việt Nam, thì cái gì của Tôn Giáo hãy trả về cho Tôn Giáo của nó, hãy trả về vị trí cố hữu mà tôn giáo ấy đã đi vào lòng người tự mấy ngàn năm nay. Còn so ra đối với cộng sản, chủ nghĩa hư vô, cấu tạo trên hoang đường mơ tưởng của Marx-Lénine nhiều lắm thì cũng chưa đầy 100 năm, mà trong 100 năm ấy những thiên đường cộng sản mẫu mực tại Nga Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đã sụp đổ rồi. Vậy thì người Cộng Sản Việt Nam còn cố bám víu nó để làm gì?

Cũng vì nạn đàn áp tôn giáo và tín ngưỡng như vậy nên một số Thầy, Cô đã bỏ nước ra đi, họ mong rằng đến được các nước tự do họ sẽ có cơ hội hoạt động về vấn đề tôn giáo. Điều ấy hẳn đúng. Nhưng môi trường là một vấn đề, mà khả năng và sự cố gắng của mỗi cá nhân lại là một vấn đề khác. Không phải ai

sinh ra, có đi học, lớn lên sẽ làm thầy giáo dạy học hết, mà mỗi người sẽ tự chọn cho mình một lối đi, khi đi vào trong lãnh vực của cuộc đời. Khi đến các đảo, quý Thầy, quý Cô tự vẽ cho mình những khuôn hình khác nhau; nhưng khi đến các nước thứ 3 để định cư, kết quả không phải như vậy, nên nhiều Thầy nhiều Cô không đứng vững trong vòng quay 180 độ của xã hội Tây phương này, nên đã lọt ra ngoài quỹ đạo ấy. Thật ra cũng đáng thương quý Thầy, quý Cô hơn là đáng trách. Vì lẽ hành trang đi vào đời ấy của quý vị này quá ít, khi đi vào cuộc sống quá tự do tại các xứ này; nên họ đã buông tay. Việc này phần chính trách nhiệm ở nơi họ; nhưng chúng ta cũng không nên nói rằng Giáo Hội không có trách nhiệm về vấn đề này. Nghĩa là chúng ta đã vô tình làm mất đi những hạt nhân khả dĩ, đã được gầy dựng tại quê nhà, trong vấn đề phát triển đạo pháp tại đây. Ở Âu Châu cũng có một số Thầy, số Cô như thế. Ví dụ Thầy Quảng Nhiên tại Phần Lan, sau đó qua Thụy Điển, làm phụ tá Ủy Viên Nghi Lễ của Giáo Hội Âu Châu và Thầy Nguyên Hội, phụ tá Ủy Viên Cư Sĩ, là người được tôi đứng ra bảo lãnh từ Phi Luật Tân qua với tư cách của Giáo Hội tại Đức lo lắng; nhưng cuối cùng Thầy cũng không kham nhẫn nổi những khó khăn nội tại lúc ban đầu. Thật ra khi nhìn vấn đề này, tôi quan niệm rất đơn thuần, không trách móc, không đổ thừa ai cả. Vì mỗi người lo cho đời, cho đạo hay ngay cả cho chính bản thân mình đi nữa, cũng giống như một người đang gánh trên vai một gánh nặng. Người đủ sức thì tiếp tục gánh đi; người không đủ sức thì để xuống nơi nghỉ và tìm cách gánh đi nữa. Nếu thật sự không còn sức lực nữa để gánh thì mình bỏ gánh giữa đường cũng chẳng sao. Trách nhiệm còn lại do xã hội đảm nhiệm. Nếu không có

mình thì xã hội cũng phải phát triển thôi. Một ví dụ khác, hai vợ chồng không thích sống cùng nhau thì ép buộc nhau để sống chung làm gì? Nếu ly dị, con cái còn vị thành niên, người cha phải lo chu toàn mọi việc cho vợ cũng như con; nhưng nếu người cha không có khả năng tài chánh nữa thì xã hội cũng phải lo đỡ đầu cho những đứa trẻ ấy thành người thôi. Đâu có ai bỏ bê những đứa trẻ ấy đâu. Chỉ tiếc rằng vì hoàn cảnh ly dị nên những trẻ thơ ấy không được hưởng những hạnh phúc có đầy đủ tình thương của cha lẫn mẹ như những đứa trẻ khác trên cuộc đời này mà thôi; nhưng sự hiện hữu của chúng trong cuộc đời này vẫn là một hiện thực, chứ không còn là sự trừu tượng nữa. Rồi từ đó chính những đứa trẻ bất hạnh này nó sẽ đi vào đời. Có đứa làm nên sự nghiệp, nếu có ý chí; nhưng cũng có lắm đứa vì nản chí khi nhìn lại quá khứ của cha mình hay mẹ mình mà hận đời rồi lao mình vào những chốn ăn chơi trụy lạc, để rồi cũng thiêu đốt đời mình như cha mẹ mình đã làm cũng chỉ vì thiếu ý chí và nghị lực để sống mà thôi.

Tôi vẫn thường hay nói cho quý Thầy, quý Cô, quý Chú đệ tử xuất gia tại chùa Viên Giác nghe, hay đôi khi tôi cũng giảng cho quý Phật Tử tại gia nghe rằng: Ở Việt Nam tuy khó tu, mà dễ hơn ở ngoại quốc. Ở ngoại quốc này so với Việt Nam rất dễ tu; nhưng ngược lại rất khó. Tại sao vậy?

Vì ở Việt Nam đời sống kinh tế rất khó khăn, làm sao có được tiền bạc mà mua sách vở học hành, làm sao có đủ phương tiện cũng như thời giờ mà đi học nhiều ngành, nhiều khoa được. Nên gọi là khó. Nếu giả sử trong cuộc sống thanh đạm ấy mà

gặp những việc khó khăn như chuyện tu học, chuyện tình cảm, chuyện tâm thức v.v... thì bên cạnh ta đã có nhiều bạn đạo và bên trên ta có nhiều bậc trưởng thượng, có thể dạy răn những điều cần thiết cho cuộc sống tâm linh của mình. Nên gọi là dễ. Còn ở đây, nơi những xứ tự do này, vật chất thì dư thừa, tìm cái gì cũng có; nhưng tình người, tình quê hương, dân tộc lại thiếu vắng. Ở đây ngay cả người tu, muốn đi xe hơi, xe đạp, xe Honda, xe lửa, máy bay, tàu thủy, xe ngựa v.v... thứ gì cũng có thể chọn lựa được một cách dễ dàng; nhưng trong sự sống dễ dàng về vật chất ấy; nếu chúng ta không tự làm chủ được mình thì có kẻ khác sẽ vào làm chủ ngôi nhà tâm linh của mình như sự tha hóa hay thả lỏng. Vì vậy nếu ở xứ này mà ai tu được và tự làm chủ mình được, quả là sự khó khăn. Vì thế Đức Phật đã giảng dạy rằng: "Chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất".

Ở đâu nó cũng có sự khó khăn và sự dễ dãi của nó; nhưng điều quan trọng nằm nơi tâm của mình chứ không phải nằm bên ngoài ngoài cảnh. Nhiều người hiểu lầm nên đã trách chùa, trách Thầy khó khăn; nhưng những thứ này đều vô tội vạ. Vì sao cũng từ ngôi chùa đó đã đào tạo được những vị Thầy tài giỏi, sau này biết lo cho đạo. Còn mình thì bỏ gánh giữa đường? Vì sao trường học ấy đào tạo được biết bao nhiêu nhân tài, còn mình thì thi hoài không đậu? Có nhiều người làm không xong bốn phận của mình thì trách Thầy đó khó tánh và dạy khó, hay dạy dở; nên họ đi thi không đậu. Trách như vậy cũng bằng thừa. Vì nếu ông Thầy không tự khó khăn với chính mình, thì họ đã không được làm Thầy và không còn tồn tại rồi.

Vì lẽ ấy, chính người học trò, nếu còn hiểu biết, phải tự phân tích ra, tại sao mình lại ra nông nổi ấy. Cuối cùng chủ nhân duyên và nghiệp lực có thể trả lời cho những câu hỏi đã được đặt ra bên trên vậy.

Một đoạn đường đời của riêng tôi đã đi gần 50 năm và cũng gần 35 năm ở trong cửa Đạo, thiết tưởng những kinh nghiệm và những lời nói bên trên không phải là chuyện thừa. Vì đó là tất cả những gì mà tôi đã làm hành trang đi vào cuộc đời và lo cho Đạo trong suốt mấy chục năm nay. Hơn 25 năm sống ở ngoại quốc cũng là một cái mốc thời gian rất quan trọng để nhìn lại mình và cuộc sống tâm linh khi phải sống tại quê người, xa cách với quê cha đất Tổ. Tôi không muốn dạy đời. Vì ở đời có nhiều bài học đáng dạy và đáng được học hỏi hơn và mỗi người khi gặp và trải qua mới có kinh nghiệm được. Và chẳng, ở đây tôi muốn trao truyền cho những thế hệ sau những kinh nghiệm của cuộc sống và sự tu hành. Tôi vẫn là một con người, bình thường và tầm thường như bao nhiêu con người khác. Nghĩa là có ăn uống, ngủ nghỉ, giận hờn, thương ghét v.v... Nhưng ở tôi, điều quan trọng không phải nhìn ra bên ngoài, bên trên nhiều, mà sự cố gắng tự nhìn vào để biết mình là ai và cũng hay nhìn xuống để chia sẻ sự khổ đau của nhân thế. Nhìn lên đôi khi vẫn có, không phải để so đo hơn thiệt mà để tiến thân và thể hiện sự cố gắng của mình.

Từ đây nhìn về quê hương, tôi thấy Thầy Tổ, bạn bè, chùa chiền, đồng loại còn quá nhiều người chịu khổ. Họ cố gắng vươn lên trong một xã hội vô cùng khó khăn ở mọi phương

diện; nên tôi không thể làm ngơ, dầu cho phải hao tổn thì giờ trong sự tu niệm của mình, hay tổn hao đến của cải vật chất để giúp đỡ cho những người bên nhà. Đó cũng chỉ là một bổn phận mà thôi và bổn phận ấy tự mình giao phó cho mình. Nhiều khi tôi tự nghĩ ở Việt Nam bây giờ chùa chiền đã quá nhiều, làng nào cũng có, xã nào cũng có và tỉnh nào cũng có. Thời điểm bây giờ đâu cần xây chùa thêm nữa làm gì. Đây là thời điểm mà phải cần xây dựng con người hiểu biết và thực hành đạo giải thoát, quan trọng hơn là xây chùa vậy; nên tôi cũng đã cố gắng hỗ trợ rất nhiều trong việc đào tạo Tăng tài tại Việt Nam cũng như ngoại quốc.

Như trên tôi đã trình bày, tôi là một con người bình thường trên mọi phương diện, không giỏi, không dở, chỉ trung bình thôi. Tôi rất quý những người tài giỏi và có đạo đức; nhưng cũng không có nghĩa là ghét gông những người rách áo đói cơm đâu; những người này vì kém may mắn, nên phải cần nhiều tình thương cho họ hơn, không nên cho họ một cái nhìn hay một sự cảm nhận kỳ thị nào đó. Vì cuộc đời vốn có nhiều mặt, chứ không phải chỉ đơn thuần có một biểu đồ duy nhất là thăng tiến mà không có những hoành độ cong queo hay thối lui để trở về vị trí vô cực nguyên thủy của nó. Tôi học được tình thương, tôi cảm nhận được tình thương và lòng từ bi cao cả ấy nơi đạo Phật; nên đã thể hiện lòng mình vào mọi nơi và mọi hoàn cảnh để thực hiện ý nguyện lợi sanh của mình. Chỉ đơn giản thế thôi và tất cả những gì tôi đã làm nơi đây, cho Giáo Hội Âu Châu, cho Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức hay cho chùa Viên Giác này cũng không ngoài mục đích ấy. Do đó tâm

tôi lúc nào cũng tự tại, hoan hỷ, không câu nệ vào hình thức, cũng không chấp chặt vào nội dung, mà tất cả đều dựa vào lý duyên sanh, tùy duyên nhi bất biến và bất biến nhi tùy duyên để thực hiện việc hành đạo của mình tại xứ người.

Suốt bao nhiêu năm tháng làm việc và chung đụng với Đòi với Đạo tôi đều nhìn Đạo và Đòi bằng cặp mắt "như thị" nên rất dễ dàng thấu suốt mọi hoàn cảnh, để từ đó đi vào hay ra khỏi những nơi chốn ấy bằng lòng từ bi và vị tha cao cả của Đạo Phật.

Một Giáo Hội Phật Giáo Âu Châu hay Mỹ Châu và Úc Châu cũng đều như vậy cả. Phải cần có nhiều người và nhiều bàn tay xây dựng khác nhau, mới tạo được một ngôi nhà đạo pháp đẹp đẽ và trang trọng, sẽ dệt nên những gấm hoa với hương vị giải thoát để trang trải cho cuộc đời.

Hy vọng với những mong ước của tôi không phải là một sự hảo huyền, mà là một sự thực và sự thực ấy cần phải hiển bày trên mọi phương diện trong cuộc sống của tâm linh vậy.

CHƯƠNG III

Giải Đáp Những Thắc Mắc

Qua khóa Giáo Lý tại Aschaffenburg do 3 Chi Hội Phật Tử tại 3 vùng Aschaffenburg, Frankfurt và Wiesbaden tổ chức từ ngày 8 đến 11 tháng 5 năm 1997 vừa qua dưới sự hướng dẫn của tôi, Thượng Tọa Thích Trí Minh, Thượng Tọa Thích Nhất Chơn và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ, chúng tôi trả lời những câu hỏi mà các học viên đã thắc mắc, để mọi người có một ít hành trang khi đi vào rừng giáo lý của Đạo Phật.

Đĩ nhiên thắc mắc thì có quá nhiều; nhưng thời giờ tại lớp học thì quá ít. Do đó qua sách vở, quý Phật Tử ở nhà có thể đọc, học hỏi và nghiên cứu thêm, có lẽ sẽ gặt hái được nhiều thành quả hơn.

- Hỏi: Tại sao khi Phật Tử gặp nhau lại chào: "Nam Mô A Di Đà Phật" mà không chào là: "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật" ?

Đáp: Đức Phật A Di Đà là Giáo Chủ của cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngài có 48 lời nguyện rất cao sâu, trong đó có lời nguyện như sau: "Trước khi lâm chung, nếu có người nào đó niệm danh hiệu của ta cho đến 10 niệm thật nhất tâm, hoặc từ một cho đến bảy ngày, thì ta liền hiện ra trước người đó để tiếp dẫn về thế giới Tây Phương Cực Lạc". So ra lời nguyện của Ngài, chúng ta

tin rằng: những điều chúng ta làm, cần phải cho chí thành, thì lời nguyện kia mới được đáp ứng.

Chúng ta chào nhau bằng Nam Mô A Di Đà Phật là chúng ta cầu nguyện cho người quen, người thân, bạn đạo của mình, kiếp lai sinh được sanh về thế giới của Đức Phật A Di Đà. Sở dĩ chúng ta không niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, vì lẽ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ độ sanh ở cõi Ta Bà này, chứ không phát nguyện độ sanh ở cõi khác. Và lại, khi về lại Ta Bà, là thực hành Bồ Tát đạo; còn phát nguyện vãng sanh là nhân đầu tiên, sau đó mới gặt được quả, cho nên cần niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà mỗi khi chào hỏi nhau. Riêng danh hiệu của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chúng ta vẫn thường hay trì tụng, chứ không chào hỏi nhau như thói quen của người Phật Tử Việt Nam vẫn hay dùng. Đây là một tập quán rất tốt mà người Phật Tử Việt Nam chúng ta đã hành trì lâu nay tại quốc nội cũng như hải ngoại, ngay cả các nước theo Tịnh Độ Tông thịnh hành như Trung Hoa và Nhật Bản cũng ít hành trì và chào hỏi bằng câu niệm Phật A Di Đà như Phật Tử Việt Nam chúng ta.

- Hỏi: Làm thế nào để người Cư sĩ tại gia có một đời sống tu học đúng nghĩa của một người con Phật ?

Đáp: Một người Phật Tử sau khi quy y Tam Bảo và Thọ trì ngũ giới, được gọi là một người Phật Tử đúng nghĩa. Nếu một người tin Phật, theo Phật; nhưng chưa quy y Tam Bảo và thọ trì các giới cấm, chưa thể gọi là một người Phật Tử chơn chính được. Vậy quy y Tam Bảo là gì? Chữ quy có nghĩa là trở về, Y có nghĩa là nương tựa. Tam Bảo là ba ngôi báu trong thế gian này, gồm có: Phật, Pháp và Tăng. Tại sao gọi là Bảo? Vì lẽ trong đời

rất hiếm quý, khó có được. Vậy Quy Y Tam Bảo nói cho đủ nghĩa là trở về nương tựa với Phật, Pháp và Tăng. Chính từ 3 ngôi báu này chúng ta sẽ sanh tín tâm mà thực hành giáo lý giải thoát ấy.

Sau khi quy y, người Phật Tử còn phải cố gắng giữ gìn 5 giới cấm của Phật chế nữa. Nhiều người nghĩ lầm rằng, chưa giữ giới được, nên không dám quy y; nhưng phải hiểu ngược lại thì hay hơn. Vì lẽ chưa quy y, nên dễ ỷ lại và phạm giới. Cuộc sống của chúng sanh đã giống ruồi trong mấy độ luân hồi rồi. Lúc làm người, lúc làm vật. Lúc làm thiên thần, lúc làm ác quỷ, cũng chỉ vì nhờ chút duyên, chút phước, hay bị đắm nhiễm dục lạc mà mới có đầu thai và tái sanh; nếu chúng ta biết nguyên nhân và kết quả của việc giết hại như thế nào rồi, thì chúng ta sẽ cố gắng giữ gìn giới không sát sanh và cố gắng ăn chay nhiều ngày trong tháng, nếu tiến đến ăn chay trường càng tốt. Vì lẽ, có ăn chay mới thể hiện lòng từ bi đối với muôn loài chúng sanh được. Vì vậy giới là một hàng rào ngăn chặn tội lỗi, nhắc nhở ta luôn luôn cố gắng làm việc thiện và phước đức.

Giới thứ hai không được trộm cướp, mà còn phát tâm bố thí giúp người, giúp đời thì tâm nguyện của một người Phật Tử mới được vuông tròn.

Nếu muốn cho gia đình được đầm ấm và gia nghiệp an vui thì chồng hay vợ không được lén lút làm việc tà bậy. Như thế, đây là một bài học luân lý căn bản, cần phải giữ gìn. Nếu ai trái phạm, tức không giữ tròn bổn phận làm chồng và làm vợ.

Người Phật Tử chơn chánh nên nói lời chơn thật, không khoe khoang, se sua, dối trá. Không lộng giả thành chơn, không nói lời thô ác v.v... tự nhiên sẽ được người tin cậy. Vì vậy để làm nên được việc lớn.

Người Phật Tử cũng không nên dùng những chất say. Vì chính

những loại này đã làm cho mình mất trí tuệ, mà chư Phật trong ba đời rất cần để chúng được vô thượng bồ đề. Trừ khi nào vì bệnh, cần phải uống thuốc có rượu mới được dùng; nhưng khi hết bệnh thì không được phép tiếp tục nữa.

Đó là năm giới căn bản của người tại gia. Nếu bền lòng gìn giữ thì đời sau sẽ trở thành một con người mang trọn vẹn ý nghĩa của nó. Tuy nhiên nếu người nào chỉ có khả năng giữ từ một giới trở đi cũng tốt, chứ không bắt buộc giữ đủ năm giới. Dĩ nhiên giữ hết là tốt rồi; nhưng nếu chưa có điều kiện, cũng không sao cả.

- Hỏi: Mùa an cư kiết hạ hàng năm ở Việt Nam và ở ngoại quốc có bị chi phối bởi ngày tháng không? Và trong khoảng thời gian an cư kiết hạ quý vị Tăng Ni có được phép rời khỏi chùa không?

Đáp: Theo lệ thường, thời Đức Phật còn tại thế, mùa mưa của Ấn Độ bắt đầu từ 15 tháng 4 âm lịch đến 15 tháng 7 âm lịch. Mùa này côn trùng thường hay sinh nở nhiều; nên Đức Phật đã dạy cho chư Tăng không đi khát thực nữa, mà ở yên một chỗ để tụng kinh, trì giới và hành thiền; nhất là thể hiện lòng từ bi đến với muôn loài nên không muốn dẫm nát lên thân thể của chúng, dẫu cho vô tình đi chẳng nữa. Vì thế sự an cư cả về lý lẫn về sự rất quan trọng; nên sau khi Phật nhập diệt cho đến bây giờ, truyền thống ấy cả Nam Tông lẫn Bắc Tông đều còn gìn giữ. Tuy nhiên ở các nước Nam Tông thường hay an cư từ tháng 9 đến tháng 12. Còn các nước Bắc Tông vẫn an cư 3 tháng vào mùa hạ; nên gọi là an cư kiết hạ.

Đệ tử của Đức Phật ngày xưa tu hành tinh tấn nên được sự cung kính và cúng dường trên từ vua quan và dưới đến thú dân; nên

ngoại đạo rất ghét. Vì thế họ tìm đủ mọi cách để quấy nhiễu, phá rối. Cho tới ngày nay cũng vậy. Nếu chỗ nào chư Tăng Ni thường hay hành trì đúng nguyên tắc giới luật, thường hay bị khảo đảo rất nhiều; nhưng nếu vượt qua được những thử thách này, thì đạo tâm của người tu càng kiên cường hơn nữa.

Theo các bộ luật Pali, Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật, Thập Tụng Luật, Ma Ha Tăng Kỳ Luật và Thiệt Kiến Luật là những bộ luật căn bản của Nam Tông lẫn Bắc Tông có chế giới cho người xuất gia rất rõ ràng. Nhưng tựu chung; nếu trong vòng 3 tháng ấy, người an cư vẫn ở yên một chỗ thì rất quý; nhưng nếu có những duyên sự thì được rời nơi an cư; nhưng không quá từ 1 đến 7 ngày. Nếu quá 7 ngày phải có lý do chính đáng và nếu quá 45 ngày thì việc an cư không còn có ý nghĩa nữa. Nghĩa là quá 50 phần trăm số ngày mà một người tu phải ở nơi chốn già lam. Việc đi xa hay gần tùy theo nơi chốn và công việc. Tuy nhiên khi kiết giới, chư Tăng Ni đều chia nơi chốn cho hợp lệ, để tiện bề ra vào, lên xuống. Ngày xưa Phật thường hay lấy ranh giới con sông hay dãy núi để phân chia giới tràng và trong giới tràng ấy chư Tăng Ni sẽ được thanh tịnh tu hành, ngoại đạo không có cơ hội quấy nhiễu chư Tăng. Ngày nay ra ngoại quốc, môi trường hoạt động rộng rãi hơn; phương tiện di chuyển đầy đủ hơn, do vậy, việc kiết giới tràng thường hay rộng rãi hơn là ở quê hương Việt Nam mình.

Nói tóm lại việc an cư đối với chư Tăng Ni, đó là cơ hội để thúc liễm thân tâm và tu hành theo giới luật của Phật chế; rất cần thiết cho mọi thời đại. Tuy nhiên ở mỗi quốc độ thời tiết và phong tục khác nhau. Do vậy có nhiều nơi cũng thay đổi một số hình thức để phù hợp với nơi mình sinh sống.

- *Hỏi: Làm sao phân biệt được giữa xá lợi thật và xá lợi giả ?*

Đáp: Xá lợi thường hay được tìm thấy nơi các vị Thánh Tăng, các vị A La Hán, các vị Bồ Tát và nhất là nơi Đức Phật; nhưng giữa xá lợi của Đức Phật so với xá lợi của các vị Bồ Tát và các vị A La Hán cũng có phần khác nhau. Do đó nếu nói cái nào giả và cái nào thật thì cũng khó định liệu. Tuy nhiên, đây là những ý niệm căn bản về xá lợi. Nếu những xá lợi mà quý vị chiêm ngưỡng được, đúng thật với những điều sau đây. Đó là xá lợi thật.

Đặc tính thứ nhất: Chúng ta lấy xá lợi bỏ vào trong nước lần đầu tiên xá lợi chìm và nếu chúng ta đem một ít hạt gạo bỏ vào ly nước bên cạnh, gạo cũng chìm như vậy; nhưng sau khi vớt ra bỏ xá lợi vào nước một lần nữa, thì xá lợi nổi; trong khi đó gạo vẫn chìm như lần trước.

Đặc tính thứ hai: Chúng ta đem mè bỏ vào trong một ly bên cạnh, mè vẫn nổi; nhưng đứng yên một chỗ; trong khi đó xá lợi vẫn nổi và mặc dầu xá lợi ở xa nhau độ 10 cm chẳng nữa, xá lợi tự động tìm lại với nhau một chỗ. Đặc tính này rất quan trọng chúng tỏ rằng Đức Bổn Sư của chúng ta mặc dầu đã thị tịch Niết Bàn; nhưng Phật vẫn còn tồn tại với chúng ta qua hình thức của pháp thân Phật; nên quá khứ, hiện tại và vị lai lúc nào cũng có chư Phật bên cạnh của chúng ta.

Đặc tính thứ ba: Nếu đem xá lợi ấy lên kính hiển vi, chúng ta sẽ thấy được ngũ sắc, giống như hào quang của Đức Phật hay màu cờ Phật Giáo.

Trên đây là 3 đặc tính của xá lợi Phật. Nếu chỉ có 1 trong 3 hoặc 2 trong 3 đặc tính trên thì là xá lợi của các vị A La Hán, các vị Thánh Tăng hoặc của các vị Tổ Sư. Người thường chắc chắn rất khó có xá lợi. Xá lợi chỉ có nơi những người tu hành

đắc đạo. Xá lợi có thể nói là chất xương của người đã mất. Tuy nhiên tóc và răng của Đức Phật còn để lại với đời, người ta vẫn gọi là xá lợi nữa. Sau khi làm lễ trà tỳ xong, xá lợi của Đức Phật được phân chia ra làm 3 loại. Loại lớn nhất như hạt đậu; loại thứ hai như hạt gạo và loại thứ ba như hạt mè. Hai loại đầu bây giờ, sau hơn 2.500 năm còn rất hiếm; duy chỉ loại bằng hạt mè, nhiều nơi vẫn tôn thờ trong các bảo tháp đó đây. Từ Đông sang Tây, từ Nam sang Bắc và khắp các châu lục trên thế giới ngày nay đều có tôn thờ xá lợi của Đức Phật.

Xá lợi cũng có thể tự động di chuyển được; nếu người nào thiếu phúc thờ xá lợi thì xá lợi sẽ di chuyển đi nơi khác. Điều này mới nghe như huyền hoặc; nhưng trên thực tế có như vậy. Ngay sau khi làm lễ trà tỳ, xá lợi của Đức Phật một phần tự động di chuyển về long cung, một phần khác bay lên thiên cung.

Mới đây có một chuyện cũng tương đối lạ lùng và hy hữu; nhưng lại là chuyện có thật tại xứ Phật. Nơi Kusinagara có chùa Linh Sơn, do Sư cô Trí Thuận trụ trì; tại đó có thờ hai viên ngọc xá lợi của Phật. Khi sang Mỹ thăm chùa Linh Sơn tại Houston, Sư Cô mang theo một viên để cúng dường. Theo lời của Sư Cô kể lại cho thấy rằng: Khi vị Sư trụ trì đón nhận ngọc xá lợi nhưng không có ý cung kính lắm, Thầy đem bỏ vào ngăn kéo. Và kỳ lạ thay, sau khi Sư Cô về lại chùa Linh Sơn ở Kusinagara tại Ấn Độ, thì viên ngọc xá lợi của Sư Cô cúng cho chùa Linh Sơn ở Houston đã bay về lại đây, còn viên ngọc xá lợi ở Houston, Texas, Hoa Kỳ, không còn nữa. Điều ấy đã nói lên được hiện tượng của xá lợi vẫn có thể di chuyển, dầu xa hay gần hay ở bất cứ dưới một hình thức nào đó.

- *Hỏi: Bồ Tát Giới giữa tại gia và xuất gia khác nhau như thế*

nào ?

Đáp: Có thể nói là không khác nhau. Đây gọi là Đạo Tục thông hành giới. Là giới của Tăng sĩ và người thế tục cũng giữ giống như nhau. Giới này bên Nam Tông không có, mà chỉ tồn tại nơi các nước theo Bắc Tông, tức Đại Thừa Phật Giáo.

Bồ Tát có nghĩa là những người vì kẻ khác tồn tại mà mình phải xả thân. Vì lòng từ bi mà mình thọ giới này để thay thế cái khổ của chúng sanh nơi trần thế hay ở cảnh địa ngục. Điển hình hành động Bồ Tát này là Đức Quan Thế Âm và Ngài Địa Tạng vậy. Ngoài ra những vị Đại Cư Sĩ như vua A Dục, vua Lương Võ Đế, Thánh Đức Thái Tử, vua Lý Thái Tổ v.v... đều là những vị quân vương hộ pháp rất đắc lực của Đạo Phật và đã hành xử công việc của mình trong sự tế thế an bang như là tấm lòng vị tha của những vị Bồ Tát vậy.

Có nơi cũng chia ra Bồ Tát tại gia chỉ giữ 6 giới trọng và 28 giới nhẹ; nhưng hầu như các nơi khác đều giữ nguyên luật cũ là đầu tại gia hay xuất gia cũng đều giữ 10 giới trọng và 48 giới nhẹ. Trong tất cả các giới này đều tựu chung huấn luyện tâm từ bi và lợi tha của Bồ Tát. Bồ Tát vì chúng sanh chứ không phải vì mình; phải làm lợi cho tha nhân và quên mình để cầu đạo, như quá khứ chư vị Bồ Tát đã hành hạnh xả ly trước khi thành Phật quả.

Người xuất gia có giới hạnh riêng và người tại gia cũng giữ giới riêng; nhưng giới Bồ Tát là giới chung cho cả 2 giới xuất gia lẫn tại gia, nên có thể nói rằng không có gì khác nhau về hình thức cũng như nội dung của giới cả.

- Hỏi: Đệ tử ngoài việc sám hối chỉ chuyên trì chú Đại Bi và rất ít tụng kinh. Như thế có thiếu sót không ? Làm thế nào để gọi là

trì chú đúng cách ?

Đáp: Chữ trì ở đây có nghĩa là giữ hay tụng thầm, không thành tiếng. Tụng kinh phải có tiếng và phải có nơi chốn, giờ giấc. Riêng trì chú thì bất kể nơi chốn và giờ giấc, ở đâu và giờ nào cũng có thể trì chú được. Thần chú Đại Bi là một thần chú rất linh nghiệm của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Vì vậy nếu chúng sanh bị bệnh khổ hay gặp nhiều chướng duyên trong cuộc sống, hằng ngày nếu luôn trì chú Đại Bi trong nhiều biến thì tai nạn sẽ tiêu trừ. Vì Đức Quan Thế Âm có 12 lời nguyện nhiệm mầu như thế, nhằm cứu vớt chúng sanh ra khỏi cảnh lầm than khổ ải của cuộc đời.

Tụng bao nhiêu kinh, trì bao nhiêu chú cũng không đủ. Vì lẽ phước đức chúng ta kém cỏi, mà nghiệp lực lại nhiều. Do đó có điều kiện và thời gian nên tụng kinh, ngồi thiền, sám hối hay trì chú thì tội lỗi mới tiêu trừ và lòng tin mới tăng trưởng. Chúng ta chỉ có thể thực hiện những phép tu bên trên theo thời gian được cho phép. Nếu có dư thì giờ thì thực hiện thêm những pháp môn khác. Vì điều ấy sẽ sinh công đức, mà công đức thì không thừa. Có một câu chuyện được kể lại rằng ngay cả Đức Phật vẫn còn cần đến công đức, như trong Đại Trí Độ Luận tường thuật như sau:

A Na Luật, đại đệ tử của Đức Phật, sau khi đã chứng được huệ nhân, tâm sáng suốt; nhưng mắt bị lòa, vì đã dụng công quá nhiều cho việc Thiền định. Một hôm Ngài ngồi khâu kim để vá y áo, Ngài than rằng: Nếu có ai đến xỏ kim dùm Ngài thì sẽ được phước đức. Liền sau đó Đức Phật hiện đến và tỏ ý muốn làm công việc phước đức ấy. Ngài A Na Luật nghe được tiếng của Phật và bạch rằng: Lạy đấng Điều Ngự, Ngài là một bậc Đại Giác đâu cần đến phước đức làm gì? Ngài trả lời rằng: Phước

đức ngay cả một bậc Thế Tôn cũng cần nữa.

Qua câu chuyện này ta thấy rằng, dầu ở dưới bất cứ khía cạnh hay hình thức nào đi nữa, chúng ta phải cố gắng để tạo thêm phước đức cho chính mình vậy.

Việc làm phước không bao giờ đủ mà tạo tội thì có thừa. Do đó hãy cố gắng tạo thêm phước lành bằng cách tụng kinh, trì chú hay Niệm Phật hoặc Sám Hối. Có như thế phước mới tăng và tội lại giảm.

- Hỏi: Những thần chú khi tụng không hiểu được. Tại sao không dịch ra tiếng Việt cho dễ tụng và dễ hiểu ?

Đáp: Thần chú là lời nói bí mật của chư Phật. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu. Ngay cả Bồ Tát cũng chỉ ngồi chờ, không lãnh hội được ý Phật, làm sao chúng sanh có thể hiểu nổi. Tuy nhiên mỗi một loại thần chú như vậy có một công năng khác nhau; nếu người nào chuyên tâm hành trì thì sẽ có kết quả.

Có nhiều người muốn cái gì phải hiểu rồi mới tin; nhưng trong cuộc sống này đâu phải cái gì cũng có thể giải thích được. Ngay như khoa học ngày nay đã tiến tới vị trí tột đỉnh của mọi sự khám phá rồi; nhưng ai cũng bó tay trước những trạng thái diễn biến của tâm linh khi con người nhớ về quá khứ hay nghĩ đến tương lai. Nhất là khối óc có cả hàng triệu tế bào vẫn chưa làm hết nhiệm vụ của nó.

Khi Ngài Huệ Năng vào rừng đốn củi về nuôi mẹ già và chọt nghe câu kinh Kim Cang "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" liền chứng ngộ. Cái ngộ ấy đã làm bùng sáng chân lý; trong khi Ngài vẫn không biết chữ và người trì kinh Kim Cang ấy, chắc chắn một điều cũng không hiểu được ý nghĩa của câu kinh mình đã tụng qua. Thế đấy mà đã có người hiểu và ngộ đạo. Vậy thì

tụng kinh có công đức lớn lắm, mặc dầu mình không hiểu, sẽ có kẻ khác hiểu cho mình. Sở dĩ mình không hiểu, vì mình không có đủ trình độ để hiểu. Vì căn cơ còn chậm lụt; không phải ai ai cũng đều có căn trí như mình. Do vậy, những điều căn bản của chúng ta là cần hành trì theo phép Phật quan trọng hơn là cứ ngồi đó để tìm hiểu ý nghĩa của câu kinh. Vì điều ấy chẳng có ích lợi gì cả, cho chính mình hay những người chung quanh của mình nữa.

- Hỏi: Khi tụng công phu khuya có tụng Thập Chú, con không biết tại sao có tụng Chú này và khi tụng như vậy có lợi ích gì? Ai là người nói ra 10 Chú đó và với lời phát nguyện ra sao?

Đáp: Khi tụng công phu khuya có tụng lời tựa kinh Lăng Nghiêm, sau đó tụng từ đệ nhất đến đệ ngũ và phần cuối là chú Lăng Nghiêm. "Án a na lệ tỳ xá đề bệ ra, bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạc xà ra bàn ni phẩn, hổ hồng đô lô ung phẩn ta bà ha". Đây là thần chú ngắn nhất sau 5 đệ Lăng Nghiêm. Sau phần này tụng chú Đại Bi và Thập Chú. Trong 10 chú này có cả chú Vãng Sanh và chú Thất Phật Diệt Tội. Nếu tụng đủ từ đầu đến cuối kinh, gọi là toàn bộ công phu khuya. Nếu chỉ tụng chú Lăng Nghiêm phần cuối và Thập Chú thì gọi là Tiểu công phu. Các thần chú đều do Đức Phật nói ra. Vì lẽ đây là lời mật ngôn của chư Phật. Các vị Bồ Tát cũng khó hiểu nổi. Thỉnh thoảng trong các kinh như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm chẳng hạn, có một số các vị thiên thần hoặc hộ pháp muốn hộ trì người trì kinh, nên cũng nói ra những thần chú để ủng hộ; nhưng những thần chú này là do chư Phật nói ra, các vị hộ pháp chỉ lặp lại lời của chư Phật để hộ trì và chính những vị đó không có khả năng để nói ra thần chú. Đa phần chúng sanh khi làm một vấn đề gì đều

nghe ngay đến chuyện lợi ích trước mới làm; nhưng phạm bất cứ cái gì nơi thế gian này có bắt đầu thì sẽ có kết quả. Kết quả tốt hay xấu đều do từ chỗ mình gây nhân ban đầu. Ví dụ một người bắt đầu đi học, hậu quả tất nhiên là sẽ biết chữ và học có kết quả tốt hay không là do sự dụng công của người đó. Việc tu cũng giống hệt như vậy, nếu dụng công thật sâu và thực hành đúng đắn những phương pháp của chư Phật và chư Tổ chỉ dạy, thì chắc chắn có kết quả tốt. Chỉ do ta ngại khó, thực hành chưa đến nơi đến chốn đã vội nản chí rồi. Do vậy mà đích vẫn còn xa chưa đến được.

Thời đại khoa học bây giờ cái gì cũng nhanh và tiện lợi thì con người mới tìm đến. Còn những gì khó khăn, vất vả, đòi hỏi nhiều công sức khó nhọc thì rất hiếm người để tâm đến. Nhưng thử hỏi nếu không có những nhà nghiên cứu, phát minh thì làm sao chúng ta có thể hưởng nhân được. Những nhà nghiên cứu cũng phải tốn rất nhiều thì giờ cho những công việc ấy. Vì thế, bất cứ một vấn đề gì trên thế gian này cũng cần phải có dụng công cả. Riêng đây trong lãnh vực giải thoát là lãnh vực xuất thế gian, nên cần phải dụng công nhiều lần hơn như thế nữa. Việc trì kinh niệm chú cũng vậy, nếu chỉ siêng năng trong một thời gian đầu và sau đó không tiếp tục hành trì nữa thì kết quả sẽ không có gì đáng khích lệ. Ngoài ra một ví dụ khác cũng có thể làm cho ta dễ hiểu hơn, ví dụ như chữa bệnh, nếu bệnh chưa hết mà ngưng thuốc, thì bệnh sẽ không lành. Lúc ấy lại trách thầy thuốc không hay, hoặc giả thuốc không công hiệu; nhưng thật ra tại mình không dùng đúng lượng thuốc và cách thức mà Bác sĩ đã chỉ dẫn.

Trở lại vấn đề trì kinh, niệm chú cũng y hệt như vậy thôi: nếu người nào có thực hiện đầy đủ công năng của sự hành trì, thì chắc chắn phần tâm linh sẽ được lợi lạc vậy.

- *Hỏi: Sau khi chết đi về đâu ?*

Đáp: Câu hỏi này tuy đơn sơ; nhưng câu trả lời có thể chùng vài trang sách đến vài chục trang hay cũng có thể viết được cả một quyển sách. Tuy nhiên trong phạm vi hạn hẹp và đơn giản của vấn đề, có thể tóm lược như sau:

Trong kinh có câu:

"Muốn biết nguyên nhân đời trước

Hãy xem kết quả trong hiện tại

Muốn biết kết quả trong tương lai

Hãy xem nhân trong hiện tại"

Từ đó suy ra, nếu muốn làm Tiên, làm Phật, làm Thánh, hay cả làm người và các loài thấp hơn loài người đi nữa cũng do từ tâm của chúng ta phát khởi lên và tâm của ta sẽ chịu sự chi phối của vạn pháp để đi đâu thai, tùy theo việc làm trong quá khứ của chính mình.

Trong quyển Tạng Thư Sống Chết của Tây Tạng có giải thích rất rành mạch về câu hỏi này. Nghĩa là sau khi chết, thần thức của mình sẽ đi chọn nghiệp. Lúc ấy có hai luồng ánh sáng sẽ rước linh hồn của mình; một luồng ánh sáng đục và một luồng màu đen sẫm. Nếu là người có tu và nghiệp nhẹ thì thần thức sẽ tự chọn theo luồng ánh sáng đục mà đi. Nếu theo luồng ánh sáng này thì tâm thức sẽ đi đâu thai ở thế giới từ loài người trở đi. Nếu tâm thức chọn luồng ánh sáng màu đen sẫm, chắc chắn sẽ bị đầu thai vào 3 đường dữ. Vì lẽ ấy, lúc còn sanh tiền nên tránh điều dữ và làm nhiều điều lành, để tâm thức được sáng suốt hơn vào lúc tắt hơi thở cuối cùng. Lúc bấy giờ rất cần vào sự trợ niệm vãng sanh của thân nhân, bằng hữu bên cạnh, qua tiếng niệm Phật để cầu Phật tiếp dẫn. Nếu thần thức vẫn còn tri tri, chứng tỏ rằng vòng luân hồi không thoát khỏi, phải đi đâu

thai tiếp trong nhiều kiếp, và cú xoay chuyển mãi không ngừng như thế, cho đến khi nào tâm thức của mình tự chọn đúng hướng để đi, thì lúc bấy giờ mới không còn trói buộc vào sự sinh diệt nữa.

Ai cũng muốn được cứu rồi và ai cũng muốn được giải thoát; nhưng rất hiếm người muốn dụng công tu hành. Do vậy mà con đường giải thoát vẫn còn xa, khó mà đạt đến được. Dầu cho Đức Phật A Di Đà có đầy đủ thần lực để cứu giúp chúng sanh đi nữa, ít nhất những chúng sanh này phải có bốn phận với chính mình trước và sau đó mới cầu vào tha lực được.

Tóm lại, sau khi chết muốn đi đâu thì tùy mình chọn lựa ngay từ lúc còn sống này. Hãy chọn một hướng đi cho thích hợp với mình, kéo thời gian không còn lâu nữa. Vì đời người rất ngắn ngủi và "thời gian cũng như nước thủy triều sẽ không đợi chờ ai".

- Hỏi: Giữa đạo Phật và đạo Thiên Chúa có khác biệt gì không?

Đáp: Giữa hai đạo này giống nhau cũng có rất nhiều, mà khác nhau cũng không phải là ít. Ví dụ người theo đạo Thiên Chúa tin có Chúa Trời là một vị chúa tể của muôn loài, sáng lập và tạo nên quả đất cũng như loài người. Đạo Phật thì không tin như thế. Nói rõ hơn là người Phật Tử không tin có Chúa là một đấng toàn năng, mà mỗi người tự định đoạt hành động thiện ác của mình và chính hành động này bị luân hồi sanh tử trong sáu cõi. Vì các pháp do nhân duyên mà sanh thì tất nhiên các pháp ấy cũng do nhân duyên mà diệt; không do ai định đoạt hoặc chi phối việc này được ngoại trừ nhân duyên. Tuy vậy, Đức Phật vẫn thường hay giới thiệu những cõi khác có các vị chúa tể, như

Thần Sông, Thần Núi, Thần Mặt Trời v.v... như vậy không phải là không có Chúa, không có Thần, mà những vị này có thật. Tuy nhiên dưới cái nhìn của người Phật Tử hay nói đúng hơn là Đạo Phật, quý vị này vẫn bị nhân duyên và nghiệp lực chi phối như những việc khác tồn tại trên thế gian này như thường lệ.

Đạo Phật tin có luân hồi sinh tử. Nghĩa là sau khi chết không phải là hết; mà chết chỉ là một đoạn đường nghỉ ngơi của sự sinh tử luân hồi mà thôi; sau đó con đường này sẽ tiếp diễn mãi cho đến khi ra khỏi sự luân hồi sinh tử. Như vậy, theo Đạo Phật, con người ở những kiếp sau hay tận những kiếp sau nữa, cũng có thể thành Thánh nhân, Phật hay Bồ Tát, mà cũng có nghĩa là, nếu suốt quá trình sinh tử ấy, mình không chịu gây nhân lành thì chắc chắn chúng ta sẽ đi đầu thai vào cảnh khổ của địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Theo Đạo Phật, con đường sinh tử này có 6 nẻo. Đó là: Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh. Nếu còn sinh tử, tức còn lặn hụp trong biển khổ này. Nếu thoát ly sinh tử chúng thành Phật quả, sẽ không còn vướng vào vòng luân hồi này nữa và chúng quả vô dư Niết Bàn. Có người trở lại Ta Bà để độ sanh, mà cũng có những vị A La Hán ở mãi trong cảnh giới của sự giải thoát ấy.

Riêng Đạo Thiên Chúa thì không phải vậy, họ tin rằng sau khi chết là hết. Nếu tin vào Chúa, sẽ được Chúa dẫn vào Thiên Đường. Nếu không tin Chúa, sẽ đi vào cảnh địa ngục. Họ chỉ có hai con đường để chọn lựa.

Trong khi đó Phật Giáo có nhiều con đường khác, mà không phải chấm dứt sau một cuộc đời chỉ ngắn ngủi có năm bảy mươi năm thôi. Dĩ nhiên trước khi sinh ra ta là ai, đạo Thiên Chúa ít giải thích; nhưng bên Đạo Phật thì việc luân hồi được giải thích rất rõ ràng qua các hiện tượng tái sinh ngày nay ở khắp nơi trên

thế giới.

Phật Giáo chủ trương giải thoát khỏi sự khổ đau và tục lụy ở trong cuộc đời này. Trong đi đó Đạo Thiên Chúa chủ trương giải thoát khỏi các tội lỗi của mình. Do vậy giữa hai Đạo có nhiều khác biệt nhau lắm. Một bên quan niệm rằng: Tội lỗi do mình gây ra thì chính mình phải tự trả lấy bằng cách sám hối tội lỗi của mình. Ví như một chiếc áo dơ bẩn, mỗi ngày mình phải tự giặt giũ thì mới mong sạch được. Đôi lúc cũng cần tha lực của chư Phật và chư vị Bồ Tát; nhưng việc chính vẫn là mình, phải tự giặt lấy chiếc áo nghiệp của mình. Trong khi đó Đạo Thiên Chúa nương hoàn toàn vào tha lực. Đó là sự cứu rỗi khỏi tội lỗi của Chúa, nếu tin Ngài. Do vậy ta thấy có nhiều điểm khác nhau giữa Đạo Phật và Đạo Thiên Chúa. Chúng ta cũng không nên đào sâu thêm nữa. Vì mỗi một người có một lối đi riêng. Mỗi người có căn cơ và trình độ khác nhau, do vậy không thể bắt mọi người cùng hướng về một lối với mình được. Đạo không xấu, chỉ do con người thực hiện sai đạo mà thôi. Do đó mới dẫn đến nhiều sai lầm trong quá khứ mà lịch sử đã chứng minh qua sách vở rồi. Chúng ta mỗi người tin theo các đạo khác nhau, nên tự trở về với chính mình và tự hỏi mình là ai? mình đã làm gì cho mình và cho đời, cho tha nhân, bằng hữu. Những công việc ấy có ích lợi gì không? nó sẽ dẫn ta đến đâu và những hành động ấy sẽ có kết quả như thế nào? v.v... đó là tất cả những gì mà chúng ta cần lưu tâm đến vậy.

- Hỏi: Chúng con là những tín đồ của Phật Giáo nhưng hay chơi với những người Thiên Chúa Giáo và hay vào nhà thờ. Vậy những việc ấy có tội với Đức Phật không ?

Đáp: Đạo Phật là một đạo có thể nói rằng rất tự do và rất cởi mở, không bắt buộc tín đồ của tôn giáo mình mỗi tháng phải đi chùa mấy lần, không bắt buộc phải làm cái này hay cái kia, mà chỉ khuyên là nên làm cái này hay cái nọ. Nếu làm được như vậy sẽ có kết quả ra sao. Nếu không làm được như vậy, sẽ như thế nào v.v... không ai lấy quyền gì và nhân danh gì để bắt buộc tín đồ của mình cả. Từ đó suy ra, là những người Phật Tử quý vị có quyền riêng tư của mình giao du với những người khác đạo và việc vào nhà thờ cũng không có gì sai trái cả. Nếu mình là một Phật Tử thuần thành, khi vào nhà thờ mình cũng có thể niệm Phật như thường và khi nhìn lên hình ảnh của các vị Thánh, chúng ta cũng có thể liên tưởng đến những vị Bồ Tát cũng rất tốt. Dĩ nhiên cái nào tốt của Đạo khác có, mình nên học hỏi. Cái gì không hợp thì đừng tham nhận vào trí não cũng như tâm thức của mình là được. Cũng không ai vì nhân danh bất cứ quyền lực nào đó để bắt buộc mình theo một đạo mà mình không thích. Vì quyền tự do tín ngưỡng là quyền thiêng liêng của mỗi con người vậy.

- Hỏi: Có thể một kiếp nào đó con sinh ra ở một hành tinh khác không? Làm sao con nhìn ra được cha mẹ của con ?

Đáp: Dĩ nhiên là có thể rồi. Vì chúng sanh luân hồi sanh tử từ trong vô lượng kiếp; nên kiếp này ở thế giới này và kiếp khác có thể thác sinh về thế giới khác. Tâm thức rời khỏi thể xác cũng giống như lửa đã tắt vì không còn củi nữa; nhưng nếu có củi thì lửa sẽ cháy tiếp tục. Những trạng thái của tâm linh cũng giống như những gì của đất, nước, gió và lửa. Cứ như vậy đó, sinh ra và tàn lụi, thay đổi và tồn tại, luôn luôn diễn biến không ngừng; nên từ nơi này đến nơi khác cũng là chuyện bình thường

thôi.

Trong kinh Bồ Tát giới có nói rất rõ ràng: "Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhơn là mẹ ta". Vì vậy nên ta không ăn thịt của chúng sanh. Nếu ăn thịt của chúng sanh, tức ăn thịt của cha mẹ ta vậy. Như vậy ở kiếp này cha mẹ ta hiện hữu, cũng có nghĩa là trong quá khứ ta đã có nhân duyên với cha mẹ, nên bây giờ mới có cơ hội gặp gỡ nhau và trong bao nhiêu kiếp vị lai, vì luân hồi sanh tử, ta cũng sẽ trở lại làm chồng, làm cha hay làm mẹ của những người thân của ta trong kiếp quá khứ vậy. Do đó khi đã có nhân duyên chồng vợ hay cha mẹ con cái trong kiếp này, ắt hẳn phải biết rằng đã do nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp mà luân tập lại vậy.

- Hỏi: Làm sao để biết một vị đã đắc quả A La Hán hoặc Bồ Tát ?

Đáp: Thông thường những người đã đắc quả ít tự nhận mình đã chứng đắc. Còn những người chưa chứng đắc lại hay muốn chứng minh cho người khác thấy rằng phép tu của mình là hay, mị đời và lừa đạo, cốt cho mình có đệ tử, tín đồ đông. Tất cả những hình thức này đều giả danh cả. Ví dụ như Đức Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm và qua bao nhiêu cuộc trắc nghiệm của những bậc Đại Sư Tây Tạng, Ngài chính là một vị Bồ Tát tái thế. Vậy mà khi báo chí phỏng vấn Ngài, hỏi rằng Ngài có phải là một vị Bồ Tát, một vị Phật không? Ngài hay trả lời rằng: Tôi chỉ là một Tăng Sĩ bình thường thôi. Nếu ai đó có lần gặp Ngài, hay đọc sách của Ngài, những quyển như: Tự Do Trong Lưu Đày, Nước Tôi và Dân Tôi v.v... sẽ thấy rõ điều đó. Đúng như vậy đó. Vì ngày xưa Phật cũng dạy rằng: Bình thường tâm thị Đạo. Đạo là gì? - chính là cái tâm bình

thường đó. Tâm Bình Thường là tâm thể nào? là tâm tự nhiên của từ bi và trí huệ, không vọng cầu, không tham đắm, không giả dối. Đó chính là tâm của chư Phật và chư vị Bồ Tát. Vậy muốn biết vị ấy là Phật hay Bồ Tát, A La Hán hay Thánh Tăng hãy nhìn vào những cái bình thường của những vị ấy, không nên đi tìm cái phi thường. Vì cái phi thường ở trong thế gian này thường không phải là những cái bình thường mà người Phật Tử cần tìm đến.

- *Hỏi: Người Cư sĩ tại gia làm sao thâm nhập kinh tụng một cách dễ dàng ?*

Đáp: Thông thường mỗi khi tụng bất cứ một thời kinh nào xong, chúng ta vẫn lạy ba lạy cuối cùng sau thời kinh ấy. Đó là: *"Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô lượng."*

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại".

Đây là những câu văn đã được dịch ra Việt văn một cách rõ ràng; nhưng so ra vẫn còn khó hiểu đối với một số người mới học Phật, do vậy xin diễn giải thật rộng để quý vị có cơ duyên làm quen với giáo lý của Đạo Phật.

Tự quy y Phật ở đây có nghĩa là tự chính mình mang cả thân lẫn tâm nương tựa vào Đức Phật là một bậc cha lành của nhân loại, một vị đạo sư của muôn pháp giới, xin cầu nguyện cho tất cả mọi loài và mọi người phải hiểu hết những lời của Phật dạy mà phát tâm Bồ Đề cầu vô thượng giác ngộ. Đây là lời nguyện của chính mình và mong mỗi tha nhân cũng đều được như vậy.

Câu tiếp có nghĩa là mang tất cả tâm và tâm về nương tựa với giáo pháp của Đức Phật, cầu cho tất cả mọi người và mọi loài, thấm sâu vào giáo lý nhiệm mầu ấy để có được trí huệ rộng lớn như biển cả. Trong nhiều kinh điển Đức Phật vẫn hay dạy rằng: Nước của biển cả tuy nhiều; nhưng chỉ có một hương vị. Đó là vị mặn của muối. Cũng như thế ấy, giáo lý của ta chỉ có một hương vị. Đó là hương vị của sự giải thoát. Nếu chúng sanh nào đi vào con đường giác ngộ cũng qua các giai đoạn văn, tư, tu, nghĩa là nghe giáo lý, rồi tìm hiểu sau đó thực hành đúng đắn thì chắc chắn rằng trước sau gì hành giả ấy cũng sẽ thâm nhập vào rừng giáo lý nhiệm mầu cao cả ấy.

Câu sau cùng có nghĩa là con xin đem thân mạng này nương vào với đoàn thể Tăng Già; vì đoàn thể này tượng trưng cho sự hòa hợp, tất cả mọi sự khó khăn, chướng ngại sẽ vượt qua. Tăng Già là một đoàn thể thanh tịnh và hòa hợp. Do vậy bản thể của Tăng Già là bản thể của sự kết đoàn đó để thực hành giáo lý của Đạo Phật. Vì vậy khi Phật Tử quy y Tăng có nghĩa là nương tựa vào bản thể thanh tịnh ấy chứ không phải nương vào chỉ một mình vị Tăng mình theo quy y mà thôi.

Từ 3 điểm trên chúng ta nhìn vào, tuy đơn giản; nhưng phải hết lòng, hết sức mới có thể hòa nhập vào bản thể thanh tịnh của Phật, Pháp và Tăng. Nếu chúng ta y lại vào căn cơ, vào trình độ tự có của mình, chắc chắn rằng với sự hiểu biết bằng tri thức ấy, sẽ không bao giờ đi sâu vào được rừng giáo lý nhiệm mầu giải thoát của Đạo Phật. Đạo Phật là Đạo như thật. Giáo lý của Đức Phật là giáo lý mang tính giải thoát và Tăng Già là một đoàn thể hòa hợp. Do vậy nương tựa vào đó có nghĩa là chính mình phải nỗ lực và tự phát nội tâm, để chính mình có thể lặn hụp trong sự hiểu biết đó và từ từ phải tự tu tập và thấm nhuần giáo lý ấy. Nên gọi thâm nhập là vậy. Ở đây để chỉ cho cả hai giới là

xuất gia lần tại gia khi thực hành giáo lý của Ngài, chứ không riêng gì người tại gia. Vì người xuất gia cũng cần đến giáo lý giác ngộ giải thoát ấy.

- Hỏi: Xin hướng dẫn sơ qua về cách thọ Bồ Tát giới.

Đáp: Sau khi thọ tam quy ngũ giới một thời gian, có ăn chay kỳ mỗi tháng 2 hay 4 ngày. Sau đó phát nguyện ăn chay 10 ngày hay hơn nữa, mỗi năm ăn nhiều tháng như tháng giêng, tháng bảy và tháng mười. Người đã ăn chay tịnh quen rồi hay nghĩ đến việc ăn mặn là tội lỗi và vì lòng thương chúng sanh nên phát nguyện trường trai để giữ giới. Khi trường trai một thời gian rồi, nếu muốn tiến xa hơn một bước nữa thì có thể thọ thập thiện hoặc Bồ Tát giới.

Bồ Tát giới cũng được gọi là Đạo Tục Thông hành giới, là giới chung cho người tại gia lẫn người xuất gia. Ai giữ được giới này, tức thể hiện được lòng từ bi vì lợi người và lợi mình và vì chúng sanh và vì sự nghiệp độ sanh hơn là vì tự độ. Do vậy giới này chỉ có nơi tinh thần của Phật Giáo Đại Thừa, còn Nam Tông Phật Giáo không có giới này. Khi truyền giới này chỉ cần một vị Hòa Thượng hay một vị Thượng Tọa, sau đó nhờ chư Tăng hộ giới và các giới tử chỉ lập theo những lời của giới sư truyền trao giới pháp cho mình. Trong giờ phút thiêng liêng đó, nếu các giới tử chú ý sẽ thấy rằng khi thọ Bồ Tát giới, chính Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni được cung thỉnh làm Đàn Đầu Hòa Thượng, Ngài Di Lặc Bồ Tát được cung thỉnh làm Yết Ma, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được cung thỉnh làm Giáo Thọ và mười phương Bồ Tát được cung thỉnh làm Tôn Chứng. Như vậy giới Bồ Tát là giới của những người học hạnh vị tha và trực tiếp gần gũi chư vị thánh hiền để chúng ta học hỏi những hạnh

nguyện của các Ngài. Nếu người Phật Tử tại gia cảm thấy mình có khả năng thì xin phép quý Thầy tại địa phương của mình, nhân cơ hội nào đó như Đại Giới Đàn hay khóa giáo lý, quý Thầy sẽ tổ chức giới đàn Bồ Tát giới cho quý vị.

- Hỏi: Khi chưa thọ Bồ Tát giới có quyền nghe giới Bồ Tát qua băng hay xem qua sách vở hay không ?

Đáp: Nếu là giới của người xuất gia như Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thì Cư sĩ tại gia không được xem, mà ngay cả người xuất gia nữa. Nếu chưa thọ Tỳ Kheo thì Sa Di vẫn không được phép xem giới luật của Tỳ Kheo và Chú Tiểu mới xuất gia không được phép xem giới luật của Sa Di. Tuy nhiên giới Bồ Tát cả người đã thọ lẫn chưa thọ đều có thể nghe và xem trước khi thọ giới. Vì lẽ trong 10 giới chính và 48 giới phụ đó cũng rút ra từ căn bản của 5 giới mà một Phật Tử khi thọ Tam Quy Ngũ Giới đã được hiểu rồi. Khi thọ Bồ Tát thì các giới này được diễn rộng ra và mục đích làm phát khởi Bồ Đề Tâm để người thọ giới có cơ duyên làm cho Phật Pháp được hưng thịnh.

Nếu nghe giới với tính cách tìm hiểu rồi thọ trì và phát nguyện tu tập thì điều ấy rất có lợi và nên nghe. Nếu nghe cho biết và đi bói lông tìm vết của những người đã thọ giới rồi, cốt chê bai cho đỡ ghét, thì việc nghe và đọc giới ấy không có lợi ích gì, mà tội lại càng tăng thêm lên. Do vậy trong luật của người xuất gia cấm hẳn những ai chưa thọ giới theo phẩm trật của mình thì không được xem giới phẩm của những bậc cao hơn là vậy.

Đạo Phật là Đạo đi vào bên trong, chứ không phải có mục đích bành trướng ra bên ngoài và khi tu cũng có nghĩa là tu cho mình trước rồi mới giúp người giúp đời được. Nếu tự chính mình

không lo gạn lọc thân tâm, mà cứ đi nhìn lỗi người để so đo, ganh tị; thì đó không phải là tâm của một vị Bồ Tát đầu cho tại gia hay xuất gia cũng vậy.

- Hỏi: Phật đã nhập Niết Bàn, Chúa cũng đã Thăng Thiên. Chúa bảo rằng Chúa đã ra đời để cứu rỗi loài người. Phật sanh ra đời mục đích cũng để chuyển mê khai ngộ; nhưng tại sao loài người vẫn còn đau khổ triền miên và còn hận thù, chém giết nhau mãi mãi như thế ?

Đáp: Đức Phật và chư vị Bồ Tát có lời nguyện rằng khi chúng sanh còn đau khổ thì lời nguyện cứu khổ độ sanh của quý Ngài vẫn còn có giá trị. Khi nào cảnh khổ địa ngục không còn nữa thì Ngài Địa Tạng mới chúng nhập vô dư Niết Bàn. Xem vậy thì lời nguyện của Ngài cũng còn lâu lắm mới xong. Vì chúng sanh đời nay kiên cường khó dạy, khó bảo và hay ưỡng ngạnh, không phục tùng; nên luân hồi sanh tử vẫn là một chuỗi đường dài dằng dặc, nếu không theo lời chỉ dẫn của những bậc đạo sư thì việc đến đích vẫn còn xa.

Kinh Pháp Hoa có 7 quyển và gồm 28 phẩm. Trong toàn bộ kinh Pháp Hoa có nhiều phẩm nêu lên nhiều ví dụ rất hay. Chúng sanh ví như những người nghèo nàn đi ăn xin, trong khi đó ở chèo áo của mình có ngọc như ý mà không biết đem ra tiêu xài. Điều ấy chúng tỏ rằng Phật tánh lâu nay tự có sẵn nơi mỗi người; nhưng chúng ta cứ mãi mê đi tìm những danh lợi phù phiếm bên ngoài là những điều không tưởng vậy. Lại nữa Phật như là một nhà đại lương y đại tài biết chữa bệnh cho thuốc; nhưng chúng sanh thì chê thuốc đắng không chịu uống. Sau đó Phật phải giả nhập Niết Bàn thì chúng sanh mới chịu nghe theo mà uống thuốc để trừ sanh tử. Vậy Phật hay Chúa, tất cả chỉ vì

phương tiện độ sanh mà ra đời này để giúp cho đời được bớt khổ thêm vui; nhưng chúng sanh trong cõi đời này mải ham vui nơi cõi dục, quên hẳn bản tâm vốn hằng thanh tịnh của mình; nên vẫn còn luân hồi sanh tử. Vậy lỗi ấy không phải do người thầy thuốc, kẻ dẫn đường hay bậc đạo sư, mà do người hành trì không đúng, nên mới như vậy.

- Hỏi: Con có anh bạn rất tốt, gia đình theo Phật Giáo, đã Quy Y Tam Bảo; nhưng khi nói về giáo lý Đạo Phật thì anh ta không thích lắm. Xin Thầy có cách nào giúp ý kiến để anh ta trở về lại với niềm tin của mình không ?

Đáp: Những người Phật Tử như thế, theo Đức Đạt Lai Lạt Ma gọi là Phật Tử truyền thống. Nghĩa là cha mẹ họ là Phật Tử, khi sinh ra họ đương nhiên trở thành Phật Tử. Nhiều lúc cha mẹ cho quy y từ lúc còn bé; nên khi lớn lên không hiểu rành giáo lý của Đạo Phật và nếu có một nguyên nhân gì đó, làm bị chạm tự ái cá nhân, hay bất cứ lý do gì đó, đâm ra bất mãn chùa, bất mãn Thầy và kéo đến việc bất mãn cả Đạo nữa. Điều này ở Đạo nào cũng có chứ không nhất thiết là ở Đạo Phật. Tuy nhiên, điều quan trọng là chính đương sự phải tìm hiểu ở Đạo Phật một cách cặn kẽ hơn, sau đó mới phán đoán được nền đạo cổ truyền này. Nếu chỉ có một lý do cá nhân, hoặc một chuyện đơn thuần nào đó mà bỏ chùa, bỏ đạo. Ấy là do người này thiếu sự tinh tấn khi vào đạo. Đây cũng là cơ hội để theo Đạo khác, hoặc giả tìm cách phỉ báng thêm đạo của cha mẹ mình và mình đang theo; nhưng việc làm này hoàn toàn do vô minh và vọng tưởng xúi giục; không phải do từ đức tin chân thật mà có; nên cũng không đáng quan tâm mấy. Tuy nhiên để kéo người ấy trở về với niềm tin với Tôn Giáo của mình thì có nhiều cách khác nhau. Ví dụ

như rủ người ấy đi nghe giảng nhiều hơn, hay gởi bằng và sách giáo lý đến tặng cho người đó. Điều quan trọng là hãy xem người đó yếu về phương diện nào thì hãy hỗ trợ về phương diện đó. Nếu cuối cùng vẫn không được, hãy hiểu cho đó là nhân duyên chưa chín muồi để anh ta về lại với Đạo nguyên thủy của mình mà thôi. Cũng không nên gượng ép để kéo người khác vào Đạo. Vì Đạo Phật cần nơi phẩm chú không cần nơi lượng. Đạo Phật cũng không có cơ quan truyền giáo; vì thế việc tín đồ nhiều hay ít, việc ấy không quan trọng, mà quan trọng ở điều là người ấy có hiểu giáo lý của Đạo Phật không, mới là điều đáng nói.

- Hỏi: Thái Tử A Xà Thế (tiền kiếp là một đạo sĩ tu trên núi, đã bị vua Tần Bà Sa La bức tử), giết cha chẳng qua là muốn trả lại thù xưa. Như vậy nhân mà vua Tần Bà Sa La đã gây ra, nay Thái Tử A Xà Thế đã trả quả. Vậy xét về nhân quả đã xong. Xét về ân oán cũng hết. Tại sao A Xà Thế bị nổi cùi phong. Quả này do nhân nào gây ra ?

Đáp: Nhân và Quả không phải chỉ đơn thuần có một kiếp hay một việc, mà cái này liên hệ với cái kia như mắc xích. Mỗi người gây ra cùng một lúc hay nhiều lúc, nhiều đời nhiều nhân khác nhau và do vậy kết quả sẽ hưởng hay gặt hái lấy trong nhiều giai đoạn của kiếp nhân sinh khác nhau. Ví dụ vua Tần Bà Sa La vì có niệm ác mà giết vị Tiên như kia, sau sinh ra A Xà Thế. Quả mà Tần Bà Sa La phải trả là bị con mình giam vào ngục thất để đoạt ngôi. Đồng thời nhân của việc đoạt ngôi kia là quả bị phong cùi mà A Xà Thế phải chịu. Điều ấy có nghĩa là quả của cái này là nhân của cái kia và nhân của cái kia là quả của cái kia nữa. Cứ thế và cứ thế xoay chuyển mãi trong kiếp

luân hồi. Chỉ khi nào không còn gây nhân nữa thì quả mới không còn tồn tại. Nếu nhân cứ gây thì quả cứ tiếp tục tiếp diễn, cho nên nói oan oan tương báo là vậy.

Có nhiều người cũng nghĩ lầm rằng: nếu gieo nhân tốt thì sẽ bù trừ cho những nhân xấu mình đã gieo. Điều ấy sai. Gieo nhân tốt sẽ được quả tốt là chuyện đương nhiên và đồng thời nhân xấu kia, dầu nhỏ đến mấy đi nữa cũng phải trả cho hết, chứ không thể lấy phước kia để bù đắp lại được. Ví dụ ngày xưa khi Lương Võ Đế, trong một tiền kiếp nọ làm một người tiều phu đi đốn củi ở trong rừng, thấy một tượng Phật bị dãi dầu với mưa nắng, liền lấy nón của mình che tượng Phật kia, mà quả của kiếp lai sanh là làm vua của xứ Trung Hoa vào đầu thế kỷ thứ 6 sau Tây lịch. Và cũng ở trong một kiếp quá khứ nọ, người tiều phu kia sau khi đã phát hiện gói cơm của mình mang theo không còn nữa, đã bị một con khỉ già mang vào trong hang động để ăn. Người tiều phu ấy liền tức giận và lấy đá ngăn chặn miệng hang lại. Khỉ kia bị chết ngộp trong hang. Vì lẽ ấy mà vua Lương Võ Đế tuy được làm vua, làm phước độ không biết bao nhiêu Tăng, xây không biết bao nhiêu cảnh chùa; mà cuối cùng của đời mình phước kia đâu đủ để khỏi phải trả quả là chính vị Thừa Tướng đã vây hãm thành và vua Lương Võ Đế đã bị chết ngạt. Như thế mới đúng là nhân quả, hễ gây ra nhân nào là sẽ hưởng quả đó. Nhân dầu nhỏ bao nhiêu, quả cũng sẽ theo ta như bóng theo hình. Vì vậy phải hiểu rằng vòng luân hồi sanh tử rất sâu và khó dứt, từ đời này kéo đến đời sau và mãi mãi như thế, chỉ có ai tỉnh ngộ, thôi đừng gây nhân ác nữa, thì quả mới không còn tiếp tục trả. Nếu chỉ gây nhân lành thì quả lành càng ngày càng đầy và quả ác lại vơi đi. Lúc ấy việc thoát ly sinh tử luân hồi chỉ còn là thời gian thôi. Vì công đã tròn và quả đã mãn rồi.

- *Hỏi: Lịch sử Việt Nam hồi khởi điểm được quốc tế ghi nhận từ đời Ngô Quyền. Qua đời Lý, Trần, Tiền Lê, đều lấy Đạo Phật làm quốc giáo và Đạo Phật được kể là hưng thịnh nhất.*

Sau đó ảnh hưởng của Nho giáo được thay thế lần lần qua các triều đại sau cho đến nhà Nguyễn và tới hiện tại. Nếu theo luật nhân quả của nhà Phật - thì sự điều linh hiện nay của Phật Giáo và Dân Tộc tại Việt Nam có phải chăng dân tộc ta đã gieo nhân ác vào một thời điểm nào đó? và chúng con các thế hệ kế tiếp phải làm gì? để các thế hệ sau bớt điều linh hơn?

Đáp: Có nhiều loại nhân gây ra trong đời này mà nhiều đời sau mới hưởng. Cũng có những loại nhân gây ra bây giờ và vài ba năm sau hưởng. Cũng có lắm loại nhân mà gây ra ở kiếp này; nhưng phải chịu luân hồi nhiều kiếp, quả kia mới phải trả. So ra lịch sử của dân tộc ta, tuy ông cha ta tiến xuống miền Nam là một điều tốt cho việc mở mang bờ cõi ấy. Tuy nhiên khi chinh phạt như vậy biết bao nhiêu sinh linh bị chết chóc làm than. Ngay cả dẫm lên biết bao thân xác của kẻ khác, chùa chiền, cung điện, miếu thờ, đập phá trong khi chiến chinh; thử hỏi sự ta thán của kẻ bị chinh phạt và nỗi khổ của họ làm sao kẻ cho xiết hết. Công đức của tiền nhân ta vẫn có đấy; nhưng mỗi một đời vua, từ các triều Lý, Trần, dân tộc ta đã sát hại biết bao nhiêu sinh linh đồng loại của dân tộc Chăm và Thủy Chân Lạp. Gần 1.000 năm nay chiến tranh cứ tiếp diễn ở nhiều hình thức khác nhau. Do vậy ngày nay chúng ta mới trả cái quả đặc giá là thế, phải sống xa quê hương, phải làm thân lũ thú tại xứ người và tại quê mẹ, Đạo pháp cũng như dân tộc đang bị làm than khổ ải. Biết đâu trong những kẻ tướng tài và binh lính chinh Bắc dẹp Nam ngày xưa ở 1.000 năm trước trong ấy có ta. Nếu muốn bây giờ và mai hậu, thế hệ của chúng ta và các thế hệ kế tiếp nữa không hưởng những quả xấu như ta hoặc ông cha ta đã

hưởng thì hãy ngừng ngay các niệm ác ngay từ bây giờ, mà chỉ hãy làm những hành động thiện, không đi gây hấn và giết chết lân bang, để quả đó, đời đời cũng phải trả. Nguyên tắc mạnh được yếu thua chỉ tồn tại nhất thời ở một giai đoạn nào đó. Chỉ có nhân quả mới là điều đáng nói mà thôi.

Vậy là Phật Tử hãy cố gắng xem lại những hành động của mình đang gây ra trong hiện tại và nếu mỗi người, ai ai cũng ý thức được điều ấy, thì chắc rằng thiện quả sẽ đến với chúng ta và việc luân hồi sanh tử sẽ sớm chấm dứt vậy.

- Hỏi: Muốn lay Phật mỗi ngày nhiều hơn lay bình thường. Vậy nên lay Kinh nào trước ?

Đáp: Ở Việt Nam hay ở ngoại quốc ngày nay tại các chùa và các Niệm Phật Đường thường hay tổ chức các buổi lễ Sám Hối Hồng Danh Phật vào ngày 14 hoặc 30. Nếu tháng thiếu, Sám Hối vào ngày 29. Khi Sám Hối như vậy chư Tăng và Phật Tử lay từ đầu cho đến cuối độ 108 lay; nhưng kỳ thật nội dung của Hồng Danh Phật chỉ có 88 lay. Tập quán này đã có từ lâu đời ở Trung Hoa và Việt Nam. Vì trong Kinh Địa Tạng, Đức Phật có dạy rằng những ngày trăng tròn và trăng khuyết là những ngày chúng sanh hay tạo tội nhiều, do vậy nên ăn chay và sám hối vào những ngày này thì tội mới mau tiêu. Do vậy, những ngày lễ Sám Hối, Bồ Tát và tụng giới thường hay tổ chức vào đầu tháng hay cuối tháng là vậy.

Nếu chùa nào tổ chức các khóa Tu Bát Quan Trai cuối tuần hay trong mùa an cư kiết hạ muốn tổ chức cho các Phật Tử lễ bái để tội diệt phước sanh cũng có thể cho Phật Tử lay Ngũ Bách Danh (tức 500 danh hiệu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát). Mỗi một câu, Thầy chủ lễ xướng trước, mọi người xướng theo sau,

đứng lên ngồi xuống, giec năm vóc sát đất để lạy và chia ra làm 2 hay 3 lần trong ngày để lạy. Thông thường nếu đã lạy quen, mỗi tiếng đồng hồ có thể lạy được từ 250 đến 300 lạy, tùy theo người đánh khánh nhanh hay chậm. Nếu lạy một mình ở nhà, có lẽ được nhiều hơn, vì không tốn thời gian 2 lần xuống và họa theo như ở chùa; nhưng xin thông thả. Tuy lạy Phật công đức rất nhiều và thể lực rất tốt; nhưng đừng vội quá, nhiều lúc sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, nhất là lúc mới dùng cơm xong, không nên lạy liền, mà hãy chờ khoảng một tiếng đồng hồ sau đó.

Sau khi lạy Ngũ Bách Danh, có thể phát nguyện lạy Tam Thiên Phật Danh. Túc 3.000 danh hiệu Phật. Gồm quá khứ Trang Nghiêm kiếp, tên của 1.000 vị Phật. Hiện tại Hiền kiếp tên của 1.000 vị Phật và vị lai Tinh Tú kiếp cũng có tên của 1.000 vị Phật. Trong 3.000 lạy này nên phân chia ra nhiều ngày để lạy, mỗi lần lạy chừng 1 tiếng đồng hồ, không nên lạy liên tục nhiều giờ.

Nếu lạy Tam Thiên Phật danh xong, quý vị cũng có thể tiến lên lạy Kinh Vạn Phật. Kinh Vạn Phật trong ấy có tên nhiều vị Phật. Nói một vạn túc 10.000; nhưng trên thực tế trên 11.000 vị Phật có tên trong Kinh này. Kinh này rút từ trong Đại Tạng Kinh ra. Nhiều chùa trong mùa an cư kiết hạ mỗi tối hay lạy Kinh này. Thời gian và cách lạy cũng giống như trên.

Nếu lạy Vạn Phật xong mà muốn phát nguyện lạy tiếp thì có thể lạy Kinh Pháp Hoa, Kinh Bát Nhã, Kinh Hoa Nghiêm hoặc Kinh Đại Bát Niết Bàn cũng rất quý. Trong các bộ kinh lớn này, câu kinh rất dài, không như danh hiệu Phật ở những bộ kinh trước, do vậy nên chia ra lạy từng chữ trong kinh. Thế nào là lạy từng chữ? Ví dụ câu kinh như sau:

"Lúc bây giờ Đức Phật ở tại Kỳ Viên Tịnh Xá...."

Vị chủ lễ không phải chỉ xuống một chữ rồi lạy xuống, mà phải

xướng nguyên câu để Đại chúng phía sau có thì giờ mà họa theo. Vị chủ lễ sẽ xướng là: Chí tâm đánh lễ "lúc" Quan Thế Âm Bồ Tát. Sau đó Đại chúng hòa theo nhịp của tiếng khánh và lay xuống 1 lay, đoạn đứng lên. Vị chủ lễ sẽ tiếp. Chí tâm đánh lễ Nam Mô "bấy" Quan Thế Âm Bồ Tát v.v... Nếu lay Kinh Pháp Hoa thì phía sau nên thêm vào Quan Thế Âm Bồ Tát. Nếu lay Kinh Đại Bát Niết Bàn, nên thêm vào phía sau Thích Ca Mâu Ni Phật. Điều ấy có nghĩa là: Vị chủ lễ sẽ xướng: Chí tâm đánh lễ Nam Mô "lúc" Thích Ca Mâu Ni Phật, và Đại chúng sẽ họa theo như vậy để lay xuống. Nếu lay một mình tại nhà thì chỉ xướng một lần thôi. Nhưng ở nhà thì rất khó thực hiện khi lay kinh bộ như vậy. Vì khó phân chia thời giờ để lễ lay, hoặc khách khứa, hoặc vì hoàn cảnh gia đình, hay cần sự yên lặng của người chung quanh v.v... Chỉ có ở chùa mới dễ thực hiện được việc này. Vì những chùa ở ngoại quốc có đầy đủ điều kiện, ví dụ như có vị trí độc lập, xa nơi dân cư sinh sống thì có thể thực hiện việc này một cách dễ dàng vậy.

Trong Kinh Pháp Hoa nói có hơn 60.000 lời Đức Phật dạy; nhưng trên thực tế có hơn 70.000 lời. Có lẽ khi dịch ra tiếng Việt, nó nhiều hơn chẳng? Tại chùa Viên Giác đã lay xong các bộ kinh trên, bắt đầu từ năm 1987 đến năm nay 1997 là 10 năm, suốt các mùa an cư kiết hạ 3 tháng đều lễ lay vào mỗi buổi tối. Từ năm 1996 đến nay chùa đã bắt đầu lay Kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh dày khoảng 1.500 trang gồm 2 tập, chữ nhỏ. Lay hơn 2 năm rồi, mới được gần 200 trang, có lẽ phải lay trong nhiều năm liên tục nữa, mới xong bộ kinh này.

Thật ra lay Phật chỉ là hình tướng mà thôi. Tuy nhiên ở trong cảnh giới tạm của cuộc đời này phàm làm việc gì cũng nên lấy giả độ chơn, tạo phương tiện cho chúng sanh quy ngưỡng, sau khi đã thành thực rồi, thì những hình thức không còn quan trọng

nữa.

- Hỏi: Xin Thầy giải thích cho con rõ, khi nhất tâm bất loạn của Tịnh Độ và ngộ bên chân lý Thiền có giống nhau không? và khi ngộ thiền có thoát ra khỏi luân hồi chưa? lúc đó gọi là Bồ Tát hay Duyên Giác ?

Đáp: Cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà được gọi là cõi phàm thánh đồng cư Tịnh Độ. Khi về đây rồi không còn phải luân hồi sanh tử nữa; nhưng trên thực tế phải tu thêm nhiều kiếp nữa mới chúng được quả Thượng phẩm Thượng sanh của chư vị Bồ Tát. Vì vậy có thể hiểu rằng cõi Tịnh Độ là phương tiện để chúng sanh phát tâm về đó và từ đó có cơ hội tiếp tục tu hành tiếp để được giải thoát hoàn toàn.

Còn cái ngộ bên Thiền, chữ Nhật gọi là Satori, chữ Đức gọi là Erleuchteteter. Có nghĩa là làm sáng tỏ ra chân lý. Cũng tương tự như việc sau khi Đức Phật đã thành đạo, câu nói đầu tiên mà Ngài thốt ra từ kim khẩu của Ngài là: "Kỳ lạ thay! tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; nhưng vì vô minh và luân hồi sanh tử; nên chúng sanh mãi chìm ngập trong sự khổ đau". Chắc chắn một điều, trước khi tỏ ngộ, Đức Phật chưa nhận ra điều ấy. Chỉ sau khi giác ngộ mới thấy rõ điều này. Vậy sự ngộ nhập một chân lý, có nghĩa là làm sáng tỏ chân lý ấy và cũng không nhất thiết phải là hoàn toàn thoát ly sanh tử luân hồi. Hai trạng thái này có thể gọi là giống nhau khi lâm chung vãng sanh về Tịnh Độ và khi thành đạo, ngộ được bản tánh của vạn vật. Nhưng sau khi lâm chung và sau khi ngộ, cần phải tu thêm để đạt đến quả vị giải thoát hoàn toàn. Những vị này có thể nói là những bậc giác ngộ và vòng luân hồi không chi phối họ được nữa. Vì sự tu, chúng của họ đã bảo vệ cho sự hành trì của họ trên đoạn

đường cầu đến sự giải thoát rồi.

- Hỏi: Khi một người chứng quả Bồ Tát hoặc Phật. Vậy là chỉ chứng được một pháp môn của chủ Phật hay mọi pháp môn ?

Đáp: Cũng như một người học trò, một học sinh, một sinh viên, một nghiên cứu sinh, một thực tập sinh, mỗi giai đoạn trong cuộc đời mình đều phải trải qua sự học hỏi từ thấp đến cao, từ tổng quát đến chi tiết. Khi lên bậc cao ở Đại Học chia ra từng ngành khác nhau; nhưng khi tốt nghiệp ra trường thì giá trị đều giống nhau, dẫu cho người đó học ngành gì đi nữa, cũng gọi là đã tốt nghiệp ở Đại Học. Ở đây việc tu chứng cũng vậy, trong pháp môn này chứa đựng nhiều pháp môn khác và khi chứng một pháp môn cũng đồng thời có nghĩa là những pháp môn khác cũng chứng được. Từ đó hành giả có thể dụng công đi cứu đời và giúp người tùy theo từng hạnh nguyện của mình, cũng giống như sau khi các Sinh viên ra trường đi thực tập theo từng ngành học của mình vậy.

- Hỏi: Trong 10 danh hiệu của Đức Phật, trong ấy danh hiệu thứ 9 gọi Đức Phật là: Thiên Nhân Sư. Trong kinh sách của Phật nói cõi dục có 6 tầng trời - nào cõi Ta Bà, trời Dao Lợi, trời Tu Diệm Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc v.v... và những nơi ấy có 8 bộ chúng, nào Thiên chúng, Long chúng, Càn Thác Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Đại Mãn Xà v.v... Xin Thầy nói rõ các cõi ấy và các bộ chúng. Chúng con chỉ có thể hình dung các cõi và 8 bộ chúng qua pho Phong Thần và Tây Du thì có sai lệch không ?

Đáp: Chử Thiên Nhân Sư có nghĩa là Thầy của Trời và Người, chỉ chung tất cả các loài và trong Dục Giới (Kâmadhātu) gồm nhiều cõi khác nhau. Một cảnh giới trong 3 cảnh giới là: Dục giới, Sắc giới (Rupâ vacara) và Vô Sắc giới (Arupâ vacara). Dục giới là cảnh giới của chúng sanh ưa thích về ngũ dục, gồm: sắc dục, thanh dục, lương dục, vị dục và xúc dục.

Nơi dục giới có các chúng sanh như: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A Tu La, Nhơn gian, Lục Dục Thiên (Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên hay Tam Thập Tam Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên).

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là 3 chốn trụ lạc, nơi ấy chúng sanh vừa bị khổ não vì quả báo, vừa sát phạt nhau.

A Tu La và Nhơn Gian tức cõi Thần và cõi Người, có hiền có dữ: hiền thì lo tu tập sẽ được hưởng phúc lạc; còn dữ thì sẽ bị đọa.

Lục Dục Thiên là 6 tầng trời; nơi ấy chư Thiên (Tiên) vừa hưởng các phúc lạc về ngũ dục, vừa trông nom cho những hàng A Tu La, Nhơn gian và Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Các Ngài ủng hộ nền đạo lý, xem xét thế gian, che chở cho người hiền đức tu hành khỏi bị bọn hung thần phá hoại. Ở cung Đâu Suất có Đức Di Lạc thường giáo hóa chư Tiên. (theo Đoàn Trung Còn - Phật Học Tự Điển cuốn 1, trang 455).

Mỗi một cõi như vậy có một vị Tiên chủ và nhiều bộ chúng khác nhau và những truyện Phong Thần hay Tây Du có diễn tả những bộ chúng ấy, có lẽ ngày xưa những người viết truyện dựa theo các sách vở của Phật Giáo nên mới có những sự biến hóa kỳ ảo như thế, và những hình tướng ấy đều thể hiện tâm tư của con người ở cõi dục này.

- *Hỏi: Để biết Niết Bàn chân chính với Niết Bàn của ngoại đạo,*

ta cần phải dùng đến trí tuệ để so sánh, suy luận. Nhưng so sánh là có tâm phân biệt và sai biệt. Như thế có mâu thuẫn với việc tu tập để đạt đến vô niệm và vô tâm không ?

Đáp: Niết Bàn không có hình tướng mà chỉ là trạng thái của những người đã chứng đắc, thoát ly sanh tử luân hồi. Chỉ có những người chứng mới hiểu được Niết Bàn là gì. Còn những người chưa chứng Niết Bàn, dẫu cho có giải thích tường tận đến đâu đi chăng nữa, Niết Bàn cũng chỉ là Niết Bàn thôi. Ngày xưa khi Phật còn tại thế, Ngài rất ít khi giải thích đến vấn đề này, mà Ngài hay khuyên chúng ta rằng: có bệnh hãy lo chữa bệnh trước, không cần phải tìm hiểu các sự việc khác. Như vậy có nghĩa là nếu còn so sánh là còn phân biệt bĩ thử, chỉ khi nào đã ngộ được lý vô sanh rồi, thì tự nhiên biết được cái nào là của ngoại đạo và cái nào thuộc vô dư Niết Bàn. Lúc ấy không cần phân biệt, vẫn có thể hiểu được. Riêng đối với người mới vào Đạo, chỉ cần theo sự hướng dẫn của chư Tăng và nương theo 37 phẩm trợ đạo thì chắc chắn sẽ không bị lầm lạc vào con đường của ngoại đạo được.

- Hỏi: Xin Thầy cho biết Ngài Thần Tú, người đã làm bài kệ mà Ngũ Tổ chê chỉ đứng ngoài cửa. Ngài có cùng các vị Tăng và Thượng Tọa Huệ Minh chạy đi tìm kiếm Lục Tổ Huệ Năng không ?

Đáp: Sau khi đã bị Ngũ Tổ cho biết rằng y bát đã được truyền cho người khác rồi. Lúc bấy giờ Ngài Thần Tú có lẽ gặp hai trạng thái khó xử. Thứ nhất, Ngài sẽ nêu ra nhiều lý do như tại sao mình không xứng đáng? Tại sao Ngũ Tổ lại làm như thế? Do vậy ý hướng vẫn còn chần chờ phân vân, nên không đuổi

theo Lục Tổ. Lý do thứ hai là chỉ có Thượng Tọa Huệ Minh có sức khỏe và là những người hầu cận cũng như ủng hộ Ngài Thần Tú, do vậy mới cố chạy theo Lục Tổ để đoạt lại y bát. Nhưng khi đến nơi, y bát để đó mà vẫn không nhấc nổi lên nữa. Tóm lại Ngài Thần Tú không đi tìm y bát, mà từ đó về sau lập nên phái Thiền phương Bắc tu theo Tiệm giáo và Lục Tổ Huệ Năng đi về phương Nam, chủ trương Thiền Đốn Giáo hay Đốn Ngộ và y bát không còn truyền tiếp tục nữa.

- Hỏi: Trong Đạo Phật gọi Tham, Sân, Si là tam độc. Con người thường hay tham. Tham đủ thứ, nói chung là tham ngũ dục. Vậy có người tham tìm cầu học Đạo; tham sớm thành Bồ Tát, La Hán; tham cầu đắc quả. Như vậy cái tham của người này có tốt hay xấu? Có nên tham như vậy không ?

Đáp: Nói tóm một câu là tham cái gì cũng xấu hết, chỉ có tham tu là tốt mà thôi. Theo Đại Trí Độ Luận định nghĩa về chữ Dục, mọi thứ dục không nương theo trí tuệ là dục xấu. Chỉ có Dục nương theo trí tuệ, cầu thành Phật quả, thì dục ấy rất tốt. Dĩ nhiên đây nói ở điểm tương đối để cầu đạo lúc ban đầu. Sau khi đã chứng được quả vị giải thoát thì dục kia cũng phải bỏ đi.

- Hỏi: Niệm Phật đến chỗ Vô Niệm và Niệm Phật đến chỗ Tam Muội, hai câu này có cùng một nghĩa giống nhau không ?

Đáp: Chữ Vô Niệm có nghĩa là niệm đến chỗ không còn niệm phân biệt nữa. Nghĩa là ta và chư Phật chư Bồ Tát đồng nhau, không còn những tạp niệm xen kẽ vào đó. Đây cũng có thể gọi là chánh niệm. Đạt đến mức độ này, giữa ta và chư Phật có chỗ dung thông với nhau.

Còn Tam Muội có nghĩa là rớt ráo yên tĩnh, giải thoát tận cùng. Mỗi một vị Bồ Tát hoặc mỗi một vị Phật có nhiều Tam Muội khác nhau. Ví dụ Ngài Diệu Âm Bồ Tát (Gadgadasvara-Boddhisatva) có nhiều Tam Muội khác nhau như: Diệu Tràng Tam Muội (Dhavàdjàgrakiyùra), Pháp Hoa Tam Muội (Saddharma - pundarika), Tịnh Đức Tam Muội (Vimaladatta), Túc Vương Hỷ Tam Muội (Nakchararâdjavikridita), Vô Duyên Tam Muội (Anilâmbha), Tri Ân Tam Muội (Djnânamura), Giải nhứt thiết chúng sanh ngũ ngôn Tam Muội (Sarvaruta - Kâuçalya), Tập Nhứt Thiết công đức Tam Muội (Sarvapunya Samutchtchaya), Thanh Tịnh Tam Muội (Prasâdavati), Thân Thông Hỷ Tam Muội (Riddhivikridata), Huệ Cụ Tam Muội (Djnânolka), Trang Nghiêm Vương Tam Muội (Vyuharddja), Tịnh Quang Minh Tam Muội (Vimalaprabha), Tịnh Tạng Tam Muội (Vimalagarbha), Bất Cộng Tam Muội (Apkritisna) và Nhứt Triền Tam Muội (Suryâvarta). 16 loại Tam Muội như thế. Ngài Diệu Âm Bồ Tát còn dùng Tam Muội hiện nhứt thiết sắc thân để biến ra các thân hình, hoặc thân Phật, hoặc thân Thánh hay thân các hạng chúng sanh mà ra đi độ thế cho đắc nhập quả Phật và mỗi một Đức Phật Như Lai đều đắc trăm nghìn vạn ức phép Tam Muội như thế (Phật Học Tự Điển - Đoàn Trung Còn, quyển 3 trang 804).

Như vậy giữa Vô Niệm và Tam Muội có khác nhau. Vô Niệm chỉ mới đạt đến cảnh giới giải thoát. Còn Tam Muội tức đã chúng được các quả và có thần thông diệu dụng để độ sanh.

- Hỏi: Xin Thầy giải thích đùm 2 câu đối như sau:

"Lục đạo xoay dần không mới hỏ

Vô thường xô đến vạn duyên buông".

Đáp: Lục đạo có nghĩa là 6 con đường. Đó là Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục. Ngạ Quỷ và Súc Sanh. Nếu còn luân hồi sanh tử, tức phải quanh quẩn vào ra trong 6 nẻo luân hồi ấy. Ví như gió hoặc lửa; gió không có chỗ này nhưng lại có chỗ khác; lửa tàn ở đây; nhưng đồng lúc ở kia cũng phát sanh. Vì thế nên gọi là "xoay vần không mối hở".

Tất cả những sự vật trên thế gian này đều do nhân duyên giả hợp mà thành, rồi cũng do nhân duyên giả hợp mà tan biến. Cho nên nói các pháp đều do nhân duyên sanh và các pháp đều do nhân duyên diệt là vậy. Tất cả đều bị chi phối bởi luật vô thường. Khi vô thường đến thì tất cả mọi việc đều phải buông xả hết. Giáo lý Đại Thừa đặt nặng trên vấn đề: vô thường, khổ, không và vô ngã để cho chúng sanh ý thức được sự thay đổi của cuộc đời mà lo tu hành và cầu giải thoát. Thông thường thì chúng sanh hay chần chừ cho đủ nhân duyên rồi mới tu; nhưng vô thường đâu có chờ mình. Nó sẽ đến bất cứ lúc nào và giờ phút nào khi nhân duyên không còn hòa hợp nữa.

Hai câu đối trên ý nói chúng ta phải mau mau cố gắng tu học Phật Pháp và cầu cho ra khỏi cảnh khổ sanh tử của 6 đường. Đó mới là mục đích chính của người xuất gia cũng như tại gia vậy.

- Hỏi: Con nghe quý Thầy thuyết pháp rằng: khi làm một việc gì cũng phải hồi hướng đến tất cả chúng sanh, mà không được cầu danh lợi cho riêng mình. Nếu cầu như vậy mình sẽ bị luân hồi đời đời kiếp kiếp, mà không được giải thoát. Trong khi đó gia đình của Di con không được hòa thuận, con phải làm sao đây? Khi con nói chuyện với gia đình Di con về chuyện tu học, thường hay bị mỉa mai là nhỏ mà dạy người lớn. Hoặc đôi khi bị la là: tu gì? tu hú đó. Không biết trường hợp này quý Thầy

giải thích như thế nào ?

Đáp: Vấn đề hồi hướng, như chúng ta thường thấy sau mỗi thời kinh tụng, dầu cho cầu an, cầu siêu hay bất cứ kinh gì, cũng đều tụng câu:

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Như vậy, nếu công đức có được thì hồi hướng đến khắp cả pháp giới chúng sanh để được lợi lạc, dĩ nhiên là trong đó đã có mình và gia đình mình rồi. Quả vị sẽ thành được chia đều cho mọi người, chứ không riêng gì cho gia đình mình, thì sự hồi hướng ấy mới có ý nghĩa.

Phước đức cũng giống như cây đèn cầy và ngọn đèn. Nếu ngọn đèn được đem mời cho nhiều ngọn đèn khác, thì ánh sáng của ngọn đèn chính vẫn không thay đổi. Càng nhiều ngọn đèn, có nghĩa là càng được sáng tỏ thêm. Nếu chỉ giữ riêng cho mình một ngọn đèn, rủi thay có gió nghiệp xưa đuổi tới, làm cho ngọn đèn của mình tắt đi, làm sao có thể cưỡng lại được. Vì vậy ở đời cái gì đem cho và san sẻ cho kẻ khác lại còn, mà cố bám víu và khư khư giữ kỹ thì hay mất mát. Vì thế sự cầu nguyện và hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh có ý nghĩa lớn lao như vậy. Nên cố gắng dùng tâm từ của mình mà thực hiện mọi công việc, thì không những lợi cho mình, mà còn lợi cho tất cả mọi người chung quanh nữa.

Về phần gia đình, có lẽ ai cũng có vấn đề, không lớn thì nhỏ. Hy hữu và đẹp đẽ thay đổi với những người hiểu đạo, còn đối với những kẻ thiếu nhân duyên với Phật Pháp thì dầu cho các vị Tổ Sư hay chư vị Bồ Tát vẫn khó chuyển hóa như thường. Vì

thế khi thực hành hạnh Bồ Tát chúng ta phải phát nguyện rằng: "Thay thế cho chúng sanh để chịu nhiều sự khổ sở". Đó là phương tiện để dẫn dắt những người ấy vào Đạo. Có thể bây giờ người ấy không hiểu; nhưng thời gian tới, hoặc kiếp khác người Di ấy sẽ hiểu tu là gì? và tại sao phải tu? Có nhiều người vì ngã mạn hay tà kiến, nên không bao giờ chịu chấp nhận ý kiến của kẻ khác; Đó là một sự sai lầm rất lớn. Ví dụ, nếu một người lớn mà nói những điều sai, làm sao chúng ta có thể chấp nhận một cách dễ dàng được. Trong khi đó, nếu một đứa trẻ mà nói điều đúng, không lẽ người lớn không thừa nhận à! cũng có thể vì tự ái, tự ngã nên họ không chịu chấp nhận; nhưng lẽ phải và sự công bằng phải thừa nhận điều ấy. Ví dụ Ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ cũng là một gương hiếu hạnh để cho người đời soi được. Trong khi người con tu hành đã chứng quả A La Hán, còn người mẹ vẫn bị lầm than khổ ải nơi chốn ngục quỷ. Vậy bốn phận làm con, phải cầu vào tha lực của chư Tăng và dùng hết tự lực của mình để chuyển hóa gia đình như Ngài Mục Kiền Liên đã thực hiện.

- Hỏi: Ăn chay có phước là giữ được một giới không sát sanh. Nếu cả thế giới này đều ăn chay thì các loài súc sinh như dê, heo, kiến, ruồi sẽ sinh sản đầy đàn. Nếu không bị giết hại thì chắc rằng làm dê, bò sung sướng hơn làm người. Trong khi đó cạp ăn thịt thì không tội, mà người ăn thịt lại bị tội? Còn các phái tu khác cũng ăn mặn thì sao ?

Đáp: Người Phật Tử xuất gia cũng như tại gia bên Đại Thừa sở dĩ có việc ăn chay trường hay ăn chay kỳ là do lòng từ bi thương xót chúng sanh như chính thân mình, nên cố gắng tránh việc sát sanh bằng cách giữ giới ăn chay, chứ không vì bất cứ

một lý do gì khác ngoài điều này cả.

Tất cả mọi vật trên cuộc đời này đều do nhân duyên kết hợp mà thành, rồi cũng do nhân duyên mà tan biến. Nếu người không giết vật, thì vật cũng tự sinh tồn và tự giết hại lẫn nhau, để sống còn hay để chết đi. Ví dụ bò ở Ấn Độ, heo ở các nước Hồi Giáo, đâu có bị giết; nhưng theo định luật sinh tồn, chúng vẫn sống và vẫn chết và loài người vẫn tồn tại. Loài người cũng thế, đâu có ai giết loài người đâu, ngoại trừ loài người tự hủy diệt mình, rồi cũng phải sống chết, luân hồi sanh tử.

Ngày xưa quả đất này chỉ có một tỉ người và ngày nay đã hơn 6 tỉ người trên quả địa cầu này, con người cũng phải tìm cách để sống còn thôi. Dĩ nhiên mỗi thời đại mỗi cách sống khác nhau; nhưng con người vì sự sống còn cũng đã chế biến ra đủ loại thực phẩm để cung ứng cho sự sống này. Có nơi không có đủ thực phẩm thì phải bị chết đói; nhưng đó cũng chỉ là định luật sinh tồn thôi. Con vật không bị giết chắc chúng cũng vui lắm; giống như con người sống trong một thế giới không có chiến tranh chỉ toàn là hòa bình, an lạc, chắc chắn loài người cũng phải vui. Vì sao chúng ta muốn vui, trong khi đó chúng ta lại bắt vật khác phải khổ vì mình? Một con bò, một con trâu, một con heo trước khi bị giết, nước mắt của chúng ràn rụa chảy. Đó là gì? nếu không phải là chúng buồn khổ và giận những người chém giết nó? và điều này là nhân để sinh ra nhiều loại quả khổ đau về sau này trong cuộc sống của con người vậy.

Cọp ăn thịt, cũng vì sự sống; nhưng con cọp cũng chỉ làm động tác ấy để sinh tồn và cọp sẽ chịu luân hồi nhiều kiếp nữa để trả nợ sát sanh ấy. Còn con người có lý trí, mặc dầu cũng là một động vật, chúng ta phải biết suy nghĩ rồi mới đi tới hành động. Nếu con người làm động tác nào đó mà không có hành động đích thực, vậy giữa người và vật có khác chi đâu? Trong khi

con vật khó trở thành người để tu học Phật Pháp, thì con người, ý thế người để hủy hoại Phật tánh của mình, quả là điều đáng tiếc biết bao!

Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài có cho phép các đệ tử xuất gia của Ngài khi đi khất thực, được dùng 3 thứ bất tịnh nhục như sau: Thứ nhất thịt ấy không chính tay mình giết. Thịt ấy khi bị giết, không nghe tiếng kêu thương và thịt ấy mình không có ý mong cầu mà được thọ dụng. Nếu đầy đủ 3 ý nghĩa ấy thì gọi là "tam tịnh nhục". Tuy nhiên càng ngày ngoại đạo càng vin vào có ăn thịt này của chư Tăng và có ý giễu cợt khinh thường, nhất là phái Kỳ Na Giáo, đạo này ăn chay và mỗi khi luận nghị họ đều đem vấn đề chay mặn ra để luận tranh. Vì vậy Đức Phật cũng khuyên rằng các đệ tử của Ngài nếu muốn tiến xa hơn nữa về Trung Thừa cũng như Đại Thừa phải nên bỏ ăn mặn và nên ăn chay, nhất là trong kinh Đại Bát Niết Bàn, trước khi Đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần về vấn đề này.

- Hỏi: Sau khi chết, nếu bị đi đầu thai làm súc vật, họ có bị uống thuốc lú không? Nếu có, thì làm sao mà có thể thấy hiểu được tội trạng của họ ở kiếp trước?

Đáp: Nếu được vãng sanh, hay đầu thai ở một thế giới cao hơn thì thân trung ấm sẽ chọn phía có ánh sáng mờ đục, hoặc sáng tỏ để tâm thức được đưa vào những tầng cao hơn. Nếu bị đi xuống ở ba đường ác, chắc chắn tâm thức sẽ chọn màu đen mà vào. Màu đen ấy tượng trưng cho cảnh khổ. Vì nghiệp duyên do mình tạo ra ở nhiều đời nhiều kiếp, nên mình phải thọ sanh như vậy và không ai có thể cho mình uống thuốc lú được như tục lệ mà người Á Châu chúng ta vẫn hay tin. Khi đi đầu thai, chính

mình cũng không biết, vì tâm thức chúng sanh còn u tối, do đó phải nương vào thần lực của chư Phật hay sự hộ niệm của chư Tăng, Phật Tử và gia đình để đi đầu thai được dễ dàng hơn.

- Hỏi: Có vị nói: nếu chỉ lo lý luận, tụng đọc ngàn cuốn kinh mà không hiểu rõ nghĩa lý thì không bằng niệm 6 chữ: Nam Mô A Di Đà Phật. Trong 6 chữ này gồm đủ cả càn khôn vũ trụ và sẽ thấy được Phật tánh của chính mình.

Đáp: Đúng vậy, nếu đọc thật nhiều sách, tụng thật nhiều kinh mà không hiểu ý của chư Phật nói gì, thì sự tụng đọc ấy không có ý nghĩa thật. Nhưng nếu người đọc tụng, mà không hiểu ý kinh thì cũng không bằng người tụng 6 chữ Nam Mô A Di Đà Phật nếu nhất tâm niệm Phật. Ở đây có sự sai biệt là nhất tâm và không nhất tâm, chứ không phải sự hiểu hay không hiểu, hoặc giả đọc tụng nhiều hay đọc tụng ít. Điều quan trọng là do sự hành trì mà thôi.

- Hỏi: Từ 2 năm nay, sau khi biết đạo con đã ăn chay trường và tu thiền. Con có nên niệm Phật thêm không? Cũng nhờ ngồi thiền và ăn chay mà con đã tìm cách trở về với chính mình. Tuy nhiên con muốn học hỏi thêm. Kính mong quý Thầy chỉ dạy.

Đáp: Một người Phật Tử chân chính là một Phật Tử biết quy y Tam Bảo, giữ gìn những giới đã quy y và tập ăn chay cho lòng từ bi tăng trưởng. Nay Phật Tử đã ăn chay 2 năm rồi, đồng thời cũng đã ngồi thiền và đã trở về với con người thật của mình. Vì lâu nay giông ruổi khắp nơi, nhưng chưa tìm ra được chính mình là ai. Nay nhờ Phật Pháp mà Phật Tử đã hiểu được chân giá trị của cuộc sống. Nếu Phật Tử tập tụng kinh mỗi ngày một

số giờ nhất định nào đó, hay niệm Phật và sám hối v.v... tất cả những việc này đều trợ duyên cho Phật Tử trên con đường tu học rất nhiều. Vì lẽ làm phước tạo đức không bao giờ dư, mà làm tội dù nhỏ đến đâu đi chăng nữa cũng không bao giờ thiếu. Nên cố gắng hành trì nhiều pháp môn khác nhau để giúp cho thân cũng như tâm mình càng ngày càng được thanh tịnh.

Ngoài ra cũng nên đi chùa thường, làm phước, bố thí, nghe giảng tại chùa hoặc thỉnh băng về nhà nghe thêm. Khi đi trong xe đến sở, thay vì nghe âm nhạc như thường lệ, nên tranh thủ thời gian ấy để nghe băng giảng hoặc kinh tụng của quý Thầy, rất hữu ích. Có nhiều người ngại tu một lúc nhiều phương pháp sợ kham không nổi; nhưng trên thực tế không phải là không làm được. Ví dụ một người đang lái xe, mắt phải trông trước, ngó sau, tai nghe âm nhạc hoặc tiếng nói của bạn bè bên cạnh, miệng đang hút thuốc, hoặc nói chuyện, đầu óc đang tính toán là nên đi ngõ nào gần hơn, chân thì điều chỉnh nhanh hay chậm, tay thì cầm tay lái, mình ngồi ngay ngắn để canh cho xe chạy đều v.v... như vậy trong cùng một lúc người lái xe có thể làm biết bao nhiêu động tác và không bị ảnh hưởng xấu với nhau, trái lại càng bổ sung cho nhau nữa. Điều ấy không có gì tác hại cả. Cũng giống như đứa bé, lúc mới sinh ra chưa biết gì, đồng lúc nói tiếng mẹ đẻ và học tiếng của cha, ngoài ra còn học thêm vài ngôn ngữ nữa; khi lớn lên đứa bé này thành thạo nhiều ngôn ngữ và không bị lẫn lộn giữa ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác nữa. Do vậy sự tu học cũng thế, nếu đã thuần thục một phương pháp nào rồi, có thể tu học thêm nhiều phương pháp nữa. Điều ấy rất tốt, không có gì phải lo lắng cả.

- *Hỏi: Người Phật Tử phải giữ giới, trong đó không được dâm*

đục. Nếu đã có gia đình rồi, nay biết thêm được đạo. Vậy có nên cai vợ, trốn con và về chùa tu đúng hôn hay vẫn ở tại gia?

Đáp: Thật ra giới luật của Đức Phật chế ra cho 2 hạng người. Đó là giới cho người xuất gia và giới cho người tại gia. Việc người tại gia có gia đình con cái không phải là việc xấu; nhưng muốn có nòi giống nối truyền đời này qua đời nọ, dĩ nhiên là phải thành lập gia đình rồi. Việc có gia đình nó ràng buộc mãi trong vòng sanh tử, tử sanh. Muốn ra khỏi luân hồi, tức phải đoạn ái dục. Tuy nhiên người tại gia cấm không được tà dâm thôi. Có nghĩa rằng sự liên hệ vợ chồng đúng đắn thì được; nhưng nếu đã có vợ, có chồng rồi, lại đi liên hệ với người khác phái nữa để tình nghĩa vợ chồng và con cái thiếu thốn tình thương của cha hoặc mẹ, thì điều ấy cấm. Riêng người xuất gia thì cấm hẳn dâm dục. Vì dâm dục là cái hạnh như xấu mà người xuất gia không nên làm. Trong kinh Tú Thập Nhị Chương, Phật có dạy rằng: Người ở tù đầu trăm năm cũng có ngày được ra; nhưng những kẻ đã vướng vào đường tình ái rồi, thì trăm kiếp vẫn mãi còn trôi lặn trong vòng luân hồi sanh tử.

Sau khi đã có gia đình rồi, nếu muốn tu học hạnh giải thoát, nên thỏa thuận với gia đình, con cái, lúc ấy mới về chùa xin phép Thầy hoặc quý Sư Cô tập sự trong một thời gian, nếu quý Thầy, quý Cô thấy được thì sẽ cho xuống tóc xuất gia. Nhưng như chúng ta thấy đó, những người đã quyết chí xuất gia, sau khi lập gia đình rồi, rất quý. Vì họ đã từng trải qua cuộc đời rồi; nên những ham muốn bình thường có thể hiểu một cách dễ dàng. Tuy nhiên tuổi già sức yếu vào chùa đâu còn bao năm nữa; chưa tu học được gì, đã có nhiều người lia đời rồi. Do vậy lúc còn trẻ nên tìm cách phát tâm xuất gia học đạo vẫn quý hơn. Nam hay Nữ cũng thế. Vì con đường tu học rất dài, cần rất nhiều năng

lực để học hỏi và tu niệm. Một người xuất gia cũng giống như một chiến sĩ khi ra chiến trường vậy. Nếu vị tướng kia hay chiến sĩ kia còn khỏe mạnh, đầu óc còn minh mẫn, mới có thể dễ dàng chiến thắng quân địch được. Nếu một chiến sĩ quá già yếu, khó lòng mà thắng giặc, mặc dầu với số tuổi tác ấy, người kia có nhiều kinh nghiệm.

Đĩ nhiên không phải là ai cũng đi xuất gia, đạo pháp mới thịnh đâu! Nếu người Phật Tử tại gia biết hộ trì đạo pháp một cách đúng đắn thì Phật Pháp vẫn trường cửu như thường; nhưng khi vào xuất gia, không phải là ai cũng xuất gia được, mà những người xuất gia phải đầy đủ duyên lành, có căn gốc từ nhiều kiếp, thì kiếp này mới vẹn đường tu được. Đức Phật cũng như thế, không phải chỉ kiếp này tu, Ngài thành bậc chánh giác, mà cần phải nhiều đời nhiều kiếp vậy. Tuy nhiên dầu muện vẫn còn hơn không. Nếu con thuyền giác ngộ người Phật Tử không đặt chân vào, thì biết thuở nào mới qua bên kia bờ giải thoát được. Vì vậy từng chặng một, từng bước đi ngắn, hãy đi vào đạo bằng những đoạn đường này, thì kết quả sẽ được như ý vậy.

- Hỏi: Nhà con có nuôi một hồ cá nhỏ trong phòng khách, lúc đầu thấy cá lội tung tăng rất đẹp; nhưng nay thì chúng sinh ra quá nhiều, chúng con phải làm gì đây? đem lên chùa thả bớt, hay cho bạn bè? làm như vậy tội con có được nhẹ không ?

Đáp: Phật có dạy rằng trong chùa không được nuôi chó, mèo, gà, vịt v.v... vì có nuôi tức có tình thương riêng để lo cho chúng. Vì vậy không cho nuôi; nhưng ở tại gia thì việc ấy Phật không cấm; nhưng nếu không nuôi vẫn tốt hơn. Nếu nhiều quá, đem cho bớt cũng được. Người nào hoan hỷ nhận, tức họ cũng đã san sẻ với mình một ít gánh nặng rồi đó và gánh nặng này cứ

chuyển từ nơi này qua nơi khác, người này qua người khác, cứ thế mà tiếp tục mãi vậy.

Mặc dầu chùa ở Việt Nam cũng như ở đây không được phép nuôi các con vật ấy; nhưng nếu chó, mèo tự vô chùa ở thì cùng cùng phải nuôi vậy, chú đuổi chúng đi đâu bây giờ? Ngoài ra các chùa thường hay có hồ sen và hòn non bộ, mỗi khi có làm lễ phóng sanh đều thả cá và rùa vào đó. Chúng mỗi ngày sinh nở mỗi nhiều, rồi chúng tự hủy diệt thôi, hay lại bò đi nơi khác, chùa cũng chẳng có cách nào khác hơn. Tuy cứu chúng, để cho chúng sống và nghe kinh kệ. Mong rằng kiếp lai sinh chúng được đầu thai vào thế giới cao hơn. Trong Bồ Tát Giới kinh có nói rằng: Nếu người đã thọ Bồ Tát Giới, khi gặp các loài súc sinh như thế, nên cầu nguyện cho chúng kiếp sau được sanh lại làm người. Đó là bổn phận của chúng ta, còn chúng có làm người được hay không, điều đó lệ thuộc vào nghiệp lực của chúng.

- Hỏi: Sinh hoạt Phật sự ngày nay ở ngoại quốc đa phần giới trẻ tham gia. Vậy mong quý Thầy có những tác phẩm mới mẽ để giới thiệu cho chúng con có cơ hội đến gần với Đạo Phật hơn.

Đáp: Sau năm 1975, chúng ta người Việt Nam trong cái rủi phải ra đi, bỏ lại quê hương, lại có cái cơ may là ở lại xứ người để học hỏi và giới thiệu nền Văn Hóa của Dân Tộc và của Phật Giáo Việt Nam mình đến với người bản xứ. Điều ấy trước năm 1975 chắc ai trong chúng ta cũng không thể nghĩ được, mà ngày nay là sự thật; mà sự thật ấy không phải ngày nay chỉ ở một vài nước trên thế giới, mà khắp cả trên 5 châu lục và hơn 50 quốc gia, nơi nào cũng có bóng dáng người Việt Nam. Có thế hệ lớn tuổi, rồi cũng có thế hệ mới sinh ra tại đây, lớn lên ở

xú người, ngôn ngữ mẹ đẻ ít rành bằng tiếng địa phương, do đó cần những sách vở căn bản về Phật học cho từng lớp này, điều ấy hẳn đúng. Vì vậy quý Thầy đã cho dịch những sách giáo lý ấy bằng song ngữ, Anh-Việt, Pháp-Việt hay Đức-Việt để các anh em trẻ có cơ hội học hỏi nhiều hơn. Hy vọng đây là một giai đoạn chuyển tiếp và hội nhập, chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn để hoàn thành sứ mạng của mình là mang Đạo vào Đời. Một người không thể làm nên mọi việc, mà một việc lớn cần phải có nhiều bàn tay góp sức vào thì mới thành tựu được.

Tuy nhiên có một điều mà chúng ta cần lưu tâm đến. Đó là vấn đề ngôn ngữ. Các anh em trẻ ngày nay rất giỏi sinh ngữ tại địa phương mình đang ở. Tuy nhiên ngôn ngữ mẹ đẻ thì có phần kém hơn. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Vì ở trường hầu hết các anh em đều dùng ngôn ngữ địa phương để trao đổi. Về nhà đôi khi giữa anh em chơi với nhau lại không nói tiếng Việt như là một ngôn ngữ mẹ đẻ, mà chỉ xem như là một sinh ngữ phụ, nên tiếng mẹ đẻ yếu là phải. Có nhiều bậc cha mẹ cũng muốn con cái mình học, hiểu nhanh chóng tiếng địa phương cho nên đã cho phép con em mình ở nhà không nhất thiết phải nói tiếng Việt, nên mới ra nông nỗi ấy; nhưng có một điều mà cha mẹ không ngờ được rằng, con cái của mình nếu không biết tiếng Việt thì nguồn gốc Văn Hóa, phong tục không thông. Họ lớn lên, khi nhìn về vấn đề Việt Nam cũng tương tự như là vấn đề của một quốc gia ngoại quốc nào đó. Mặc dầu họ vẫn da vàng, mũi tẹt, tóc đen. Ở giữa cộng đồng nào rồi họ cũng sẽ bị lạc lõng cả. Họ nghĩ họ là người Mỹ, người Đức, người Pháp ư? Điều ấy sai, vì qua hình tướng, đầu người đó có giỏi tiếng địa phương đi chăng nữa, người địa phương cũng khó chấp nhận là người của họ. Khi họ quay về với Dân Tộc Việt, họ cũng là người lai căn. Vì không hiểu văn hóa, ngôn ngữ và tập quán

Việt, nên rất nguy hiểm vô cùng. Vì vậy người Việt học tiếng Việt, nói tiếng Việt cũng giống như người Hoa nói tiếng Hoa, viết tiếng Hoa là chuyện bình thường. Ngoài ngôn ngữ mẹ đẻ ra, muốn học tiếng gì cũng không sao cả. Ở một vài nước như Úc, Mỹ, Canada ngôn ngữ tiếng Việt được dùng như là sinh ngữ phụ từ Tiểu Học lên đến Đại Học, nên đã có nhiều Sinh viên Việt Nam ghi tên học tại đây. Điều ấy rất quý hóa vô cùng. Tuy nhiên nếu không rèn luyện thì tiếng Việt vẫn kém như thường. Vì lẽ ấy, người trẻ, trong đó có Sinh viên, học sinh muốn giỏi ngôn ngữ Việt phải thường xuyên nói tiếng Việt ở nhà, đọc sách tiếng Việt và nghe nhạc Việt thì tiếng Việt mới giỏi được. Khi tiếng Việt giỏi thì mới đọc nổi những sách về giáo lý, văn học sử, truyện ký v.v... nếu tiếng Việt dở thì không thể nào giúp giới trẻ dễ thâm nhập vào rừng giáo lý ấy được.

Có nhiều người hỏi tôi rằng: Làm sao Thầy có thể viết văn và viết sách được? Câu trả lời rất dễ. Chỉ cần đọc nhiều sách là viết văn viết sách được thôi. Vì người xưa thường nói: Thư trung hữu ngọc. Nghĩa là trong sách có nhiều điều quý báu. Quả thật vậy đọc kinh, đọc sách sẽ thấy nhiều điều hay, lạ, mà người khác sẽ giới thiệu đến với mình qua sự suy nghĩ, diễn tả của họ. Đọc sách, chính là đi vào cái biển trí tuệ mênh mông đó. Vậy điều cần yếu là ngôn ngữ, trước khi đi vào rừng văn chương sâu dày ấy. Tiếng Việt không phải là một loại khó. Văn phạm rất dễ, chỉ có phát âm hơi khó đối với người ngoại quốc, chứ với người Việt Nam không khó. Nếu học xong 24 chữ cái. Học văn xuôi, văn ngược, biết ráp chữ là biết đọc, biết viết ngay. Bất cứ cái gì khó, nếu cố gắng tất sẽ thành công.

Biết đâu một mai sau đây, nếu ngôn ngữ Việt trở thành tiếng thông dụng như tiếng Tàu, tiếng Nhật hay tiếng Anh, Pháp, Đức thì nhiều người sẽ dùng đến. Nếu nước mình tiến bộ, đầu

cho có khó khăn bao nhiêu đi chăng nữa, sẽ có người đến học hỏi ngay. Ví dụ tiếng Nhật chẳng hạn. Nếu Nhật không văn minh, tiến bộ thì ai học tiếng Nhật để làm gì? và Đại Hàn ngày nay cũng thế. Điều quan trọng là phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, kéo sau này thì hối không kịp. Nếu sau này mình có cơ hội về Việt Nam thăm quê cha đất tổ, không lẽ phải cần có một người thông dịch nữa sao?

Tuy kinh điển có nhiều điểm khó đấy; nhưng quý Thầy, Cô, ở Đạo cũng như ở Đời, hay cha mẹ là những thế hệ chuyển tiếp để giúp ta đi vào bể học mênh mông vô tận ấy. Cái gì khó mà vượt qua được, cái ấy mới quý. Mong quý anh em trẻ lưu tâm cho vấn đề này. Vì nó rất quan trọng.

- Hỏi: Con thấy ở Việt Nam giới trẻ đi chùa không nhiều, chỉ toàn người già. Sao qua đây thấy giới trẻ đi chùa nhiều như thế?

Đáp: Câu hỏi này chắc phải cần một bảng thống kê phân loại, mới có thể trả lời chính xác được. Ví dụ khi hỏi thẳng những người trẻ thì được trả lời rằng:

- a) Tôi đi chùa vì để cầu nguyện
- b) Tôi đi chùa vì để gặp bạn bè
- c) Tôi đi chùa vì để học hỏi giáo lý
- d) Tôi đi chùa vì để ăn chay ngon
- e) Tôi đi chùa vì để tìm sự yên tịnh
- f) Tôi đi chùa vì chở mẹ tôi đi
- h) Tôi đi chùa vì để cầu duyên
- i) Tôi đi chùa vì để cầu nguyện cho chuyện làm ăn buôn bán được suông sẻ.

và có thể còn nhiều lý do khác nữa. Nếu trắc nghiệm chừng 100

người, mà kết quả nào có được thú tự nhiều nhất thì xem như đó là nguyên nhân chính. Nếu không, sẽ xếp theo thú tự ưu tiên một, hai, ba v.v... chỉ cần đánh tréo vào một ô thích hợp là đủ. Dĩ nhiên có nhiều người đi chùa có nhiều lý do phụ đi kèm theo nữa; nhưng chỉ cần lý do chính là được. Tuy nhiên theo tôi, đã sinh hoạt Phật Giáo ở tại xứ Đức này hơn 20 năm qua, đây là những câu trả lời khả dĩ có thể làm nền tảng được.

- Sở dĩ có nhiều người trẻ đi chùa ở xứ này vì lẽ khi học tại các trường hay làm tại các công xưởng, thường hay bị hỏi là anh theo Đạo nào? Nếu được trả lời bằng: Đạo Phật, thì những câu hỏi khác sẽ được đặt ra tiếp tục. Nếu những người thanh niên, thanh nữ ấy, không biết trả lời, quả là điều thiếu sót; nên họ cố gắng đi chùa nhiều hơn để tìm hiểu giáo lý và sau đó về lại trường của mình để giải thích cho bạn bè người địa phương nghe.

- Sở dĩ ở đây thanh niên, thanh nữ đi chùa nhiều, vì giáo lý ấy họ cần tìm hiểu và hợp với đời sống của họ nơi đây, mà ở quê nhà họ không có cơ hội tìm hiểu đến. Và lại khi người địa phương tìm hiểu đến Đạo Phật họ phải tìm hiểu cho kỹ mới tin theo. Trong khi đó, người Á Châu thì không phải vậy; nên cần phải thay đổi cách tư duy mới hiểu được Đạo Phật.

- Ngoài ra cũng có thể vì cha mẹ đi chùa; nên giới trẻ chớ cho cha mẹ đi, mà đi theo. Hoặc giả ham vui. Vì chùa là nơi quy tụ đông người, cả nam thanh nữ tú, người già, người trung niên, con nít v.v... rất vui nhộn, nên giới trẻ cần không khí ấy. Và lại họ có phương tiện, đâu ngại gì đoạn đường mấy trăm cây số, chỉ cần chạy mấy tiếng đồng hồ đã đến chùa rồi. Nên với họ, đa phần là giới trẻ đi chùa nhiều là vì một trong những lý do như bên trên đã trình bày.

- *Hỏi: Người Âu Mỹ, họ nghĩ gì về Phật Giáo, khi chúng ta, những người Phật Tử có mặt tại xứ này và dưới mắt họ, Đạo Phật là Đạo như thế nào?*

Đáp: Đạo Phật đã có mặt tại Âu Châu ít nhất là 200 năm nay, nhất là tại Đức, khi triết gia Sophenhauer đã giới thiệu Phật Giáo cho quần chúng địa phương tại đây; nhưng thuở bấy giờ ảnh hưởng không lớn mạnh mấy. Mãi cho đến đầu thế kỷ này, khi ảnh hưởng Thiên học Nhật Bản, qua các tác phẩm của Daietsu Suzuki bằng Anh ngữ ra đời, người Âu Mỹ đã tìm hiểu đến Đạo Phật và qua đó, họ so sánh với giá trị tín ngưỡng mà họ đang theo, đang có tại các xứ này. Họ thấy Đạo Phật là một triết học, là một cách sống, một giáo lý cởi mở. Dĩ nhiên trong ấy có nói về luân hồi, tái sinh, niết bàn, nghiệp, nhân, quả v.v... là những triết lý mới lạ, họ phải cần tìm hiểu đến. Trong khi đó các Đạo mà họ đã theo xưa nay như Do Thái, Thiên Chúa, Tin Lành, Hồi Giáo v.v... ít khi đề cập đến. Đó là những đề tài được họ bàn tán rất nhiều qua các sách vở được xuất bản đó đây.

Đến thập niên 60 trở lại đây một nguồn sinh khí mới của Phật Giáo Tây Tạng đã thổi vào Âu Mỹ, họ bắt đầu đi tìm hiểu về Mật Tông nhiều hơn. Có nhiều người đã xuất gia làm Tăng, Ni. Có nhiều ngôi Chùa và Trung Tâm Nghiên Cứu về Phật Học mọc ra nhan nhản tại Âu Mỹ. Riêng tại nước Đức cũng có đến 200 Trung Tâm Phật Giáo của người Đức được thành lập cho đến năm 1997 này. Như vậy Phật Giáo đã có điều kiện hấp dẫn người Tây phương, mà đa phần ở đây là giới trí thức. Họ vào đạo không vì một áp lực nào, mà vì sự tìm tòi học hỏi về trí tuệ siêu việt của Đạo Phật. Nếu một mai Phật Giáo tại các xứ Âu Mỹ thịnh hành, không phải vì Phật Giáo đi xâm chiếm thị trường niềm tin tại đây, mà vì Phật Giáo hợp với khoa học và sự

tiến bộ của nhân loại. Giáo lý là những gì phải phù hợp với căn cơ và trình độ của chúng sanh. Nếu những gì không thích hợp sẽ bị xã hội đào thải một cách tự nhiên vậy.

Rồi năm 1975 đến, sự hiện diện của người Việt Nam tại xứ người, cũng mang đến nơi đây một nguồn sinh khí mới. Riêng Phật Giáo Việt Nam đã xây dựng trên khắp thế giới cho đến năm 1997 độ chừng 300 ngôi Chùa và Niệm Phật Đường. Riêng tại Đức này đã có 7 cơ sở, 14 Chi Hội và 8 Gia Đình Phật Tử. Trên toàn thế giới có 500 Tăng, Ni Việt Nam và trong 2 triệu người Việt Nam ấy, có hơn 1 triệu là tín đồ Phật Giáo. Trong 10 năm nữa số này sẽ tăng thêm và kinh sách về giáo lý cũng đã được xuất bản rất nhiều suốt trong 20 năm qua và đây là nguồn cung cấp đời sống tâm linh rất dồi dào cho người Việt ở tại ngoại quốc. Riêng người ngoại quốc họ đến với Phật Giáo Việt Nam còn ít hơn Phật Giáo Tây Tạng hay Phật Giáo Nam Tông; nhưng điều ấy cũng dễ hiểu. Vì Phật Giáo Việt Nam đến sau và ngôn ngữ Việt Nam chưa chuyển dịch ra tiếng địa phương nhiều. Hy vọng trong vài thập niên tới Phật Giáo Việt Nam sẽ cung ứng cho Phật Giáo Đức bằng những bậc Tăng tài, bằng sách vở tiếng địa phương, lúc ấy sẽ có nhiều người đến với Phật Giáo Việt Nam hơn.

Trong hiện tại vẫn có một số Phật Tử Đức, Mỹ, Pháp theo học Thiền Học với một số chư Tăng Việt Nam; nhưng số này không nhiều so với Phật Giáo Tây Tạng ở Âu Châu. Có nhiều người cũng đã quy y, có pháp danh theo các dòng hệ của phái Nguyên Thiều, Chúc Thánh hay Liễu Quán.

Như vậy phải nói rằng Giáo lý của Phật Giáo nói chung là một món ăn thích hợp với khẩu vị của người Tây phương trong hiện tại; nên họ đã tìm đến, ban đầu làm quen, sau đó chấp nhận và mang vào cơ thể cũng như trí óc của họ. Cũng vì món ăn tinh

thần ấy khế hợp với căn cơ và trình độ của họ, nên Phật Giáo được chấp nhận một cách dễ dàng và ở đây chúng ta không bị một phản ứng nào cả. Dĩ nhiên cũng có một vài nơi, họ không đồng ý; nhưng không có nghĩa là đa phần ở đây. Những người chống đối có thể vì lý do tồn tại Đạo của họ quan trọng hơn là niềm tin chân thực vào một tôn giáo; nên mới có những vấn đề ấy; nhưng mong rằng đây chỉ là những điểm nhỏ mà thôi.

Tóm lại Phật Giáo rất hợp với khoa học và hợp với trình độ của người Tây phương trong hiện tại, nên người Tây phương đã chấp nhận Phật Giáo một cách rất dễ dàng. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi, cách đây gần 2000 năm, khi Phật Giáo từ Trung Hoa và Ấn Độ đi vào Việt Nam, Phật Giáo đã chấp nhận nền văn hóa của dân tộc, phong tục tập quán của nhân dân Việt Nam, nên Phật Giáo đã được nhân dân Việt Nam chấp nhận một cách dễ dàng. Từ đó suy ra, Phật Giáo đi đến đâu cũng tùy thuận theo tôn giáo, văn hoá và nhất là phong tục của xứ đó để sống, và hội nhập vào. Vì lẽ ấy Phật Giáo từ từ có mặt với mọi dân tộc trên thế giới một cách rất dễ dàng, mà không bị một sự chống đối cục đọan nào cả.

- Hỏi: Một người muốn phát tâm xuất gia, trước phải làm gì ?

Đáp: Việc xuất gia rất đơn giản, nhưng cũng không phải là không khó khăn, nếu không chuẩn bị trước cho con đường thiên lý ấy. Điều căn bản cần phải có là lòng tin vào Đạo và quan trọng hơn là tin vào mình có khả năng để chiến thắng lấy mình. Đạo thì đã quá rõ, vì mình là Phật Tử mình tin vào Phật Pháp Tăng là 3 ngôi báu, chỗ nương tựa an toàn. Nhưng phải tự hỏi tại sao mình muốn xuất gia? Có phải vì mình không chạy theo kịp chúng bạn trong sự ăn chơi, học hành, việc làm nên mình

muốn buông bỏ tất cả. Hay mình bị tình phụ, nên muốn chôn chặt đời mình nơi chốn thiền môn? Hay vì công danh sự nghiệp không thành, làm ăn thất bại, nên phải chạy trốn cuộc đời? Hay vì mình mến cảnh chùa, thích tiếng tụng kinh, thềm ăn chay, nên muốn đi tu? Hoặc giả mình đã chán cuộc đời này thực sự rồi. Vì nó không mang lại cho mình một hạnh phúc nào hết cả? Còn nhiều lý do khác như: Thích màu áo nâu sồng, thích cảnh chùa thanh tịnh, thích đời sống đạo hạnh của người tu. Hoặc cao thượng hơn, thích cứu người giúp đời. Vì đời quá nhiều nhương và đau khổ. Vì nhận thấy chúng sanh vì vô minh nên gây ra lỗi lầm, do đó mình phải đi xuất gia để cầu đạo giải thoát, rồi sau đó lại độ sanh và thực hành Bồ Tát hạnh v.v...

Có vô vàn lý do để chuẩn bị cho bước khởi đầu ấy. Khi phát tâm, cứ vào chùa xin phép Thầy hay Cô trụ trì. Ở đó tùy theo nhân duyên của Thầy trò mà được thọ nạp để làm đệ tử. Có thể được vào ở chùa liền và thời gian đầu ở chùa từ 1 đến 2 năm là thời gian thử thách. Vị Thầy Bốn Sư sẽ quan sát người đệ tử mới phát tâm xuất gia đó có thực sự vì cầu giải thoát hay không? Nếu đúng vậy thì sau một hay hai năm, những kinh luật căn bản đã thuộc nằm lòng, thì được làm lễ thế phác xuất gia. Những thử thách ban đầu mà một người mới phát tâm xuất gia gặp phải là về những oai nghi cử chỉ, đi, đứng, nằm, ngồi, tánh tình, ý tứ. Đôi khi cũng bị thử thách về lòng tham, sự say đắm, sự đam mê v.v... nếu trải qua được những giai đoạn này, Thầy thế độ Bốn Sư thấy được, sẽ cho xuống tóc và sau khi xuống tóc sẽ được học những bộ luật như Tỳ Ni và Oai Nghi để biết thêm chi tiết đời sống đạo hạnh của một người xuất gia. Đây là những trợ duyên mà một người mới tu cần phải có. Vì những giới luật như thế ngoài đời không có được. Ngoài ra bạn bè đồng tu và chúng lý cùng học chung trường, chung lớp, chung

chùa rất quan trọng. Chính họ là những người giúp mình, trợ duyên cho mình trong việc tu, việc học và đôi khi cũng chính họ là những người gây cho mình không biết bao nhiêu là phiền não trong chốn thiền môn. Dĩ nhiên đời sống người xuất gia phải nương theo phép Lục Hòa để sống; nhưng nội tâm mỗi người mỗi khác và lòng tin là cái gì vô hình, không nắm bắt được. Nếu tự mình không kiểm soát và làm chủ lấy mình được, quả là một tai hại vô cùng.

Rồi suốt trên quãng đường tu học ấy gặp không biết bao nhiêu thử thách. Nếu khi nào đó tâm mình bị chùng xuống, thì phải nhớ nghĩ lại mục đích lúc ban đầu của mình, tại sao mình phát tâm xuất gia. Lúc bây giờ cái sơ tâm lại hiện ra và điều này cũng giúp cho người xuất gia rất nhiều trong việc tiếp nối theo con đường mà mình đã chọn. Nếu có những chuyện khó giải quyết hơn nữa thì phải trình lên Thầy Bổn Sư của mình để giúp đỡ ý kiến. Ngoài ra chính mình phải sám hối để tội lỗi tiêu trừ và từ đó sự tự chủ từ từ mới lấy lại được.

Nói chung, việc phát tâm xuất gia tu học thì rất tốt; nhưng việc làm chủ mình trên suốt cả một đoạn đường dài như thế rất khó. Vì vậy Đức Phật vẫn thường hay dạy rằng: "Chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình và tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất". Lời Phật vẫn còn đây, tuy hình bóng Ngài không còn nữa; nhưng lời dạy ấy mãi mãi là kim chỉ nam cho bao người con Phật khi muốn học hạnh giải thoát và muốn thoát ly khỏi sanh tử luân hồi.

- Hỏi: Một người sau khi được phép xuất gia, phải làm gì tại chùa và ngoài xã hội ?

Đáp: Việc quan trọng nhất của người tu là tụng kinh, trì chú, niệm Phật và ngồi Thiền cũng như bái sám. Bốn công việc này đòi hỏi phải dụng công thật nhiều năm thì mới thuần thục. Thông thường trong chùa mỗi ngày có 2 thời công phu sáng, chiều, là những trợ duyên quan trọng trong việc tu tập. Thời công phu sáng trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm giúp cho nội tâm của người tu được củng cố. Thời công phu chiều, nhằm tế độ chúng sanh ở những nơi khổ ải lầm than và thể hiện tâm từ bi lợi tha cho muôn loài. Có nơi còn cúng Ngọ vào buổi trưa nữa. Đó là những tháng thường trong năm. Nếu trong mùa an cư kiết hạ thì việc hạ thủ công phu nhiều hơn nữa. Ví dụ buổi trưa phải có lễ quá đường, kinh hành nhiều Phật. Buổi tối có lễ Tịnh Độ hoặc Sám Hối. Như vậy mỗi ngày trong mùa an cư kiết hạ có 4 thời kinh và ngồi thiền, sáng, trưa, chiều và tối. Mỗi lần như vậy một tiếng đồng hồ. Ngoài ra có những khóa học về Kinh, Luật và Luận vào buổi sáng hoặc chiều. Đó là chưa kể những giờ chấp tác, làm những công việc trong chùa nữa. Tựu chung mỗi ngày người tu cũng công phu kinh kệ và làm việc từ 8 đến 10 tiếng đồng hồ, như người ở ngoài. Tuy công việc không nặng lắm như lao động bằng chân tay; nhưng ở đây đòi hỏi sự năng động của trí não và sự tỉnh thức của tâm hồn. Nếu người tu tự mình không tỉnh thức thì trách nhiệm sẽ không chu toàn. Ở công sở người công nhân phải làm theo trách nhiệm để cuối tháng được lãnh lương và có thể gia đình mới sinh sống được. Ở đây người công nhân không được phép lười hoặc bỏ việc. Vì vấn đề sinh kế và đời sống gia đình của họ. Riêng người tu thì khác, mỗi tháng lương không được lãnh, không ai trả cho mình đồng nào hết; nhưng bắt buộc nhiệm vụ của mình phải làm tròn. Đây chẳng qua là ý thức tự giác mà thôi. Họ sống nơi thiền môn, tu học, nhờ vào hạt cơm của tín thí để nuôi thân

và họ trả nợ tín thí bằng cách dốc lòng tu học, để sau này giúp người Phật Tử tại gia bằng cách hướng dẫn cho họ về vấn đề tu học theo giáo lý giải thoát của Đức Phật.

Nếu những người có đi học chương trình văn hóa ngoài đời ở cấp bậc Đại Học, Cao Học hoặc Trung Học thì họ cũng được phép học những ngành như triết học, ngôn ngữ, giáo dục và Tôn Giáo học. Vì vậy họ cần rất nhiều thì giờ ở nhà trường và họ được phép tham gia ở chùa chỉ 1 thời khóa tụng kinh, nếu có kỳ thi, và 2 thời khóa hàng ngày, nếu không phải mùa thi cử. Đây là trường hợp đặc biệt để khuyến tấn những người tu có cơ hội đem tài năng và sức học của mình ra phụng sự cho Đời, cho Đạo sau này.

Đối với người xuất gia thật ra bằng cấp không phải là vấn đề cần thiết. Tuy nhiên, nếu có bằng cấp vẫn tốt hơn là không. Bằng cấp nó đánh giá về khả năng làm việc của mình và sự tu học đánh giá công phu tu tập của chính bản thân người Tăng sĩ vậy. Như vậy so ra với người Đời, người đi tu học hai chương trình cả Đạo lẫn Đời rất nặng nhọc; nhưng cũng đã có nhiều người vượt qua khỏi những chặng đường khó khăn ấy. Sau khi thành công không phải là thời kỳ để thụ hưởng, mà là lúc để người tu đem khả năng của mình ra phục vụ cho nhân quần, xã hội. Đó cũng là tinh thần của Bồ Tát Đạo vậy.

Còn đối với những người lớn tuổi hoặc có gia đình rồi mới xuất gia, chắc chắn không có cơ hội để đi học bên ngoài nữa thì ở chùa lo công quả và công phu kinh kệ, thời gian cũng đã chiếm khá nhiều trong ngày so với số tuổi đời đã chông chất.

Có nhiều người bảo, nếu muốn rảnh rang thì vào chùa mà ở. Điều ấy sai! Vì ở chùa không được phép rảnh, không làm việc bên ngoài để tu phước thì cũng phải làm việc bên trong, gạn lọc nội tâm để tu đức. Như vậy một người tu phải luôn luôn bận rộn

thì người tu ấy được gọi là một người tu đúng nghĩa. Nhìn hình ảnh của những người tu thấy họ thông thả như thế đó; nhưng trên thực tế họ nhờ học các oai nghi mà lúc nào cũng thấy thông dong; nhưng họ bận rộn lắm. Họ bận rộn cho sự tu, bận rộn cho sự học và lúc nào cũng lo thúc liễm thân tâm để làm tròn bổn phận của mình, một bên do trách nhiệm mà có và một bên tự chính mình giao phó cho mình.

Nói như vậy thì đi xuất gia khó quá, ai mà dám phát tâm? Nói như vậy cũng không hoàn toàn đúng. Vì trước mình đã có biết bao nhiêu người, mặc dầu khó khăn như vậy mà họ vẫn đã thành công? và sau mình còn bao nhiêu người nữa cũng đang tiếp tục dần thân theo. Mình phải tự hỏi rằng: Tại sao họ làm được những việc ấy? mà mình lại không thể làm? Tự đặt ra câu hỏi, rồi tự trả lời, ắt sẽ thông suốt. Còn nói dễ dãi thì chắc chắn trong chùa không có nơi nào dễ cho mình cư ngụ và tu học đâu? Nếu dễ thì ai cũng đã đi tu rồi và chắc rằng ai cũng đã thành Phật từ lâu rồi, đâu có còn nhiều chúng sanh như ngày hôm nay vẫn còn mãi lặn hụp trong dòng đời sanh tử nữa?

- Hỏi: Nếu cuộc sống tu hành có nhiều khó khăn như vậy, mặc dầu đã được xuất gia lâu năm; nhưng họ tự cảm thấy kham nhẫn không nổi nữa. Vậy họ phải làm gì trong trường hợp này ?

Đáp: Cả Tăng và Ni cũng đều có những trường hợp giống nhau như thế; nhưng theo thống kê tại quốc nội và hải ngoại, số Tăng ra đời nhiều hơn là số Ni và con số trung bình giữa 2 giới còn ở lại tu suốt cả cuộc đời, cả 2 phái đều bằng nhau.

Nếu một người tu đã lâu năm, đã thọ giới; nhưng giữa đường gặp cảnh trái ý nghịch lòng, không muốn ở chùa nữa, thì chính người ấy tự mang y áo lên đánh lễ Thầy Trụ Trì hoặc Thầy Bổn

Sư của mình để xin xả giới. Khi thọ giới thì cần có đủ tam Sư thất Chứng, tức gồm có 1 vị Đường Đầu Hòa Thượng, 2 vị Yết Ma, Giáo Thọ và 7 vị Tôn Chứng Sư. Đây gọi là Hội Đồng Thập Sư, phải đầy đủ như thế giới tử mới được đắc giới. Nếu nơi nào không đủ Tăng hoặc Ni, chỉ cần 5 vị cũng đủ; gồm tam Sư và nhị vị Tôn Chứng cũng đủ. Nhưng nếu khi muốn xả giới, chỉ cần một vị Tỳ Kheo đại diện là đủ, không cần phải hội đủ thập Sư hoặc ngũ Sư.

Một người tu nếu không kham nhẫn được trong việc tu học nữa thì cũng không nên vì bất cứ lý do gì đó để ép uống họ ở lại với đạo. Nếu họ tiếp tục ở lại Đạo nhưng không thực hành trọn vẹn trách nhiệm của một người tu, thì sẽ biến cửa thiền thành ra tù ngục, giam giữ đời họ trong chốn Thiền môn. Cách tốt nhất là hãy để họ xả giới hoàn tục. Vì có như thế mới đảm bảo được giá trị của những người tu khác. Khi ra đời có nghĩa là họ không còn khả năng để gánh chịu một gánh nặng tinh thần trên vai nữa, thì họ được quyền để gánh ấy xuống, họ không có tội gì cả. Điều ấy tốt hơn là bắt buộc họ phải gánh đi tiếp. Vì việc xuất gia lúc ban đầu do họ tự phát nguyện, thì bây giờ việc họ tự chọn con đường hoàn tục cũng hữu lý thôi. Tất cả đều do họ tự chọn, chứ không có ai bắt buộc họ cả. Tuy nhiên theo luật Phật chế có cho phép những người ra đời, sau đó nếu muốn tu lại cũng có thể chấp nhận được. Nghĩa là phải bắt đầu lại từ lúc ban đầu như những người mới vào tu khác và có thể vào ra 7 lần dành cho Nam và 1 lần dành cho người Nữ. Ở đây thấy có sự bất công giữa 2 phái; nhưng có lẽ điều ấy cũng hữu lý thôi. Vì người nữ sau khi đã ra đời, phải nuôi cho con của mình lớn khôn, thành lập gia đình, lúc ấy cũng đã hơn 40 hoặc 50 tuổi rồi. Do đó được quyền đi tu lại một lần nữa, cũng là điều có thể hiểu được. Trong khi đó, người Nam lại dễ dàng hơn và trách

nhệm không bị gò bó như người Nữ. Tuy vậy ở Việt Nam hay ngoại quốc này những người đã ra đời rồi, ít có cơ hội tu lại lần thứ 2, chú đừng nói chi đến lần thứ 7. Có lẽ vì thị phi như nghĩa, nên họ không muốn nhận cửa chùa làm chỗ nương náu của riêng mình. Cũng có một vài người tu lại lần thứ 2; nhưng số này cũng rất hiếm. Đa phần là sau khi đã xa chùa rồi thì xa luôn, không còn lai vãng gì đến chùa nữa. Có lẽ vì mặc cảm, vì mình đã không làm tròn được bổn phận lúc đang tu chẳng? Nhưng người đời cũng không nên khắt khe phê phán như thế. Vì lẽ mỗi người có một năng lực và một nghiệp lực khác nhau; nên không bắt buộc ai phải giống ai cả. Đó là điều hiển nhiên mà miệng thế nên nhẹ tay đối với những người không làm tròn bổn phận của mình nơi cửa chùa. Ví dụ như mình có một người con, nuôi nấng dạy dỗ và mong cho nó thi cử đỗ đạt, sau đó ra làm việc giúp nhà, giúp đời; nhưng trong trường hợp rủi có vấn đề gì đó, nó thi không đậu. Vậy làm cha mẹ xử trí ra sao đây? Đời hay Đạo gì cũng vậy, rất giống nhau ở nhiều phương diện, chỉ khác nhau ở phương diện giải thoát và đọa lạc của tâm linh mà thôi.

- Hỏi: Người tu học Phật Pháp có thể thành Phật, Bồ Tát hay A La Hán ngay trong kiếp này không ?

Đáp: Có! Bằng chứng là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta giác ngộ và thành Phật không phải sau khi thị tịch Niết Bàn, mà Ngài đã thành bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác vào lúc 30 tuổi. Các vị Thánh Tăng, trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật, vị nào cũng chứng quả A La Hán ngay trong hiện thế, chú không chờ sau khi chết rồi mới được quả vị này. Một bằng chứng khác như Đức Đạt Lai Lạt Ma, Giáo Chủ của

Phật Giáo Tây Tạng như chúng ta thấy đó, Ngài là hiện thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và chính Ngài là Bồ Tát ở trong cõi đời này qua bao nhiêu cuộc giảo nghiệm tâm linh lúc còn nhỏ. Còn rất nhiều những vị chúng đạo sau khi tịch diệt, ví dụ như sau khi thiêu còn lưu lại Xá Lợi, hoặc giả có nhiều vị Tổ Sư như Lục Tổ Huệ Năng ở Trung Hoa, khi mạng chung mà xác bây giờ vẫn còn sau hơn 1.200 năm lịch sử. Ở Việt Nam xác của 2 Ngài Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đang thờ tại chùa Đậu ở miền Bắc, sau 200 năm thị tịch, mà xác ấy vẫn còn ngồi nguyên vẹn. Đây là bằng chứng của những người đã chúng đạo. Hoặc giả gần đây nhất, quả tim của Bồ Tát Thích Quảng Đức, tự thiêu năm 1963 tại Việt Nam, sau mấy lần đốt cháy đến 4.000 độ C quả tim vẫn còn. Điều ấy chúng tỏ rằng với tâm Kim Cang bất hoại, quý Ngài đã chúng đạo trong hoặc sau khi mất đi. Phật Giáo không chỉ đưa ra một con đường tốt đẹp cho nhân sinh, cho sự tu hành ở kiếp này và kiếp khác, mà còn mở rộng cho chúng ta thấy rằng, nếu ai thực hành rốt ráo theo giáo lý giải thoát ấy không sớm thì muộn cũng có thể thoát ly được sanh tử luân hồi.

Như vậy để có một cái nhìn toàn thể và trung thực về nền tảng giáo lý của Đạo Phật chúng ta thấy rằng: Nếu ai có tu sẽ được chúng; nếu ai có hành sẽ được đắc. Sự chúng đắc ấy được thành tựu khi nào là do sự dụng công của mỗi người, mỗi đời. Nhanh hay chậm là do mình làm chủ việc làm của mình vậy. Ví dụ cuộc sống của chúng ta giống như một chiếc áo dơ dính đầy bụi bặm. Nếu ngày nào chúng ta cũng siêng năng giặt giũ, phơi hong thì chiếc áo nghiệp ấy sẽ sáng tỏ từ từ. Nếu chúng ta lười biếng không lo chăm sóc cho chiếc áo này để lâu lâu mới đem ra nhìn, ngắm một chút rồi đem cất vào tủ, thì chắc rằng những vết nhơ kia khó mà sạch liền được. Vậy cần phải chờ thời gian

và năm tháng. Thời gian ấy có thể là một đời, hai đời hay nhiều kiếp sống khác nhau.

Cuộc sống vốn dĩ vô thường, một đời người ngắn ngủi lắm. Nếu chúng ta cố gắng cũng có thể đến được thành công; nếu những nghiệp dĩ của chúng ta trong quá khứ đã trả hết, giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thể hiện kiếp chót của Ngài trong cõi Ta Bà này.

- Hỏi: Giữa hạnh nguyện của các vị Bồ Tát và các vị Phật khác nhau như thế nào ?

Đáp: Phật cao hơn Bồ Tát một bậc; Bồ Tát cao hơn Thanh Văn, Duyên Giác và A La Hán nhiều bậc khác nhau. Ngay trong Bồ Tát cũng có 10 cấp từ Bồ Tát sơ địa đến Bồ Tát Thập Địa. Vì lẽ ấy nên công hạnh của các Ngài cũng khác nhau.

Phật thì độ khắp tất cả chúng sanh trong vạn loại hữu tình, sau khi đã thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không phân biệt chúng sanh ở quốc độ này hay quốc độ khác. Ví dụ như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay Phật Dược Sư chẳng hạn. Trong khi đó Bồ Tát là những vị quyết không thành Phật, nếu chúng sanh chưa được độ hết. Hạnh nguyện của các vị Bồ Tát cũng là một hạnh nguyện biểu trưng cho tinh thần của Phật Giáo Đại Thừa vậy. Ví dụ:

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát phát 12 lời nguyện để độ sanh.

Ngài Địa Tạng thệ nguyện rằng khi nào trong địa ngục không còn chúng sanh nữa thì Ngài mới thành Phật.

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát có 10 Đại Nguyện v.v...

Mỗi vị Bồ Tát như thế đều có những việc làm riêng của mình để cứu độ quần sanh. Do vậy mà công hạnh của các vị có khác nhau giữa vị này với vị khác.

Còn A La Hán là những vị đã chứng Thánh quả nhưng không muốn độ sanh. Các Ngài vào hẳn trong Niết Bàn để an vui cảnh thanh tịnh của Thiên Đình. Như vậy chúng ta thấy rằng công hạnh của chư Phật, chư vị Bồ Tát và các vị A La Hán khác nhau chứ không giống nhau. Tuy rằng tất cả cũng đều dẫn đến pháp môn vô lậu giải thoát.

- Hỏi: Người Tây phương ngày nay theo Đạo Phật tưởng đối khá đông. Vậy họ có thể xuất gia học đạo ở đâu ?

Đáp: Như tất cả chúng ta đều biết, giáo lý của Đạo Phật không phải chỉ để giải thoát cho một người, một nhóm người, lại càng không phải chỉ dành riêng như là một đặc ân cho một dân tộc nào đó, ngay cả nước Ấn Độ, mà cho tất cả. Giáo lý của Ngài như một bông hoa thơm. Vì thế có thể đem trồng vào bất cứ một vườn hoa văn hóa nào trên thế giới này nói riêng, hay nói đúng hơn ngay cõi Ta Bà này nữa. Đức Phật cũng đã dạy: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do vậy, dầu cho người Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Việt ... nếu ai có tâm cầu đạo giải thoát đều có thể xuất gia học đạo cả. Ngày nay tại xứ Đức này có 200 Trung Tâm Phật Giáo, gồm đủ các thể loại như Thiên, Tịnh Độ, Tây Tạng, Nam Tông v.v... có nhiều vị Tăng sĩ người Đức trước đây đã sang tận Tích Lan, Thái Lan, Việt Nam hay Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa để xuất gia học đạo; nhưng ngày nay thiết nghĩ việc ấy không cần nữa. Vì tại xứ Đức này người Đức có thể tu học theo nhiều truyền thống khác nhau, mà không cần phải đi xa nữa. Ví dụ:

Muốn tu theo Tây Tạng, có thể xuất gia học đạo tại Hamburg; Wachendorf (gần Bonn).

Muốn tu theo Nam Tông có thể ra Berlin.

Muốn tu theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam có thể đến Hannover.

Muốn tu theo Đại Hàn và Trung Hoa cũng có thể đến Berlin.

Ngoài ra các Đại Học tại Đức đều có dạy phân khoa Phật Học hay Tôn Giáo học. Người Đức xuất gia tại các Trung Tâm Phật Giáo bên trên để học thêm nghi lễ và sống một đời sống của một Tăng sĩ, đồng thời cũng có thể đi học chương trình của các Đại Học này. Ngày nay vì xã hội tiến bộ quá nhiều, nếu người Tăng sĩ không tiến theo kịp đà phát triển của khoa học, e rằng tôn giáo sẽ đứng ra ngoài vòng quay của vũ trụ. Vì thế người Tăng sĩ phải thể hiện khả năng nhập thế của mình. Do vậy mà ngoài sự tu ra phải cần học hỏi nữa. Trí thức không giúp ta giải thoát được. Tuy nhiên tri thức và trí thức sẽ giúp ta nhận chân rõ con đường nào chúng ta có thể đi đến đích; pháp môn nào giúp ta đi đến nơi chốn dễ dàng hơn. Vì vậy cả hai việc tu và học sẽ bổ sung cho nhau.

- Hỏi: Cũng có nhiều người Âu Mỹ xem việc tu học theo Phật Giáo như là một cái "mode" theo thời trang. Điều này đúng hay sai ?

Đáp: Xã hội Âu Mỹ là một xã hội nương vào đời sống vật chất quá nhiều. Do đó cuộc sống tâm linh của họ bị hụt hẫng, họ phải tìm một chỗ để nương tựa. Tuy nhiên có nhiều giáo điều của các Tôn Giáo khác không còn thích hợp với họ nữa; nên họ đã đến với Phật Giáo. Nếu Phật Giáo cung ứng được những nhu cầu tâm linh cho họ, thiết nghĩ họ sẽ theo Phật Giáo. Bằng ngược lại, họ cũng sẽ bỏ đi tìm những nhu cầu khác. Con người bao giờ cũng là chủ của mọi nhu cầu. Nếu ta biết tự làm chủ mình thì ta không để cho ngoại cảnh lôi kéo được. Khi tâm ta

đã bị giao động bởi ngoại cảnh thì đâu tìm ở đâu đi chẳng nữa, ngoại lực kia chỉ giúp ta một phần thôi. Còn chính ta mới là điều quan trọng.

CHƯƠNG IV

Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 9

Nếu tôi nhớ không lầm khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 1 tổ chức tại Berkhof, Đức Quốc, từ năm 1989. Năm đó cũng là năm chùa Viên Giác đã bắt đầu xây cất phần nhà Tây và Hội Trường. Vì chỗ học không có; nên phải nhờ đến Phật Tử Lý Chấn Lợi tại Berkhof, nơi một nhà hàng, anh ta mới vừa sang lại, để làm nơi học của hơn 100 người, trong vòng 10 ngày.

Những ngày tháng ấy đã trôi qua; nhưng dư âm vẫn còn vang vọng mãi trong tôi. Vì đây là những khóa đầu tiên, tuy nhiên đi vào nề nếp; nhưng là một sợi dây tinh thần nối chặt giữa các quốc gia Âu Châu lại với nhau. Quý Thầy có cơ hội mỗi năm gặp lại nhau 10 ngày trong tình Tăng lữ. Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử nhân cơ hội này cũng học hỏi được những giáo lý thâm sâu từ quý Thầy, quý Cô và cũng là dịp để mọi người khắp Âu Châu, xa nhau trong muôn vạn dặm, có cơ hội hàn huyên tâm sự, ngoài những giờ học và tu trong ngày.

Nếu tôi nhớ không lầm thì Hòa Lan đã tổ chức 2 lần, Thụy Sĩ một lần, Đan Mạch 2 lần, Pháp 1 lần, Bỉ 1 lần và Đức lần này là lần thứ 2. Tổng cộng đã được 9 khóa tu. Trong 9 khóa tu ấy,

mỗi lần từ 300 đến 500 người tham dự. Già trẻ lớn bé đều có. Từ người lớn tuổi nhất đến những em bé theo ba mẹ đi dự học. Từ Gia Đình Phật Tử cho đến các Chi Hội, các Ban Đại Diện của các Chùa và Niệm Phật Đường khắp Âu Châu đã góp mặt, góp công, góp của, góp sức tu để tô bồi nền Đạo ở khắp trời Tây này. Ôn ấy là nhờ nơi Tam Bảo mà có được. Nhưng gần nhất phải nói là nhờ nơi Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành có lòng quảng đại, có tâm vị tha; nên mới có thể trải dài cái tâm của mình cho khắp cả lục địa Âu Châu này. Sau đó là quý Thầy giảng sư của Giáo Hội Âu Châu và quý Thầy khách Tăng đến từ Úc, Canada và Mỹ. Nếu không có quý Thầy, là một bóng mát để người con Phật nương theo, chắc rằng tổ chức Giáo Hội tại đây còn rời rạc lắm. Rồi Gia Đình Phật Tử, những mầm non của Đạo Pháp khắp Âu Châu cũng có mặt trong các khóa Giáo Lý này để học hỏi và tìm cách thân cận với nhau trong tinh thần của người con Phật. Biết bao nhiêu bài cảm tưởng đã viết về các lớp học này đã đăng trên báo Khánh Anh, Viên Giác, hay các tập san của các Gia Đình Phật Tử tại Âu Châu, đã diễn tả rất trung thực và xúc động với những gì mà người con Phật đã gặp hái được qua các khóa Giáo Lý ấy.

Bây giờ đi đâu tải một nội dung to lớn là mọi người đều biết học hạnh Phật và hành hạnh Phật. Ôi! thật đẹp đẽ biết bao! Khi các cánh chim non biết tìm về tổ ấm. Khi những mái tóc bạc cũng có nơi chốn để nương nhờ. Đó là tinh thần học Phật, là giáo lý, là bóng mát của chư Tăng Ni, là mái chùa, là tất cả... Phép màu không phải từ trên không rơi xuống, mà phép màu ấy có được là do chúng ta biết áp dụng giáo lý thực tiễn của Đạo Phật vào cuộc sống tâm linh của mình, nhất là sau khi đã tham dự các khóa giáo lý về.

Đầu tiên Giáo Hội chỉ mở 2 khóa trong mỗi kỳ vào thời điểm những năm đầu. Đó là khóa Phật Pháp chuyên khoa, cho những người đã ít nhiều làm quen với kinh điển của Đạo Phật. Khóa thứ 2 là khóa căn bản dành riêng cho những ai mới bắt đầu vào đạo hay chưa hiểu giáo lý một cách tận tường. Dần dà những năm tháng sau đó các Gia Đình Phật Tử tại các nước thành hình, rồi Giáo Hội Âu Châu ra đời. Do đó Gia Đình Phật Tử Âu Châu cũng tiến bước theo bước chân hợp nhất ấy. Do vậy nhu cầu phải đến, vì lẽ ấy mà mỗi năm khóa giáo lý được mở ra là có khóa huấn luyện hoặc họp bạn của các Gia Đình Phật Tử. Song song đó, các vị phụ huynh của con em theo học khóa Giáo Lý, hoặc các Oanh Vũ của các Gia Đình Phật Tử được mang theo; nên thêm một lớp học cho Gia Đình Phật Tử cũng như các em nhỏ cũng đã được ra đời.

Cứ mỗi lần chư Tăng Ni vân tập như vậy, quý Thầy, quý Cô đều dẫn theo đệ tử xuất gia của mình để giúp các công việc điều hành hay văn phòng; nhưng nhận thấy đây là cơ hội để lớp xuất gia cũng có thể học hỏi những điều trong kinh điển, giới luật, ngay tại khóa học, trong khi có đông đủ quý Thầy. Nên lớp học cho những người xuất gia cũng đã được hình thành. Như vậy, ngày nay mỗi lần tổ chức khóa Giáo Lý có chia ra 4 lớp và mỗi lớp như thế một Thầy, Cô hoặc một anh chị Huỳnh Trưởng đứng ra phụ trách cho lớp học của mình.

Lớp học hay nói đúng hơn là cả tu nữa, chương trình trong 10 ngày được sắp đặt như sau:

Ngày thứ nhất là ngày ghi danh.

Ngày thứ 2 buổi sáng khai giảng, buổi chiều là lời Khai Thị của Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành.

Ngày thứ 3 đến ngày thứ 8 học.

Ngày thứ 9 ôn bài vở và thi.

Ngày thứ 10 đi du ngoạn thăm thành phố và sau đó là trở về trụ xứ của mình.

Thông thường giữa khóa học có một đêm lửa trại. Trong khi các học viên tham gia văn nghệ, thì quý Thầy, quý Cô trong Giáo Hội họp bàn các công việc Phật sự đã qua và cho năm tới. Đôi khi có họp Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn để hỗ trợ cho công việc tranh đấu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà.

Chương trình tu học trong những ngày ấy được bắt đầu mỗi ngày như sau:

06g00 sáng tọa thiền và công phu; sau đó là công tác vệ sinh, hành đường.

08g00 dùng sáng.

09g30 đến 11g00 là giờ học.

12g00 nghỉ lễ quá đường, sau đó nghỉ trưa.

15g00 khóa lễ cầu an.

16g00 đến 17g30 là giờ giáo lý.

18g30 cơm chiều.

20g00 khóa lễ Tịnh Độ.

21g00 đến 22g30 giờ học.

Như vậy mỗi ngày có học 3 lần, tụng kinh 3 lần, ăn uống 3 lần, 2 lần nghỉ ngơi và xen kẽ vào đó là những giờ giải lao cũng như hành đường hoặc chấp tác. Mới đầu thấy thời khóa biểu như thế là trống; nhưng khi vào việc mới thấy là vừa với sức của mọi người. Vì đến đây ai cũng ham tu, ham học trong 10 ngày cho trọn vẹn; nên muốn có nhiều giờ học hơn; nhưng trên thực tế, vì

lý do sức khỏe không cho phép, nên chương trình theo như Thượng Tọa Thích Thiện Huệ, Đặc trách về Hoàng Pháp chia như thế là hợp lý với mọi người.

Những nơi như Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch đã tổ chức các khóa Giáo Lý nơi các trường nội trú, xa thị thành, khung cảnh thật nên thơ. Nhiều lúc bên cạnh rừng rậm hoặc khung cảnh thiên nhiên đã làm cho những căn lều của Gia Đình Phật Tử cắm trại gần đó trở nên linh hoạt lạ thường. Suốt thời gian học, mặc dầu nơi đây không phải là những ngôi chùa có mái cong như ở quê nhà, hay có chánh điện nguy nga lộng lẫy, mà tất cả đều được trang trí tạm thời; nhưng tâm nào thì cảnh đó. Do vậy trong suốt 10 ngày có khóa học giáo lý này, dầu cho đó là trường học của Thiên Chúa Giáo như ở Bỉ, hay các ký túc xá như ở Đan Mạch và Hòa Lan chẳng hạn, tất cả đều là những đạo tràng rất thanh tịnh. Đây là chốn Già Lam mà chỉ có con người mới làm thay đổi được. Từ đó chúng ta có thể khẳng định được rằng: Chính hành động và tâm thức của con người sẽ hướng ta vào nẻo thiện hay việc ác. Tất cả đều do tâm của chúng ta tạo ra cả.

Trong suốt khóa học, các học viên đều phải phân công vào các Ban Hành Đường, Ban Vệ Sinh và phụ giúp Ban Trai Soạn để làm việc trong mỗi ngày. Tất cả đều tự giác; nhưng việc nào cũng xong. Tuy công việc mệt nhọc đấy; thế mà ai cũng nở những nụ cười thật tươi trên môi, khi thấy rằng những việc làm của chính mình sẽ mang đến cho mọi người nhiều lợi ích khác. Không có một tiếng to tiếng nhỏ hay tị hiềm trong công việc. Không có một lời nói nặng, hay cau có với nhau, mà tất cả đều được đối xử trong sự cảm thông với nhau trong tình người con

Phật. Thật hy hữu và nhiệm màu thay. Khung cảnh này và hình ảnh này chỉ có được trong những tổ chức Tôn Giáo, từ thiện và chắc rằng các tổ chức khác khó mà có được. Với số lượng học viên mỗi ngày mỗi đông, ở chung trong một nơi, cùng làm việc, cùng tu học, nếu không áp dụng phép lục hòa và sống tương kính thuận thảo với nhau, chắc chắn sẽ có vấn đề. Nhưng tất cả đều nhờ ơn Tam Bảo mà thành tựu vậy.

Sau những khóa học đã có nhiều người phát nguyện thọ Tam Quy Ngũ Giới hay Thập Thiện, rồi Bồ Tát Giới và cũng có nhiều người, từ các khóa giáo lý này mà phát tâm xuất gia tu học tại các đạo tràng ở Âu Châu ngày nay. Đây là những thành quả cụ thể, mà chắc rằng quý Thầy, quý Cô trong Giáo Hội Âu Châu hài lòng nhất. Cha mẹ chẳng mong cho con học giỏi, nên người. Niềm vui duy nhất của cha mẹ là như thế; nhưng khi đã thấy con khôn lớn, biết đứng hai chân vững chãi với cuộc đời, cũng là lúc mà tóc trên đầu của cha mẹ đã đến lúc hoa râm. Sự suy nghĩ của con trưởng thành, chính lúc ấy cha mẹ càng thấy mình càng già đi rồi. Đó là niềm vui chứ không phải nỗi buồn. Vì thế hệ đi qua phải nhường chỗ cho thế hệ khác lớn lên và trưởng thành. Chúng ta không thể ở mãi đó để cản bước tiến của những người đi sau. Ở trên thế gian này cái gì cũng có thể mất đi được, dầu cho đó là tài sản, của cải, sắc đẹp, danh vọng, địa vị... chỉ ngoại trừ trí tuệ của ta, không ai có thể cướp đi được. Dầu rằng ta có san sẻ cho ai đi chăng nữa, giá trị tinh thần ấy cũng không bao giờ có thể mất đi đâu cả.

Việc đăng cai tổ chức khóa học mỗi năm là do sự tự nguyện của mỗi nước, chứ không có tính cách bắt buộc. Tuy nhiên nếu không có nước nào đảm trách, thì Giáo Hội sẽ đề nghị một nước

lo cho năm tới. Thông thường cho đến nay, qua 9 lần tổ chức, tất cả đều tự nguyện chứ chưa có đề nghị nào được đưa ra trong các cuộc họp của Giáo Hội cả.

Năm 1996 khi cuộc họp của Giáo Hội được tổ chức giữa khóa học kỳ 8 tại Hòa Lan, tôi có ý xin được tổ chức khóa Giáo Lý kỳ 9 năm nay tại Đức. Vì đã khá lâu rồi, hơn 8 năm rồi còn gì nữa, nước Đức chưa có được cơ duyên ấy. Thế là đã đồng ý và phần vụ của tôi là về lại trụ xứ của mình để tìm chỗ và giao cho các Chi Hội địa phương lo việc này. Đầu tiên Chi Hội Mannheim được tôi lưu tâm đến. Vì lẽ, vào lễ Thăng Thiên năm 1996 Chi Hội Phật Tử Mannheim có tổ chức khóa tu ngắn hạn do tôi, Thượng Tọa Nhất Chơn và Thượng Tọa Thiện Huệ hướng dẫn, có hơn 150 người tham dự và kết quả rất khả quan, từ Ban Trai Soạn đến Ban Tổ Chức và các học viên đều hoan hỷ với thành quả ấy. Do vậy mà đề nghị Mannheim đứng ra lo cho khóa học Âu Châu kỳ 9 này là do lý do thứ nhất.

Lý do thứ hai cũng không kém phần quan trọng, đó là vấn đề địa lý cho toàn vùng Âu Châu, mà Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành đã nhiều lần nhắc đến, là nên tổ chức về Miền Nam hoặc Trung Nam nước Đức. Đây là những lý do cần thiết để tôi nhắm vào.

Thế nhưng qua bao nhiêu lần điện thoại hỏi thăm, Chi Hội Mannheim vẫn chưa tìm ra được địa điểm thích ứng cho 500 hay 600 người tham dự trong 10 ngày như thế. Quả thật khó tính vô cùng. Vì ăn làm sao nói làm sao bây giờ với những vị lãnh đạo bên trên và với các học viên khắp Âu Châu? Do vậy trong những buổi lễ công cộng tôi đều kêu gọi, không nhất thiết

là Chi Hội Mannheim mà tá cả các Chi Hội thuộc miền Trung và miền Nam nước Đức hoặc các cá nhân thiện chí khác cũng nên tìm hộ nơi chốn học và những điều kiện như đã được nêu ra.

Thế là mọi người tung ra đi tìm, được một kết quả nho nhỏ nào đó, quý Phật Tử cũng báo cáo về Hannover. Sau đó có tin là Chi Hội Aschaffenburg tìm được nơi lý tưởng, tôi quá mừng; nhưng sau đó hơi thất vọng, vì biết được rằng không có nơi ngủ lại riêng biệt, mà nơi đó họ chỉ muốn cái Halle thể thao rất rộng mà thôi, kèm theo đó là những điều kiện hơi khó giải quyết; nên tôi quyết định không đến thăm cũng như không thuê nơi đó. Thời gian cứ lững lờ trôi, đến tháng 3 năm 1997 rồi mà vẫn chưa có kết quả gì cả. Quả thật quá lo lắng và nóng lòng. Tôi thường hay sống với bồn phận và trách nhiệm. Vì vậy không thể chậm trễ hơn nữa và bằng mọi giá, khóa Giáo Lý kỳ 9 năm nay phải được tổ chức tại Đức như đã dự định. Vả lại thời điểm tháng 3 rồi làm sao mà nhường lại cho nước khác được. Chắc chắn nước đó sẽ không có thì giờ để chuẩn bị. Ngoài lý do ấy ra, không lẽ năm nay phải bỏ cuộc tổ chức một năm của khóa giáo lý sao? Điều ấy chắc chắn không thể xảy ra và trách nhiệm thuộc về tôi. Do vậy mà bằng mọi giá phải tìm cho có chỗ học.

Bỗng một hôm vào thượng tuần tháng 4 có điện thoại của Thành từ Pfaffenhofen gọi đến, báo tin là Thành đã liên lạc với thành phố và đã gặp ông Brandt, người có trách nhiệm các trường học tại địa phương sẵn sàng giúp đỡ cho chúng ta. Đầu tiên là mừng và sau đó tôi hỏi Thành dồn dập bao nhiêu điều khác nữa và bảo Thành phải lấy một cái hẹn để đi xem địa điểm, đồng thời tôi cũng đã thông báo cho Đạo Hữu Chi Hội

Trưởng tại München Thiện An Nguyễn Kim Định biết. Ngày tôi xuống vào tháng 4 năm 1997 mọi người vừa vui vừa lo. Vui vì có Thầy xuống; nhưng lo là nếu Thầy đồng ý tổ chức khóa học nơi này thì đồng bào Phật Tử địa phương phải lo gánh phần trách nhiệm chính. Có nhiều vị bảo rằng: Mong Thầy không vừa ý chỗ này. Nói như vậy thôi; nhưng tôi biết chắc một điều tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại Đức là một tinh thần rất gương mẫu, xứng đáng cho những người đi sau noi theo, mà suốt trên một chặng đường dài hơn 20 năm ấy, khi tôi ở và làm việc tại xứ Đức này đã hiểu và biết họ.

Tôi đến München vào một chiều mùa Xuân khá đẹp, sau đó có quý Đạo Hữu tháp tùng đi Pfaffenhofen. Từ München đi đến đó độ chừng một tiếng đồng hồ bằng xe hơi và độ xa chừng 50 cây số. Cách Nürnberg chừng 80 cây số. Như vậy cũng đỡ lo. Vì hai Chi Hội này vẫn là 2 Chi Hội gương mẫu tại miền Nam này. Ông Brandt đến đúng giờ hẹn, sau đó đi gặp người quản gia để lấy chìa khóa xem phòng thể thao, phòng học và bếp núc cũng như sân thể thao v.v... Về ngoại cảnh rất hợp ý; nhưng phần bên trong có nhiều điều chưa vừa ý như không có bếp, chỗ rửa chén (Có; nhưng rất nhỏ, không đủ cho số lượng nhiều người), chỗ ở cho chư Tăng và Phật Tử. Nhưng ngược lại điều kiện thì rất dễ dàng, chỉ cần trả tiền dọn vệ sinh, điện, Gas, nước dùng trong 10 ngày và ngoài ra không phải trả một khoản nào nữa cả. Bây giờ có không muốn cũng không thể chối từ được. Vì lẽ thời gian. Đúng là thời gian như người xưa đã nói: quý hơn vàng bạc. Tôi đâu còn cách nào nữa để chọn. Vì vậy tôi hỏi ý kiến Đạo Hữu Chi Hội Trưởng và một số quý vị khác cùng đi chung và đồng ý ngay. Sau đó mới từ từ định hình và phân chia ra một số công tác sắp tới.

Đạo Hữu Chi Hội Trưởng München bắt đầu đề nghị:

Phòng thể thao 1.400 thước vuông chia ra làm 2 gian. Một gian để làm lễ Phật ở giữa, một gian để ngủ, một gian để vừa làm phòng học và quá đường ngõ trai cũng như ăn sáng và tối. Một phòng bên trên cửa vào làm văn phòng và lớp học. Hai phòng mượn thêm sau này dùng làm phòng học cho chư Tăng Ni và chỗ nghỉ tạm cho quý Thầy, quý Chú. Gia Đình Phật Tử thì có phòng thiên nhiên bên ngoài và ngủ nghỉ thì có hành lang bên trong phòng thể thao. Phòng này có thể chứa 800 người trở lên, rất thoải mái. Bên cạnh đó có nhiều nhà tắm và nhiều nhà vệ sinh. Riêng bếp núc thì phải dựng lều rồi.

Đó là những gì khái quát mà Đạo Hữu Chi Hội Trưởng München đã đề nghị với tôi hôm đó. Tôi có nói rằng: Điều đầu tiên tôi sẽ thông báo việc này đến Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành để biết và luôn dịp đăng lên báo Khánh Anh. Ngoài ra Đạo Hữu nên có một bảng phân công phân nhiệm cụ thể để bàn với các Chi Hội tại lễ Phật Đản ở chùa Viên Giác vào ngày 25 tháng 5 năm 1997 để phân công phân nhiệm.

Sau đây là một thông báo sơ khởi trên báo Khánh Anh và Viên Giác:

Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 9
tổ chức tại Niederscheyern - Đức Quốc từ ngày 31 tháng 7
đến 09 tháng 8 năm 1997

1) Điều kiện ghi danh :

- Mọi học viên cho 2 lớp 1 và 2. Lớp 1 dành cho những học viên mới bắt đầu. Lớp 2 dành cho những học viên chuyên khoa.

- Lớp dành cho giới xuất gia.
- Lớp dành cho Oanh Vũ.

2) Lệ phí :

Lệ phí cho 10 ngày ăn, ở và du ngoạn thành phố München là 250,00 DM. Gia đình nhiều người đi sẽ được bớt phần trăm (%). Đoàn sinh của các Gia Đình Phật Tử đóng 100,00 DM gồm tiền ăn, ở và du ngoạn. Tiền di chuyển đến chỗ học, học viên tự túc.

Năm nay chỗ ở tương đối không khang trang như mọi năm; nên học viên có thể nên mang túi ngủ theo vào giờ chót. Tuy nhiên sẽ có một món quà bất ngờ cho mỗi học viên sau khi học xong khóa học.

3) Ghi danh :

Tại Pháp xin ghi danh tại chùa Khánh Anh. Ở Đức xin ghi danh tại các Chi Hội hoặc chùa Viên Giác. Các quốc gia khác ở Âu Châu xin ghi danh tại nước sở tại của mình. Ngoài Âu Châu có thể liên lạc về chùa Viên Giác hay Chi Hội Phật Tử tại München để được hướng dẫn tiếp.

Sau đây là cách đi đến địa điểm học:

Đi bằng phương tiện xe hơi :

* Autobahn số 9 München hướng Nürnberg và ngược lại Nürnberg hướng München. Vào Ausfahrt Pfaffenhofen a.d.Ilm, lấy hướng Pfaffenhofen a.d.Ilm chạy thẳng khoảng 8 km, đến Kreisstadt Pfaffenhofen a.d.Ilm đèn xanh đỏ quẹo trái hướng

Schrobenhausen, bỏ ngã tư đèn xanh đỏ, và chạy thẳng tới đèn xanh đỏ kế tiếp quẹo phải hướng Schrobenhausen, chạy quy đèn xanh đỏ về hướng Niederscheyern 1 km. Vào Niederscheyern chạy thẳng 300 mét, địa điểm bên tay phải (Niederscheyern-Schule).

Điện thoại tại chỗ học Tel. 08441-86172. Điện thoại liên lạc trước khi học, chùa Viên Giác Tel. 0511-879630. Điện thoại Niệm Phật Đường Tâm Giác tại München Tel. 089-36102636. Hoặc Đạo Hữu Chi Hội Trưởng Nguyễn Kim Định, Tel. 089-63498057.

* Từ Stuttgart Autobahn số 8 về München. Vào Ausfahrt Aichach Bundesstraße "B300" lấy hướng Aichach sau đó lấy hướng Schrobenhausen trên đường đi thấy bảng chỉ dẫn về Pfaffenhofen a.d.Ilm, trên đường đi sẽ chạy qua phố Mitterscheyern, từ Mitterscheyern về Pfaffenhofen a.d.Ilm, tới ngã tư quẹo trái hướng "Kreis-Krankenhaus" chạy thẳng vào phố Niederscheyern, địa điểm nằm ngang bên trái (Niederscheyern-Schule).

Đi bằng phương tiện xe lửa :

München Hbf -----> Pfaffenhofen (Ilm)

Ingolstadt Nord -----> Pfaffenhofen (Ilm)

Từ nhà ga Pfaffenhofen (Ilm) :

"Đường đi bộ" đi bộ xuống cầu thang, ngã ba đèn xanh đỏ đi về hướng Schrobenhausen đi thẳng khoảng 2 km vào phố Niederscheyern, đi tiếp 300 mét địa điểm bên tay phải.

Hoặc "Đường xe Stadt Bus" trạm xe Bus trước cửa nhà ga đi về hướng Niederscheyern xuống trạm Seitzweg, đi bộ lùi lại 100 mét, địa điểm trước mặt (Niederscheyern-Schule).

Đi bằng máy bay :

Xuống máy bay tại phi trường München, lấy S-Bahn đi về nhà ga xe lửa München và đi tiếp giống như cách đi xe lửa phía trên.

*

* *

Nơi chù Tăng, Ni cư trú :

1) Hotel Gasthof

"Müller" Schweitenkirchener Straße 3

85276 Pfaffenhofen-Eberstetten

Tel. 08441-84856 - Fax. 08441-82049

2) Fremdenzimmer

m. Leopold

Schweitenkirchener Straße 9

85276 Pfaffenhofen - Ilm

Tel. 08441-3210

*

Từ trường học đi đến nơi chù Tăng cư ngụ độ 10 phút đi bộ hoặc 5 phút xe hơi. Vì chỗ nghỉ trong trường học có giới hạn, nên chù Tăng phải cư trú bên ngoài.

Sau khi bản tin được đăng lên báo Viên Giác và báo Khánh Anh thì mọi người Phật Tử tại Âu Châu đã biết được chắc chắn rằng

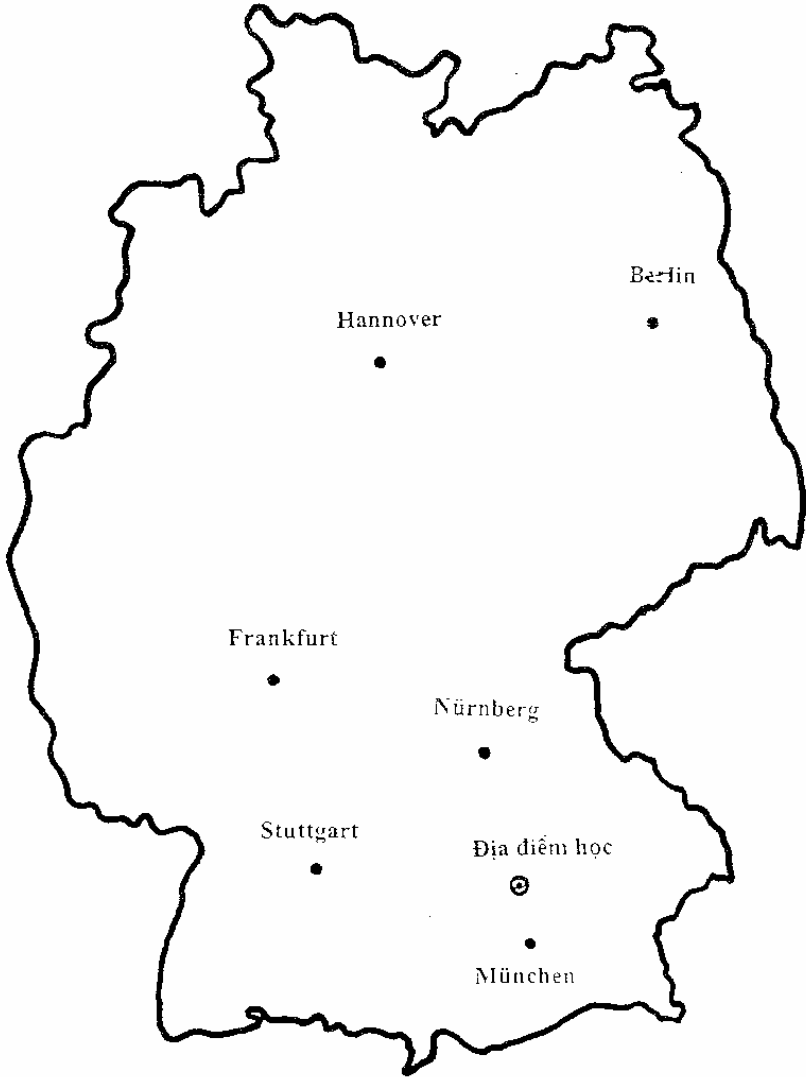
Khóa Giáo Lý kỳ 9 này sẽ tổ chức tại miền Nam nước Đức. Đây là thời gian nghỉ hè của học sinh, sinh viên và những người có gia đình. Vì vậy họ cần biết trước để dành thì giờ đi học Khóa Giáo Lý.

Đạo Hữu Chi Hội Trưởng München thì càng vui mừng và càng lo lắng thấy rõ. Vì Đạo Hữu vốn là một cựu quân nhân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cấp Tá. Vì vậy tinh thần trách nhiệm và bổn phận rất cao trong khi điều động công việc. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên tắc và cũng là những thành công mà xứ Đức đang có được cũng nhờ những người như Đạo Hữu Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát cũng là một cựu quân nhân cấp Tá và đồng thời 14 Chi Hội khác trong nước Đức, nơi nào cũng rất nhiệt tình và một lòng đứng ra gánh vác cho công việc chung này.

Sau đây là Hồ Sơ Hướng Dẫn của Đạo Hữu Chi Hội Trưởng Chi Hội München đã dày công soạn thảo từ A đến Z để đến ngày 25 tháng 5 năm 1997 trình bày trước Ban Chấp Hành của Hội Phật Tử, 14 Chi Hội địa phương và Đại Diện của Ban Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức nơi chùa Viên Giác, nhằm đi đến một điểm chung cho khóa học kỳ này.

Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu Kỳ IX.
Tổ chức tại Niederscheyern - Bayern - Đức quốc
Grund- und Teilhauptschule Niederscheyern.
Schrobenhausener Strasse 22 – 24.
85276 Pfaffenhofen a.d. Ilm.
(từ ngày 31 đến 9 tháng 8 năm 1997)

Hồ sơ hướng dẫn



Phưởng tiện đi đến địa điểm học:

*** Đi bằng phưởng tiện máy bay**

Sau khi xuống máy bay và xong các thủ tục

* Xứ dụng S8 (chỉ có S8) đậu ngay tại phi trường đến Hauptbahnhof qua các trạm sau đây:

- Flughafen München
- Besucherpark
- Hallbergmoos
- Ismaning
- Unterföhring
- Johanneskirchen
- Engelschalking
- Daglfing
- Leuchtenbergring
- Ostbahnhof
- Rosenheimer Platz
- Isartor
- Marienplatz
- Karlsplatz
- Hauptbahnhof

* Chuyển qua xứ dụng xe lửa München - Pfaffenhofen (xem thời khóa biểu đi bằng phưởng tiện xe lửa)

Đi bằng phương tiện xe lửa (từ Hauptbahnhof München)

Địa chỉ: Grund- und Teilhauptschule Niederscheyern
Schrobenhausener Straße 22 – 24
85276 Pfaffenhofen a.d. Ilm
Germany

Giờ khởi hành	Số xe	Qua các trạm	Giờ đến	Đường ray	Ngày lưu thông
05:34	IR2886	Pfaffenhofen	05:58	22	mỗi ngày
05:52	SE4602	Dachau-Röhrmoos-Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	06:27	23	thứ 2-thứ 6
06:18	RE4082	Dachau-Peterhausen-Pfaffenhofen	06:50	21	mỗi ngày
06:54	SE4604	Dachau-Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	07:28	25	--/--
07:55	SE4606	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	08:28	21	--/--
08:34	RE4052	Dachau-Pfaffenhofen	09:03	24	--/--
08:55	SE4608	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	09:28	22	--/--
09:35	IR2882	Pfaffenhofen	09:58	26	--/--
09:55	SE4610	Peterhausen-Reichertshausen-Pfaffenhofen	10:27	22	--/--
10:48	RE4056	Dachau-Pfaffenhofen	11:17	20	--/--
10:55	SE4612	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	11:28	23	--/--
11:55	SE4614	Peterhausen-Reichertshausen-Pfaffenhofen	12:27	22	--/--
12:48	RE4060	Dachau-Pfaffenhofen	13:17	20	--/--
12:55	SE4616	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	13:28	21	--/--
13:18	SE4618	Peterhausen-Pfaffenhofen	13:47	20	thứ sáu
13:36	IR2788	Pfaffenhofen	13:59	23	mỗi ngày
13:55	SE4620	Peterhausen-Reichertshausen-Pfaffenhofen	14:27	20	--/--
14:17	SE4622	Pfaffenhofen	14:43	21	thứ sáu
14:48	RE4064	Dachau-Pfaffenhofen	15:17	19	mỗi ngày
14:55	SE4624	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen	15:50	21	mỗi ngày

Giờ khởi hành	Số xe	Qua các trạm	Giờ đến	Đường ray	Ngày lưu thông
15:29	RE4090	Pfaffenhofen	15:56	24	thứ 2-thứ 6
15:55	SE4626	Peterhausen- Reichertshausen-Pfaffenhofen	16:27	22	mỗi ngày
16:05	SE4628	Allach-Karlsfeld- Dachau- Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	16:44	23	thứ 2-thứ 6
16:19	SE4630	Peterhausen- Reichertshausen-Pfaffenhofen	16:52	22	--/--
16:36	IR2784	Pfaffenhofen	17:01	19	mỗi ngày
16:48	RE4066	Dachau- Peterhausen-Pfaffenhofen	17:20	21	thứ 7, chúa nhật
16:55	RE4068	Dachau-Pfaffenhofen	17:24	21	thứ 2-thứ 6
16:55	SE4632	Dachau- Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	17:29	20	thứ 7, chúa nhật
17:18	SE4634	Peterhausen-Paindorf	17:55	20	thứ 2-thứ 5
17:37	RE4092	Reichertshausen-Pfaffenhofen			thứ 6
17:37	RE4094	Pfaffenhofen	18:03	20	thứ 2-thứ 5
17:55	SE4636	Peterhausen- Reichertshausen-Pfaffenhofen	18:27	19	mỗi ngày
18:29	RE4070	Dachau- Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	19:04	21	thứ 2-thứ 6
18:54	RE4072	Dachau-Pfaffenhofen	19:24	23	thứ 7, chúa nhật
18:59	SE4638	Dachau- Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	19:34	21	mỗi ngày
19:55	SE4640	Peterhausen- Reichertshausen-Pfaffenhofen	20:27	20	--/--
20:58	SE4642	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	21:31	23	--/--
21:55	SE4644	Peterhausen- Reichertshausen-Pfaffenhofen	22:27	21	--/--
22:55	SE4646	Peterhausen-Paindorf-Reichertshausen-Pfaffenhofen	23:28	25	--/--
23:58	SE4648	Dachau- Peterhausen-Reichertshausen-Pfaffenhofen	00:30	24	--/--

Ghi chú : Thời khóa biểu này có hiệu lực từ 29.6.96 đến 31.05.97.

Từ nhà ga Pfaffenhofen (Ilm):

"Đường đi bộ" đi bộ xuống cầu thang, ngã ba đèn xanh đỏ đi về hướng Schrobenhausen đi thẳng khoảng 2 km vào phố Niederscheyern, đi tiếp 300 mét địa điểm bên tay phải.

Hoặc "Đường xe Stadt Bus" trạm xe Bus trước cửa nhà ga đi về hướng Niederscheyern xuống trạm Seitzweg, đi bộ lui lại 100 mét, địa điểm trước mặt (Niederscheyern-Schule).

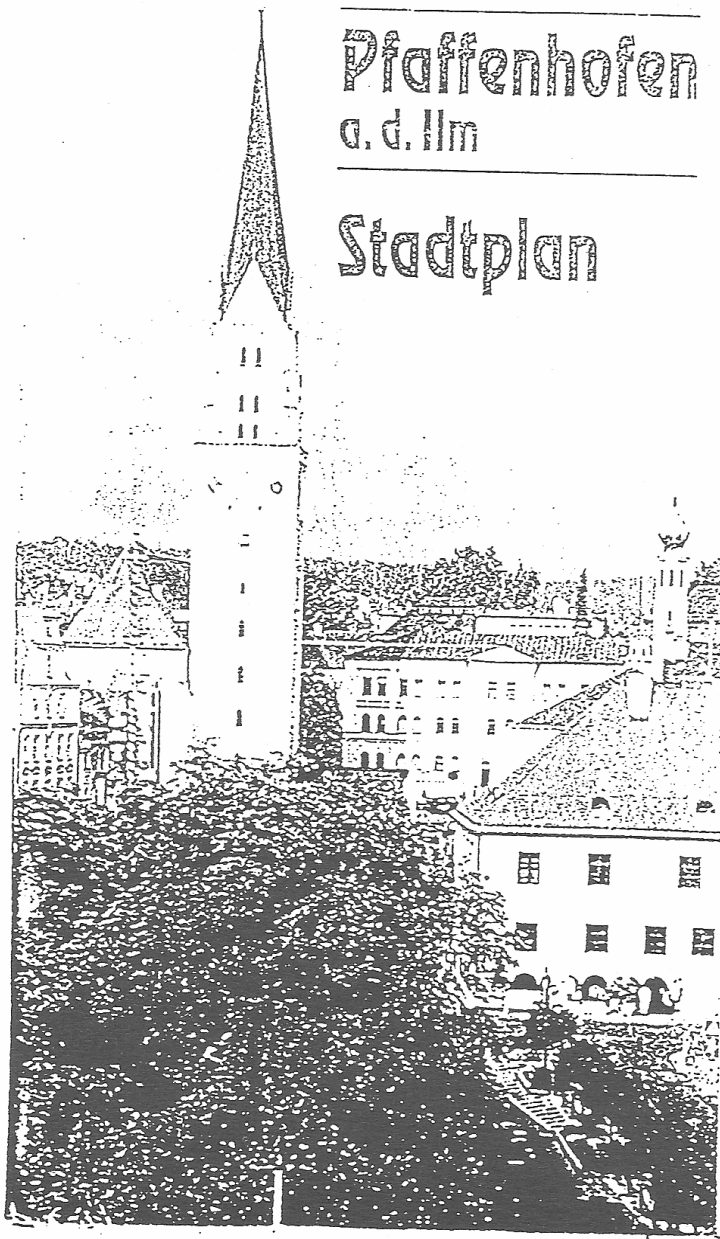
Đi bằng phương tiện xe hơi :

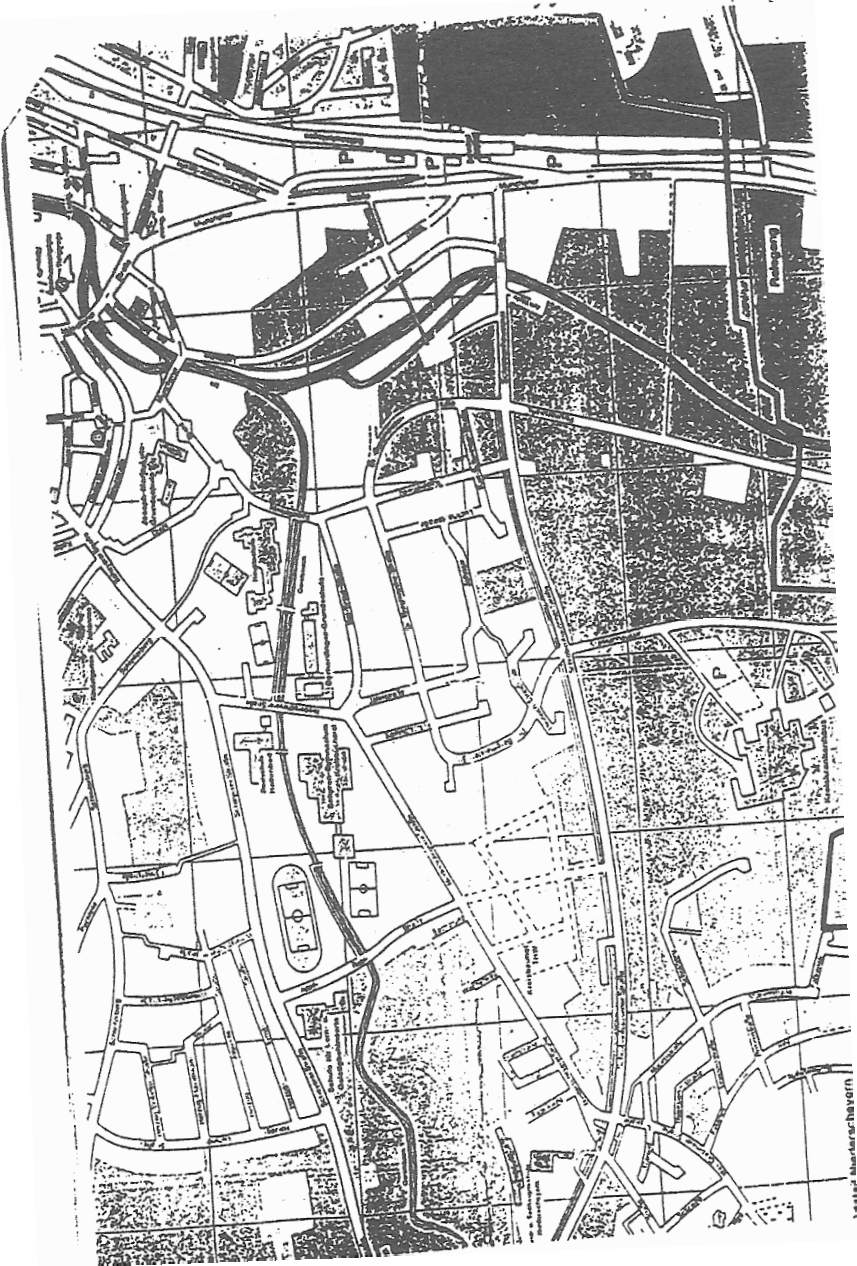
* Autobahn số 9 München hướng Nürnberg và ngược lại Nürnberg hướng München. Vào Ausfahrt Pfaffenhofen a.d.Ilm, lấy hướng Pfaffenhofen a.d.Ilm chạy thẳng khoảng 8 km, đến Kreisstadt Pfaffenhofen a.d.Ilm đèn xanh đỏ quẹo trái hướng Schrobenhausen, bỏ ngã tư đèn xanh đỏ, và chạy thẳng tới đèn xanh đỏ kế tiếp quẹo phải hướng Schrobenhausen, chạy qua đèn xanh đỏ về hướng Niederscheyern 1 km. Vào Niederscheyern chạy thẳng 300 mét, địa điểm bên tay phải (Niederscheyern-Schule).

* Từ Stuttgart Autobahn số 8 về München. Vào Ausfahrt Aichach Bundesstraße "B30" lấy hướng Aichach sau đó lấy hướng Schrobenhausen trên đường đi thấy bảng chỉ dẫn về Pfaffenhofen a.d.Ilm, trên đường đi sẽ chạy qua phố Mitterscheyern, từ Mitterscheyern về Pfaffenhofen a.d.Ilm, tới ngã tư quẹo trái hướng "Kreis-Krankenhaus" chạy thẳng vào phố Niederscheyern, địa điểm nằm ngang bên trái (Niederscheyern-Schule).

Pfaffenhofen
a. d. Ilm

Stadtplan



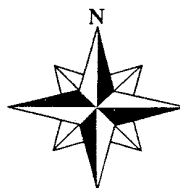
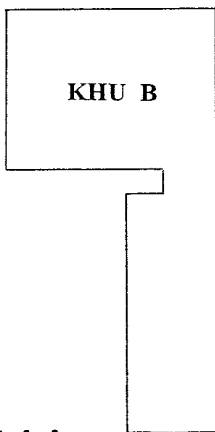
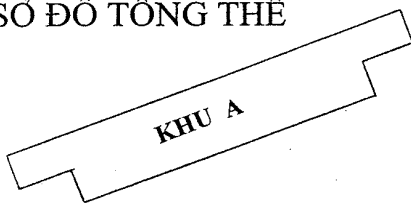


SƠ ĐỒ TỔNG THỂ

S
Â
N

V
Â
N

Đ
Ô
N
G



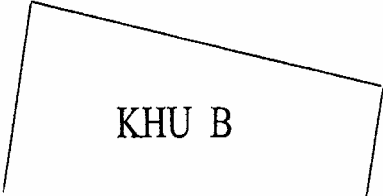
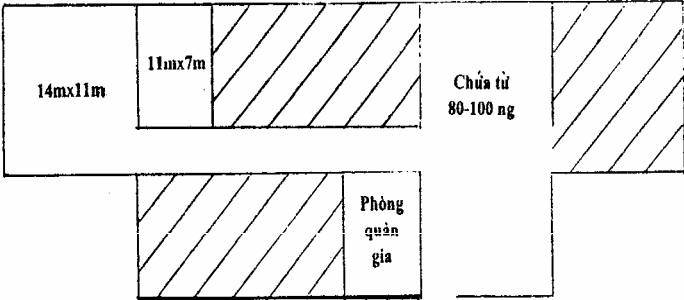
Khu A: Trường học
Khu B: Khu vực tập thể thao

• • •
Cột cờ

↑
Lối vào

BÀI ĐẬU XE (P)

TẦNG TRỆT KHU A

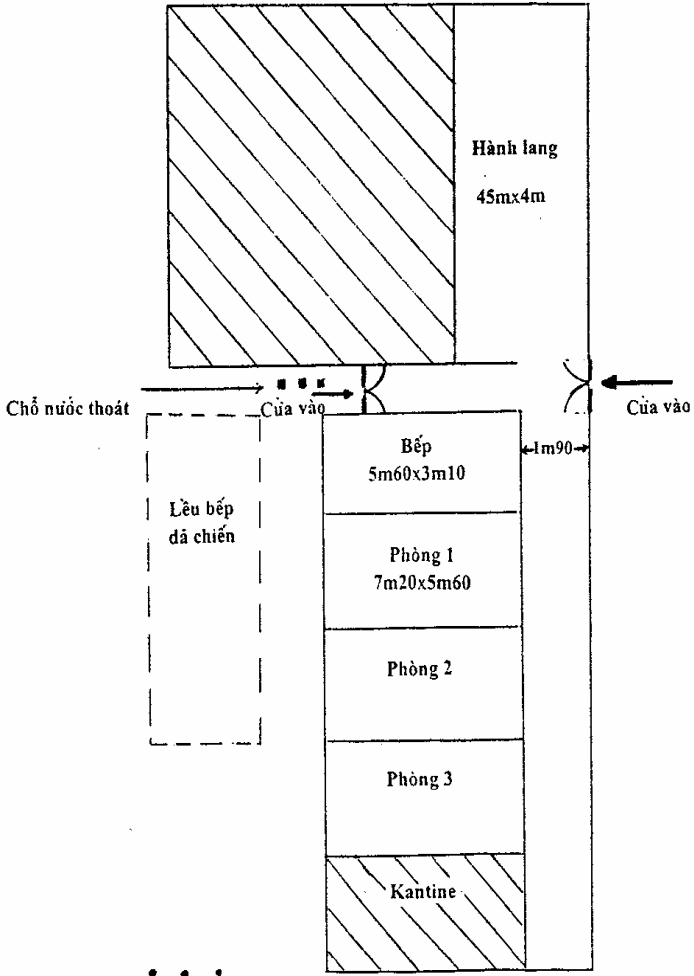


✧
TẦNG TRỆT KHU B

S
Â
N

V
Ậ
N

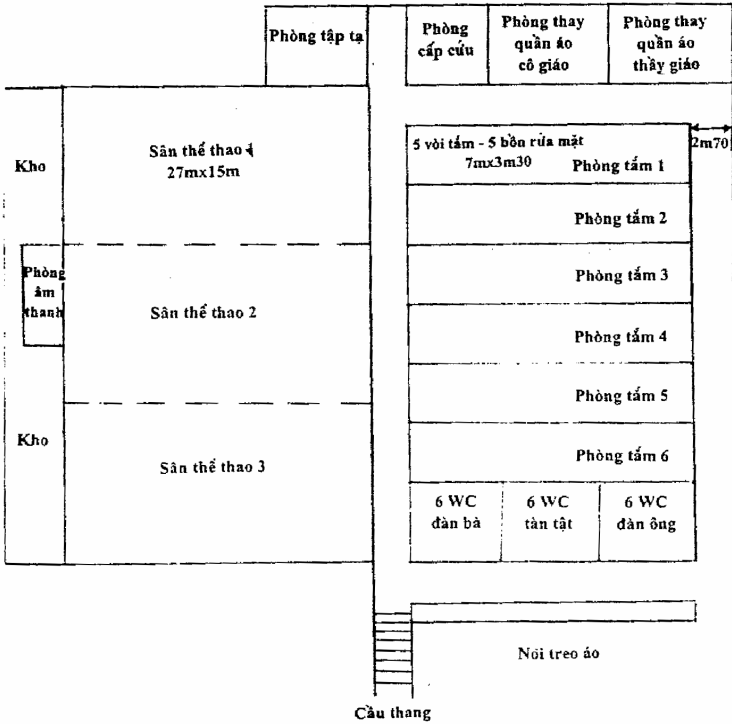
Đ
Ộ
N
G



• • •
Cột cờ

BÀI ĐẬU XE (P)

TẦNG HẦM KHU B



BAN ĐIỀU HÀNH KHÓA HỌC (Dành cho quý Thầy)

Ban Tổ Chức :

- Trưởng Ban Tổ Chức
- Phó Ban Nội Vụ
- Phó Ban Ngoại Vụ
- Thư Ký
- Thủ Quỹ

1. Văn phòng

- Ghi danh và phân chia phòng
- Thu ngân viên
- Hướng dẫn phòng
- Máy điện toán

2. Trang trí

3. Tiếp tân (đưa đón và hướng dẫn)

4. Âm thanh, ánh sáng

5. Y tế

6. Du ngoạn

7. Ẩm thực :

- Phụ trách bên ngoài
- Phụ trách bên trong

8. Liên lạc nhà trường

9. Thâu băng thuyết pháp

10. Nhận đặt băng thuyết pháp

1. Mua sắm bàn, ghế, giường

*
****Danh sách Ban Trai Soạn**

Số Thứ Tự	Họ và Tên	Số Thứ Tự	Họ và Tên

Danh sách Ban Hành Đường

Số Thứ Tự	Họ và Tên	Số Thứ Tự	Họ và Tên

*
****Du ngoạn :**

Các địa điểm đề nghị đến thăm

1. Trại giam và lò thiêu dân Do Thái ở Dachau thời Đệ Nhị Thế Chiến
2. Marienplatz - Trung tâm thành phố München - khu mua bán.
3. Olympiastation - nơi tổ chức Thế Vận Hội năm 1972 với lối kiến trúc đặc biệt có tháp cao quan sát toàn thành phố.
4. Lâu đài Nymphenburg
5. Botanischer Garten

6. Starnberger See

Chương trình đi du ngoạn ngày 09.8.1997:

08.00 - Khởi hành từ chỗ học đi Dachau

09.30 - Đến Dachau (trại giam, và lò thiêu người Do Thái thời Đệ Nhị Thế Chiến) - Vào khu Bảo Tàng xem cảnh sinh hoạt tù nhân - y phục và dụng cụ cá nhân xử dụng hằng ngày - Xem một đoạn phim quay cảnh sinh hoạt trại giam - Nơi giam giữ tù nhân - Những lò thiêu người - Phòng tắm hơi ngạt - Các hố chôn tập thể... Toàn cảnh trại giam.

11.30 - Tập họp lên xe đi Marienplatz (trung tâm thành phố München)

12.30 - Đến Marienplatz - Mua sắm tự do

14.30 - Tập họp lên xe đi NPĐ Tâm Giác (trụ sở Chi Hội PTVNTN tại München và VPC) Eisenacherstraße 10 - 80804 München - Tel. 089 36 10 26 36

15.00 - Đến Niệm Phật Đường - Nghe thuyết trình về tiểu sử NPĐ - Dự tiệc trà - Lễ Phật tự do

16.30 - Tập họp lên xe đi Olympiastation (nơi tổ chức Thế Vận Hội 1972, có xảy ra vụ bắt cóc cầu thủ Do Thái) - Quan sát lối kiến trúc đặc biệt các khu thể vận - Lên tháp cao nhìn toàn cảnh thành phố München - Hãng chế tạo xe hơi BMW của Đức
Chấm dứt cuộc du ngoạn

Nếu quan khách không về kịp hoặc muốn lưu lại München, xin mời về NPĐ dùng cơm tối và qua đêm tại đây.

*

**

Khóa họp đã kết thúc sau một tiếng rưỡi đồng hồ với Biên Bản cuộc họp được soạn thảo và phân công phân nhiệm như dưới đây.

Lẽ ra nếu còn thì giờ, quý vị Đại Diện cũng có thể xem cuộn Video quay chi tiết về trường ốc cũng như nơi chốn; nhưng sau đó là lễ Phật Đản; nên không ai có đủ can đảm để ngồi xem chi tiết, do đó một số vị của các Chi Hội gần sau khi đã họp xong, liền liên lạc với Đạo Hữu Chi Hội Trưởng München để đến thăm địa điểm như: Berlin, Nürnberg, Mannheim, Karlsruhe, Heidelberg v.v... Đây là một tinh thần rất cao của những người có trách nhiệm, riêng tôi một lần nữa lại tán thán, hoan hỷ và rất hài lòng với tinh thần trách nhiệm của những người đứng ra lo lắng cho công việc Phật sự chung này.

Đây là Biên Bản của cuộc họp

BIÊN BẢN

**Buổi họp chuẩn bị Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9,
từ 31.7.97 đến 09.8.97.**

Hôm nay 25.5.1997 lúc 08g30, một buổi họp tại chùa Viên Giác để thảo luận về kỹ thuật tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 tại Pfaffenhofen dưới sự chứng minh của chủ tọa của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng.

Thành phần tham dự, gồm:

a/ Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Đức Quốc

- Hội Trưởng: Thị Tâm Ngô Văn Phát

- Hội Phó Nội Vụ: Thiện An Nguyễn Kim Định

- Hội Phó Ngoại Vụ: Diệu Đông Trịnh Thị Nam

- Thủ Quỹ: Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc

a/ Chi Hội Trưởng hoặc Đại Diện các Chi Hội PTVNTN tại Đức Quốc, có mặt 13 Chi Hội, trừ Chi Hội Hamburg.

c/ Các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức Quốc.

Mở đầu buổi họp Thượng Tọa tuyên bố lý do. Sau đó Đạo Hữu Thiện An Nguyễn Kim Định với tư cách Chi Hội Trưởng gần nơi tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9, trình bày chi tiết liên quan đến địa điểm tổ chức. Mỗi tham dự viên được tiếp nhận một hồ sơ hướng dẫn, gồm:

Bản đồ chỉ địa điểm khóa học - Phương tiện và lộ trình di chuyển đến địa điểm tổ chức (đường hàng không, đường bộ và đường hỏa xa) - Bản đồ thành phố Pfaffenhofen - Sơ đồ tổng thể và chi tiết địa điểm tổ chức (tầng trệt và tầng hầm) - Chương trình du ngoạn thành phố München...

Phần tổ chức, Thượng Tọa phân nhiệm, các tham dự viên thảo luận và chung quyết như sau:

A. Văn Phòng:

1. Trưởng Ban Tổ Chức: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc.

2. Cố vấn Ban Điều Hành: Hội Trưởng Hội PTVNTN Đức Quốc.

3. Ban Điều Hành Nội Vụ lẫn Ngoại Vụ: Chi Hội München và các Chi Hội còn lại.

4. Thư Ký: Gia Đình Phật Tử VN Đức Quốc.

5. Thủ Quỹ: Gồm ba thành viên:

- Một của Hội PTVNTN tại Đức.

- Một của Chi Hội München.

- Một của Gia Đình Phật Tử.

B. Điều Hành :

1. Ghi danh, phân chia phòng ngủ và học:
Gia Đình Phật Tử Đức Quốc
 2. Thu Ngân viên: GDPT Đức Quốc
 3. Hướng dẫn phòng: GDPT Đức Quốc
 4. Xử dụng máy điện toán: GDPT Đức Quốc
 5. Trang trí :
 - 5.1/- Chánh điện: CH München và Mannheim
 - 5.2/- Các nơi khác: Trưởng ban điều hành chỉ định.
 6. Hướng dẫn và tiếp đón:
 - 6.1/- Các học viên: CH München đảm trách.
 - 6.2/- Quý Thầy, Cô: Quý Chú phụ trách (từ nơi tổ chức về khách sạn và ngược lại).
 7. Âm thanh, ánh sáng, thu nhận, đặt và phát hành băng thuyết pháp:
 - Chi Hội Mannheim (giá mỗi cuộn 3 DM).
 8. Y Tế : - Mời các học viên nguyên là Bác sĩ chuyên môn, hoặc các học viên am hiểu Đông, Tây y.
 9. Du ngoạn: - Chi Hội München phụ trách (xem chương trình trong hồ sơ hướng dẫn).
 10. Ẩm thực:
 - 10.1/- Phụ trách bên ngoài: - Chi Hội München đi chợ mua sắm.
 - 10.2/- Phụ trách bên trong: - Do chi Hạnh - Cô Phượng và anh Tý (Chùa Viên Giác hướng dẫn).
- Mỗi Chi Hội chịu trách nhiệm ăn uống trong 2 ngày theo thời gian sau đây:
- Ngày 31.7 và 01.8.97: Chi Hội München.
 - Ngày 02.8 và 03.8.97: Chi Hội Nürnberg.
 - Ngày 04.8 và 05.8.97: Chi Hội Reutlingen.

- Ngày 06.8 và 07.8.97: Chi Hội Rottweil
- Ngày 08.8 và 09.8.97: Chi Hội Frankfurt.
- 10.3/- Dụng cụ làm bếp: Chùa Viên Giác cung cấp.
- 10.4/- Đĩa, chén, muỗng, đũa: Cung cấp do 4 Chi Hội: München - Nürnberg - Reutlingen - Rottweil.
- 10.5/- Hành Đường: Xử dụng học viên tham dự
- 11. Mua sắm ghế bố xếp: Chi Hội PT Wiesbaden (400 chiếc)
- 12. Vệ sinh tổng quát: Gia Đình Phật Tử Đức Quốc (hàng ngày và khi kết thúc khóa học).

C. Linh Tinh :

1. Lệ phí

Thượng Tọa chứng minh nhắc lại tiền lệ phí như sau:

- Mỗi tham dự viên. 250 DM gồm 10 ngày ăn ở và du ngoạn thành phố München.
- Gia đình nhiều người đi sẽ được bớt 20% từ người thứ hai.
- Đoàn sinh GDPT đóng 100 DM gồm tiền ăn, ở và du ngoạn. Nếu có nhận quà, đóng 135 DM.
- Sinh viên không thuộc GDPT đóng 125 DM.
- Dưới 10 tuổi được miễn lệ phí.

2. Kinh sách, phần thưởng, văn bằng:

Chùa Khánh Anh và Viên Giác cung cấp.

3. Liên lạc với nhà trường:

Chi Hội PTVNTN München

- Xin mở cửa trước 1 ngày (30.7.97)
- Quản Gia có mặt suốt khóa học.
- Giải quyết vấn đề rác.
- Hỏi vấn đề bảo hiểm (bao nhiêu người)

4. Tài chánh:

Cuối khóa tu học sau khi chiết tính thu, chi

- Nếu thiết hụt: GHPGVNTN Đức Quốc sẽ giúp đỡ cho cân bằng
- Nếu thặng dư: Trích một phần lớn cúng dường xây cất chùa Khánh Anh.

Buổi họp chấm dứt lúc 10g00 cùng ngày, sau khi đọc lại Biên Bản và toàn thể tham dự viên không có ý kiến gì thêm và cũng không có phản đối.

Thư ký lập Biên Bản

Quảng Đạo Hoàng Tôn Long

Ký tên

Huấn thị điều hành căn bản

Áp dụng cho Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9, từ 31.7.97 đến 09.8.97, tại Schrobenshauser Straße 22-24 - 85276 Pfaffenhofen a.d.Ilm.

Vì danh dự và trách nhiệm của người Phật Tử tại Đức Quốc để tổ chức và điều hành khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 tại Pfaffenhofen - Bayern từ 31.7.97 đến 09.8.97 được thành công viên mãn; nay ban Huấn Thị này; yêu cầu mỗi Chi Hội, mỗi Gia Đình Phật Tử, mỗi thành viên được phân nhiệm tuân theo Huấn Thị cố gắng hoàn thành tốt đẹp công việc giao phó.

I. Văn Phòng :

a/ Nhân sự:

- Trưởng Ban Điều Hành: CHT/CHPTVNTN tại München.

Trưởng Ban được trọn quyền chia công tác cho các Chi Hội PT toàn Đức Quốc giúp sức.

- Cố Vấn Ban Điều Hành: Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức Quốc.
- Phó Ban Nội Vụ & Phó Ban Ngoại Vụ: Tất cả Chi Hội Trưởng toàn nước Đức.
- Thư Ký: Gia Đình Phật Tử Đức Quốc.
- Thủ Quỹ: 1 của Chi Hội München - 1 của GDPT Đức Quốc và 1 của Hội PT tại Đức Quốc.

b/ Nhiệm vụ:

Ban Thư Ký và Thủ Quỹ phối hợp với nhau để:

- Tiếp nhận học viên đến ghi danh.
- Thu lệ phí.
- Phân chia lớp học.
- Hướng dẫn đến chỗ ngủ.
- Cấp phát ghế bố (ưu tiên cho người già và lớn tuổi).
- Lập bảng thống kê học viên: Nam, Nữ, tuổi tác, quốc gia, lớp học.
- Lập bảng thống kê Đoàn viên GDPT (số gia đình, nam, nữ).
- Lập bảng thống kê Oanh Vũ (trai, gái).
- Lên Thời Khóa Biểu tu học và niêm yết khắp nơi.
- Liên lạc với quý Thầy để lập và niêm yết biểu đồ giảng sư.
- Ghi danh sách các Ban Trai Soạn và Hành Đường.
- Niêm yết Thời Khóa Biểu ban chấp tác.
- Có bảng Thông Tin để niêm yết chung các: Thông Báo, Thời Khóa Biểu, Chương Trình.
- Đổi tiền (ví dụ: đổi Mỹ kim, Anh kim, Phật lạng v.v... ra Đức Mã, nếu có yêu cầu của học viên).
- Liên lạc với Ngân Hàng lập bảng đối chiếu tiền tệ.

- Tập trung Thư và Bưu Thiếp của học viên để đem gởi mỗi ngày.
- Sắp đặt quầy phát hành: Kinh, sách, áo tràng v.v...
- Phối hợp với Ban Giảng Huấn để:
 - + Lo các Văn Bằng và Chứng Chỉ để phát ngày mãn khóa học.
 - + Bao gói các tặng phẩm phát cuối khóa học.
- Kết toán thu chi toàn bộ và thống kê trong khóa học.

c/ Vật dụng :

- Dàn máy điện toán
- Máy sao bản
- Văn phòng phẩm (giấy, viết thường, viết màu, viết lông, băng keo, dao, kéo, đinh ghim, kim kẹp, bao thư, phấn trắng và phấn màu để viết bảng v.v...)
- Tem thư.
- Tiền Đức Mã từ 01 DM đến 100 DM có sẵn để trao đổi với các loại tiền tệ khác.
- Các mẫu phiếu ghi danh in sẵn (Ban Thư Ký trình mẫu).

II. Trang trí và phục dịch

1. Trang trí

1.1/ Chánh điện

a/ Nhân sự

- Chi Hội PTVNTN tại München & Chi Hội PTVNTN tại Mannheim : Phối hợp.

b/ Nhiệm vụ

- Trải thảm phần chánh điện.
- Thiết lập bàn Phật.
- Trang trí bàn Phật.

- Xếp đặt bàn ghế buổi khai mạc và bế mạc (dự trù cho 30 Thầy, Cô)
- Trang trí chánh điện

c/ Vật dụng

* Chi Hội München mang đến:

- Tượng Phật
- Khăn vàng trải bàn Phật.
- Bình chưng bông lớn có bông giả.
- Bình chưng bông nhỏ có bông tươi.
- Lư hương + hương.

* Chi Hội Rottweil: Treo các biểu ngữ do Chi Hội Nürnberg mang đến.

* Chi Hội Frankfurt: Thực hiện và dán các bảng chỉ dẫn: Văn Phòng - Chánh điện - Phòng ăn - Phòng ngủ - Phòng học 1, 2 - Phòng học Tầng Ni - Phòng tắm - Phòng vệ sinh - Nhà bếp - Bãi rác - Bãi đậu xe ...

c/ Vật dụng

- Do các Chi Hội tự túc mượn hoặc mua sắm.

2. Phục dịch

a/ Nhân sự: - Chi Hội Karlsruhe - Chi Hội Saarland - Chi Hội Hannover.

b/ Nhiệm vụ

* Chi Hội Karlsruhe đảm trách:

- Sắp xếp bàn ghế phòng ăn, quày phát hành

* Chi Hội Saarland đảm trách:

- Sắp xếp bàn ghế, bảng phấn cho các lớp học.

* Chi Hội Hannover đảm trách:

- Dụng lều làm bếp dã chiến
- Gắn hệ thống điện nước cho bếp.
- Bày trí dụng cụ nhà bếp trong tư thế sẵn sàng bắt đầu lo cho bữa cơm chiều 31.7.97.

c/ Vật dụng

- Bàn ghế có sẵn tại chỗ
- Dàn bếp và dụng cụ được chùa Viên Giác cung cấp, Chi Hội Hannover liên lạc chùa để biết thêm chi tiết.

III. Tiếp tân, đưa đón và hướng dẫn

1. Từ ngoài vào.
2. Khi đến địa điểm tu học.

a/ Nhân sự

- Chi Hội München
- Các Chú ở chùa Viên Giác
- Hướng dẫn viên thuộc Ban Thư Ký (phần I)

b/ Nhiệm vụ

* Chi Hội München:

- Đón và hướng dẫn quý Thầy, Cô và học viên đến từ: Phi trường München và Nhà Ga Pfaffenhofen về địa điểm tu học.

* Các Chú ở chùa Viên Giác:

- Đưa rước quý Thầy, Cô từ khách sạn đến địa điểm tu học và ngược lại.
- Chân đèn nhỏ + đèn sáp các loại.
- Hộp quẹt
- Dĩa chưng trái cây tươi
- Chuông, mõ, khánh (lớn và nhỏ)

- Gối ngồi thiền
- Khăn trải bàn bữa khai mạc và bế mạc.
- * Ban Liên Lạc PT tại Aschaffenburg mang đến:
 - Bộ chân đèn lớn và lư đồng (bộ sử dụng hôm khóa học từ 08.5 - 11.5.97)
 - * Chi Hội Hannover mang đến: Liên lạc với chùa Viên Giác nhận:
 - Kinh Nhật Tụng
 - Nghi thức Ngộ trai
 - Giá để kinh
 - Pháp cụ: Đẩu, linh...
 - Cờ phướng Phật Giáo
 - Các Chúng Chi, Văn Bằng và kinh sách tặng cho ngày mãn khóa.
 - * Chi Hội München và Mannheim:
 - Tắm phong sau tượng Phật
 - Cờ
 - Các chậu cây kiểng (để nhớ)

2.2. Bên ngoài :

a/ Nhân sự

- Chi Hội Nürnberg
- Chi Hội Reutlingen
- Chi Hội Rottweil
- Chi Hội Frankfurt

b/ Nhiệm vụ

* Chi Hội Nürnberg: Thực hiện biểu ngữ:

"Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9, từ 31.7 đến 09.8.97 tại Pfaffenhofen - Đức Quốc"

"Hân hoan chào mừng Chư Tôn Giáo Phẩm Thượng Tọa - Đại Đức - Tăng Ni"

* Chi Hội Reutlingen: Thực hiện cờ khổ lớn có dây kéo và treo

- 1 Quốc Kỳ Việt Nam

- 1 Quốc Kỳ Đức

- 1 Giáo Kỳ Phật Giáo

* Thực hiện các Giáo Kỳ nhỏ hoặc dấu hiệu có mũ tên chỉ và dán ở các ngã ba và ngã tư đường từ Ga Pfaffenhofen đến địa điểm tu học (tùy sáng kiến)

* Hướng dẫn viên thuộc Ban Thư Ký

- Học viên sau khi ghi danh, đóng học phí và hoàn tất mọi thủ tục sẽ được hướng dẫn đến chỗ ngủ nghỉ.

c/ Phương tiện di chuyển

- Xử dụng xe cơ hữu của Chi Hội

- Trường hợp tận dụng hết nhưng không đủ đáp ứng cùng thời gian, Ban Điều Hành sẽ điều đình xử dụng các xe thuộc các Chi Hội bạn.

- Xử dụng xe chùa Viên Giác cho các Thầy, Cô

IV. Âm thanh - thấu nhận đặt và phát hành băng thuyết pháp

a/ Nhân sự: - Chi Hội Mannheim.

b/ Nhiệm vụ: Thâu băng

- Buổi lễ khai giảng và bế giảng

- Tất cả các buổi giảng dạy của mỗi lớp và của từng giảng sư

- Tập trung các bài giảng của từng giảng sư vào từng băng riêng

- Nhận đơn đặt và phát hành băng thuyết pháp (giá phát hàn mỗi băng là 3 DM)

- Giữ một bộ để làm tài liệu khóa tu
- Liên lạc với Ban Điều Hành để tiếp nhận phòng đặt máy
- Thiết lập hệ thống âm thanh tại chánh điện cho: Buổi lễ khai giảng và bế giảng - Các thời khóa tụng kinh
- Thiết lập hệ thống âm thanh tại: Phòng ăn - Các lớp học (1, 2, 3) - Văn phòng điều hành.

c/ Vật dụng và dụng cụ trang bị

- Máy móc để thâu và sang băng
- Băng trắng
- Loa phóng thanh
- Máy vi âm
- Máy móc và phụ tùng để thông tin, phát hành ...

V. Y TẾ

a/ Nhân sự

Mời các Bác sĩ chuyên môn, các vị am hiểu Đông và Tây y trong số các học viên tham dự khóa tu học.

b/ Nhiệm vụ

- Cấp cứu khi có trường hợp xảy ra
- Chẩn đoán, điều trị trong phạm vi cho phép với phương tiện sẵn có
- Lập thủ tục chuyển tiếp bệnh nhân vào bệnh viện trong trường hợp vượt khả năng, phương tiện và thuốc men có sẵn.
- Cố vấn trong việc ăn uống, vệ sinh phòng ngừa trong suốt khóa học.

c/ Dụng cụ

- Mang theo dụng cụ cứu cấp, y cụ thường thức và thuốc men

thông dụng.

VI. Du ngoạn

a/ Nhân sự

- Chi Hội München
- Một Thầy theo đoàn (xin Giáo Hội chỉ định)

b/ Nhiệm vụ

- Hướng dẫn học viên sau khi mãn khóa học đi tham quan ngày 09.8.97:
- Trại giam và thiêu người Do Thái thời Đệ Nhị Thế Chiến ở Dachau
- Trung tâm thành phố München (khu mua bán)
- Olympiastation, nơi tổ chức Thế Vận Hội năm 1972
- Niệm Phật Đường Tâm Giác, trụ sở Chi Hội München.

c/ Phương tiện

- Thuê xe Bus, nhiều ít tùy số lượng học viên ghi tên tham dự.

VII. Liên lạc nhà trường (nơi tổ chức khóa tu học)

a/ Nhân sự : Chi Hội München.

b/ Nhiệm vụ :

- Xin mở cửa trước 1 ngày (30.7.97)
- Yêu cầu quản gia có mặt suốt khóa học để giải quyết mọi việc liên quan đến nhà trường.
- Giải quyết vấn đề: - Rác - Xử dụng điện thoại - Giặt ủi - Chỗ cắm trại.

c/ Phương tiện di chuyển: - Tự túc

VIII. Muốn bàn ghế và mua sắm giường ngủ

1. Muốn bàn ghế: - Chi Hội München phụ trách:
- 100 bàn & 200 băng ngồi : loại dùng ở Biergarten
Nơi cho muốn sẽ giao và nhận lại tại địa điểm tu học.

2. Mua sắm giường ngủ: - Chi Hội Wiesbaden phụ trách:
- 400 ghế bố xếp khung nhôm. Mẫu hàng được trình bày trong buổi họp tại chùa Viên Giác ngày 25.5.97 - Cửa hàng sẽ giao đủ vào ngày 31.7.97 tại địa điểm tu học.

IX. Âm thực

1. Phụ trách bên ngoài

a/ Nhân sự : - Chi Hội München

b/ Nhiệm vụ :

- Mua lương thực, thực phẩm tươi và khô đủ cung cấp suốt buổi học
- Lập bảng tồn kho hàng ngày để các Chi Hội phụ trách biết và đặt hàng
- Mua hơi đốt

c/ Phương tiện:

- Chi Hội München tự sắp xếp.

2. Phụ trách bên trong

a/ Nhân sự

- Chùa Viên Giác cung cấp chuyên viên hướng dẫn kỹ thuật gồm: Chị Hạnh, Cô Phượng và anh Tý.
- Các Chi Hội chịu trách nhiệm 2 ngày tùy nghi sắp xếp nội bộ

củ nhân viên phụ trách.

b/ Nhiệm vụ

Mỗi ngày cung cấp cho toàn khóa tu học:

- Ăn sáng
- Ăn trưa
- Ăn chiều
- Một lần chè hoặc bánh ngọt
- Trà và cà-phê suốt ngày

- Ngày 31.7. và 01.8.97: Chi Hội München
- Ngày 02 và 03.8.97: Chi Hội Nürnberg
- Ngày 04 và 05.8.97: Chi Hội Reutlingen
- Ngày 06 và 07.8.97: Chi Hội Rottweil
- Ngày 08 và 09.8.97: Chi Hội Frankfurt, Wiesbaden, Aschaffenburg.

c/ Vật dụng và phương tiện chuyên chở

* Chùa Viên Giác cung cấp :

- 2 lều dã chiến
 - Toàn bộ nhà bếp gồm: lò Gas, nồi niêu các cỡ, xoong chảo các cỡ, vá và muông lớn, thau chậu, rổ rá, thùng, dao thớt, thùng nấu nước trà, ống dẫn nước, dây chuyên điện v.v...
- Chi Hội Hannover chuyển vận và lắp ráp xong trước 16g00 ngày 31.7.97

* Các Chi Hội có tên trên mỗi nơi cung cấp và xử dụng phương tiện cơ hữu đem đến:

- 200 chén ăn cơm
- 200 muông
- 200 đũa

- 200 đĩa lớn
 - 200 đĩa nhỏ
 - 200 tô đựng canh
 - 200 tách hoặc ly
- (Mỗi Chi Hội tự làm dấu để tránh nhầm lẫn)

X. Vệ sinh

a/ Nhân sự: Gia Đình Phật Tử Đức Quốc

b/ Nhiệm vụ

- Vệ sinh tổng quát hàng ngày
- Tổng vệ sinh cuối khóa

c/ Phương tiện

- Xứ dụng phương tiện cơ hữu nhà trường
- Mọi nhu cầu khác, nếu có, xin liên lạc với Ban Điều Hành.

XI. Quay phim và chụp ảnh

a/ Nhân sự : Chi Hội Karlsruhe

b/ Nhiệm vụ

- Thâu hình toàn cảnh khu tu học - Lễ khai giảng - Lễ bế giảng
- Các buổi sinh hoạt trong khóa: Nấu nướng, ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí, các thời tụng niệm, sinh hoạt văn phòng, v.v...
- Đúc kết một cuộn băng lưu niệm cho GHPGVNTN tại Đức.
- Chụp hình lưu niệm.

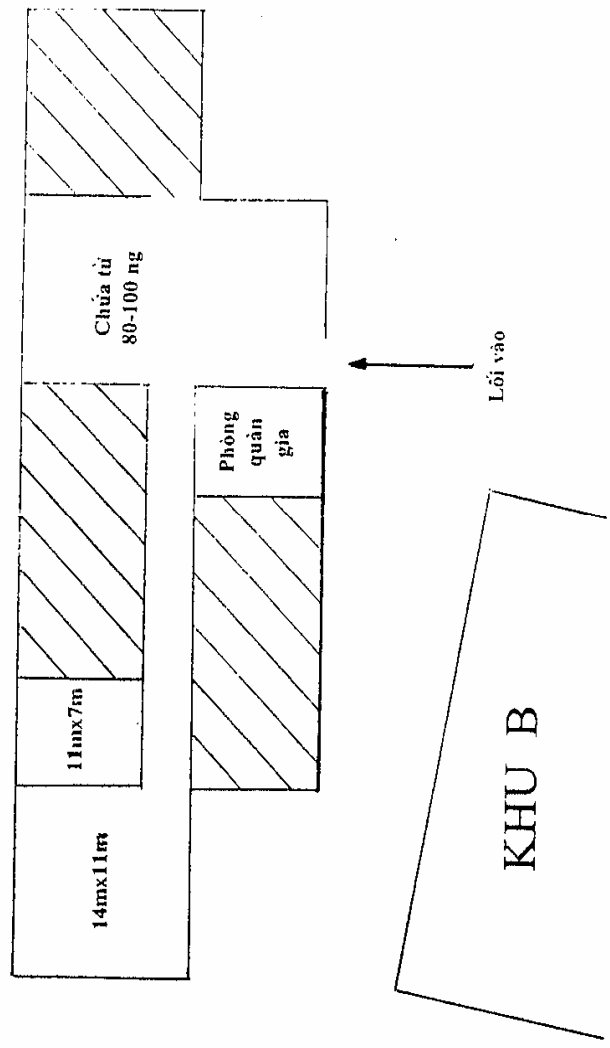
c/ Phương tiện:

- Xử dụng phương tiện cơ hữu của Chi Hội - Phí tổn phim và băng xin liên lạc với Thủ Quỹ để bồi hoàn với đầy đủ hóa đơn.

XII. LINH TINH

1. Các phần hành được phân nhiệm để cử nhân viên phụ trách; danh sách gọi trẻ nhất v và đến đâu khắp cả Âu Châu này cũng đều thấy bóng dáng của những chiếc áo tràng màu khói hương của những Phật Tử thuần thành đang dốc tâm lo cho đạo. Những chiếc huy hiệu Hoa Sen xanh cài lên nền áo màu lam của các em Thanh Thiếu Niên Nam Nữ trong các Gia Đình Phật Tử là những hình ảnh thật tuyệt vời đã làm dịu mắt biết bao, khi các anh chị em Phật Tử lăn xả vào những công tác từ thiện, văn hóa của Giáo Hội. Từ Na Uy, đến Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Đức, Áo, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Hòa Lan ... nơi nào cũng có những khóa tu ngắn hạn như Thọ Bát Quan Trai hay dài hạn hơn trong các kỳ nghỉ lễ từ 3 đến 5 ngày hay lâu hơn nữa. Những buổi giảng, những giờ tụng kinh, trì chú, tọa thiền, hay những lúc thi và những giờ văn nghệ, nhất nhất đều biểu trưng được tính cách hài hòa mang Đạo vào Đời của người con Phật. Nếu Giáo Hội Âu Châu không có những khóa đào tạo giáo lý hằng năm như thế, chắc rằng ngày nay không có những ngôi Chùa, những ngôi Niệm Phật Đường, nơi đó không phải chỉ có những hình ảnh sinh hoạt, mà còn mang

TẦNG TRỆT KHU A



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

Văn Phòng Tổng Thư Ký

Chùa Viên Giác, Karlsruher Straße 6

30519 Hannover - Germany

Tel. 0511-879630 - Fax. 0511-8790963



THÔNG BÁO

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu năm nay sẽ tổ chức khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 9 tại Pfaffenhofen, ở một trường học qua sự đồng ý của ông Thị Trưởng thành phố Pfaffenhofen và ông Brandt.

Dự định sẽ có khoảng 600 học viên tham dự đến từ các nước Âu Châu. Lễ khai giảng bắt đầu vào lúc 10 giờ sáng ngày 01 tháng 8 năm 1997 và lễ bế mạc vào ngày 09 tháng 8 năm 1997. Các học viên sẽ tập trung tại trường học vào ngày 31 tháng 7 năm 1997. Nội dung của khóa học sẽ dạy về giáo lý căn bản của Phật Giáo cho những người mới bắt đầu. Một khóa chuyên khoa cho những người đã nghiên cứu sâu về Phật Giáo. Một khóa cho những người xuất gia và một khóa khác cho những em Oanh Vũ của Gia Đình Phật Tử.

Khóa học đặt dưới sự điều hành của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thượng Tọa Thích Như Điển cùng với 30 vị giảng sư của Giáo Hội. Về phương diện tổ chức do Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, các Chi Hội Phật Tử địa phương mà đặc biệt là Chi Hội München và các Gia

Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức đứng ra chịu trách nhiệm.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm
Thượng Tọa Thích Như Điền

BC 2541, Hannover, den 14.7.97

INFORMATION

Nach Absprache mit dem Oberbürgermeister von der Stadt Pfaffenhofen un Herrn Brandt wird die Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa den 9. Dharmakurs in Pfaffenhofen veranstalten.

Voraussichtlich werden bis zu 600 Teilnehmer erwartet. Der Dharma wird am 1. August 1997 um 10:00 Uhr beginnen und am 9. August 1997 enden.

Die Kursteilnehmer werden am 31.07.1997 Veranstaltungsort (eine Schule) eintreffen. Es werden insgesamt vier Kursstufe geben: Ein Anfängerkurs, ein Kurs für Fortgeschrittene, ein Kurs für die Ordensleute und ein Kurs für die ganz jungen Teilnehmer.

Dharmakurs steht unter der Leitung von Ehrwürdigen Thich Minh Tam und Thich Nhu Dien sowie 30 andere Dharmalehrer von der Congregation. Dieser 9. Dharmakurs wird in Zusammenarbeit mit den Ortsvereinen der Buddhistischen

Vietnam-Flüchtlinge, den jungbuddhistischen Organisationen aus Deutschland, insbesondere mit dem buddhistischen Ortsverein München, organisiert.

Ehrwürdige Thich Minh Tam

Ehrwürdige Thich Nhu Dien

*
**

Vào lúc 15 giờ chiều ngày 30 tháng 7 năm 1997 tại phòng họp chùa Viên Giác đã có đông đủ chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, nhóm họp bàn về những Phật sự trong thời gian qua và dự định những Phật sự cần thiết trong thời gian đến. Tham dự buổi họp hôm đó gồm 30 vị tôn túc trong Giáo Hội. Buổi họp kết thúc vào lúc 18 giờ 30 và sau khi cùng cơm chiều, các giới tử thọ Sa Di giới đến từ Na Uy và Đức gồm 8 chú, lo chuẩn bị cho việc khảo hạch vào lúc 20 giờ. Tôi giữ vai trò Tuyên Luật Sư trong việc khảo hạch này và Thượng Tọa Thích Trí Minh cũng nêu lên những câu hỏi về Kinh, Luật, Luận cho các giới tử ở Đức, còn tôi thì khảo hạch các giới tử ở Na Uy, trong khi đó Thượng Tọa Thích Nhất Chơn lo chấm điểm về 3 môn này. Dĩ nhiên, không có chú nào bị rớt. Lý do là đã chuẩn bị trước rất kỹ càng. Tuy nhiên vì oai đức của Tam Bảo nên có nhiều chú đã trả lời những câu hỏi không đúng, mặc dầu những câu hỏi ấy rất dễ.

Sáng hôm sau ngày 31 tháng 7 năm 1997 vào lúc 6 giờ sáng lễ truyền giới Sa Di bắt đầu trong không khí trang nghiêm và thành kính của các giới tử cũng như của những người hộ giới.

Đàn Đầu Hòa Thượng: Thượng Tọa Thích Minh Tâm
 Yết Ma A Xà Lê: Thượng Tọa Thích Tấn Thiết
 Giáo Thọ A Xà Lê: Thượng Tọa Thích Trí Minh
 Tuyên Luật Sư: Thượng Tọa Thích Như Điển

Hôm đó cũng có đủ 7 vị tôn chứng như sau:

Thượng Tọa Thích Quảng Bình
 Thượng Tọa Thích Nhất Chơn
 Thượng Tọa Thích Thiện Huệ
 Thượng Tọa Thích Minh Phú
 Đại Đức Thích Từ Trí
 Đại Đức Thích Giác Thanh
 Đại Đức Thích Tâm Huệ.

Đại Đức Thích Minh Giác và Đại Đức Thích Quảng Hiền làm Dẫn Thỉnh Sư và Dẫn Lễ.

Đại Đức Thích Minh Tấn, Đại Đức Thích Thiện Giác và Đại Đức Thích Hạnh Bảo cũng như Đại Đức Ken Yu hộ đàn.

Như vậy là một đàn tràng đủ Tam Sư Thất Chứng y như Luật và như Pháp mà xưa nay Giáo Hội tại quốc nội cũng như tại hải ngoại đã thực hiện.

Sau gần 2 tiếng đồng hồ truyền giới cho các giới tử là lễ xuất gia của chú Minh Định đến từ Na Uy, y chỉ với chúng tôi tại chùa Viên Giác này. Gia đình chú hôm đó cũng có mặt đầy đủ để chia sẻ niềm vui lẫn nỗi buồn với chú, khi một người đã lìa khỏi ngôi nhà thế tục và quyết tâm gởi thân nương nấu nơi cửa Thiền. Cuối cùng là chụp ảnh lưu niệm.

Đến 10 giờ sáng một số quý Thầy và quý Phật Tử dùng xe hơi

để đi đến khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 do Giáo Hội tổ chức. Địa phương này nằm cách xa chùa Viên Giác hơn 500 cây số, ở về phía Nam nước Đức. Một số quý Thầy khác dùng máy bay, nên ở lại chùa và đi đến khóa học sau.

Sau 7 tiếng đồng hồ đi xe hơi, phái đoàn của chùa Viên Giác đã đến Pfaffenhofen. Trời vẫn còn sáng, mọi người niềm nở chào đón nhau như con cái trong một đại gia đình lâu ngày mới có cơ duyên hội ngộ. Một số làm thủ tục ghi danh và một số quý Thầy thì đi về khách sạn.

Cả ngày 31.7.1997 chỉ dành cho thủ tục ghi danh nhập học nên không khí có vẻ vui nhộn và giờ giấc chưa ổn định được.

Bước sang ngày 01 tháng 8 năm 1997 vào lúc 10 giờ sáng, tại Hội Trường có lễ khai mạc khóa học minh của chư Tôn Đức và ông Thị Trưởng thành phố Pfaffe, dưới sự chứng nhofen cũng như ông Brandt.

Sau đây là danh sách chư Tôn Đức chứng minh trong Giáo Hội, quý vị Giảng Sư và quý Cô, quý Chú trong chúng xuất gia. Tất cả gồm 44 vị thường trực suốt khóa học và 2 vị đến dự lễ khai mạc rồi trở về trụ xứ của mình. Ly do Phật sự đa đoan tại địa phương.

1. Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu.
2. Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Phó Trưởng Ban Điều Hành kiêm Đặc Ủy Tăng Sự GHPGVNTN Âu Châu (ra đi sau khi khai mạc)

3. Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Phó Trưởng Ban Điều Hành kiêm Đặc Ủy Cư Sĩ GHPGVNTN Âu Châu.
4. Thượng Tọa Thích Trí Minh, Đặc Ủy Thanh Niên GHPGVNTN Âu Châu.
5. Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu.
6. Thượng Tọa Thích Nhất Chơn, Đặc Ủy Giáo Dục GHPGVNTN Âu Châu.
7. Thượng Tọa Thích Thiện Huệ, Đặc Ủy Hoàng Pháp GHPGVNTN Âu Châu.
8. Đại Đức Thích Minh Giác, Phụ Tá Đặc Ủy Tăng Sự GHPGVNTN Âu Châu (ra đi sau khi khai mạc).
9. Đại Đức Thích Quảng Hiền, Đặc Ủy Nghi Lễ GHPGVNTN Âu Châu.
10. Đại Đức Thích Giác Thanh, Phụ Tá Đặc Ủy Hoàng Pháp GHPGVNTN Âu Châu.
11. Đại Đức Thích Tâm Huệ, GHPGVNTN Thụy Điển.
12. Đại Đức Thích Lệ Nguyên, GHPGVNTN Thụy Điển.
13. Đại Đức Thích Trường Phước, Trụ Trì chùa Quan Âm - Montréal - Gia Nã Đại.
14. Đại Đức Thích Quảng Đạo, đến từ chùa Khánh Anh - Pháp.
15. Đại Đức Thích Chúc Nhuận, đến từ Straßburg - Pháp.
16. Đại Đức Thích Minh Tánh, đến từ Đan Mạch.
17. Đại Đức Thích Thiện Giác, đến từ Na Uy.
18. Đại Đức Thích Hạnh Bảo cùng quý Cô quý Chú tăng chúng chùa Viên Giác - Hannover - Đức Quốc (10 Cô, Chú).
19. Đại Đức Thích Nhật Trí, đến từ Canada (đến sau)
20. Đại Đức Thích Nguyên Lộc, đến từ Pháp (đến sau).

Chữ Ni:

1. Ni Sư Thích Nữ Thanh Hà, chùa Long Vân - Ái Nhĩ Lan.
 2. Sư Cô Thích Nữ Như Minh, đến từ Thụy Sĩ.
 3. Sư Cô Thích Nữ Trí Thuận, đến từ Ấn Độ.
 4. Sư Cô Thích Nữ Minh Hiếu cùng Ni chúng chùa Bảo Quang, Hamburg, Đức Quốc (2 Cô).
 5. Sư Cô Thích Nữ Diệu Trạng & Sư Cô Huệ Hòa, đến từ chùa Khánh Anh, Pháp Quốc.
 6. Ni Cô Tịnh Hiếu, đến từ Pháp.
 7. Ni Cô Từ Khánh, đến từ Ái Nhĩ Lan.
- Cùng quý Chú tâm Sa Di chùa Khuông Việt, Na Uy (4 Chú).

Chương trình

Lễ khai giảng khóa Tu Học kỳ 9 ngày 01. 08. 1997

- Cung thỉnh chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni
- Hát bài "Kính Mến Thầy"
- Chào Quốc Kỳ - Giáo Kỳ
- Phút mặc niệm
- Khai kinh - tụng Bát Nhã
- Giới thiệu (Tăng, Ni, quan khách)
- Diễn văn khai mạc của Ban Tổ Chức
- Vài lời của ông Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức
- Huấn thị của Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng
- Trao quà tặng quan khách
- Huấn từ của Thượng Tọa, Trưởng Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu
- Lời phát biểu của ông Manfred Brandt

- Quan khách ra về
- Buổi lễ chấm dứt.

**

Diễn văn khai mạc của Ban Tổ Chức

Ngày 01.08.1997

- Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
- Kính bạch chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni
 - Kính thưa quý vị quan khách
 - Kính thưa quý Cô Bác và Anh Chị Em bạn đạo

Hằng năm vào dịp hè, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đều có tổ chức một khóa tu học 10 ngày cho tất cả Tăng Ni và Phật Tử toàn Châu Âu, luân phiên mỗi quốc gia một năm. Năm nay Đức Quốc chúng con và chúng tôi lãnh phần tổ chức.

Thi hành và thừa ủy nhiệm của Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN tại Đức Quốc và với sự đồng thuận của ông Hội Trưởng Hội PTVN Ty Nạn tại Đức, Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN tại München và VPC nhận trách nhiệm Trưởng Ban Tổ Chức và Điều Hành khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 này về mặt hành chánh và tiếp vận.

Chúng con, chúng tôi xin đê đầu đánh lễ chư Tôn Đức, chào mừng quý vị quan khách và hân hoan tiếp đón quý Cô Bác, Anh Chị từ muôn phương về tham dự khóa tu học, hiện diện trong đạo tràng hôm nay.

Thật là một hạnh duyên lớn cho hàng Phật Tử Châu Âu cùng một vài quốc gia khác nói chung và Đức Quốc nói riêng được chư Tôn Đức hoan hỷ về đây chứng minh, chủ lễ, thuyết giảng

giáo pháp Phật Đà và hướng dẫn tu học cho chúng con trong suốt khóa học 10 ngày, mặc dầu đường xá xa xôi cách trở và đa đoan Phật sự tại địa phương.

Được sự lưu tâm và tận tình giúp đỡ của ông Thị Trưởng thành phố Pfaffenhofen và ông Brandt nên chúng con mới có được nơi kang trang, thuận tiện cho khóa học hôm nay.

Kính bạch chư Tôn Đức

Kính thưa quý vị quan khách

Kính thưa quý Cô Bác và Anh Chị em bạn đạo

Thời gian có gấp rút, có khó khăn về nhân sự điều hành tổ chức cho số tham dự viên đông đảo chắc không tránh khỏi những sơ sót, đó là ngoài ý muốn của chúng con và chúng tôi. Kính mong chư Tôn Đức, quý Cô Bác, Anh Chị rộng lượng hỷ xả cho. Chúng tôi cũng thiết tha yêu cầu tất cả học viên tham dự vì đạo tâm cùng chung cộng tác với chúng tôi để khóa học được thành công tốt đẹp.

Trước khi dứt lời, Ban Tổ Chức và Điều Hành chúng con thành tâm nguyện cầu chư Phật gia hộ cho tất cả chư Tôn Đức được pháp thể khinh an, phước thọ miên trường để dìu dắt chúng sinh nói chung và chúng con nói riêng theo đường Chánh Pháp.

Kính chúc ông Thị Trưởng và ông Brandt sức khỏe dồi dào, nhiều hạnh phúc, may mắn và thành công trên mọi lãnh vực. Kỳ vọng trong tương lai sẽ có những sự hợp tác rộng rãi và hữu hiệu hơn nữa. Chúng tôi cũng kính chúc toàn thể quý vị tham dự khóa học được nhiều sức khỏe, thân tâm thường lạc, trí tuệ rộng khai, tâm Bồ Đề kiên cố và tin tấn trong việc học để thấu đạt được nhiều thành quả mong muốn.

Nam Mô A Di Đà Phật

Sau khi lễ khai giảng, báo chí địa phương tường thuật rất thuận lợi cho khóa Tu Học Phật Pháp của chúng ta và ông Thị Trưởng thành phố cũng như ông Brandt rất hài lòng về việc này.

Sau buổi cơm trưa, các Ban Hành Đường, Trai Soạn, Vệ Sinh được phân công một cách rõ ràng minh bạch, chu đáo dưới sự giám thị của Đại Đức Thích Tâm Huệ, Đại Đức Thích Lệ Nguyên, Sư Cô Thích Nữ Như Minh và Sư Cô Thích Nữ Diệu Trạm.

Các Chi Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức lãnh phần trai soạn trong các ngày như sau:

- Ngày 31.7 và 1.8.97 do Chi Hội München đảm trách.
- Ngày 2 và 3.8.97 nhằm ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật do Chi Hội Nürnberg, Fürth, Erlangen đảm trách. Trong 2 ngày này có tăng cường thêm Ban Trai Soạn từ Hannover. Tuy nhiên mọi việc chính đều do 3 Chi Hội này lo. Trong 2 ngày này có thêm 200 Đoàn Sinh của các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức và các nơi tại Âu Châu về tham dự Lễ Kỷ Niệm 10 Năm Thành Lập Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- Ngày 4 và 5.8.97 do Chi Hội Reutlingen phụ trách.
- Ngày 6 và 7.8.97 do Chi Hội Rottweil phụ trách.
- Ngày 8.8.97 do 3 Chi Hội Aschaffenburg, Frankfurt và Wiesbaden phụ trách.
- Ngày 9.8.97 cũng là ngày bế mạc, do Chi Hội München lo liệu.

Sau đó giải tán, du ngoạn và về lại Niệm Phật Đường Tâm Giác ở München để thăm viếng.

Bài của tờ báo địa phương Pfaffenhofener Kurier - Thứ Bảy/Chủ Nhật 02/03.8.97 :

Pfaffenhofener Kurier

WOLNZACHER ANZEIGER · GEISENFELDER ZEITUNG

Sonntag/Sonntag, 2./3. August 1997, Einzelpreis 2,00 DM

Vertriebswirtschaft: Vertrieb: 100.000 Exemplare, 8000 Inland, Postfach 10 02 58



Zum Gebet und zur Vertiefung ihres Glaubens versammeln sich bis 10. August 600 Buddhisten in der Niederscheyerer Mehrzweckhalle. (Fotos: Foerster)

600 Buddhisten aus ganz Deutschland in der Kreisstadt

Bis 10. August Seminar in der Mehrzweckhalle – Gäste auch aus Übersee

Pfaffenhofen. Mit einem eindrucksvollen Zeremoniell eröffnete die Congregation der Vereinigten Buddhistischen Kirche in Deutschland gestern ihren neunten „Dharma“ in der Niederscheyerer Mehrzweckhalle. Im Rahmen des religiösen Seminars werden dort bis zum 10. August rund 600 angemeldete Teilnehmer unter Leitung der „Ehrwürdigen“ Thich Minh Tam und Thich Nhu Dien und 30 anderen Dharma-Lehrern in der buddhistischen Lehre unterwiesen. Neben einem Anfängerkurs sind ein Fortgeschrittenkurs, ein Seminar für die zahlreichen ganz

jugen Teilnehmer geplant.

Nach dem gemeinsamen Singen der vietnamesischen Nationalhymne, bedankten sich die „Ehrwürdigen“ sowie die Vorsitzenden des buddhistischen Ortsvereins in München und des Gesamtverbandes für Deutschland bei den „Ehrwürdigen“ der Stadt Pfaffenhofen, Bürgermeister Hans Prechter und Oberamtsrat Manfred Brändt, für die Unterstützung der Organisation, „viele gute Ratschläge“ und die Unterbringung in der „schönen Schulanlage“. Die Seminarteilnehmer und buddhistischen Würdenträger, die aus ganz Europa, Amerika, Indien und sogar

Australien angereist waren, sind bis zum Ende des Dharma, der in Zusammenarbeit mit den Ortsvereinen der buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge und den jungbuddhistischen Organisationen in Deutschland organisiert wurde, in der Turnhalle des Schul- und Sportzentrums untergebracht. „Der Geist Buddhas möge Ihre Veranstaltung begleiten“, wünschte Bürgermeister Hans Prechter in seinem Grußwort und dankte den internationalen Teilnehmern der Veranstaltung für die „Ehre“, daß sie ihr Dharma in Pfaffenhofen veranstalten, das zum „Ruhm der Stadt“ beitrage.

foe

600 Phật Tử từ khắp nơi trên Đức Quốc có mặt trong thành phố

Khóa học kéo dài đến ngày 10 tháng 8 tại Hội Trường đa dụng - Cả những người khách đến từ các lục địa khác.

Pfaffenhofen. Với một nghi lễ gây ấn tượng thật sâu sắc, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã khai mạc Khóa Giáo Lý Âu Châu lần IX tại hội trường đa dụng Niederscheyern vào ngày hôm qua. Trong suốt khóa học mang tính tôn giáo kéo dài đến ngày 10 tháng 8, có khoảng 600 khóa sinh sẽ được giảng dạy về Phật Pháp dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thích Như Điển cùng 30 Tăng Ni khác. Bên cạnh lớp giáo lý phổ thông, còn có lớp chuyên khoa, lớp của các Tăng Ni và một lớp đặc biệt dành cho nhiều tham dự viên thật trẻ tuổi (lớp Oanh Vũ).

Sau bài hát Quốc Ca, chư Thượng Tọa, hai Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại München và Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã cảm tạ quý vị quan khách thành phố Pfaffenhofen gồm ông Thị Trưởng Hans Prechter và Ủy viên Hội đồng thành phố Manfred Brandt. Bởi vì đây là các ân nhân đã yểm trợ việc tổ chức, giúp những ý kiến hay và tạo cơ hội cho khóa học được diễn ra trong một cơ sở khá khang trang. Trong suốt khóa giáo lý được sự cộng tác tổ chức của nhiều Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn cùng những Gia Đình Phật Tử, các tham dự viên, quý Tăng Ni đến từ Âu Châu, Mỹ Châu, Ấn Độ và cả Úc Châu sẽ lưu trú trong hội trường thể dục thuộc Trung Tâm Học Đường - Thể Thao (Niederscheyern). Trong lời chào mừng, ông Thị Trưởng thành phố Hans Prechter chúc các tham dự viên quốc tế "được sự hộ trì chư Phật trong suốt khóa học" cũng như cảm ơn họ đã mang

lại một niềm vinh dự, khi chọn Pfaffenhofen làm nơi tổ chức khóa giáo lý. Đó là một đóng góp cho "danh tiếng của thành phố này".

foe (Foerster)

Kỷ Niệm Đệ Thập Chu Niên GDPT Việt Nam tại Đức Quốc

Từ 14 giờ đến 16 giờ

Giới thiệu thành phần tham dự

Tuyên bố lý do

Chào cờ Sen Trắng

Tứ hoàng thệ nguyện

Một phút mặc niệm

Diễn văn khai mạc (tóm lược thành quả 10 năm)

- Cảm tưởng BHD TỬ GDPT VN - Âu Châu

- Cảm tưởng Hội Phật Tử

- Gia Trưởng - Ban Bảo Trợ ...

- Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh. Ban đạo từ

- Thầy Đặc Ủy - Ban đạo từ

- Trao quà lưu niệm đến quý Thầy, quý Ban bảo trợ, quan khách

- Thịnh Thầy Đặc Ủy, Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh cắt bánh Chu Niên.

- Chụp ảnh lưu niệm.

- Văn nghệ chu niên.

*

Thời khóa tu học

05g30:	Thức chúng
06g00 - 07g00:	Công phu khuya
07g00 - 08g00:	Vệ sinh cá nhân
08g00 - 08g30:	Tiểu thực
08g30 - 09g15:	Chấp tác
09g15 - 10g45:	Giáo lý
10g45 - 12g00:	Chấp tác
12g00 - 13g00:	Quá đường
13g00 - 15g00:	Chỉ tịnh
15g00 - 16g00:	Khóa lễ
16g00 - 17g30:	Giáo lý
17g30 - 18g30:	Chấp tác
18g30 - 19g00:	Văn thực
19g00 - 20g00:	Vệ sinh
20g00 - 20g45:	Khóa lễ Tịnh Độ
21g00 - 22g30:	Giáo lý
23g00:	Chỉ tịnh

Số học viên tham gia khóa giáo lý năm nay chiếm kỷ lục so với những năm đã qua. Con số ghi nhận ở ngày cuối cùng lên đến 587 người. Trong số này có những học viên tham dự hết khóa; có nhiều Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử chỉ tham dự có 2 ngày cuối tuần và một số quý vị tham gia làm công quả cũng như công việc của văn phòng, nhà bếp, Oanh Vũ v.v... Nếu kể cả Tăng Ni và Phật Tử trong khóa Tu Học Phật Pháp kỳ này lên đến $587 + 44 = 631$ người. Đây là một con số kỷ lục mà cũng không chênh lệch bao nhiêu so với dự đoán của Ban Tổ Chức trước đó.

Năm nay có 4 lớp thay vì 5 lớp như năm rồi. Đó là lớp Oanh Vũ tuổi từ 6 cho đến 12, có 50 em.

Tiếp đến là lớp 1 dành cho những người mới bắt đầu làm quen với Phật Giáo.

Lớp 2 dành cho những người đã tu học lâu năm.

Cuối cùng là lớp 3 dành cho chúng xuất gia. Năm nay chúng xuất gia học chung với lớp 2, chỉ có một vài lần tách riêng ra học Luật. Vì lẽ quý Thầy giảng Kinh thuộc về trình độ nghiên cứu cho 2 lớp này hoàn toàn giống nhau; nên mới gộp chung lại như vậy; nhưng nếu sang năm, chúng xuất gia đông và lớp 2 cũng đông, chắc chắn phải chia ra làm 2 lớp riêng biệt.

Sau đây là danh sách của quý học viên ghi tên học lớp 2. Các học viên ghi tên học khóa 1 thay đổi nhiều lần, nên chỉ xin ghi khóa 2 vào đây để làm tài liệu tham khảo vậy.

Danh sách Học viên Cấp 2

Số danh bộ - Pháp danh & Họ, Tên - Khóa 2

1. Thị Phước - Phan Thị Xuân Lộc
2. Diệu Diễm - Nguyễn Thị Lục
4. Thiện Lạc - Lê Minh Tân
5. Thiện Nguyên - Lê Thị Dương
6. Thiện Bửu - Nguyễn Văn Ngọc
7. Thiện Vân - Nguyễn Văn Chương
8. Diệu Hương - Võ Thị Lý
10. Thiện Thủy - Đỗ Thị Minh Vân
12. Tác Châu - Nguyễn Thị Hải
13. Minh Nhân - Ross Paul
14. Tịnh Trí - Vũ Thị Minh Hằng
15. Tâm Phật Tánh - Ngô Thị Cẩm Tú

22. Thiện Sanh - Phùng Gia Học
23. Diệu Anh - Diệp Ngọc Diệp
27. Thiện Cương - Tiêu Văn Lâm
29. Thiện Tín - Phan Tiến Dũng
30. Tánh Thiện - Trần Thị Cẩm Tú
31. Nguyễn Thị Thế
32. Thiện Tịnh - Lê Phương Chi
35. Minh Dũng - Nguyễn Văn Hùng
36. Thiện Xã - Nguyễn Ngọc Luân
38. Nguyễn Ngọc Ly
39. Hằng Úng - Lưu Ngọc Lan
43. Nguyên Bạch - Trần Thị Mỹ Châu
44. Nguyên Biên - Trần Hữu Lượng
45. Diệu Đông - Trịnh Thị Nam
46. Minh Trí - Nguyễn Duy Uy
47. Chí Pháp - Nguyễn Hiền Huấn
53. Đồng Ngọc - Đỗ Thị Sang
54. Diệu Quế - Dương Xuân Sang
55. Viên Thiên - Đỗ Thị Mai
56. Diệu Mỹ - Trương Hương Kết
57. Diệu Hạnh - Trương Xuân Phùng
59. Thiện Xuân - Huỳnh Lệ Thu
63. Lý Minh Châu
64. Thiện Mỹ - Lương Văn Xinh
65. Diệu Vân - Lương Thị Ngọc Việt
66. Thiện Thanh - Lê Văn Trường
67. Thiện Thọ - Trần Thị Xê
68. Thiện Xuân - Nguyễn Xuân Phúc
70. Tâm Vũ - Lê Thị Phương
75. Trí Nguyễn - Triệu Ngọc Trinh

78. Phúc Hải - Nguyễn Hoàng Liên Sơn
79. Tâm Đức - Đoàn Thị Thuận
80. Diệu Liên - Vương Kim Huệ
86. Thiện Lâm - Phạm Văn Mộc
87. Diệu Thuần - Phạm Thị Kim Yến
90. Tâm Danh - Phan Thị Việt
94. Thị Huệ - Nguyễn Khánh Thị Lan
95. Từ Toàn - Phạm Trọng Ngân
96. Thiện An - Lê Thị Bích Ninh
97. Đức Hương - Hồ Thanh
100. Thiện Tánh - Nguyễn Ngọc Chất
106. Quảng Từ - Lê Văn Bảo
- 107 Liên Trì - Trần Anh Tuấn
108. Quảng Hòa - Nguyễn Quốc Thái
114. Diệu Kim - Hà Tú Anh
115. An Thuận - Nguyễn Thị Ân
116. Minh Quang - Nguyễn Thị Ngọc Bích
117. Thị Khiêm - Hồ Thị Em
119. Diệu Nhơn - Sử Thị Nhơn
120. Thiện Chánh - Mai Xuân Điều
122. Thiện Chí - Nguyễn Anh Dũng
123. Diệu Cam - Lê Thị Lan
124. Nguyên Quế - Hoàng Thị Giồng
125. Tâm Lượng - Huỳnh Công Cử
128. Tâm Chuyển Hóa - Nguyễn Xuân Mậu
129. Diệu An - Đặng Thị Kim Bằng
135. Nguyễn Văn Bi
137. Thiện Châu - Nguyễn Thị Hải
138. Quảng Thiện - Lê Ngọc Ân
139. Quảng Thành - Nguyễn Hữu Công

140. Diệu Bồn - Phan Thị Hồng Yến
141. Huệ Ngọc - Đặng Thị Ngọc Anh
142. Minh Hạnh - Trần Đình Hữu
143. Nguyễn Thị Thu
144. Minh Trang - Lê Thị Ngọc Dung
145. Diệu Hòa - Lai Kim Loan
146. Diệu Đạt - Hà Thị Lang
149. Chúc Phước - Trần Hữu Đức
150. Thiện Hạnh - Trần Lăng Hía
152. Trần Thị Phương Mai
157. Thiện Hội - Đoàn Hữu Hải
158. Tâm Tùng - Trương Sanh Hoàng
162. Diệu Nguyễn - Cao Minh Ngọc
164. Thiện Tuệ - Vũ Quốc Duy
168. Quảng Định - Hoàng Ngọc Thụ
170. Nguyên Tịnh - Phạm Thị Thanh Trà
171. Trần Mộng Thùy Trang
173. Chí Cường - Nguyễn Sĩ Hùng
174. Phan Quốc Huỳnh
175. Diệu Thanh - Dương Thị Ngọc Thảo
177. Đức Trí - Trần Hữu Lễ
178. Quảng Từ - Trần Văn Cỏn
179. Thiện Thanh - Nguyễn Xuân Tân
180. Diệu Quảng - Nguyễn Thị Dừa
181. Diệu Hải - Lê Thu Hà
183. Diệu Huệ - Cổ Thị Minh Hương
185. Diệu Lý - Nguyễn Kiều Thu
188. Quảng Thọ - Phan Văn Ký
191. Như Cẩm - Hứa Thị Hà
195. Diệu Trí - Trần Thị Huệ

196. Diệu Thành - Võ Thị Lập
198. Huệ Thông - Nguyễn Diệp Minh Tân
200. Nghiêm Lan - Nguyễn Thị Lệ Hồng
201. Hương Lâm - Trần Anh Dung
202. Diệu Đức - Nguyễn Thị Nam Trân
204. Diệu Huệ - Nguyễn Thị Nhựt
205. Tâm Lợi - Huỳnh Thị Cúc
206. Diệu Đạt - Dương Thị Ngọc Diệp
211. Thường Tâm - Phạm Gia Lộc
213. Huỳnh Văn Tâm
214. Từ Nhượng - Lý Thị Ngọc Ánh
215. Chúc Hòa - Nguyễn Cao Minh Thảo
216. Diệu Châu - La Ngọc Liên
222. Minh Đại - Nguyễn Minh Triệu
223. Thiện Châu - Đặng Ngọc Trân
227. Diệu Hội - Lương Thị Ngọc Yến
231. Trí Hữu - Đặng Quang Tân
232. Diệu Hạnh - Nguyễn Ngọc Diệp
235. Thiện Lý - Nguyễn Văn Ngộ
251. Nhựt Trọng - Trần Văn Minh
252. Hoa Phước - Đỗ Thị Thu Hà
- 254 - Thiện Tấn - Lâm Đạo Dũng
255. Thiện Lộc - Nguyễn Thanh Tùng
258. Diệu Lạc - Lương Kim Trang
259. Thiện Bảo - Nguyễn Ngọc Thạch
261. Nguyên Hoàng - Trương Minh
262. Thiện Đăng - Phạm Thị Minh Phương
263. Diệu Hòa - Vũ Thị Hợp
266. Thiện Tính - Nguyễn Minh Công
279. Thiện Kim - Phan Quốc Bửu

Số thống kê của khóa học (tạm thời)**Ngày 01.8.1997**

A. Khóa Học:

Số người tham dự : 260 người

Nam : 92

Nữ: 148

Oanh Vũ: 14

Cao niên, 60 tuổi trở lên:

Nam : 21

Nữ : 30

1) Học Phí của Khóa Học

250,- DM x 125 người = 31.250,- DM

200,- x 30 " = 6.000,-

150,- x 1 " = 150,-

135,- x 5 " = 675,-

125,- x 32 " = 4.000,-

75,- x 9 " = 675,-

70,- x 1 " = 70,-

50,- x 6 " = 300,-

0,- x 22 " = 0,-

Tổng Cộng = 43.120,-DM

B) Gia Đình Phật Tử

Số người tham dự : 141 người

Oanh Vũ : 29 "

Học Phí của GDPT

135,-DM x 7 người = 945,-DM

100,-	x 76 "	= 7.600,-
30,-	x 1 "	= 30,-
20,-	x 7 "	= 140,-
00,-	x 50 "	(chỉ đến tham dự lễ Kỷ Niệm 10)

Tổng Cộng = 8.715,-DM

- Tổng số tiền thu được (từ Khóa Tu Học và GDPT)

= 51.835,-DM

- Tổng số người tham dự (khóa học và GDPT)

= 401 người

*

Số Thống Kê của Khóa Học (tạm thời)

Ngày 02.8.1997

1. Phần Thống Kê số Tham dự viên

	Khóa Học	GDPT
Tổng số	274	206
Đức Quốc	179	124
Pháp Quốc	48	44
Anh Quốc	0	7
Thụy Sĩ	17	12
Thụy Điển	5	0
Na Uy	6	6
Đan Mạch	3	1
Mỹ Quốc	2	0
Bỉ Quốc	3	7
Hòa Lan	9	5
Gia Nã Đại	1	0

Nga Quốc	1	0
Băng Đảo	1	

2. Phần THU từ học phí khóa học

Khóa học:

Số người tham dự : 274 người

Nam : 103

Nữ : 165

Oanh Vũ : 14

Cao niên, từ 60 tuổi trở lên

Nam : 21

Nữ : 33

Học phí của khóa học

250,-DM	x	135 người	=	33.750,-DM
200,-	x	33	=	6.600,-
160,-	x	3	=	480,-
150,-	x	1	=	150,-
135,-	x	5	=	675,-
125,-	x	32	=	4.000,-
100,-	x	10	=	1.000,-
75,-	x	9	=	675,-
70,-	x	1	=	70,-
50,-	x	8	=	400,-
25,-	x	6	=	150,-
0,- (công quả)			=	0,-

Tổng Cộng = 47.950,-DM

3. Phần THU từ học phí GDPT

Số người tham dự : 206 người

Oanh Vũ : 14 (khóa học) + 38 (GDPT) = 52

Học Phí của GDPT

135,-DM x 10 người = 1.350,-DM

100,- x 100 = 10.000,-

30,- x 1 = 30,-

20,- x 7 = 140,-

0,- x 86 (chỉ đến tham dự lễ Kỷ Niệm 10)

Tổng Cộng = 11.520,-DM

Tổng số tiền THU được (từ khóa tu học và GDPT) = 59.470,-DM

Tổng số Người tham dự (khóa học và GDPT) = 480 người

Thống kê tổng số khóa sinh (đến ngày 05.8.1997)

Anh Quốc, ngày 31.7 - đến 7 người.

- Băng đảo, ngày 31/7 - đến 1 người

- Bỉ Quốc, ngày 31/7 - đến 10 người

- Đan Mạch, ngày 31/7 - đến 4 người

- Đức Quốc,

- ngày 31/7: đến 155

- ngày 1/8: đến 66

- ngày 2/8: đến 81 người

- ngày 3/8: đến 12 - đi 113

- Ngày 4/8: đến 6 - đi 2.

- Gia Nã Đại, ngày 31/7: đến 1 người.

- Hòa Lan, ngày 31/: đến 13 người - Ngày 1/8: đến 1 người.

- Mỹ Quốc, ngày 31/7: đến 2 người.
- Na Uy, ngày 31/7: đến 12 người.
- Nga Quốc, ngày 31/7: đến 1 người.
- Pháp Quốc, ngày 31/7: đến 62 người - Ngày 1/8: đến 17 người
- Ngày 2/8: đến 13 người - Ngày 3/8: đi 4 người.
- Thụy Điển, ngày 31/7: đến 5 người.
- Thụy Sĩ, ngày 31/7: đến 29 người - Ngày 3/8: đi 3 người.

Tổng Số:

Ngày 31/7: đến 302 người

Ngày 01/8: đến 84 người

Ngày 02/8: đến 94 người

Ngày 03/8: đến 12 người - Đi 120 người.

Ngày 04/8: đến 6 người - Đi 2 người.

Cho đến ngày 05.8.97:

Tổng số người đến: 498

Tổng số người đi : 122

Số người còn lại: 376

Thành phần tham dự viên (không phải GDPT)

Nam : 119

Nữ : 173

Tuổi các tham dự viên:

đến 12 : 75

13 - 25 : 144

26 - 59 : 220

từ 60 : 57

không ghi tuổi: 3

Thống kê tổng số khóa sinh (đến ngày 07.08.97)

Quốc gia	31.07		02.08		03.08		04.08		05.08		06.08		07.08		08.08	
	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi
Anh Quốc	7															
Băng Đảo	1															
Bỉ Quốc	10															
Đan Mạch	4										1					
Đức Quốc	155		81		12	113	6	2	4	6	4					
Gia Nã Đại	1															
Hòa Lan	13															
Mỹ Quốc	2															
Na Uy	12															
Nga Quốc	1															
Pháp Quốc	62		17		4						1					
Thụy Điển	5															
Thụy Sĩ	29				3											
Tổng số	302		84		12	120	6	2	4	6	4	2	4	2		

Cho đến ngày 07.08.97:

Tổng số người đến: 506

Tổng số người đi: 130

Số người còn lại: 376

Thành phần tham dự viên

(không phải GDPT):

Nam: 125

Nữ: 175

Tuổi các tham dự viên:

đến 12: 76

13-25: 144

26-59: 225

từ 60: 57

không ghi tuổi: 5

*Số tiền thu được không có gì thay đổi.
Nhưng Phật tử mới đến làm công quả.*

Học phí khóa học (đến ngày 05.08.1997)

Tham dự viên (không thuộc GDPT):;

$$250 \text{ DM} \times 142 = 35.500\text{DM}$$

$$200 \text{ DM} \times 36 = 7.200\text{DM}$$

$$160 \text{ DM} \times 4 = 640\text{DM}$$

$$150 \text{ DM.} \times 1 = 150\text{DM}$$

$$135 \text{ DM} \times 5 = 675\text{DM}$$

$$130 \text{ DM} \times 1 = 130\text{DM}$$

$$125 \text{ DM} \times 33 = 4.125\text{DM}$$

$$100 \text{ DM} \times 10 = 1.000\text{DM}$$

$$75\text{DM} \times 9 = 678\text{DM}$$

$$70 \text{ DM} \times 1 = 70\text{DM}$$

$$50 \text{ DM} \times 10 = 500\text{DM}$$

$$25 \text{ DM} \times 6 = 150\text{DM}$$

$$00 \text{ DM} \times 30 = 00\text{DM}$$

Tổng cộng: 50.815 DM

Tham dự viên (GDPT):

$$135 \text{ DM} \times 10 = 1.350\text{DM}$$

$$100 \text{ DM} \times 100 = 10.000\text{DM}$$

$$30 \text{ DM} \times 1 = 30\text{DM}$$

$$20 \text{ DM} \times 7 = 140\text{DM}$$

$$00 \text{ DM} \times 86 = 00\text{DM}$$

Tổng cộng: 11.820 DM

Tổng số tiền thu được: .62.335 DM

Học phí khóa học (đến ngày 08.08.97):

- Tham dự viên (không thuộc GDPT):

$$250 \text{ DM} \times 146 = 38.500\text{DM}$$

$$200 \text{ DM} \times 38 = 7.800\text{DM}$$

$$160 \text{ DM} \times 5 = 800\text{DM}$$

$$150 \text{ DM} \times 1 = 180\text{DM}$$

$$135 \text{ DM} \times 5 = 678\text{DM}$$

$$125 \text{ DM} \times 41 = 387\text{DM}$$

$$100 \text{ DM} \times 11 = 1.100\text{DM}$$

$$75 \text{ DM} \times 12 = 900\text{DM}$$

$$70 \text{ DM} \times 1 = 70\text{DM}$$

$$50 \text{ DM} \times 10 = 500\text{DM}$$

$$25 \text{ DM} \times 6 = 150 \text{ DM}$$

$$00\text{DM} \times 46 = 00\text{DM}$$

Tổng cộng: 52.320 DM

- Tham dự viên (GDPT):

$$135 \text{ DM} \times 10 = 1.350 \text{ DM}..$$

$$100 \text{ DM} \times 100 = 10000\text{DM}$$

$$30 \text{ DM} \times 1 = 30\text{DM}$$

$$20 \text{ DM} \times 7 = 140\text{DM}$$

$$00\text{DM} \times 46 = 0 \text{ DM}$$

Tổng cộng: 11.520 DM

Tổng số tiền thu được: 63.840 DM

Thống kê tổng số khóa sinh (đến ngày 07.08.97)

Quốc gia	31.07		01.08		02.08		03.08		04.08		05.08		06.08		07.08		08.08	
	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi	đến	đi
Anh Quốc	7																	
Băng Đảo	1																	
Bi Quốc	10																	
Đan Mạch	4																	
Đức Quốc	155		66		81		12	113	6	2	4	6	4	1	10	3		
Gia Nã Đại	1																	
Hoa Lan	13		1															
Mỹ Quốc	2																	
Na Uy	12																	
Nga Quốc	1																	
Pháp Quốc	62		17		13		4							1				
Thụy Điển	5																	
Thụy Sĩ	29						3											
Tổng số	302		84		94		12	120	6	2	4	6	4	2	10	3		

Cho đến ngày 08.08.97:

Tổng số người đến: 516
 Tổng số người đi: 133
 Số người còn lại: 383

Thành phần tham dự viên
 (không phải GDPT):

Nam: 128
 Nữ: 182

Tuổi các tham dự viên:

đến 12: 76
 13-25: 145
 26-44: 146
 45-59: 79
 từ 60: 57
 không ghi tuổi: 13

Giờ đưa đón Quý Thầy Cô trong thời gian khóa học

Thời gian	Hotel sang lớp học	Lớp học đang Hotel	Nội dung	nhu cầu	xe 9 chỗ chứa VG	xe 5 chỗ (chủ Thiện Hiệp)	xe 5 chỗ (Thầy Minh Tánh)	xe Na Uy (6 chỗ)	xe Na Uy (4 chỗ)
5 h 45'	X		Công phu khuya	cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh		
7 h 10'		X		cần 1 xe		Hạnh Bảo			
7 h 50'	X		Dùng điểm tâm	cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn
8 h 40'		X		cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn
10 h 50'		X	quý thầy giảng sư	cần 1 xe		Hạnh Bảo			
11 h 50'	X		Qua đường	cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn Chánh
13 h 00'		X		cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn
15 h 50'	X		quý thầy giảng sư	cần 1 xe		Hạnh Bảo			
17 h 40'		X	quý thầy giảng sư	cần 1 xe		Hạnh Bảo			
18 h 20'	X		dùng tối	cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn
19 h 10'		X	về lại hotel	cần nhiều xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh	Vạn Chánh	Vạn
20 h 50'	X		quý thầy giảng sư	cần 1 xe		Hạnh Bảo			
22 h 40'		X	quý thầy giảng sư	cần 3 xe	Thiện Hiệp	Hạnh Bảo	Minh Tánh		

* 5 h 15' sáng: Xin Quý Thầy Cô tự xuống trước sân khách sạn (nếu Quý Thầy Cô muốn qua công phu sáng, chúng con không gọi cúng phụng)

* Ngoài những giờ đưa đón chính trên đây, Quý Thầy Cô nào có nhu cầu riêng, xin tự túc phương tiện đi chuyên dùm chúng con

Phương Tiện Di Chuyển Của Chư Tăng Ni

Xe Thầy Minh Tánh	Thượng Tọa Thích Minh Tâm	Phòng 11
	Thượng Tọa Thích Như Điển	Phòng 12
Xe Thầy Giác Thanh (sử dụng xe chủ Vạn Hạnh)	Thượng Tọa Thích Quảng Bình	Phòng 13
	Đại Đức Thích Trường Phước	Phòng 17
	Đại Đức Thích Lệ Nguyên	Phòng 17
Xe chú Thiện Hiệp	Thượng Tọa Thích Trí Minh	Phòng 14
	Thượng Tọa Thích Thiện Huệ	Phòng 14
	Thượng Tọa Thích Nhất Chân	Phòng 15
	Đại Đức Thích Quảng Hiền	Phòng 21
	Đại Đức Thích Tâm Huệ	Phòng 21
	Đại Đức Thích An Chí	Phòng 23
Xe chú Vạn Chánh	Đại Đức Thích Nhật Trí	Phòng 23
	Ni Sư Thích N. Thanh Hà	Phòng 26
	Sư Cô Thích N. Trí Thuận	Phòng 26
	Sư Cô Thích N. Diệu Tram	Phòng 24
	Sư Cô Thích N. Minh Hiếu	Phòng 24
Xe Thầy Hạnh Bảo	Đại Đức Thích Quảng Đạo	PG
	Đại Đức Thích Thiện Giác	PG
	Giáo Sư Lâm Như Tạng	Phòng 22

* Xe đưa đón Quý Thầy Cô đậu trước cổng chính (có treo băng rôn)

DANH SÁCH CHỦ TẶNG NI Ở KHÁCH SẠN

Phòng	Tên			Thị Giá		
11	T.T Thích Minh Tâm			Chủ Thiện Nhơn		
12	T.T Thích Như Điển	D.Đ Thích Minh Giác		Chủ Minh Định		
13	T.T Thích Quảng Minh	D.Đ Thích Giác Thanh		Chủ Hạnh An		
14	T.T Thích Trí Minh			Chủ Vạn Hạnh		
15	T.T Thích Nhất Chân	T.T Thích Thuận Huệ		Chủ Hạnh Từ		
16	S.C Thích N. Hạnh Châu	S.C Thích N. Hạnh Án	S.C Thích N. Huệ Hòa			
17	D.Đ Thích Trường Phước	D.Đ Thích Lệ Nguyễn		Chủ Vạn Quang		
21	D.Đ Thích Quảng Hiền	D.Đ Thích Tâm Huệ		Chủ Vạn Chánh		
22	Giáo Sư Lâm Như Trang					
23	S.C Thích N. Như Minh					
24	S.C Thích N. Diệu Trâm	S.C Thích N. Minh Hiếu				
26	N.S Thích N. Thanh Hà	S.C Thích N. Trí Thuận				
PG	Thầy Chúc Nhuận	Thầy Minh Tánh	Thầy Thiệu Giác	Thầy Quang Đạo	Thầy Hạnh Báo	Chủ Hạnh Văn Chủ Vạn Tường

**Tổng kết khóa học
tính đến 12 giờ 00 ngày 08.8.1997.**

I. Tham dự viên

- Dự học thường trực + Gia Đình Phật Tử + Công quả = 587 người + 44 vị Tăng Ni = Tổng số: 631 người.
- Đã trở về trú xứ 133 người
- Hiện diện : 498 người.

II. Thu - Chi

a/ Thu:

- Học phí : 63.840,-DM
- Ủng hộ khóa học : 6.380,-
- Cúng đường Tam Bảo: 248,-
- Bán lại ghế xếp : 840,-
- Thực phẩm tồn kho : 1.100,-
- Tổng Thu = 72.408,DM

b/ Chi : 79.630,-DM, gồm :

Ở : 43.000,-DM, gồm:

- Tiền ghế bố : 28.000,-DM
- Khách sạn : 10.000,.DM
- Mướn vệ sinh : 2.000,-DM
- Điện, nước : 3.000,-DM
- Tổng cộng : 43.000,-DM

Ăn:

- Mua tại địa phương : 9.200,-DM
- Thực phẩm khô : 12.400,-DM

- Thực phẩm tươi : 6.800,-DM
- Hơi đốt : 2.000,-DM
- Nürnberg nấu ăn 2 ngày: 730,-DM
- Giao tế : 1.000,-DM
- Tham quan : 2.500,-DM
- Bàn ghế (muốn và chở) : 2.000,-DM
- Tổng cộng : 31.130,-DM**

So sánh :

- Chi : 79.630,- DM
- Thu : 72.408,-DM
- Sai biệt : 7.222,-DM

(Bảy ngàn hai trăm hai mươi hai Đức Mã)

- Tiền cúng dường Trai Tăng : 19.200,-DM
- Tiền Thu : 72.408,-DM

91.608,-DM

- Tiền lời thâu bằng 4.323,-DM

Tổng số thu : 95.931,-DM

Tổng số tiền lời thâu bằng chuyển 3.000 DM qua Quỹ Học Bổng Tăng Ni quốc nội cũng như hải ngoại. Số còn lại 1.323 DM để lại lo tu bổ máy thâu bằng cho năm tới.

Số sai biệt 7.222 DM do chùa Viên Giác cúng vào để cho cộng trừ nhân chia bằng số không. Nhưng cuối cùng số sai biệt này được ghi nhận là : 1.200 Đức Mã.

*

**

Danh sách cúng dường chư Tăng Ni khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9

Cung kính Cúng Dường:

1. Thượng Tọa Thích Minh Tâm
2. Thượng Tọa Thích Quảng Bình
3. Thượng Tọa Thích Trí Minh
4. Thượng Tọa Thích Như Điển
5. Thượng Tọa Thích Nhất Chơn
6. Thượng Tọa Thích Thiện Huệ

Cung kính cúng dường

1. Đại Đức Thích Tâm Huệ
2. Đại Đức Thích Quảng Hiền
3. Đại Đức Thích Trường Phước
4. Đại Đức Thích Giác Thanh
5. Đại Đức Thích Nhật Trí
6. Đại Đức Thích An Chí
7. Đại Đức Thích Lệ Nguyên
8. Đại Đức Thích Chúc Nhuận
9. Đại Đức Thích Quảng Đạo
10. Đại Đức Thích Minh Tánh
11. Đại Đức Thích Thiện Giác
12. Đại Đức Thích Hạnh Bảo

KÍNH CÚNG DƯỜNG

1. Chú Thiện Nhơn
2. Sư Chú Hạnh Vân

3. Sứ Chú Hạnh Từ
4. Sứ Chú Hạnh An
5. Sứ Chú Thiện Bình
6. Sứ Chú Thiện Hiệp
7. Sứ Chú Thiện Hà
8. Sứ Chú Vạn Quang
9. Sứ Chú Vạn Tường
10. Sứ Chú Vạn Chánh
11. Sứ Chú Vạn Hạnh
12. Chú Minh Định

Kính cúng dường

1. Ni Sứ Thích Nữ Thanh Hà
2. Sứ Cô Thích Nữ Như Minh
3. Sứ Cô Thích Nữ Minh Hiếu
4. Sứ Cô Thích Nữ Diệu Trạm
5. Sứ Cô Thích Nữ Trí Thuận
6. Sứ Cô Thích Nữ Huệ Niệm
7. Sứ Cô Thích Nữ Hạnh Ân
8. Sứ Cô Thích Nữ Hạnh Châu
9. Sứ Cô Thích Nữ Huệ Hòa
10. Cô Thích Nữ Hạnh Ngọc
11. Cô Thích Nữ Tịnh Hiếu
12. Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Hương
13. Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Vân
14. Cô Thích Nữ Từ Khánh

và Giáo Sư Lâm Như Tạng

**

Trong kỳ này phần tôi chỉ phụ trách cho lớp 2 và tôi đã hướng dẫn qua 5 lần học về kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh. Đây là một phẩm kinh chuyên nói về oai nghi và giới luật cho cả tại gia lẫn xuất gia; nên cả 2 chúng đều tham gia cùng học trong một lớp.

Lớp 2 có Thượng Tọa Thích Nhất Chơn, Thượng Tọa Thích Thiện Huệ và Thượng Tọa Thích Trí Minh cùng hướng dẫn. Quý Thầy cũng đã hướng dẫn các học viên về giới luật của người Phật Tử tại gia. Sau 2 năm liên tục, quý Phật Tử tại Âu Châu đã có cơ hội để làm quen với đời sống Tịnh Hạnh này. Quả là một công đức rất thù thắng.

Kinh
HOA NGHIÊM
Phẩm Tịnh Hạnh Thứ Mười Một

Dịch giả: Thích Trí Tịnh

Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9
từ 31.7.97 đến 09.8.97
tại Pfaffenhofen (Đức)

NGHI THỨC SÁM HỐI

Trước khi tụng kinh

(Dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh mà tụng kinh, thời phước đức vô lượng, nên trước khi tụng kinh cần phải sám hối, sám hối tức là làm cho ba nghiệp thanh tịnh)

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Chư Phật.
(1 lạy)

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Tôn Pháp.
(1 lạy)

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

(Quy tay cầm hương cúng dường phát nguyện) :

Nguyện mây hương màu này
 Khắp cùng mười phương cõi
 Cúng dường tất cả Phật
 Tôn Pháp, các Bồ Tát,
 Vô biên chúng Thanh văn
 Và cả thầy Thánh hiền
 Duyên khởi đài sáng chói
 Trùm đến vô biên cõi,
 Khắp xông các chúng sanh
 Đều phát lòng bồ đề,
 Xa lìa những nghiệp vọng
 Trọn nên đạo vô thượng.
(Cắm hương lạy 1 lạy)

(Đứng chấp tay xuống bài tán dường Phật) :

Sắc thân Như Lai đẹp
 Trong đời không ai bằng
 Không sánh, chẳng nghĩ bàn
 Nên con nay đánh lễ. (1 lạy)
 Sắc thân Phật vô tận
 Trí huệ Phật cũng thế,
 Tất cả pháp thường trú
 Con nay nên về nương.
 Sức trí lớn nguyện lớn
 Khắp độ chúng quần sanh
 Khiến bỏ thân nóng khổ,
 Sanh kia nước mát vui.
 Con nay sạch ba nghiệp, Quy y và lễ tán

Nguyện cùng các chúng sanh

Đồng sanh nước An Lạc.

Án phạ nhựt ra vật. (7 lần)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô thường tịch quang tịnh độ, A Di Đà Như Lai, Pháp thân màu thanh tịnh, Khấp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô thật báo trang nghiêm độ, A Di Đà Như Lai, Thân tướng hải vi trần, Khấp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô phương tiện thánh cư độ, A Di Đà Như Lai, Thân trang nghiêm giải thoát, Khấp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, A Di Đà Như Lai, Thân căn giới đại thừa, Khấp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, A Di Đà Như Lai, Thân hóa đến mười phương, Khấp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, Giáo hạnh lý ba kinh, Tột nói bày y chánh, Khấp pháp giới tôn Pháp. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, Quán Thế Âm Bồ Tát, Thân tử kim muôn ức, Khấp pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thân trí sáng vô biên, Khấp pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Nam mô cõi An Lạc phương Tây, Thanh tịnh đại hải chúng, Thân hai nghiêm: Phước trí, Khấp pháp giới Thánh chúng. (1 lạy)

(Đứng chắp tay nguyện) :

Con nay khấp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng (1) nên qui mạng (2) sám hối (3). (1 lạy, quỳ chắp tay sám hối):

Chí tâm sám hối :

Đệ tử ... và chúng sanh trong pháp giới, từ đời vô thủy nhẫn đến ngày nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp (4) quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián (5) và tất cả các tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các đức Phật thường ở trong đời, tiếng pháp không dứt, hương màu đầy lớp, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong chiếu soi tất cả. Lý màu thường trụ đầy đầy hư không.

Con từ vô thủy đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe chẳng hay chẳng biết, vì nhơn duyên đó trôi mãi trong vòng sanh tử, trải qua các đường dữ (6), trăm

ngành muôn kiếp trọn không lúc nào ra khỏi.- Kinh rằng: Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường tịch quang, cho nên phải biết cả thấy các pháp đều là Phật pháp, mà con không rõ lại theo dòng vô minh vì thế trong trí bờ đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới chừa bỏ ăn năn, phụng đối trước các đức Phật và A Di Đà Thế Tôn mà phát lồ (7) sám hối, làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sanh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn, gây tạo từ vô thủy, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc biểu người, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc chẳng che giấu, thấy đều được rớt ráo thanh tịnh.

Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch, không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thấy đều hồi hướng dùng trang nghiêm tịnh độ, khắp với chúng sanh, đồng sanh về nước An Dưỡng.

Nguyện đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng tấn, chẳng mất nhân duyên tịnh độ, đến giờ lâm chung, thân an lành niệm chánh vững vàng, xem nghe đều rõ ràng, tận mắt thấy đức A Di Đà cùng các thánh chúng, tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử, trong khoảng sát na sanh ra trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ Tát, rộng độ khắp chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đánh lễ :

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới, đại từ đại bi, A Di Đà Như Lai, biến pháp giới Tam Bảo. (1 lạy)

(Lạy xong tiếp Nghi Thức tụng kinh...)

*

Thích nghĩa sám pháp

(1) *Phiền não, nghiệp nhơn, quả báo, ba món đều hay làm chướng ngại đường giải thoát nên gọi: "Ba món chướng".*

(2) *Đem thân mạng về nường, giao phó cho Phật, Pháp, Tăng, chính là nghĩa của hai chữ "Nam mô".*

(3) *Nói đủ là Sám ma hối quá. "Sám ma" là tiếng Phạn, nghĩa là "hối quá" tức là ăn năn tội trước, ngừa giữ lỗi sau.*

(4) *Nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý sáu căn và ba nghiệp thân - khẩu - ý.*

(5) *Giết cha, giết mẹ, giết Thánh nhơn, ác tâm làm thân Phật ra máu, phá hòa hiệp Tăng, gọi là năm tội nghịch, nếu phạm sẽ bị đọa vào ngục Vô gián nên gọi là tội Vô gián - Ngục Vô gián là chỗ thọ khổ không có lúc nào ngừng ngắt.*

(6) *A Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, các đường đó vui ít khổ nhiều, do nghiệp dữ cảm ra.*

(7) *Bày lộ tội lỗi ra trước Chúng Nhơn không chút giấu che thời gọi là phát lồ, trái với phủ tàng (che giấu). Có phát lồ thời tội mới tiêu, như bệnh cảm mà đặng phát hãn (ra mồ hôi).*

*

NGHI THỨC TRÌ TỤNG**Bài Tán Lư Hương :**

Lư hương vừa ngún chiên đàn

Khói xông pháp giới đạo tràng cõi xa,

Lòng con kính ngưỡng thiết tha,

Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Chơn ngôn Tịnh pháp giới :

Án lam. (7 lần)

Chơn ngôn tịnh khẩu nghiệp :

Tu rị tu rị ma ha tu rị tu tu rị ta bà ha. (3 lần)

Chơn ngôn tịnh ba nghiệp :

Án ta phạ bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

Chơn ngôn phổ cúng dường :

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

Bài văn phát nguyện :

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo. (3 lần)

Lạy đấng tam giới Tôn

Quy mạng mười phương Phật

Nay con phát nguyện lớn

Trì tụng Kinh Hoa Nghiêm,

Trên đền bốn ơn nặng.

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát bồ đề tâm

Khi mãn báo thân này

Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

Bài kệ khai kinh :

Phật pháp cao siêu rất nhiệm màu
 Trăm nghìn muôn kiếp dễ hay đâu
 Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
 Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu
 Nam mô Hoa Nghiêm Hội thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. (3
 lần)

*
**

Kinh Đại Phương Quảng Phật HOA - NGHIÊM

Phẩm tịnh hạnh thứ mười một

**Hán dịch: Đại Sư Phật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh**

Hán bộ thứ mười bốn

Lúc bấy giờ Trí Thủ Bồ Tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Phật tử! Bồ Tát làm thế nào thân ngữ ý ba nghiệp được không lỗi lầm? Thân ngữ ý ba nghiệp được chẳng tổn hại? Thân ngữ ý ba nghiệp được không thể bị hủy hoại? Thân ngữ ý ba nghiệp được bất thối chuyển? Thân ngữ ý ba nghiệp được chẳng dao động? Thân ngữ ý ba nghiệp được thù thắng? Thân ngữ ý ba nghiệp được thanh tịnh? Thân ngữ ý ba nghiệp được vô nhiễm? Thân ngữ ý ba nghiệp được trí dẫn đạo ?

Bồ Tát làm thế nào được sanh xứ đầy đủ? Chúng tộc đầy đủ? Gia thế đầy đủ? Sắc thân đầy đủ? Tướng mạo đầy đủ? Niệm đầy đủ? Huệ đầy đủ? Hạnh đầy đủ? Vô úy đầy đủ? Giác ngộ đầy đủ ?

Bồ Tát làm thế nào được thắng huệ? Được đệ nhứt huệ? Được tối thượng huệ? Được tối thắng huệ? Được vô lượng huệ? Được vô số huệ? Được bất tư nghì huệ? Được vô giữ đẳng huệ? Được bất khả lượng huệ? Được bất khả thuyết huệ ?

Bồ Tát làm thế nào được: nhơn lực, duyên lực, dục lực, phương tiện lực, sở duyên lực, cần lực, quán sát lực, xa ma tha lực, tùy bát xá na lực, tứ duy lực ?

Bồ Tát làm thế nào được: uẩn thiện xảo, xứ thiện xảo, giới thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, dục giới thiện xảo, sắc giới thiện xảo, vô sắc giới thiện xảo, quá khứ thiện xảo, vị lai thiện xảo, hiện tại thiện xảo ?

Bồ Tát làm thế nào khéo tu tập: niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần, không giác phần, vô tướng giác phần, vô nguyện giác phần ?

Bồ Tát làm thế nào được viên mãn: đàn ba la mật, thi ba la mật, sần đề ba la mật, tỷ lê gia ba la mật, thiên na ba la mật, bát nhã ba la mật, từ, bi, hỷ, xả ?

Bồ Tát làm thế nào được thập lực: xứ phi xứ trí lực, quá vị hiện tại nghiệp báo trí lực, căn thắng liệt trí lực, chủng chủng giới trí

lực, chủng chủng giải trí lực, nhứt thiết chí xú đạo trí lực, thiên giải thoát tam muội nhiệm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực, vô chướng ngại thiên nhân trí lực, đoạn chư tập trí lực ?

Bồ Tát làm thế nào thường được sự thủ hộ cung kính cúng dường của: Thiên Vương, Long Vương, Dạ Xoa Vương, Càn Thát Bà Vương, A Tu La Vương, Ca Lô La Vương, Khẩn Na La Vương, Ma Hầu La Già Vương, Nhơn Vương, Phạm Vương?

Bồ Tát làm thế nào được mình là những chỗ: y tựa, cứu độ, chỗ về, chỗ đến, là đước, là sáng, là soi, là dẫn đạo, thắng đạo, phổ độ cho tất cả chúng sanh ?

Đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát làm thế nào là: đệ nhứt, là lớn, là thắng, là tối thắng, là diệu, là cực diệu, là thượng, là vô thượng, là vô đẳng, là vô đẳng đẳng ? "

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Trí Thủ Bồ Tát: "Lành thay Phật tử! Nay Ngài vì muốn nhiều lợi ích, nhiều an ổn, thương xót thế gian, lợi lạc thiên nhơn mà hỏi những nghĩa như vậy.

Phật tử! Nếu Bồ Tát khéo dụng tâm thời được tất cả công đức thắng diệu, nơi Phật pháp được tâm vô ngại, được trụ nơi đạo của tam thế chư Phật, trụ theo chúng sanh hàng không bỏ rời, đều có thể thông đạt đúng các pháp tướng, dứt tất cả điều ác, đầy đủ tất cả điều lành, sẽ được hình sắc đệ nhứt như Phổ Hiền, đầy đủ tất cả hạnh nguyện, với tất cả pháp đều được tự tại, sẽ là đạo sư thứ hai của chúng sanh.

Phật tử! Bờ Tát dụng tâm thế nào mà có thể được tất cả thắng diệu công đức ?

Phật tử lắng nghe đây :

Bờ Tát ở nhà nên nguyện chúng sanh biết nhà tánh không khỏi sự bức ngặt.

Hiếu thờ cha mẹ nên nguyện chúng sanh kính thờ chư Phật hộ dưỡng tất cả.

Vợ con hội họp nên nguyện chúng sanh oán thân bình đẳng lia hẳn tham trước.

Nếu giữ được ngũ dục nên nguyện chúng sanh nhỏ mũi tên dục rất ráo an ổn.

Kỹ nhạc tụ hội nên nguyện chúng sanh vui nơi chánh pháp rõ nhạc chẳng thật.

Nếu ở cung thất nên nguyện chúng sanh vào nơi thánh địa trừ hẳn uest dục.

Lúc đeo trang sức nên nguyện chúng sanh bỏ tư trang giả đến chỗ chơn thật.

Lên trên lâu các nên nguyện chúng sanh lên lâu chánh pháp thấy suốt tất cả.

Nếu có bố thí nên nguyện chúng sanh bỏ được tất cả lòng không ái trước.

Chúng hội tụ tập nên nguyện chúng sanh xả những tụ pháp thành nhưt thiết trí.

Nếu ở ách nạn nên nguyện chúng sanh tùy ý tự tại chỗ làm vô ngại.

Lúc bỏ cư gia nên nguyện chúng sanh xuất gia vô ngại tâm được giải thoát.

Vào Tăng Già Lam nên nguyện chúng sanh diễn thuyết các thú pháp không tranh cãi.

Đến đại tiểu sư nên nguyện chúng sanh khéo thờ Sư trưởng tập

làm điều lành.

Cầu xin xuất gia nên nguyện chúng sanh được pháp bất thối lòng không chướng ngại.

Thoát bỏ tục nhân nên nguyện chúng sanh siêng tu căn lành bỏ những tội ách.

Cạo bỏ râu tóc nên nguyện chúng sanh lìa hẳn phiền não rất ráo tịch diệt.

Đáp y ca sa nên nguyện chúng sanh lòng không nhiễm trước đủ đạo đại tiên.

Lúc chánh xuất gia nên nguyện chúng sanh đồng Phật xuất gia cứu hộ tất cả.

Tự quy y Phật nên nguyện chúng sanh nối thành Phật chủng phát tâm vô thượng.

Tự quy y Pháp nên nguyện chúng sanh sâu vào kinh tạng trí huệ như biển.

Tự quy y Tăng nên nguyện chúng sanh thống lý đại chúng tất cả vô ngại.

Lúc thọ học giới nên nguyện chúng sanh khéo học nơi giới chẳng làm điều ác.

Thọ Xà Lê dạy nên nguyện chúng sanh đầy đủ oai nghi chỗ làm chơn thật.

Thọ Hòa Thượng dạy nên nguyện chúng sanh vào trí vô sanh đến chỗ vô y.

Thọ giới cụ túc nên nguyện chúng sanh đủ các phương tiện được pháp tối thắng

Nếu vào nhà cửa nên nguyện chúng sanh lên nhà vô thượng an trụ bất động.

Nếu trải giường tòa nên nguyện chúng sanh trải mở pháp lành thấy tướng chơn thật.

Chánh thân đoan tọa nên nguyện chúng sanh ngồi bờ đề tòa tâm

không tham trước.

Lúc ngồi kiết già nên nguyện chúng sanh căn lành kiên cố được bực bất động.

Tu hành nơi định nên nguyện chúng sanh dùng định phục tâm rất ráo không thừa.

Nếu tu pháp quán nên nguyện chúng sanh thấy lý như thật trọn không tranh cãi.

Xả ngồi kiết già nên nguyện chúng sanh quán sát hành pháp đều quy tan mất.

Lúc để chân đứng nên nguyện chúng sanh tâm được giải thoát an trụ bất động.

Nếu cất chân lên nên nguyện chúng sanh khỏi biển sanh tử đủ các pháp lành.

Lúc mặc quần dưới nên nguyện chúng sanh mặc những căn lành đầy đủ hổ thẹn.

Chỉnh áo cột giải nên nguyện chúng sanh kiểm thúc căn lành chẳng để tan mất.

Nếu mặc áo trên nên nguyện chúng sanh được căn lành lớn đến bờ pháp kia.

Đắp tăng già lê nên nguyện chúng sanh vào ngôi đệ nhất được pháp bất động.

Tay cầm nhánh dương nên nguyện chúng sanh đều được diệu pháp rất ráo thanh tịnh.

Lúc nâng nhánh dương nên nguyện chúng sanh tâm ý điều tịnh nhai các phiền não.

Lúc đại tiểu tiện nên nguyện chúng sanh bỏ tham sân si dẹp trừ điều tội.

Việc rời đến nước nên nguyện chúng sanh trong pháp xuất thế qua đến mau chóng.

Rửa ráy thân nhớ nên nguyện chúng sanh thanh tịnh điều nhu

rốt ráo không nhớ.

Xối nước trên tay nên nguyện chúng sanh được tay thanh tịnh thọ trì Phật pháp.

Dùng nước rửa mặt nên nguyện chúng sanh được tịnh pháp môn trọn không nhớ bợn.

Tay cầm tích trượng nên nguyện chúng sanh lập hội bố thí bày đạo như Phật.

Tay cầm ủng khí nên nguyện chúng sanh thành tựu pháp khí thọ trời người cúng.

Bước chân lên đường nên nguyện chúng sanh đến chỗ Phật đi vào nơi vô y.

Nếu ở nơi đường nên nguyện chúng sanh hay đi đường Phật hướng pháp vô dư.

Theo đường mà đi nên nguyện chúng sanh noi tịnh pháp giới tâm không chướng ngại.

Thấy lên đường cao nên nguyện chúng sanh khỏi hẳn ba cõi tâm không khiếp nhược.

Thấy xuống đường thấp nên nguyện chúng sanh tâm ý khiêm hạ lớn căn lành Phật.

Thấy đường quanh co nên nguyện chúng sanh bỏ đạo bất chánh trừ hẳn ác kiến.

Nếu thấy đường thẳng nên nguyện chúng sanh tâm ý chánh trực không dua không dối.

Thấy đường nhiều bụi nên nguyện chúng sanh xa lìa bụi bặm được pháp thanh tịnh.

Thấy đường không bụi nên nguyện chúng sanh thường tu đại bi tâm ý nhuần thấm.

Nếu thấy đường hiểm nên nguyện chúng sanh trụ chánh pháp giới lìa những tội nạn.

Nếu thấy chúng hội nên nguyện chúng sanh nói pháp thậm

thâm tất cả hòa hiệp.

Nếu thấy trụ lớn nên nguyện chúng sanh lia tâm chấp ngã không có phần hận.

Nếu thấy Tòng Lâm nên nguyện chúng sanh chư thiên và nhơn chỗ nên kính lễ.

Nếu thấy núi cao nên nguyện chúng sanh căn lành siêu thoát không thể tội đảnh.

Lúc thấy cây gai nên nguyện chúng sanh chóng được cắt bỏ những gai tam độc.

Thấy cây lá rậm nên nguyện chúng sanh dùng định giải thoát để làm che chói.

Nếu thấy hoa nở nên nguyện chúng sanh các pháp thần thông như hoa đua nở.

Nếu thấy cây hoa nên nguyện chúng sanh tướng tốt như hoa đủ ba mươi hai.

Nếu thấy trái hột nên nguyện chúng sanh được pháp tối thắng chúng đạo bồ đề.

Nếu thấy sông lớn nên nguyện chúng sanh được dự pháp lưu vào Phật trí hải.

Nếu thấy bờ đầm nên nguyện chúng sanh chóng ngộ diệu pháp nhứt vị của Phật.

Nếu thấy ao hồ nên nguyện chúng sanh ngữ nghiệp hoàn toàn hay khéo diễn thuyết.

Nếu thấy giếng nước nên nguyện chúng sanh đầy đủ biện tài diễn tất cả pháp.

Nếu thấy suối chảy nên nguyện chúng sanh thêm lớn phương tiện thiện căn vô tận.

Nếu thấy kiêu lộ nên nguyện chúng sanh rộng độ tất cả đường như cầu đò.

Nếu thấy nước chảy nên nguyện chúng sanh được ý nguyện

lành rửa nợ phiền não.

Thấy dọn vườn tược nên nguyện chúng sanh trong vườn ngũ dục dọn sạch cỏ ái.

Thấy rừng vô ưu nên nguyện chúng sanh lìa hẳn tham ái chẳng còn lo sợ.

Nếu thấy công viên nên nguyện chúng sanh siêng tu hạnh lành đến Phật bồ đề.

Thấy người nghiêm túc nên nguyện chúng sanh trang nghiêm thân đẹp ba mươi hai tướng.

Thấy không nghiêm túc nên nguyện chúng sanh bỏ những trang sức đủ hạnh đầu đà.

Thấy người ham vui nên nguyện chúng sanh vui nơi chánh pháp ưa thích chẳng bỏ.

Thấy không ham vui nên nguyện chúng sanh trong sự hữu vi lòng không ưa thích.

Thấy người vui sướng nên nguyện chúng sanh thường được an vui thích cúng dường Phật.

Thấy người khổ não nên nguyện chúng sanh được căn bản trí dứt trừ sự khổ.

Thấy người mạnh khỏe nên nguyện chúng sanh vào chơn thật huệ trọn không bệnh khổ.

Thấy người tật bệnh nên nguyện chúng sanh biết thân không tịch lìa sự tranh cãi.

Thấy người xinh đẹp nên nguyện chúng sanh với Phật Bồ Tát thường kính thường tin.

Thấy người xấu xí nên nguyện chúng sanh với điều bất thiện chẳng ưa chẳng thích.

Thấy người báo ơn nên nguyện chúng sanh với Phật Bồ Tát hay biết ân đức.

Thấy người bội ơn nên nguyện chúng sanh với kẻ làm ác chẳng

trả thù oán.

Nếu thấy Sa Môn nên nguyện chúng sanh điều nhu tịch tịnh rất ráo đệ nhất.

Thấy Bà La Môn nên nguyện chúng sanh giữ trọn phạm hạnh lia tất cả ác.

Thấy người khổ hạnh nên nguyện chúng sanh y nơi khổ hạnh đến bực rất ráo.

Thấy người hạnh tốt nên nguyện chúng sanh giữ bền chí hạnh chẳng bỏ Phật đạo.

Thấy mặc giáp trụ nên nguyện chúng sanh thường mặc giáp lành đến pháp vô sử.

Thấy không võ trang nên nguyện chúng sanh lia hẳn tất cả những nghiệp bất thiện.

Thấy người luận nghị nên nguyện chúng sanh đều dẹp phá được tất cả dị luận.

Thấy người chánh mạng nên nguyện chúng sanh được mạng thanh tịnh không dối giả dạng.

Nếu thấy Quốc vương nên nguyện chúng sanh được làm pháp vương thường chuyển chánh pháp.

Nếu thấy vương tử nên nguyện chúng sanh từ pháp hóa sanh mà làm Phật tử.

Nếu thấy trưởng giả nên nguyện chúng sanh xét đoán sáng suốt chẳng làm điều ác.

Nếu thấy đại thần nên nguyện chúng sanh niệm tập điều thiện.

Nếu thấy thành quách nên nguyện chúng sanh được thân kiên cố tâm không hèn nhác.

Nếu thấy kinh đô nên nguyện chúng sanh công đức đồng nhóm lòng luôn vui vẻ.

Thấy ở rừng vắng nên nguyện chúng sanh đáng được trời người ca ngợi kính ngưỡng.

Vào xóm khất thực nên nguyện chúng sanh nhập thâm pháp giới tâm không chướng ngại.

Đến cửa nhà người nên nguyện chúng sanh vào trong tất cả cửa nhà Phật pháp.

Vào nhà người rồi nên nguyện chúng sanh được vào Phật thừa ba thời bình đẳng.

Thấy không thí xả nên nguyện chúng sanh thường chẳng bỏ rời pháp công đức lớn.

Thấy người thí xả nên nguyện chúng sanh được bỏ lìa hẳn khổ ba ác đạo.

Nếu thấy bát không nên nguyện chúng sanh tâm ý thanh tịnh trống sạch phiền não.

Nếu thấy bát đầy nên nguyện chúng sanh đầy đủ trọn vẹn tất cả thiện pháp.

Nếu được cung kính nên nguyện chúng sanh cung kính tu hành tất cả Phật pháp.

Chẳng được cung kính nên nguyện chúng sanh chẳng làm tất cả những điều bất thiện.

Thấy người hổ thẹn nên nguyện chúng sanh đủ hạnh hổ thẹn che giữ căn thân.

Thấy người hổ thẹn nên nguyện chúng sanh lìa bỏ không thẹn trụ đạo đại từ.

Được thực phẩm ngon nên nguyện chúng sanh đều được mãn nguyện không lòng tham muốn.

Được thực phẩm dở nên nguyện chúng sanh ai cũng đều được pháp vị tam muội.

Được vật thực mềm nên nguyện chúng sanh huân tập đại bi tâm ý nhu nhuyến.

Được vật thực cứng nên nguyện chúng sanh tâm không nhiễm trước dứt hết tham ái.

Nếu lúc ăn cơm nên nguyện chúng sanh ăn món thiện duyệt pháp hỉ no đủ.

Lúc thọ mùi vị nên nguyện chúng sanh được Phật thượng vị cam lộ đầy đủ.

Lúc ăn cơm xong nên nguyện chúng sanh việc làm đều xong đủ những Phật pháp.

Nếu lúc thuyết pháp nên nguyện chúng sanh biện luận vô tận tuyên rộng pháp yếu.

Lúc ra khỏi nhà nên nguyện chúng sanh thâm nhập Phật trí khỏi hẳn ba cõi.

Nếu lúc xuống nước nên nguyện chúng sanh vào nhưt thiết trí rõ ba thời đồng.

Tắm rửa thân thể nên nguyện chúng sanh thân tâm không nhớ trong ngoài sáng sạch.

Mùa nắng nóng độc nên nguyện chúng sanh bỏ lìa khổ não tất cả đều hết.

Hết nắng vừa mát nên nguyện chúng sanh chúng pháp vô thượng rốt ráo mát mẻ.

Lúc đọc tụng kinh nên nguyện chúng sanh thuận lời Phật dạy tổng trì chẳng quên.

Nếu được thấy Phật nên nguyện chúng sanh được vô ngại nhãn thấy tất cả Phật.

Lúc ngắm kỹ Phật nên nguyện chúng sanh đều như Phổ Hiền xinh đẹp nghiêm tốt.

Lúc thấy tháp Phật nên nguyện chúng sanh tôn trọng như tháp thọ trời người cúng.

Cung kính xem tháp nên nguyện chúng sanh chư thiên và người cùng nhau chiêm ngưỡng.

Đánh lễ tháp Phật nên nguyện chúng sanh tất cả trời người chẳng thấy đánh được.

Đi nhiều tháp Phật nên nguyện chúng sanh tu hành không trái thành nhứt thiết trí.

Nhiều tháp ba vòng nên nguyện chúng sanh siêng cầu Phật đạo lòng không biếng trễ.

Khen công đức Phật nên nguyện chúng sanh đều đủ công đức ca ngợi vô tận.

Khen tướng hảo Phật nên nguyện chúng sanh thành tựu Phật thân chúng pháp vô tướng.

Nếu lúc rửa chân nên nguyện chúng sanh đủ sức thần túc chỗ đi vô ngại.

Ngủ nghỉ phải thời nên nguyện chúng sanh thân được an ổn lòng không động loạn.

Ngủ vừa tỉnh giấc nên nguyện chúng sanh tất cả trí giác ngộ khắp mười phương.

Phật tử! Nếu chư Bồ Tát dụng tâm như vậy thời được tất cả công đức thắng diệu. Tất cả thế gian: chư Thiên, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn, Càn Thát Bà, A Tu La, v.v... nhẫn đến tất cả Thanh Văn, Duyên Giác không thể làm lay động được".

**

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán-tự-tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

"Xá-lợi-tử, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị".

Xá-lợi-tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu,

bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành thức; vô nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới, vô Vô minh diệc vô Vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo, vô Trí diệc vô Đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly diên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế Bồ đề tát bà ha".

**

Tiêu tai cát tướng thần chú :

Nam mô tam mãn đa mẫu đà nẫm, a bát ra để hạ đa xá, ta nản nẫm, đát điệt tha. Án khu khu, khu hê, khu hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến để ca, thất rị duệ ta phạ ha. (3 lần)

*

Tự quy và Đảnh lễ :

- Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng. (1 lạy)

- Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, thấu rõ kinh tạng, trí

huệ như biển. (1 lạy)

- Tụ quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng,
hết thấy không ngại. (1 lạy)

*

Hồi hướng tiêu trừ nghiệp chướng :

Nguyện tiêu ba chướng trừ phiền não,
Nguyện chơn trí tuệ thường sáng tỏ,
Nguyện bao tội chướng thấy tiêu trừ,
Kiếp kiếp thường tu Bồ tát đạo.

*

Hồi hướng chúng sinh :

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sinh,
Đều trọn thành Phật đạo.

*

Sáng ngày Chủ Nhật 03.8.97 có lễ thọ Bồ Tát Giới tại gia cho hơn 150 giới tử. Đây cũng là con số kỷ lục mà quý Phật Tử đã phát nguyện trong khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ này. Khắp các nước tại Âu Châu cho đến giờ này gần 500 vị thọ Bồ Tát Giới tại gia. Nếu kể luôn số đã thọ tại Việt Nam chắc cũng trên dưới 1.000 vị. Còn số thọ Tam Quy Ngũ Giới chắc cũng không dưới 100.000 người. Đây là những Phật Tử thuần thành

biết hy sinh và phụng sự cho Tam Bảo.

Chiều Thứ Sáu ngày 01 tháng 8 vào lúc 15 giờ có phần khai thị của Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành hơn 2 tiếng đồng hồ đã được nhiều học viên, kể cả lớp xuất gia chăm chú lắng nghe để học hỏi và thực hành trong cuộc sống của mình. Lời khai thị này rất quan trọng cho mọi người; nên cả chánh điện hôm đó không còn chỗ nào trống cả.

Đến tối Thứ Sáu, khóa học bắt đầu vào nề nếp như Thời Khóa Biểu đã đề sẵn. Riêng ngày Thứ Bảy 02.8.97 là ngày Kỷ Niệm 10 Năm Thành Lập Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức nên có chương trình sinh hoạt riêng và một số quý Thầy đã tham gia lễ kỷ niệm này từ 14 đến 16 giờ chiều. Các học viên cũng đã cùng chung vui với Gia Đình Phật Tử và tối đó vào lúc 19 đến 21 giờ, một chương trình văn nghệ rất đặc sắc của Gia Đình Phật Tử trên toàn nước Đức trình diễn cũng đã được nhiều người hiện diện tán thưởng. Tuy ngày này hơi bận rộn; nhưng các học viên vẫn không bỏ một thời giảng nào.

Vào ngày 05.8.97 như thường lệ ở giữa khóa học, các học viên được nghỉ xả hơi, chơi văn nghệ, trong khi một số quý Thầy và quý Phật Tử họp trong Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn để kiểm điểm một số công việc đã qua cũng như bàn đến một số công việc cho tương lai gần.

Thầy Nhựt Trí và Thầy Lệ Nguyên là hai Thầy trẻ được quần chúng Phật Tử mến mộ. Quý Thầy có thể ca tân nhạc lẫn cổ nhạc, không thua gì các nghệ sĩ chuyên nghiệp ngoài đời.

Ngày 06 và ngày 07 tháng 8 học tiếp. Riêng ngày 8 thì các học viên có nhiều thì giờ hơn để làm các việc như: Quy Y Tam Bảo

sau khóa lễ công phu khuya. Năm nay chỉ có 20 người quy y. Vì đa số đã quy y từ lâu rồi.

Vào lúc 9 giờ rưỡi sáng ngày 08.8.97, các học viên của 2 lớp đều lo thi. Thật sự ra việc thi cử ở những trường hợp này cũng không cần thiết lắm; nhưng vì lẽ để trắc nghiệm lại sức học của mình; nên quý Thầy đã ra đề thi cho các học viên làm bài.

Riêng khóa 2 chỉ có Thượng Tọa Thích Nhất Chơn và tôi cho đề thi, còn Thượng Tọa Thích Thiện Huệ và Thượng Tọa Thích Trí Minh thì không cho. Còn lớp 1, quý Thầy, quý Cô đều ra đề cho các học viên. Bên lớp 1 năm nay có Giáo sư Tiến sĩ Lâm Như Tạng đến từ Úc, hướng dẫn về Phật Giáo Nhật Bản. Ni Sư Thích Nữ Thanh Hà, Đại Đức Thích Quảng Hiền, Đại Đức Thích An Chí, Thượng Tọa Thích Nhất Chơn và Thượng Tọa Thích Trí Minh đảm trách. Lớp này cũng có bài thi trắc nghiệm; nhưng tôi chỉ xin đơn cử nơi lớp 2 để quý vị có một cái nhìn tổng quát về việc học và thi của kỳ này.

Đề thi trắc nghiệm Lớp 2

Giảng sư :

Thượng Tọa Thích Nhất Chơn

Thượng Tọa Thích Như Điển

Thượng Tọa Thích Trí Minh

Thượng Tọa Thích Thiện Huệ

Học viên:

Mỗi câu hỏi có 4 câu trả lời

Chỉ đánh (x) vào 1 câu đúng nhất

Ví dụ:

1. Quy Y Tam Bảo có nghĩa là :

- A. Quy y Phật
- B. Quy y Pháp
- C. Quy y Tăng
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Giảng sư: Thượng Tọa Thích Nhất Chơn
Giới luật tại gia

1. Khi Phật nói ra Giới thì lúc đó Giới được gọi là:

- A. Giới pháp
- B. Giới thể
- C. Giới hành
- D. Ba câu trên đều đúng

2. Khi người thọ Giới thọ nạp Giới pháp vào tâm mình thì lúc ấy Giới pháp được gọi là:

- A. Giới pháp
- B. Giới tướng
- C. Giới thể
- D. Ba câu trên đều sai.

3. Trước khi thọ nạp Giới cần phải:

- A. Sám hối
- B. Chuẩn bị tập phát tâm và quán cảnh
- C. Hai câu trên đều đúng

D. Ba câu trên đều sai

4. Trong tiến trình thọ Giới, khi đắc Giới thể là vào lúc:

- A. Trước khi thọ Tam quy
- B. Đang khi thọ Tam quy
- C. Sau khi thọ Tam quy
- D. Sau khi tam kết xong

5. Khi thọ Giới, muốn đắc Giới thể, bắt buộc phải:

- A. Phát tâm thuần trọng
- B. Lặp lại đúng theo lời của giới sư
- C. Quán tưởng đúng cách
- D. Ba câu trên đều đúng

Giảng sư: Thượng Tọa Thích Như Điển
Kinh Hoa Nghiêm: Phẩm Tịnh Hạnh

1. Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói ra trong:

- A. 49 ngày
- B. 25 ngày
- C. 21 ngày
- D. 30 ngày

2. Phẩm Tịnh Hạnh nội dung nói về:

- A. Cách hành trì giới luật
- B. Theo luật Tỳ Ni
- C. Dành cho cả xuất gia và tại gia
- D. Cả ba câu trên đều đúng

3. Tú y có nghĩa là:

- A. Bốn phép nương tựa
- B. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y chánh pháp giới
- C. Người tu sống bằng phương pháp đi khất thực, ăn mỗi ngày một bữa. Sau khi ăn, ngủ dưới gốc cây. Nếu bệnh thì uống thuốc Trần Bà và chỉ có ba y, một bình bát.
- D. Câu A và câu C đều đúng.

4. Vô Sư tự chứng nghĩa là:

- A. Không có Thầy mà mình tự chứng đạo
- B. Ngoài Đức Phật ra không ai có thể được
- C. Câu A và B đúng
- D. Tất cả đều sai

5. Hoa Nghiêm kinh thuộc về:

- A. Đại Thừa Phật Giáo
- B. Trung Thừa Phật Giáo
- C. Tiểu Thừa Phật Giáo
- D. Tất cả 3 câu trên đều đúng.

*

Riêng lớp Oanh Vũ do Sư Cô Thích Nữ Minh Hiếu hướng dẫn về giáo lý và các anh chị Huynh Trưởng đã chăm sóc cho các em một cách tận tình và Phụ Huynh của các em cũng rất hài lòng. Để chiều hôm bế giảng vào ngày 08.8.97 các em lên trên bàn danh dự lãnh những phần thưởng toàn đội, phần thưởng giải tiếng Việt v.v... đã làm cho báo chí địa phương và đài truyền hình ghi nhiều hình ảnh thật đậm nét về các em Oanh Vũ này.

Chương Trình Lễ Bế Mạc
Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9
ngày 08.08.1997 lúc 15.00 giờ

- Cung thỉnh chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni
- Diển văn bế mạc của Ban Tổ Chức
- Thượng Tọa, Trưởng Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu ban đạo từ
- Lời phát biểu của Bà Thị Trưởng Pfaffenhofen
- Lời phát biểu của Ông Manfred Brandt
- Tặng hoa quan khách
- Tặng quà cho các em Oanh Vũ
- Tụng kinh hồi hướng - tụng Bát Nhã
- Tiễn đưa quan khách

- Trao tịnh tài cúng dường chư Tăng Ni
- Rút ưu khuyết điểm trong khóa học, của:
 - Thượng Tọa Hoàng Pháp
 - Thượng Tọa Giáo Dục
- Huấn thị của Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN Đức Quốc
- Phát biểu cảm tưởng của Giáo sư Lâm Như Tạng
- Phát Chứng Chỉ và phần thưởng:
 - Bản Ghi Công Đức
 - Chứng Chỉ Tu Học
- Cảm tưởng của học viên Thủ khoa lớp 1, 2
- Cảm tưởng của học viên đại diện từng quốc gia
- Chụp hình lưu niệm.

*

* *

Diễn văn bế mạc của Ban Tổ Chức
Ngày 08.08.1997

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Phật
 Kính bạch chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni,
 Kính thưa quý vị quan khách,
 Kính thưa quý Cô Bác, Anh Chị Em bạn đạo,

Buổi lễ khai mạc khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 được tổ chức rất long trọng nhưng không kém phần trang nghiêm nơi đây đúng một tuần. Chúng con, chúng tôi tưởng chừng như mới hôm qua, thế mà nay đã kết thúc. Thời gian trôi thật nhanh, không đợi bất cứ ai. Phàm bất cứ sự việc gì có bắt đầu thì tất nhiên có chấm dứt.

Trong ngày khai giảng, con, chúng tôi đã bày tỏ lòng tôn kính, đánh lễ chư Tôn Đức, lòng hân hoan và vui mừng đến quan khách và tất các Cô Bác, Anh Chị bạn đạo, con, chúng tôi không muốn lập lại.

Hơn một lần chúng con có nghe một Hòa Thượng nói: "Phật Pháp cao sâu, Minh Sư khó gặp", thế mà khóa tu này chúng con không những gặp được một Minh Sư mà có đến trên 40 Minh Sư. Điều mà trước đây chúng con chưa dám nghĩ tới.

Vì vậy mà hàng hàng lớp lớp Phật Tử từ muôn phương dẹp cả các thú vui trong dịp hè, bỏ công ăn việc làm, gác lại việc nhà, quy tụ về đây để nghe, học và hành hạnh Phật do chư Tôn Đức truyền đạt.

Con, chúng tôi xin được phép báo trình lên chư Tôn Đức, quý vị quan khách và Cô Bác, Anh Chị bạn đạo phần hành trách nhiệm như sau:

1. Nhân sự

2. Tài chánh

3. Cảm nghĩ

A. Nhân Sự

Tính đến hôm nay có 587 Phật Tử tham dự, trong đó có cả thành viên Gia Đình Phật Tử, sinh viên đại học Oanh Vũ và một số làm công quả, chưa kể 44 Tăng Ni, nâng tổng số: 631 vị.

Với số trên có: 281 Nam - 306 Nữ

Đã về 133 người. Hiện còn 498 người

Phật Tử nam cao tuổi nhất là cụ Nguyễn Xuân Tân, pháp danh Thiện Thanh, 77 tuổi, thuộc Chi Hội Mannheim-Đức; cụ Lê Văn Bảo, pháp danh Quảng Tụ, 75 tuổi, Đan Mạch.

Phía nữ người cao tuổi nhất là cụ Đỗ Thị Sanh, pháp danh Đồng Ngọc, 83 tuổi, thuộc Chi Hội Stuttgart-Đức.

Số 587 Phật Tử về tham dự khóa học đến từ 13 quốc gia, chúng con, chúng tôi xin được giới thiệu từng quốc gia có Phật Tử tham dự, lần lượt theo thứ tự quốc gia nào có người tham dự nhiều nhất.

Trước hết là Đức Quốc có: 409 gồm chung đoàn viên GDPT, sinh viên Oanh Vũ và công quả. Lại một lần nữa, Đức Quốc chúng con xin tạm giữ chiếc áo vàng và chiếc Cúp vô địch thêm một năm, nói theo danh từ thể thao. Để rồi một đại sư được nhiều Phật Tử ngưỡng mộ, đó là Thượng Tọa Thích Trí Minh phải thốt lên: "Đức thắng - Đức thắng", câu nói hàm ý 2 nghĩa:

- Vinh quang trong chiến thắng
- Bộ phận kèm hãm không còn tác dụng.

Hàng Phật Tử chúng con luôn đề cao cảnh giác, không tự mãn, không tự kiêu, xao lãng bốn phận bảo vệ và hành trì

chánh pháp. Trái lại không ngừng tìm tòi học hỏi để tiến tu thêm nữa.

Kính bạch chư Tôn Đức - Thưa quý vị,

Thành quả hôm nay đạt được không phải ngẫu nhiên và cũng không phải một sớm một chiều mà có. Tuy Phật Tử tại Đức có mộ đạo, muốn quay về nương tựa Tam Bảo, dốc lòng dứt bỏ Tham, Sân, Si, quyết tâm giữ đúng Ngũ giới; nhưng phải kể là nhờ Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN Đức và cũng là Viện chủ Chùa Viên Giác Hannover đã dành rất nhiều thời giờ, dày công hướng dẫn, uốn nắn, dạy dỗ và sửa chữa.

Nhắc đến Chùa Viên Giác, tới giờ phút này Viên Giác Tự quả là một ngôi chùa lớn nhất và đẹp nhất Đức Quốc, nếu không muốn nói cả Âu Châu, nhưng quả thật là vậy.

Những Phật Tử có dịp hành hương hay khách du lịch đến Đức mà không đến Viên Giác một lần, đó là điều thiếu sót, mất mát rất lớn. Nghe không bằng thấy, thấy không bằng tiếp xúc với mọi người trong vài ngày tại chùa sẽ rõ chương trình hoạt động hàng ngày ra sao. Để chứng minh điều đó, ngày 15, 16, 17 tháng 8 năm 1997 tới đây, Chùa có tổ chức Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu. Xin mời quý vị hãy đến thử một lần.

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa quý vị,

Trong tương lai gần, có thể 1 hoặc 2 năm nữa là cùng, Viên Giác sẽ được xếp vào hàng thứ để nhường lại cho một ngôi chùa tân tạo, bề thế hơn, quy mô hơn, đẹp đẽ hơn về mặt kiến trúc với tổng thể tân kỳ, tọa lạc ngoại ô thủ đô ánh sáng Paris, Pháp, trên một vị trí hết sức ngoạn mục dành cho một cảnh Già Lam. Đó là Chùa Khánh Anh mới.

Khánh Anh có cao rộng, có quy mô mọi mặt, GHPGVNTN Âu Châu có cơ duyên thuận tiện phát triển bề sâu cũng như bề rộng. Chánh pháp tại Châu Âu mới được hoàng dương rộng khắp và khế hợp. Người Phật Tử Âu Châu mới hãnh diện và ngẩng cao đầu, sánh vai cùng các tôn giáo lớn khác, nhất là tại Âu Châu, quốc giáo chưa phải là Phật Giáo.

Kính thưa quý vị,

Chùa Khánh Anh đang thời kỳ xây cất. Việc hoàn tất sớm hay muộn, lâu hay mau, chóng hay chầy là tùy nơi tâm Phật Tử. Chắc chắn tâm đạo của quý vị có mặt hôm nay sẽ đóng góp không nhỏ vào việc hoàn thành ngôi chùa mới này. Chúng tôi cũng được biết có rất nhiều vị có mặt nơi đây cũng đã cúng dường rồi, kỳ này nếu có phát tâm nữa cũng không sao, trái lại công đức ấy lại còn vô lượng.

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa quý vị,

Sau Đức đến Pháp đứng thứ nhì với 92 Phật Tử

- Thụy Sĩ đứng hàng thứ 3 với: 29 Phật Tử

- Hòa Lan đứng hàng thứ 4 với: 14 Phật Tử

- Na Uy đứng hàng thứ 5 với: 12 Phật Tử

- Bỉ đứng hàng thứ 6 với: 10 Phật Tử

- Anh đứng hàng thứ 7 với: 7 Phật Tử

- Thụy Điển đứng hàng thứ 8 với: 5 Phật Tử

- Đan Mạch đứng hàng thứ 9 với: 4 Phật Tử

- Băng Đảo - Lê Đình Tân, Pháp danh Thiện Lạc: 1 Phật Tử.

Có cảm tình với PT Âu Châu và vui mừng được dự chung

với PT Âu Châu khóa tu học này. Đó là:

- Mỹ đứng hàng thứ 10 với 2 Phật Tử
- ĐH Phan Thị Việt, Pd Tâm Danh
- ĐH Nguyễn Thị Hải, Pd Tác Châu
- Canada có 1 Phật Tử tham dự là: Phan Thị Thanh Trà, Pd

Nguyễn Tịnh.

- Nga có 1 Phật Tử tham dự là: Nguyễn Xuân Mậu, Pd Tâm Chuyển Hòa.

B. Tài Chánh : Thâu - Chi

1. Thâu:

Với nhân sự vừa kể, chúng con, chúng tôi thâu được:

- | | |
|----------------------------|-----------|
| - Lệ phí ăn, ở và du lịch: | 63.840 DM |
| - Cúng dường cho khóa học: | 6.380 DM |
| - Cúng dường Tam Bảo: | 248 DM |
| - Thực phẩm tồn kho: | 1.100 DM |
| - Bán lại ghế: | 840 DM |

72.408 DM

2. Chi : 79.630 DM

Ở 43.000 DM

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Tiền ghế bố : | 28.000 DM |
| - Tiền khách sạn : | 10.000 DM |
| - Nước vệ sinh: | 2.000 DM |
| - Điện, nước: | 3.000 DM |
| Ăn: | |
| - Mua tại địa phương: | 9.200 DM |
| - Thực phẩm khô: | 12.400 DM |
| - Thực phẩm tươi: | 6.800 DM |

- Hời đốt:	2.000 DM
* Giao tế :	1.000 DM
* Tham quan:	2.500 DM
* Bàn ghế (mướn, chở):	2.000 DM

78.900 DM

So sánh : Chi : 78.900 DM
 Thu : 72.408 DM

Sai biệt - 6.492 DM

C. Cảm Nghĩ

Nói đến Đức, quý Cô Bác và Anh Chị trước khi lên đường tu học chắc có nhiều lo âu. Ai cũng nghĩ Đức là quốc gia kỳ thị chủng tộc nhất thế giới, đối tượng là người ngoại quốc. Thập vậy, trong chương trình du ngoạn ngày Thứ Bảy 09.08.1997, quý vị đã xem tận mắt hình chiếu, hiện vật và cơ sở giam cầm giết hại và thiêu người Do Thái thời Đức Quốc Xã Hitler, Đệ Nhị Thế Chiến. Bây giờ thì lịch sử đã sang trang rồi. Kế đến khó khăn về ngôn ngữ, di chuyển... ai ai cũng khệ nệ tay xách nách mang, phần lo cho sự học chắc khiêm nhường lắm.

Trải qua một tuần, tham dự viên gặp lại thầy cô cũ, bạn bè xưa, sau bao năm xa cách, tay bắt mặt mừng không cảm được nước mắt; được tham dự các khóa lễ, các buổi giảng dạy giáo lý, nghe những lời pháp nhủ ban ra từ các tôn sư. Ôi! Tình cảm đạo đời nó êm dịu, ngọt ngào làm sao ấy, theo từng nhịp thở, thấm từng tế bào, bao nhiêu lo âu sầu muộn ban đầu biến tan, nhường lại cho tình đời nghĩa đạo. Từng lời nói, từng việc làm

của mỗi tham dự viên khác hẳn xa lúc mới ghi danh. Đúng là phép Phật nhiệm màu. Tiếc rằng khóa tu học qua mau quá, đúng với quy luật Sanh - Lão - Bệnh - Tử. Chúng con, chúng tôi trước hoàn cảnh này tạm kết luận bằng một câu dí dỏm: "Ra đi thì nặng túi nhẹ tâm - Lúc về thì nặng tâm nhẹ túi". Kỳ vọng lời dí dỏm này sẽ thành sự thật.

Như đã trình bày trong buổi khai giảng, cơ sở mà khóa tu học sử dụng là một ngôi trường không có nội trú, do thành phố quản trị, nên các tiện nghi nơi ăn chốn ở không đáp ứng đúng như mong muốn so với vài quốc gia bạn đã tổ chức trước đây vài năm. Trọn năm 1996, Hội Phật Tử và các Chi Hội luôn đặt trọng tâm vào vấn đề này, mặc dầu chúng con chia nhau tìm kiếm khắp nơi vẫn không được thỏa mãn, vì ở Đức bất luận làm việc chi cũng phải có kế hoạch trước đó 2 hay 3 năm.

Biết vậy, chúng con cố gắng làm sao tạo được tiện nghi tối đa có thể làm được và giảm thiểu đến mức thấp nhất những khó khăn chung cho tập thể.

Thời gian gấp rút, có khó khăn về nhân sự để tổ chức và điều hành cho số tham dự viên đông đảo như thế này chắc không tránh khỏi những sơ sót. Đó là điều ngoài ý muốn, ngoài tầm tay của chúng con, chúng tôi. Kính mong chư Tôn Đức, quý Cô Bác, Anh Chị rộng lượng hỷ xả cho.

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa quý vị quan khách và Cô Bác, Anh Chị,

Khách quan mà nói, khóa học tuy không đạt được điểm ưu về tổ chức và điều hành, nhưng chắc chắn không xếp vào hạng liệt. Thành quả đạt được đầu nhỏ nhoi, chúng con, chúng tôi với danh nghĩa Ban Tổ Chức và Điều Hành khóa tu học thành kính tri ân chư Tôn Đức vì chúng con đến đây, hoàng dương chánh

pháp mặc dầu đường xá xa xôi, cánh trở và đa đoan Phật sự ở địa phương.

Chúng tôi ghi ơn Ông Thị Trưởng Hans Prechter và Ông Manfred Brandt đã tận tình giúp đỡ mọi mặt và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khóa tu học. Nếu không có sự trợ giúp này, chúng ta khó thành đạt được.

Chúng con tri ân Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN Đức đã chỉ đạo, theo dõi và nhắc nhở để kịp chấn chỉnh, tổ chức được hoàn bị.

Chúng tôi cảm ơn ông Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức, 14 Chi Hội Trưởng, 8 Gia Đình Phật Tử toàn Đức Quốc đã kề vai sát cánh bằng óc sáng tạo, bằng công sức xử dụng phương tiện với hình thức này hoặc hình thức khác để điểm tô khóa học được viên thành, không hổ thẹn với danh nghĩa người Phật Tử Đức.

Chúng tôi không quên cảm ơn các Chi Hội được phân công phụ trách ẩm thực, đã chu toàn vượt mức mong muốn. Đó là:

- Chi Hội München
- Chi Hội Nürnberg
- Chi Hội Reutlingen
- Chi Hội Rottweil
- Chi Hội Frankfurt, Wiesbaden, Aschaffenburg.

Ngoài ra Chi Hội Hannover, Ban Trai Soạn chùa Viên Giác, Chi Hội Karlsruhe, Chi Hội Mannheim tuy không có phân công trong Huấn Thị Điều Hành nhưng phát tâm đóng góp tịnh vật và công sức để các bữa ăn luôn đổi món và ngon miệng. Đặc biệt có rất nhiều Phật Tử ngoài giờ học, ngoài các ngày đảm trách ẩm thực như München, Nürnberg tự nguyện gia nhập vào Ban Trai Soạn, Hành Đường v.v... với việc làm không ngừng nghỉ từ sáng đến tối.

Chúng tôi chân thành cảm ơn toàn thể Cô Bác, Anh Chị tham dự viên đã ủng hộ tinh thần góp phần và chia sẻ trách nhiệm để khóa học được thành tựu viên mãn.

Không biết nói gì hơn, Ban Tổ Chức và Điều Hành chúng con, chúng tôi xin hồi hướng công đức lên Tam Bảo chúng mình và gia hộ cho toàn thể Phật Tử có mặt trong khóa tu học "vạn sự kiết tường".

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa quý vị quan khách - Cô Bác, Anh Chị,

Một lần nữa, trước khi dứt lời, thay mặt Ban Tổ Chức và Điều Hành khóa tu học, chúng con thành tâm nguyện cầu chư Phật gia hộ cho chư Tôn Đức được Pháp Thể khinh an - chúng sinh dị độ.

Kính chúc Ông Thị Trưởng Hans Prechter và Ông Manfred Brandt cùng bửu quyến được nhiều sức khỏe, hạnh phúc, may mắn, thành công rực rỡ trong chức vụ hiện tại, xứng đáng người đại diện được tập thể giao phó.

Chúng tôi cũng kính chúc toàn thể Cô Bác, Anh Chị Em bạn đạo tham dự khóa tu học này có thêm nhiều bạn mới, nhiều kỷ niệm đẹp, ghi nhớ và giữ đúng những lời giảng dạy, huấn từ của các bậc Tôn Sư, để xứng đáng là người con Phật.

Chúng con, chúng tôi xin được đón nhận những lời chỉ dạy và lắng nghe những ý kiến xây dựng có lợi ích chung

Nam-Mô A-Di-Đà Phật

*

* *

Chương trình bế giảng vào lúc 15 giờ chiều ngày 08.8.97 chia ra làm 2 phần:

Phần đầu tiếp đón chư Tôn Đức và quan khách. Sau đó là phát biểu cảm tưởng của Đạo Hữu Thiện An Nguyễn Kim Định, Hội Phó Nội Vụ Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức quốc, đồng thời là Chi Hội Trưởng của Chi Hội Phật Tử tại München và cũng là Trưởng Ban Tổ Chức cho khóa Tu Học này. Kế tiếp là Đạo Tử của Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Kế tiếp là Bà Thị Trưởng thứ 2 của Thành phố cũng như của Ông Brandt, người đã giúp đỡ cho khóa học một cách tận tình. Tiếp theo là phần tặng hoa cho quan khách cũng như lễ bế mạc và phát quà cho các em Oanh Vũ. Mọi người tiễn khách ra đi đồng thời cũng còn chút gì lưu luyến.

Phần hai được bắt đầu bằng nghi lễ cúng dường lên chư Tôn Đức Tăng Ni. Năm nay đại diện 14 Chi Hội tại Đức lên cúng dường; nhưng bình thường các khóa học khác do các học viên Đại Diện các nước lên dâng cúng. Số tịnh tài đóng góp cho việc cúng dường chư Tăng của quý Phật Tử lên hơn 19.200 Đức Mã. Số này phân chia ra để cúng dường cho 45 vị Tăng Ni trong khóa học.

Sau phần cúng dường là phát quà và lãnh bằng đã thi. Những vị không thi, chỉ làm công quả cũng có Bảng Ghi Công Đức, nhằm tưởng thưởng những người đã hy sinh thì giờ để lo cho khóa học. Các học viên đậu nhất Lớp 2, năm nay dành cho Pháp và Na Uy. Các học viên đậu nhất Lớp 1 gồm 1 Pháp và 2 người ở Đức.

Tiếp đến là phần phát biểu của Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Thượng Tọa Thích Nhất Chơn, Thượng Tọa Thích Thiện Huệ, Đại Đức Thích Nhật Trí, Tiến sĩ Lâm Như Tạng, và phía học viên đại diện cho 3 nước ngoài Âu Châu phát biểu cảm tưởng. Đó là Mỹ, Canada và Nga.

Số học viên tham dự năm nay gồm 10 nước Âu Châu và 3 nước ngoài Âu Châu. Tất cả đều cảm động và đã có nhiều người rơi lệ. Đây là lệ biệt ly như thường tình. Vì có hợp tức có tan. Trăng tròn rồi lại khuyết.

Sau cùng Thượng Tọa Thích Như Điển, trong cương vị lãnh đạo tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại Đức đã cảm tạ chư Tôn Đức Tăng Ni đã vì sự tu học của Phật Tử mà đã bỏ thì giờ cho 10 ngày qua, đến đây để giảng dạy cũng như khuyến tấn cho các Phật Tử tu học. Kế đến là tán thưởng các học viên cũng như Ban Tổ Chức của khóa học. Dĩ nhiên ở nơi nào cũng vậy và làm cái gì cũng thế. Có cử động là có phải và có quấy. Do vậy kỳ tổ chức này không phải chỉ toàn là những ưu điểm, mà khuyết điểm không phải là không có; nhưng mọi người ít muốn nhắc đến. Có lẽ để khuyến tấn những người còn trên đường học đạo chăng?

Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành cũng đã thông báo cho các học viên hiện diện là khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 10 năm tới sẽ được tổ chức tại Thụy Sĩ.

Ngoài ra trong khóa tu học kỳ này chư Tăng Ni cũng đã có 2 lần họp riêng để Thượng Tọa Trưởng Ban Điều Hành nhấn nhủ những điều cần thiết trong khi làm việc Đạo tại xứ người. Đồng

thời kiểm điểm những vấn đề hành chánh, nghi lễ và ngay cả vấn đề tài chánh trong khi điều khiển một ngôi chùa, một tổ chức. Quả đây là những điều rất cần yếu cho mọi người Tăng sĩ vậy.

Nghe đâu năm tới sẽ có thêm các khóa gần như huấn luyện trụ trì cũng được lồng vào trong khóa tu học này và có một số quý Phật Tử muốn ăn chay nhưng không biết nấu chay cũng mong mỗi Giáo Hội tổ chức khóa Nữ Công Gia Chánh cho những vị nào muốn nấu được những món chay ngon miệng. Kỳ này nhờ tinh thần sáng tạo và thi đua mà các Chi Hội đã trở tài nội trợ, nấu chay quá ngon miệng; nên nhiều người cũng đã phát tâm ăn chay trường. Quả điều ấy ích lợi không phải là nhỏ, so với một khóa học chỉ có 10 ngày.

Ni Sư Thích Nữ Thanh Hà cũng đã hướng dẫn khóa Tai Chi vào mỗi buổi sáng, cũng được nhiều người hưởng ứng. Ngoài ra Đại Đức Thích Lệ Nguyên cũng đã cho các học viên tham gia các môn bóng chuyền, bóng rổ và túc cầu trong sự hào hứng của mọi người; nhất là giới trẻ.

Ngày hôm sau 09.8.97 mới tờ mờ sáng, trời vẫn còn sương mù, 2 chiếc xe Bus đã đến đón các học viên để đi tham quan thành phố München cũng như Niệm Phật Đường Tâm Giác cùng với một số xe cá nhân của các học viên.

Một số khác ở lại lau dọn phòng ốc bên trong lẫn bên ngoài để trả lại vị trí nguyên ủy cho nhà trường như lúc chúng ta mới đến. Trong đó phải kể cực khổ nhất là Chi Hội München, Chi Hội Nürnberg và một số anh em Phật Tử tại Bá Linh cũng như một số cá nhân thiện chí khác tại nhiều địa phương khác nhau.

Đây là kết quả của bao nhiêu năm tháng đã đợi chờ cũng như thực hiện bốn phận của Giáo Hội đã giao phó. Các Chi Hội Phật Tử Mannheim, Karlsruhe, Freiburg, Berlin cũng đã đóng góp phần mình vào các khâu trang trí, thêu băng v.v... mọi người đã tích cực trong các công việc trên. Ngoài ra phần châm cứu, cũng như Tây y cũng không kém phần quan trọng. Ví dụ như Đạo Hữu Thiện Vân ngoài việc quay phim cho khóa học còn lo sức khỏe cho quý Thầy và quý học viên qua việc châm cứu, cũng như Đạo Hữu Lễ đến từ Thụy Sĩ. Trong khóa học này cũng có Bác sĩ Việt tên Đức và một Bác sĩ Việt Nam khác đến từ Đan Mạch dự khóa học này cũng đã tham gia tích cực trong vấn đề giúp đỡ cho các học viên về sức khỏe.

Lời nào để tán dương, ca ngợi hết các học viên cũng như Ban Tổ Chức đây! Chỉ có thể nói rằng giữa Gia Đình Phật Tử và các Chi Hội tại Đức đã cộng tác một cách đặc lực. Do vậy đã giúp cho các học viên có đầy đủ thì giờ và sức khỏe để theo tu và học trong suốt 10 ngày qua. Công đức thật vô lượng vô biên. Xin hồi hướng công đức này đến pháp giới chúng sanh cũng như Tây phương Tịnh độ. Nguyên làm một hạt giống lành để "Thiệu Long Thánh Chúng và chấn nhiếp ma quân". Đó là tâm niệm của mọi người con Phật vậy.

*
**



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

BẢNG GHI CÔNG ĐỨC

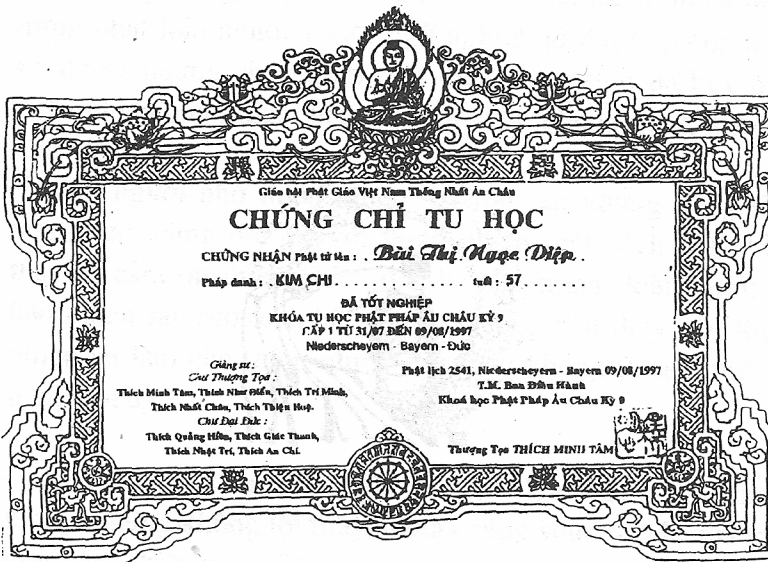
Phật tử: *Lý Trường Khang*

Pháp danh:

Đã tích cực góp phần công đức vào việc tổ chức Khóa học Phật Pháp
Âu Châu Kỳ 9 tại Niderscheyern - Bayern - Đức từ 31/7 đến 9/8/1997

Niderscheyern - Bayern ngày 09/08/1997
T.M. Ban Điều Hành
Khóa học Phật Pháp Âu Châu Kỳ 9

Thượng Tọa THÍCH MINH TÂM

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

CHỨNG CHỈ TU HỌC

CHUNG NHẬN PHẬT tử tên: *Bùi Thị Ngọc Diệp*


Pháp danh: *KIM CHU* tuổi: 57

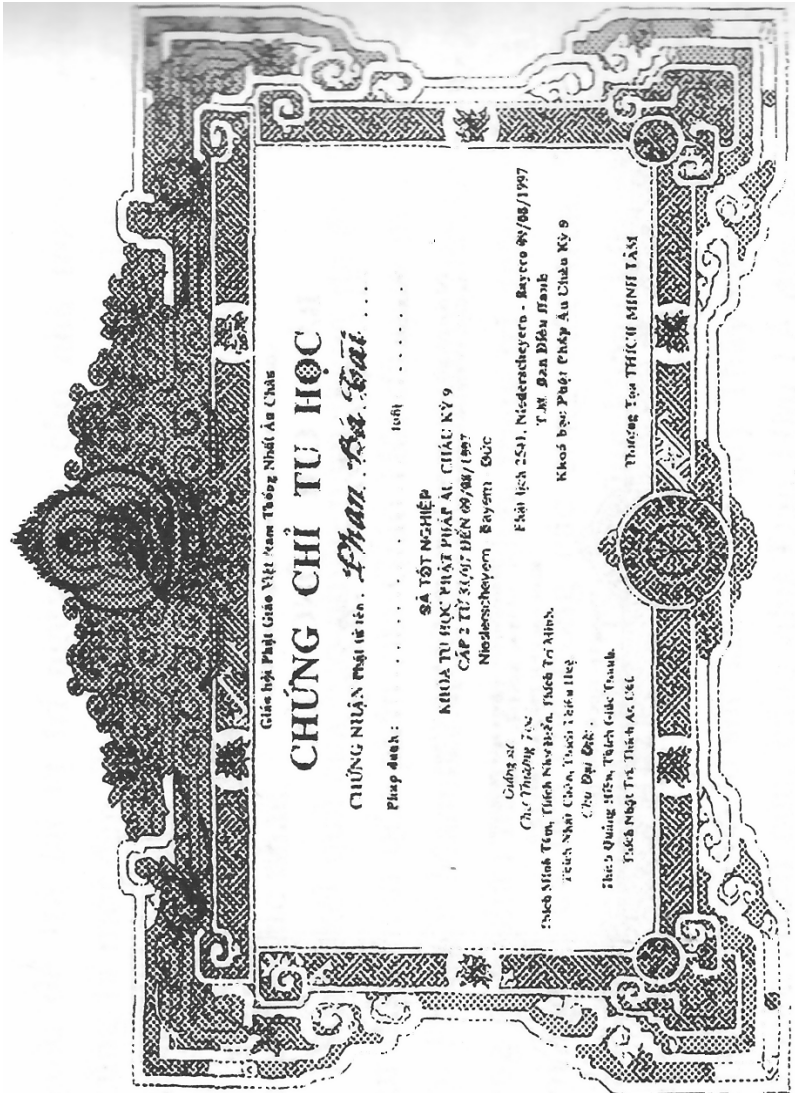
Đã TỐT NGHIỆP
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU KỲ 9
TẬP 1 TỪ 31/07 ĐẾN 09/08/1997
Niderscheyern - Bayern - Đức

Giảng sư: *Phật lịch 2541, Niderscheyern - Bayern 09/08/1997*
Thích Minh Tâm, Thích Như Niệm, Thích Trí Minh, T.M. Ban Điều Hành
Thích Nhất Châu, Thích Thiện Hợp, Khóa học Phật Pháp Âu Châu Kỳ 9

Chư Đại Đức: Thích Quảng Hòa, Thích Giác Thanh, Thích Nhật Trí, Thích An Chí

Thượng Tọa THÍCH MINH TÂM





Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

CHỨNG CHỈ TU HỌC

CHỨNG NHẬN ngời là tên: *Phan Ba Bai*

Pháp danh: (tên)

SÀ TỐT NGHIỆP

KHOA TU HỌC PHÁT PHÁP AI CHÁU KỶ 9

CẤP 2 TỪ 31/07 ĐẾN 08/08/1987

Niederscheyern, Bayern Đức

Ngày lịch 25.1. Niederscheyern - Bayern 08/08/1987

T. M. Đan Điền Frankfurt

Khoas học: Phật Cháy Âu Cháu KỶ 9

Giống sư

Ch. Trưởng 7.2

Thích Minh Tâm, Thích Như Chiếu, Thích Trí Minh,

Thích Như Chơn, Thích Trí Hải

Ch. Trụ Trì Đại Đức:

Thích Quảng Hiền, Thích Giác Tuân,

Thích Ngộ Từ, Thích An Lạc

Thượng Tòa THÍCH MINH TÂM

Lời kết

Mùa hạ năm nay (1997) tại Đức nói riêng và Âu Châu nói chung trời âm u và mưa vùn vũ suốt mấy tháng liền. Có nơi lụt lội ngập cả phố xá như Ba Lan, Tiệp và Đông Đức cũ. Còn phía Tây của Âu Châu cũng giông tố phũ phàng. Không biết thiên nhiên đang trừng phạt loài người về tội ngộ nghịch gì đây? chẳng ai trả lời được; nhưng chắc chắn một điều con người đã hủy hoại thiên nhiên quá nhiều; nên nắng mưa lại không đúng thời tiết như vậy.

Con người nhờ thiên nhiên mà tồn tại; nhưng đồng thời con người cũng đối xử với thiên nhiên một cách tàn nhẫn, thay vì cảm ơn thiên nhiên đã che chở mình, loài người có bao nhiêu rác rưởi cặn bã của cuộc sống đều thả vào thiên nhiên và làm cho thiên nhiên đau lòng không ít; nên mới ra nông nổi ấy.

Năm nay đã đến gần ngày tổ chức khóa giáo lý; nhưng thời tiết cũng không tốt mấy, ai nấy cũng sinh lo. Mà quả thật như vậy, chiều ngày 31.7.97 sau khi nhập học, trời đã giáng xuống một trận mưa không nhỏ, mọi người hồi hộp trông nhau và tự nhủ thầm... mong cho trời tạnh ráo để còn sinh hoạt ngoài trời nữa. Hôm ấy đã có nhiều người mặc áo lạnh. Nhưng một ngày sau, rồi một ngày sau nữa, khí hậu mùa hè lại trở về với khóa học. Bầu trời đẹp tuyệt vời, có ngày nhiệt độ bên ngoài lên đến 30

độ C. Quả thật "hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn" là vậy. Nếu mọi người đồng lòng cầu nguyện thì mọi vật sẽ thay đổi. Vì nhân lực cũng có khả năng thay đổi một vài sự kiện, huống gì là Tam Bảo lực, trong ấy có Phật lực thì oai linh biết dường nào.

Nhưng cũng lạ thay, chiều hôm bế mạc, ngày 08.8.97, trời lại mưa một trận nữa như để tiễn chân người con Phật trở về lại trụ xứ của mình, hay cũng để gội rửa những nhọc nhằn mà mấy ngày qua trên 600 người đã cố tâm dụng ý để tu học trong khung cảnh kỷ luật này. Nhưng đầu gì đi nữa thì mọi người cũng đã mãn nguyện lắm rồi.

Riêng tôi đã thử ra một cách nhẹ nhõm. Vì một bồn phạn đã làm xong, tuy không được chu toàn mấy. Vì lẽ có những điều chưa hoàn hảo như ý muốn. Tuy vậy phải cảm ơn tất cả mọi người về mọi phương diện mới có thể gặt hái được nhiều kết quả trong khóa giáo lý này.

- Thượng Tọa Thích Minh Tâm và chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni trong Ban Giảng Huấn đã bỏ ra rất nhiều thì giờ dạy dỗ cho chúng xuất gia cũng như tại gia. Ôn ấy xin nguyện trả và nghĩa ấy xin nguyện đền.

- Các học viên từ xa xôi đến nơi gần gũi đã vì niềm tin và lý tưởng của mình mà chịu khó chịu cực trong việc ăn, ngủ, cũng như chấp tác và học hành. Nghĩa cử ấy sẽ ghi đậm nét trong tâm khảm của chúng tôi, dầu cho không gian có vô tình hờ hững và thời gian có lặng lẽ trôi vào trong quên lãng đi chẳng nữa, cũng sẽ không bao giờ phai nhạt.

- Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, các Chi Hội Phật Tử tại Đức, đặc biệt là hai Chi Hội München

cũng như Nürnberg, Fürth, Erlangen đã vì một mục đích chung, mà quý vị đã thể hiện tinh đoàn kết cũng như nhất quán, đã thể hiện trọn vẹn tinh thần hộ đạo giúp đời. Hình ảnh ấy là hình ảnh đẹp nhất mà các học viên sau khi ra về vẫn còn mang nặng trong tâm thức của mình.

- Các anh chị em Huynh Trưởng trong Ban Hướng Dẫn Âu Châu, Đức Quốc và các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức cũng như các nước khác tại Âu Châu đã thể hiện trọn vẹn tinh thần Bi-Trí-Dũng của người Phật Tử trong suốt những ngày qua về các khâu tổ chức cũng như văn phòng và huấn luyện cho các Đoàn Sinh cũng như Oanh Vũ. Hình ảnh đẹp ấy sẽ là một tấm gương sáng cho thế hệ đi sau cần phải soi chung.

- Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử trong các khâu đi chợ mua sắm, tổ chức, chuyên chở, trai soạn, phát hành, phân phối, thông tin, liên lạc, dịch thuật, thủ quỹ v.v... tất cả là những nhíp cầu rất hài hòa để điều khách bộ hành đi vào con đường có gấm hoa, hương lạ. Công đức của quý vị thật khó có gì để sánh bằng.

- Nếu không có sự giúp đỡ của Thành phố Pfaffenhofen qua ông Thị Trưởng và ông Brandt cũng như người giới thiệu là Thành và Trang thì chắc chắn chúng ta sẽ không có một nơi lý tưởng như vậy để tu học suốt trong 10 ngày qua. Xin chân thành đa tạ về những tấm lòng vàng này.

- Viết xong, nếu không có người đánh máy, trang trí, in ấn và đóng thành sách, chắc chắn rằng quyển sách này sẽ không ra mắt được với mọi người và ngay cả việc dịch thuật chuyển ngữ sang Đức ngữ nữa. Vì vậy xin chấp tay cầu nguyện cho mọi

nhân duyên được thù thắng và chân thành đa tạ mọi tấm chân tình đã trợ duyên cho tác phẩm này được thành hình.

- Tất cả những độc giả gần xa của quyển sách này hay đối với cá nhân tôi, có vị đã vì tôi mà đọc, có vị đã vì sách mà tìm tòi giáo lý hay có vị vì ý mà quên lời, hẳn đến có nhiều vị vì tò mò hay muốn chê trách tôi lúc vụng về khi viết văn, diễn ý v.v... mà đọc, tất cả bấy nhiêu đó tấm thanh tình, dầu khen hay chê, cá nhân tôi xin vô vàn đa tạ. Vì lẽ người viết văn cũng giống như người bán hàng, lúc nào cũng muốn có người xem qua hay mua đến. Và chính quý vị là những người khách hàng quen thuộc hoặc mới hoặc lạ cũng đều có thể giúp cho người bán biết được giá trị món hàng của mình lúc đem ra mời chào khách.

- Nếu không có Tam Bảo, Thầy Tổ, mẹ cha, huynh đệ, pháp lữ, đệ tử v.v... thì chắc chắn rằng tôi sẽ không có được ngày hôm nay. Tất cả xin chân thành cảm niệm nơi sâu thẳm của nội tâm mình. Vì không có lời cảm ơn nào có thể diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa ấy.

Lời cuối xin nguyện cầu cho mọi người, mọi loài luôn luôn thể hiện tình thương và trí tuệ với nhau trên mọi mặt để cuộc đời vốn khổ đau này càng được xoa dịu hơn. Vì người Phật Tử chúng ta, nếu chưa mang đến được sự an lạc và giải thoát hoàn toàn cho kẻ khác thì tốt nhất chúng ta cũng đừng nên gây oán hận cho nhau để mãi mãi vẫn còn chìm sâu nơi cảnh luân hồi lục đạo, mà điều ấy, là người Phật Tử chân chính chúng ta phải cần hiểu biết để tránh xa, nhằm củng cố niềm tin cũng như sự sống của chính mình.

Hôm nay mùa Vu Lan báo hiếu đã về nhắc cho chúng ta nhớ đến ơn đức sanh thành của mẹ cha. Vì vậy xin chấp hai tay thành đóa sen màu nhiệm, dâng lên Tam Bảo và cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền hay cha mẹ nhiều đời đã quá vãng được cao đăng Phật quốc.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Viết xong vào lúc 8 giờ sáng ngày 17 tháng 8 năm 1997 nhằm ngày Rằm tháng Bảy năm Đinh Sửu nhân mùa tứ tử Phật lịch 2541 tại Thư phòng chùa Viên Giác.

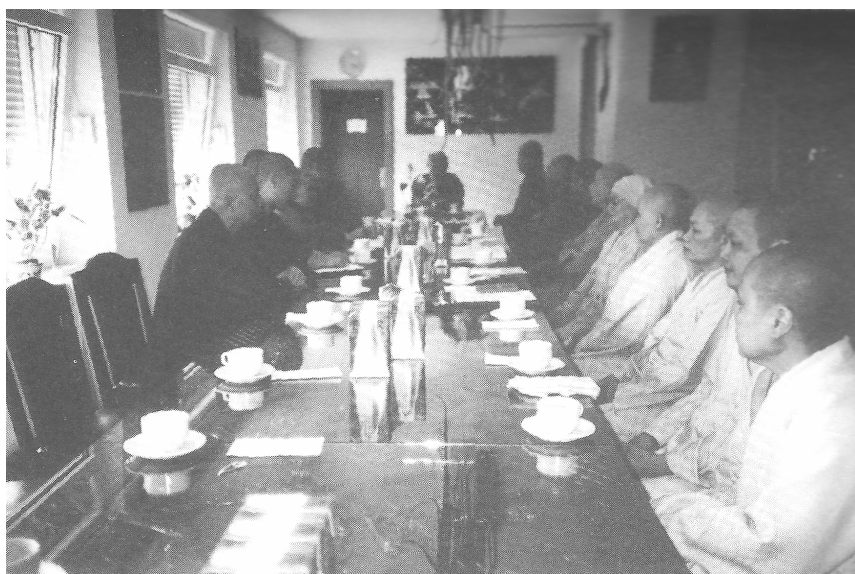
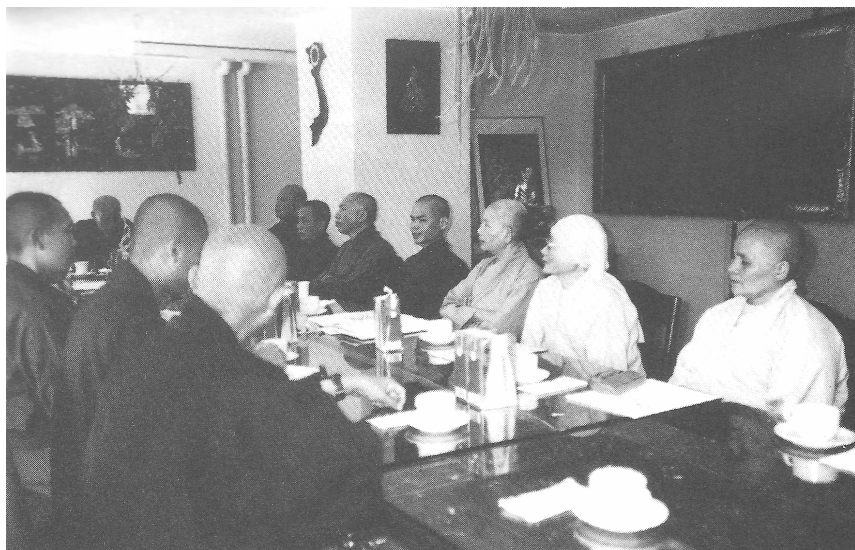
Tác giả căn chí: Thích Như Điển

Hình Ảnh

Phiên họp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu
Châu tại chùa Viên Giác vào ngày 30. 7. 1997

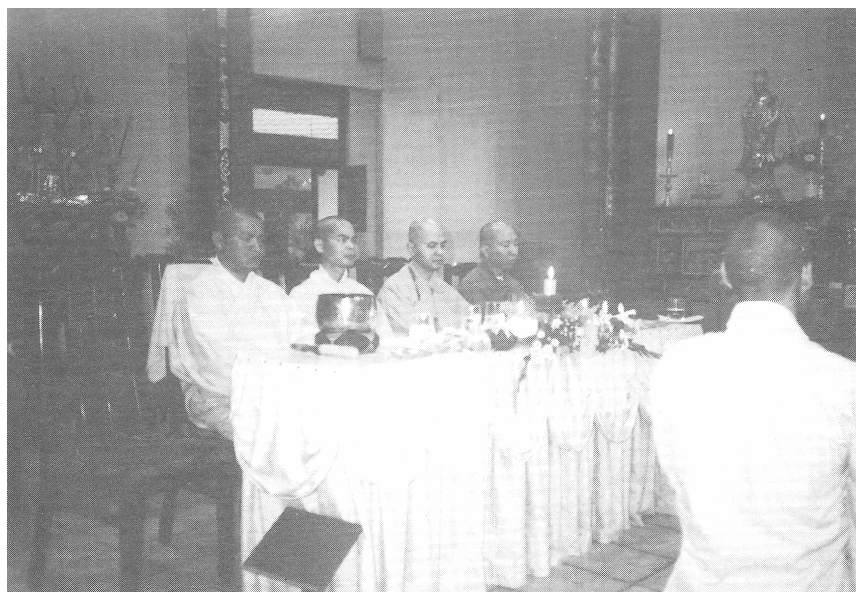






**Các giới tử Thọ Sa Di Giới
tại chùa Viên Giác ngày 31. 7. 1997**



















Chư Giới Sư, các Giới Tử và các Phật Tử chụp hình lưu niệm



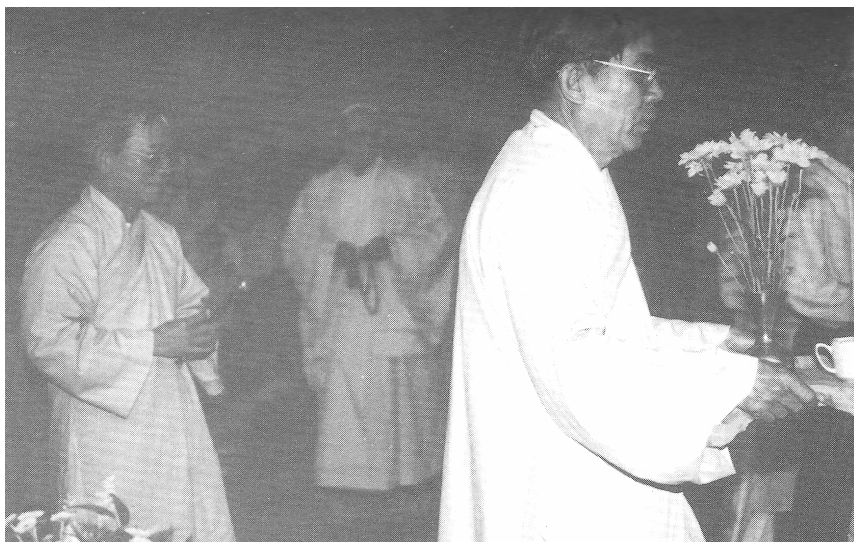
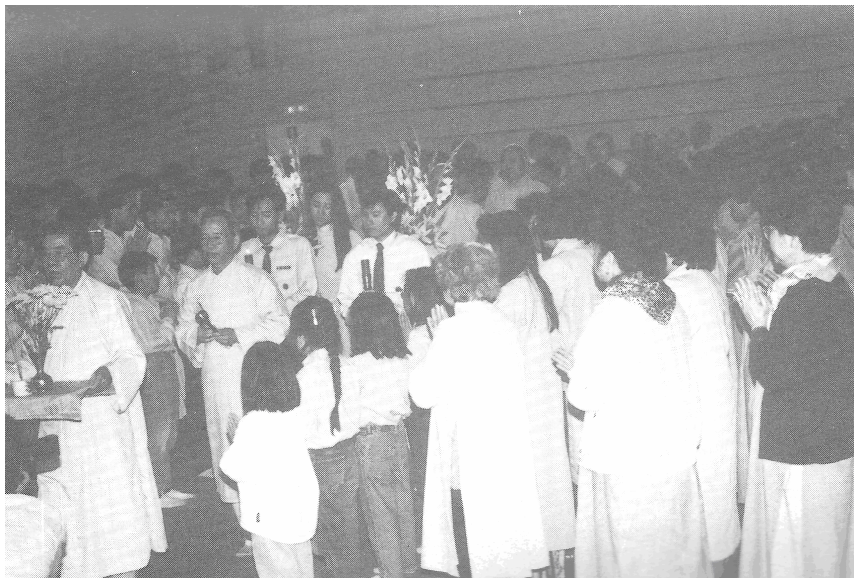




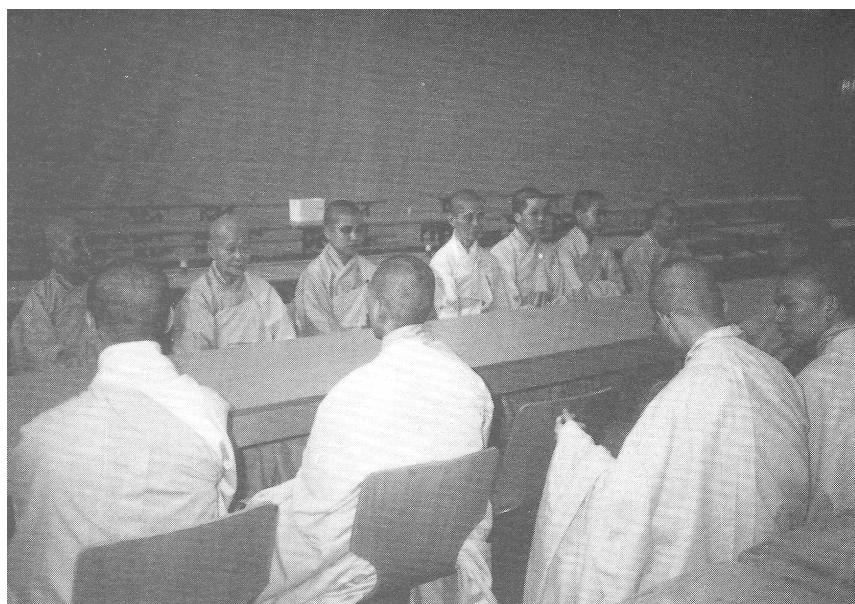
**Lễ xuất gia của chú Hạnh Định
ngày 31.7. 1997 tại chùa Viên Giác**



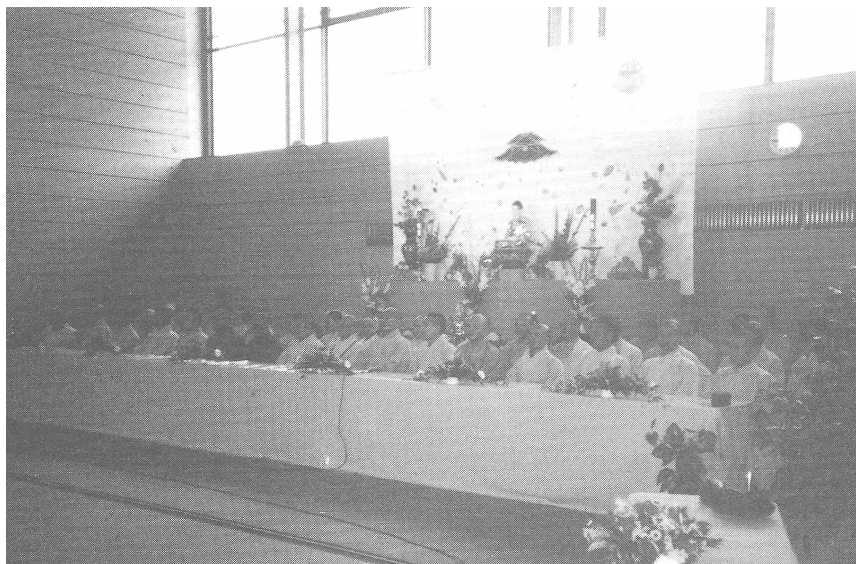
**Lễ khai giảng và Lễ bế giảng khóa tu học Phật Pháp Âu Châu
kỳ 9 tại Pfaffenhofen - Đức
từ ngày 31. 7. 1997 đến ngày 09. 08. 1997.**



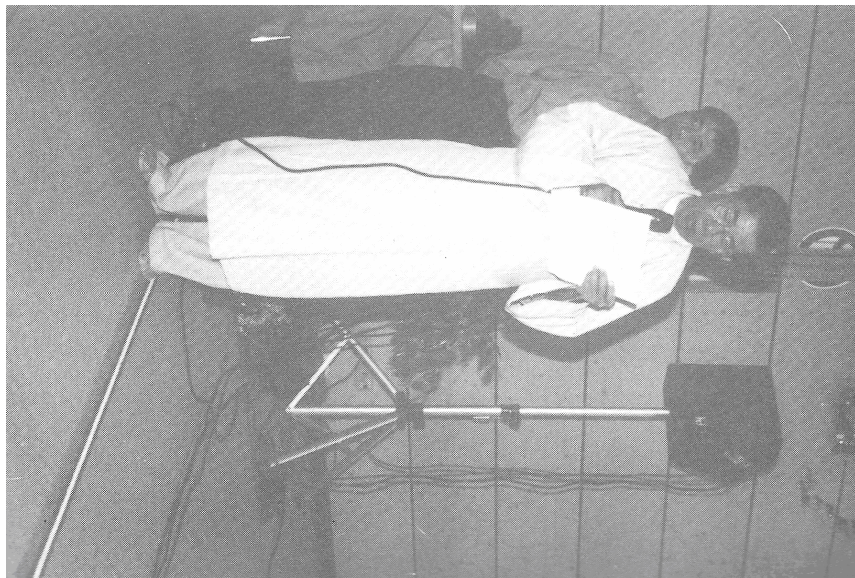












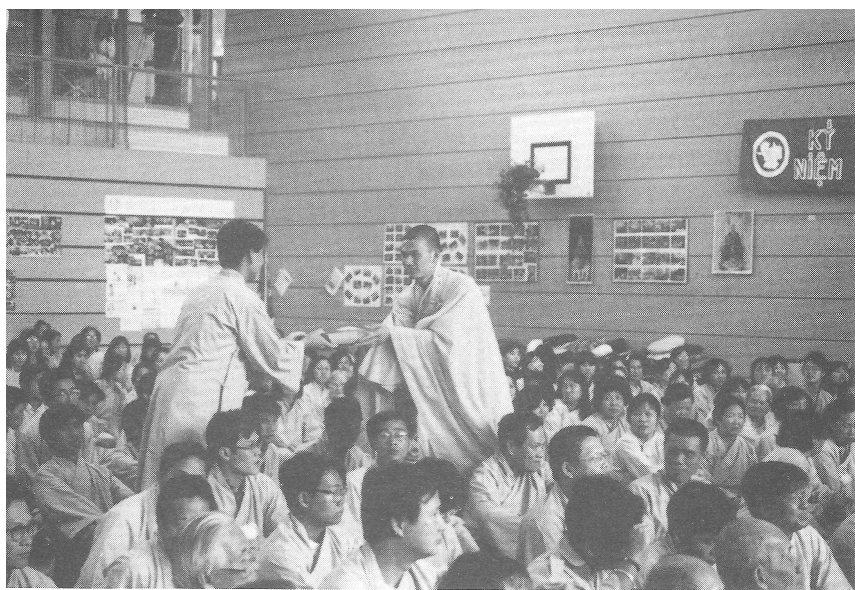






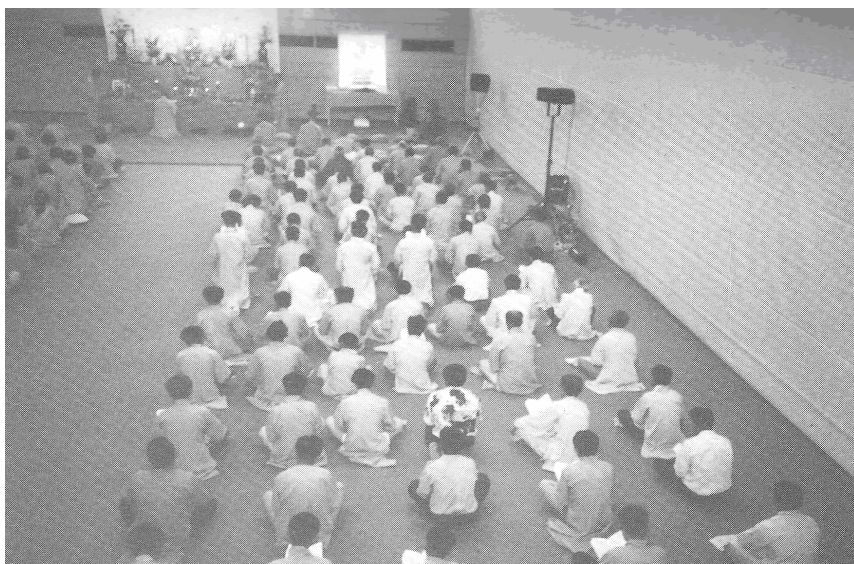


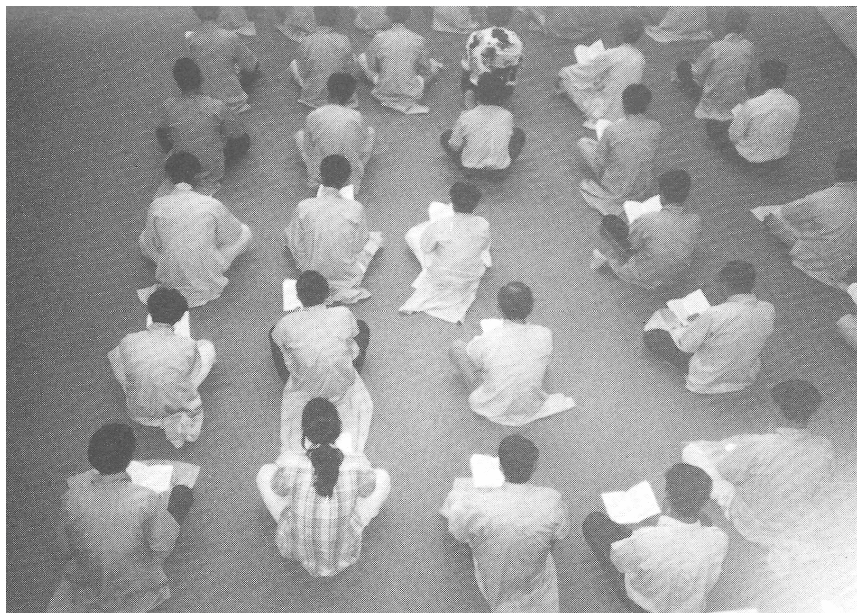
Ông Brandt và Bà Thị Trưởng thứ 2 của thành phố Pfaffenhofen nhân hoa cảm ơn nhân lễ bế mạc

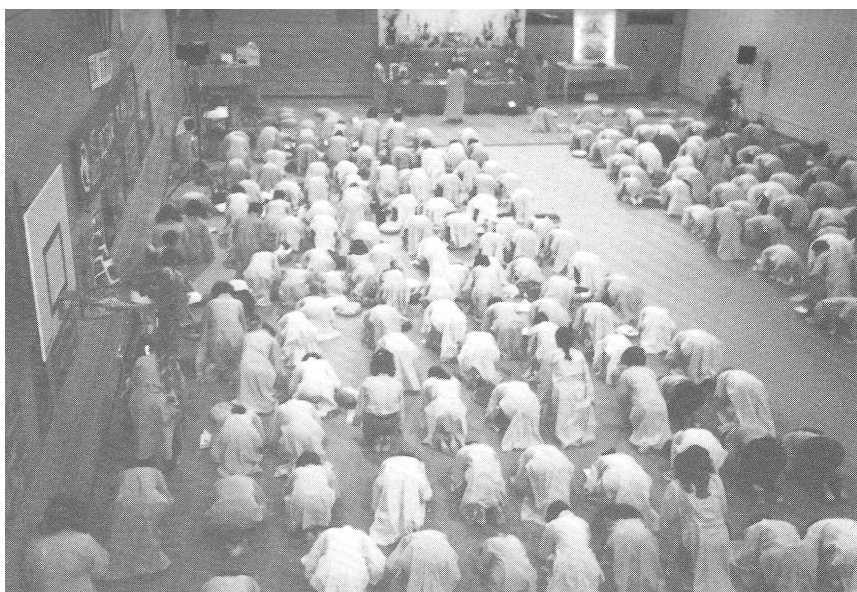


Các tham dự viên lãnh phần thưởng sau khóa học

Tu và Học cũng như Tụng Kinh và Quá Đường trong khóa học









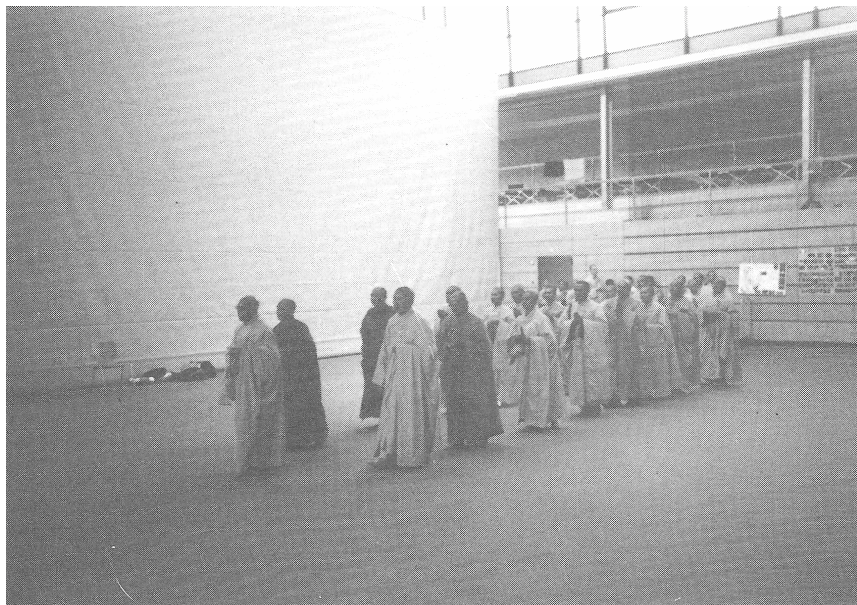


*
**

Lễ Quá Đường và kinh hành nhiều Phật

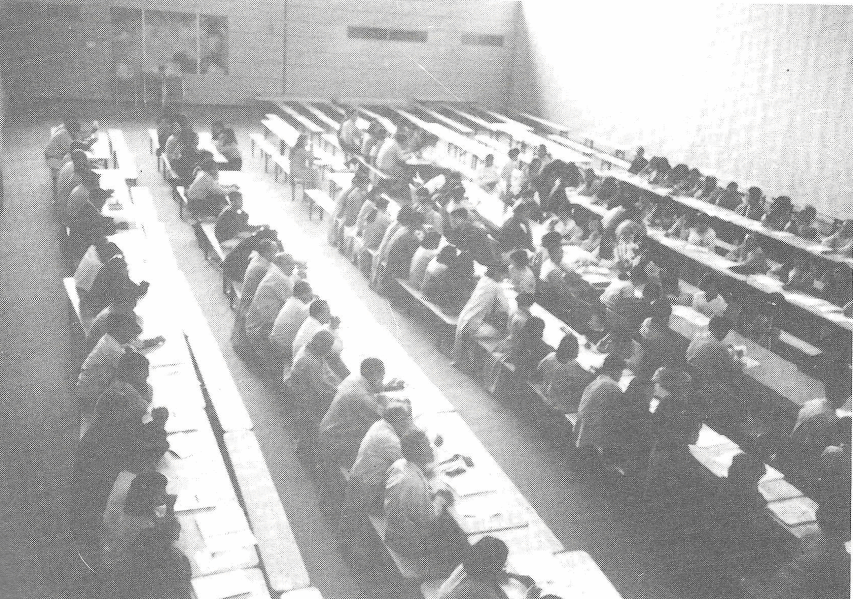




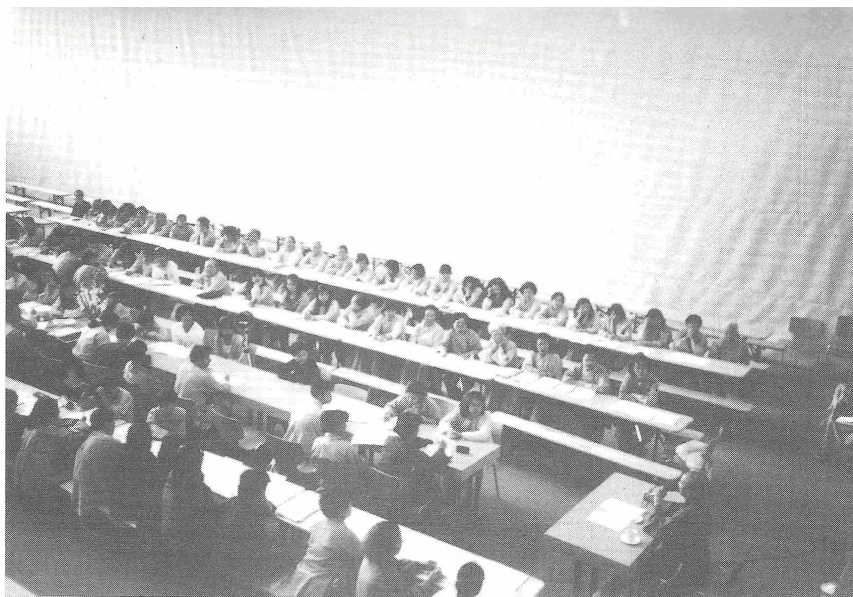




Một lớp học của giới xuất gia do Thượng Tọa Thích Thiện Huệ hướng dẫn



Lớp học của các Phật tử tại gia

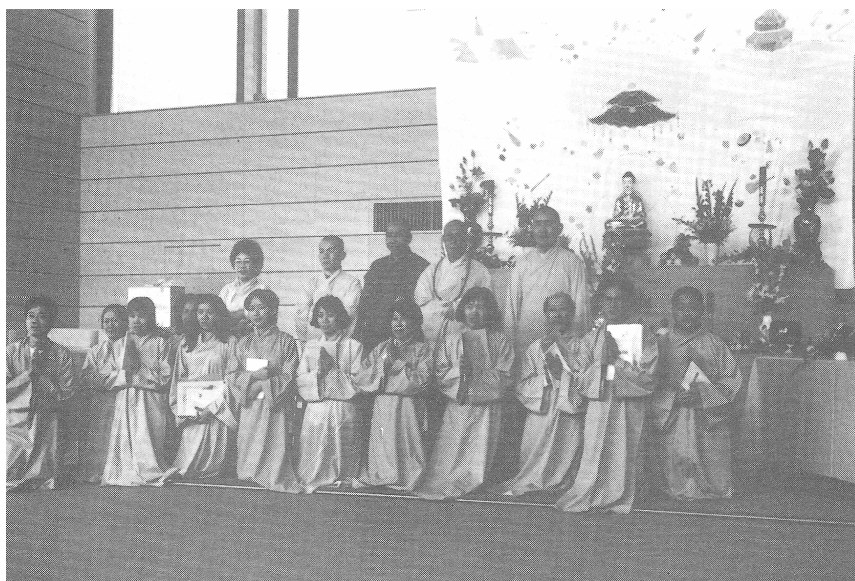


Lớp học của các Phật Tử tại gia

*
**

LỄ THỌ BỒ TÁT GIỚI CỦA HƠN 100 GIỚI TỬ





Lễ thọ cấp của các Huynh Trưởng





**Văn nghệ kỷ niệm 10 năm
Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức**















CÙNG MỘT TÁC GIẢ

• Truyện cổ Việt Nam Tập 1 & 2	Nhật ngữ	74, 75
• Giọt mưa đầu hạ	Việt ngữ	1979
• Lịch sử Phật Giáo Việt Nam hải ngoại trước và sau năm 1975	Việt & Đức ngữ	1982
• Cuộc đời người Tăng sĩ	Việt & Đức ngữ	1983
• Lễ nhạc Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1984
• Tình đời nghĩa đạo	Việt ngữ	1985
• Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1985
• Đời sống tinh thần của Phật tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
• Đường không biên giới	Việt & Đức ngữ	1987
• Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
• Lòng tử Đức Phật	Việt ngữ	1989
• Nghiên cứu giáo đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy 1,2 & 3	Việt & Đức ngữ	90,91,92
• Tường thuật về Đại hội Tăng Già Phật Giáo Thế Giới kỳ 5 khóa I tại Hannover - Đức Quốc	Việt - Anh- Đức ngữ	1993
• Giũa chốn cung vàng	Việt ngữ	1994
• Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
• Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
• Chùa Quan Âm (Canada)	Việt ngữ	1996
• Phật Giáo và con người	Việt & Đức ngữ	1996
• Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu Kỳ 9	Việt ngữ	1997

Sẽ Xuất Bản

Sống và Chết theo quan niệm của Phật Giáo (Mở đầu)